**Ngày soạn: 03/09/ 2023 TUẦN 1**

**Ngày dạy: 06/09/2023**

**CHỦ ĐỀ 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**Số tiết:** 13 tiết

**TIẾT 1-2-3: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1-BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**(Nguyễn Quang Thiều)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Biết cách đọc một văn bản thuộc thể loại truyện

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.

- Nhận biết được đề tài và các chi tiết tiêu biểu trong cốt truyện của văn bản.

- Nhận biết được ngôi kể, phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vât.

- Xác định được tính cách của các nhân vật trong văn bản, đồng thời phân tích các phương tiện được tác giả sử dụng để xây dựng tính cách cho các nhân vật đó.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b. Năng lực riêng:**

- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại tuyện.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức bảo vệ những sự sống bình dị, nhỏ bé từ thiên nhiên quanh ta. Biết yêu quí và trân trọng những năm tháng tuổi thơ mình đã đang trải qua.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 5P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Hãy kể tên những văn bản đã học( trong chương trình Ngữ văn 6) có sự xuất hiện của các loài chim?

*\* Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời*

*\* Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả*

*\* Dự kiến: lacki, Hang én, Cây khế*

*\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học: rất nhiều các tác phẩm văn chương từ văn đến thơ, từ truyện cổ tích cho đến các văn bản truyện hiện đại, từ cổ chí kim và từ đông qua tây đều có hình ảnh của những chú chim. Không phải ngẫu nhiên là vì thế mà có lẽ hình ảnh của những chú chim, hình ảnh rất gần gũi, bình dị, thân thuộc với mỗi chúng ta trong cuộc sống và đặc biệt quen thuộc với tuổi thơ. Ngày hôm nay, trong văn bản đầu tiên của chủ đề bầu trời tuổi thơ chúng ta sẽ được tìm hiểu một văn bản truyện rất thú vị của tác giả Nguyễn quang Thiều “….”, chúng ta sẽ được tìm hiểu thêm một loài chim khác nữa bình dị và quen thuộc với làng quê với tuổi thơ của nhiều thế hệ “chim chìa vôi’, truyện có điều gì thú vị, chúng ta sẽ đi tìm hiểu nhé*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 35P)**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ như thể thơ; ngôn ngữ thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ,...

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  \* Chuyển giao nhiệm vụ:  Đọc tri thức ngữ văn trang 10/ sgk  1, Em hiểu thế nào là đề tài của tác phẩm văn học ?  2, Cách xác định đề tài?  \* Thực hiện nhiệm vụ:  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  \* Báo cáo kết quả:  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  \* Kết luận, đánh giá:  - HS, GV đánh giá, nhận xét.    Ví dụ: Hãy xác định đề tài của các tác phẩm sau:  Văn bản Đề tài  Bài học đường đời đầu tiên. - >Cuộc sống của các loài vật. Tình bạn.  Cô bé bán diêm. ->Những mảnh đời bất hạnh. Trẻ em.  Cây khế. -> Gia đình., Tình anh em.  Mây và sóng ->Tình mẫu tử , Trẻ em  - Mỗi văn bản có thể có nhiều đề tài, trong đó có một đề tài chính.  Đề tài và chủ đề của một tác phẩm khác nhau như thế nào?  Ví dụ Truyện Thánh Gióng có đề tài là đánh giặc cứu nước. Chủ đề của truyện Thánh Gióng là thể hiện mơ ước và sự tôn kính của nhân dân về người anh hùng cứu nước với những phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, dũng cảm, không màng danh lợi.  Chi tiết trong tác phẩm là gì?  Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng trong tác phẩm văn học (thiên nhiên, con người, sự kiện)  Vai trò của chi tiết trong tác phẩm?  + Với tác phẩm: tái hiện sống động hoàn cảnh đặc điểm các nhân vật, các sự việc trong câu chuyện làm tăng sức hấp dẫn của tác phẩm.  + Với tác giả: thiện tư tưởng, cảm xúc và tài năng của nhà văn.  Hãy xác định ý nghĩa của các chi tiết sau trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”  1, Đôi cánh Dế Mèn dài kín tận chấm đuôi, vỗ lên nghe phành phạch, giòn giã.  =>Tái hiện sinh động ngoại hình Dế Mèn thể hiện sự trưởng thành nhanh chóng sống cùng vẻ ngoài đẹp đẽ của nhân vật.  2, Dế Mèn quát mấy chị Cào Cào và đá anh Gọng Vó.  => Tái hiện cử chỉ, hành động của Dế Mèn qua đó cho ta thấy tính cách bồng bột, kiêu ngạo, hung hăng của nhân vật.  3, Dễ Mèn đứng lặng giờ lâu nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.  =>Tái hiện tư thế, suy nghĩ, cảm xúc của Dế Mèn sau khi gây ra cái chết của Dế Choắt qua đó thể hiện sự ăn năn, day dứt của Dế Mèn trước bài học đường đời đầu tiên thấm thía và sâu sắc.  **\* thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **GV có thể bổ sung thêm:**  ? Tính cách nhân vật là gì?  Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật đó.  ? Cách xác định tính cách nhân vật?  Hãy nêu tính cách của các nhân vật trong các văn bản đã học dưới đây:  + Nhân vật cáo trong “Nếu cậu muốn có một người bạn”  => Có hiểu biết và kinh nghiệm sâu sắc luôn chân thành và khát khao tìm bạn.  + Nhân vật Lý Thông trong truyện Thạch Sanh.  Ích kỷ, độc ác tham lam, gian sảo, hèn nhát  + Nhân vật Sơn trong “Gió lạnh đầu mùa”.  => Là cậu bé có tâm hồn ngây thơ trong sáng và tấm lòng nhân hậu.  + Nhân vật người anh trai trong “ Bức tranh của em gái tôi”.  =>Là cậu bé hồn nhiên, có lúc đố kỵ, ganh ghét với người khác nhưng biết vượt lên để hoàn thiện nhân cách. | **1. Đề tài và chi tiết**  **a. Đề tài**  \*Khái niệm: Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học.  \* Cách xác định đề tài.  Trả lời câu hỏi sau:  Phạm vi hiện thực nào được thể hiện/ miêu tả trong tác phẩm?  Nhân vật trung tâm của tác phẩm là ai?  **b. Chi tiết**  \*Khái niệm: Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng trong tác phẩm văn học (thiên nhiên, con người, sự kiện)  - Vai trò của chi tiết trong tác phẩm:  + Với tác phẩm: tái hiện sống động hoàn cảnh đặc điểm các nhân vật, các sự việc trong câu chuyện làm tăng sức hấp dẫn của tác phẩm.  + Với tác giả: thể hiện tư tưởng, cảm xúc và tài năng của nhà văn.    **2, Tính cách nhân vật**  a)Tính cách nhân vật là gì?  Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật đó.  b)Cách xác định tính cách nhân vật. |

**ĐỌC VĂN BẢN : VĂN BẢN 1. BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**(Nguyễn Quang Thiều)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Yêu cầu cần đạt**

- học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 8P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***+ Kể những trải nghiệm về tuổi thơ của em?

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

*- HS: trả lời*

*- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết*

***\* Dự kiến sản phẩm:***

*\* Báo cáo kết quả: HS trả lời cá nhân*

*\* Đánh giá kết quả:*

*- HS nhận xét, bổ sung đánh giá*

*Rất nhiều các tác phẩm văn chương từ văn đến thơ, từ truyện cổ tích cho đến các văn bản truyện hiện đại, từ cổ chí kim và từ đông qua tây đều có hình ảnh của những chú chim. Không phải ngẫu nhiên là vì thế mà có lẽ hình ảnh của những chú chim, hình ảnh rất gần gũi, bình dị, thân thuộc với mỗi chúng ta trong cuộc sống và đặc biệt quen thuộc với tuổi thơ. Ngày hôm nay, trong văn bản đầu tiên của chủ đề bầu trời tuổi thơ chúng ta sẽ được tìm hiểu một văn bản truyện rất thú vị của tác giả Nguyễn quang Thiều “….”, chúng ta sẽ được tìm hiểu thêm một loài chim khác nữa bình dị và quen thuộc với làng quê với tuổi thơ của nhiều thế hệ “chim chìa vôi’, truyện có điều gì thú vị, chúng ta sẽ đi tìm hiểu nhé.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 73P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **1. Mục tiêu:** học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt chính |  | | Ngôi kể |  | | Nhân vật |  | | Các sự việc chính |  | | Bố cục |  |   ***\* Dự kiến sản phẩm***  - HS nghe, thảo luận.  **\* Báo cáo kết quả**  - Nhân vật chính: trẻ em;  - Phương thức biểu đạt: trữ tình kết hợp tự sự và miêu tả;  - Bố cục: 2 phần  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Hãy chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật trong đoạn văn sau: “ Trôi đến đoạn sông cách bến đò làng chúng chừng gần hai cây số con đò mới tạt được vào bờ.  Vào bờ rồi anh ơi.- Thằng Mon kêu lên sung sướng.  - Chứ còn sao. – Lúc này giọng thằng Mên tỏ vẻ rất người lớn.  - Nào xuống đò được rồi đấy.”  Dự kiến sản phẩm:  Lời người kể chuyện bao gồm:  + “ Trôi đến đoạn sông cách bến đò làng chúng chừng gần hai cây số con đò mới tạt được vào bờ.”  + “Thằng Mon kêu lên sung sướng.”  + “Lúc này giọng thằng Mên tỏ vẻ rất người lớn.”  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Sắp xếp các sự việc dưới đây cho phù hợp với trình tự cốt truyện.  + Trời gần sáng mà vẫn không ngớt, hai anh em Mên Mon lo lắng tổ chim chìa vôi sẽ bị chìm mất. Dù có suy nghĩ đi cứu tổ chim chìa vôi nhưng Mên và Mon không biết làm cách nào mới ra được dải cát giữa sông.  + Vào một đêm mưa to, hai anh em Mên và Mon trò chuyện về việc nước sông lên cao và tập tính làm tổ, nuôi con ở dải cát giữa sông của bầy chim chìa vôi.  + Hai đứa bé quyết định trốn bố, lấy đò chèo ra bãi sông cứu lũ chim ngay trong đêm mưa.  + Hai anh em không ra được bãi sông vì mưa lớn, nước chảy xiết nhưng khi bình minh ló rạng, hai anh em chứng kiến khoảnh khắc những chú chim non cất mình bay lên khỏi mặt nước, vào bờ an toàn. Cả hai cùng sung sướng, lặng lẽ khóc.  **GV bổ sung:**  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu nhân vật hai anh em Mên và Mon qua hai chặng:  + Cuộc trò chuyện của hai anh em trong đêm mưa.  + Tâm trạng của Mên và Mon trong buổi sáng hôm sau.;  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **1, Cuộc trò chuyện của hai anh em trong đêm mưa.**  + Cuộc trò chuyện đầu tiên của hai anh em.  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Sau khi đọc xong văn bản, hãy nêu những thông tin mà em tìm được về hai nhân vật Men và Mon.  **\*Dự kiến sản phẩm:**  + Sống ở một ngôi làng ven sông.  + Hai cậu bé đều biết về sự tồn tại của bầy chim chìa vôi ở dải cát giữa sông, đồng thời cũng rất tò mò, lo lắng về việc liệu bầy chim chìa voi non có kịp cất cánh bay khi nước sông ngập dải cát.  => Chúng đều là những đứa trẻ ngây thơ, hồn nhiên, biết yêu thương nhau và yêu thương loài vật.  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Cuộc trò chuyện đầu tiên của hai anh em.  1, Cuộc trò chuyện đầu tiên của hai anh em diễn ra trong hoàn cảnh nào?  2, Cậu bé Mon đã đặt những câu hỏi như thế nào cho anh? Em nhận xét gì về những câu hỏi của nhân vật này? Qua những câu hỏi đó em thấy Mon là người như thế nào?  3, Mên đã trả lời các câu hỏi của em với thái độ ra sao? Theo em tại sao Mên lại có thái độ đó?  4, Qua cuộc trò chuyện đầu tiên, em nhận xét được gì về tính cách hai anh em Mên và Mon?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  1, + Hoàn cảnh:  Thời gian: “ Khoảng hai giờ sáng”.  Không gian: “ Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to.”=> trong một đêm mưa và cả hai anh em Mên, Mon đều chưa ngủ.  2, Những câu hỏi liên tiếp của Mon:  + “Anh bảo mưa có to không không?”  + “ Nhưng anh bảo nước song lên có to không?’  + “ Thế bãi cát giữa sông đã ngập chưa?”  + “ Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất?”  + “ Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?  Trong những lời nói của Mon, cứ lặp đi lặp lại cụm từ “anh bảo…” gợi lên cái non nớt, đáng yêu của cậu bé tựa một chú chim non đang líu lo tập hót.  =>Những câu hỏi tu từ vu vơ, xa xôi dần dần tập trung vào trọng điểm thông tin, vào mối quan tâm và lo lắng chính trong lòng cậu bé: những chú chim chìa vôi non.  =>Mon là chú bé có một tâm hồn trong sáng, một trái tim nhân hậu, giàu tình thương với loài vật.  3, Những câu trả lời của Mên:  + Cũng thức dậy từ lâu lắm rồi, kiên nhẫn trả lời những câu hỏi của em nhưng đôi khi Mên gắt lên với Mon.=> Mên gắt lên với em không chỉ bởi những câu hỏi ngô nghe của Mon, mà bởi trong lòng cậu cũng đang tràn ngập lo âu cho những con chìa vôi non.  Giọng Mên:  + Vừa thảng thốt xác nhận một sự thật khách quan: “ Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi.”  +Vừa thú nhận cảm xúc trật trong lòng “tao cũng sợ”.  -> Mên là anh, có phần hiểu biết , trưởng thành hơn Mon, nhưng vẫn là một đứa trẻ hồn nhiên, giàu tình thương. Cậu cũng có chung sự quan tâm, lo lắng cho lũ chim non với em mình.  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Cuộc trò chuyện thứ hai trong đêm mưa của hai anh em.**  1, Ở cuộc trò chuyện thứ hai trong đêm mưa, Mon và Mên đã kể những câu chuyện gì?  2, Mon đã hỏi anh và kể những điều gì? Tại sao Mon lại chuyển hướng câu chuyện từ chuyện lũ chim chìa vôi đến chuyện con cá bống? Mon đã đưa ra biện pháp gì để giải quyết nỗi lo lắng chung về bầy chim non của hai anh em?  3, Mên có trả lời được hết những câu hỏi của em không? Em nhận xét gì về suy nghĩ và tâm trạng của Mên trong cuộc trò chuyện thứ hai?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  Dự kiến sản phẩm:  1, Nhân vật Mon  Chuyện về lũ chim chìa vôi:  + Hỏi anh “đã thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?  + Lo lắng vì sợ “ Tổ chim sẽ bị chìm mất”.  + Gợi ý về giải pháp: “ Hay mình mang chúng nó vào bờ.” nhưng lại không biết thực hiện như thế nào.  =>Nỗi lo lắng cho bầy chim non một tăng cao khi trời mưa không ngớt nên Mon đã chủ động và bạo dạn hơn so với cuộc nói chuyện đầu tiên.  Chuyện về con cá bống:  + Mon lại chuyển sang chuyện về con cá bống bố bắt được-> rất ngây thơ, hồn nhiên.  + Mon thấy cá bống đẹp liền lấy trộm cá, mang ra song thả đi-> tâm hồn nhân hậu, yêu thương loài vật.  Chuyện về lũ chim chìa vôi:  + Nỗi lo âu ngập tràn trong giọng nói: “tổ chim ngập mất.”  + Từ lời gợi ý rụt rè->một câu khẳng định, một quyết định dứt khoát: “Mình phải mang chúng nó vào bờ”.  + Thay vì hỏi anh cách làm. Mon đưa ra câu trả lời chắc chắn “ Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi”  =>Câu chuyện về con cá bống, cái hốc cắm sào đò đã làm lóe lên trong tâm trí cậu bé cách thức vượt song ra bãi cát để cứu lũ chim.  =>Nỗi lo cho lũ chim, tâm hồn trong sáng, nhân hậu đã thôi thúc khiến cậu bé trở nên sáng suốt, tự tin, quyết đoán lạ thường. Cậu đã tìm ra cách thức, phương tiện và dứt khoát thực hiện hành động để đi cứu bầy chim non.  2, Nhân vật Mên.  Thay vì trả lời em, Mên cũng băn khoăn với các câu hỏi:  + “Làm thế nào bây giờ?”  + “Làm sao mà lội ra đấy được.  + “Đi bây giờ à?”  ->Mên cũng rất lo cho bầy chim non nhưng không tìm được biện pháp để ra bãi sông một cách an ->Không hẳn là Mên không nghĩ ra phải đi dò ra song nhưng cậu hiểu những nguy hiểm của việc chèo đò vào đêm khuya, dưới trời mưa lớn, nước song lại đang dâng cao.  =>Câu hỏi “ Đi bây giờ à?” cất lên sau một phút im lặng cho thấy cậu đã dứt khoát gạt đi nỗi sợ hãi để quyết thực hiện hành động giải cứu bầy chim non cùng Mon.  \* Kết luận, đánh giá:  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **2, Tâm trạng của hai anh em vào buổi sáng hôm sau**  a, Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu tâm trạng của hai anh em vào buổi sáng hôm sau  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  \* Chuyển giao nhiệm vụ  1, Em hãy nêu hoàn cảnh cụ thể của hai anh em Mên và Mon trong buổi sáng ngày hôm sau?  2, Khi thuyền vừa cập bờ, Mên và Mon đã có những hành động gì?  3, Hãy chỉ ra hành động và cảm xúc của hai anh em Mên, Mon ở những khoảnh khắc sau: khi bình minh lên, khi chứng kiến chim non quyết liệt đập cánh bay lên và khi đàn chim đã bay vào bờ an toàn.  4, Theo dõi đoạn kết của truyện, hãy cho biết tại sao hai anh em Mên Mon đều khóc?  \* Thực hiện nhiệm vụ:  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  \* Báo cáo kết quả:  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  + Khi thuyền vừa cập bến:  Mon: Sung sướng vì hai anh em vừa “thoát nạn”  + Trở về là đứa em hồn nhiên, ngây thơ liên tiếp đặt các câu hỏi cho anh.  “ Mình để đò ở đây hả anh?”  “ Cái dải cát chưa chìm đâu anh nhỉ?”  “ Thế anh bảo đã ngập hết chưa?”  “ Ướt cánh, chim nó có bay được không?  Mên:  + Mên lại “tỏ vẻ rất người lớn” khi đưa ra những quyết định dứt khoát: “ Phải kéo đò về bến chứ…bây giờ tao kéo, mày đấy”  + Hành động mạnh mẽ: “ quấn cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo”.  + Đưa ra những câu trả lời chắc, gọn, quả quyết cho các câu hỏi của em mình.  Khi bình minh lên:  + Nhìn thấy:  Dải cát giữa sông chỉ còn lại một khoảng rộng bằng cái mũ, dòng nước khổng lồ đang dần nuốt chửng khoảng đất nhỏ bé ấy.  Những cánh chim bé bỏng, ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước mà bay lên.  =>Một cảnh tượng như huyền thoại.  + Cảm thấy:  Hai đứa bé không kêu lên được một tiếng nào. Người chúng như đang ngùn ngụt toả hơi nóng.  Ngạc nhiên trước khung cảnh kì lạ, xúc động và hồi hộp dõi theo từng nhịp đập của những cánh chim đang thoát lên khỏi dòng nước  + Khi chứng kiến chim non quyết liệt đập cánh bay lên.  Nhìn thấy:  Chú chim non đuối sức, đôi cánh chợt dừng lại và rơi xuống “như một chiếc lá”.  Nhưng vào khoảnh khắc đôi chân vừa chạm nước “đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định”. Chim non đã bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao.  Cảm thấy:  Không gian xung quanh hoàn toàn tĩnh lặng, chỉ còn “tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non.”  Hai anh em “nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim hối hả nhưng đều đặn.”  => Sự tập trung cao độ, cảm giác hồi hộp, căng thẳng và sợ hãi.  + Khi nhìn thấy đàn chim đã bay vào bờ an toàn  Hai anh em Mên và Mon:  Hai đứa vẫn đứng không nhúc nhích và trên gương mặt tái nhợt đã hửng lên ánh ngày: gương mặt rạng rỡ vì niềm vui.  Cả hai anh em đã khóc từ lúc nào mà không hay biết.  Nguyên nhân Mên và Mon đều khóc:  Vì hai anh em đều là những đứa trẻ ngây thơ, hồn nhiên, giàu cảm xúc, giàu tình yêu thương vạn vật.  Vì hai anh em đã được chứng kiến một khung cảnh kì diệu của sự sống. Giọt nước mắt trào ra thể hiện sự xúc động mãnh liệt, niềm sung sướng vỡ oà sau bao ngày lo lắng cho lũ chim non.  \* Kết luận, đánh giá:  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  Gía trị nội dung và nghệ thuật có gì đặc sắc?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  1, Nghệ thuật:  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: hai nhân vật Mên, Mon được xây dựng vừa mang những nét tính cách điển hình ở trẻ em (thơ ngây, hồn nhiên) vừa có những nét riêng đặc biệt (nhân hậu, dũng cảm). Tính cách các nhân vật được khắc hoạ rõ nét thông qua những lời đối thoại, hành động, cách ứng xử, cảm xúc và suy nghĩ.  + Sử dụng các chi tiết miêu tả nhỏ nhưng vô cùng sinh động, hấp dẫn và có ý nghĩa sâu sắc  2, Nội dung: Những vẻ đẹp ngây thơ, trong sáng và tấm lòng nhân hậu của trẻ thơ.  Bài học sâu sắc về tình yêu thương, lòng dũng cảm và ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **\* Báo cáo kết quả**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1, Tác giả:**  **+** Nguyễn Quang Thiều (1957) sống tại Hà Nội   + Là một nhà thơ, nhà văn  + Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều rất chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường, thể hiện được vẻ đẹp của tâm hồng trẻ thơ nhạy cảm, trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật.   + Các tác phẩm chính: Ngôi nhà tuổi 17 (1990), Thơ Nguyễn Quang Thiều (1996), Mùa hoa cải bên sông (1989),  Người, chân dung văn học (2008)...  **2, Văn bản**  - Xuất sứ : Trích *Mùa hoa cải bên sông*  - **Đề tài**: đời sống của các loài vật (phạm vi hiện thực). Đề tài trẻ em (nhân vật chính)  **- Thể loại:** Truyện ngắn  **- PTBĐ chính:** Tự sự  **- Ngôi kể:** Truyện được kể từ ngôi thứ ba.  Dấu hiệu nhận biết: người kể chuyện giấu mình (không xưng “tôi” “ta”) để kể lại mọi tình tiết truyện. Tác dụng: câu chuyện được kể lại một cách khách quan, toàn diện.  **- Các sự việc chính:**    **- Bố cục**: 2 phần  **II. Khám phá văn bản**  **1, Cuộc trò chuyện của hai anh em trong đêm mưa.**  **+ Cuộc trò chuyện đầu tiên của hai anh em.**  Thời gian: “ Khoảng hai giờ sáng”.  Không gian: “ Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to.”=> trong một đêm mưa và cả hai anh em Mên, Mon đều chưa ngủ.  **=>**Mon là chú bé có một tâm hồn trong sáng, một trái tim nhân hậu, giàu tình thương với loài vật.  -> Mên là anh, có phần hiểu biết , trưởng thành hơn Mon, nhưng vẫn là một đứa trẻ hồn nhiên, giàu tình thương. Cậu cũng có chung sự quan tâm, lo lắng cho lũ chim non với em mình.  **+ Cuộc trò chuyện thứ hai của hai anh em trong đêm mưa**  =>Nỗi lo cho lũ chim, tâm hồn trong sáng, nhân hậu đã thôi thúc khiến cậu bé trở nên sáng suốt, tự tin, quyết đoán lạ thường. Cậu đã tìm ra cách thức, phương tiện và dứt khoát thực hiện hành động để đi cứu bầy chim non.  **2, Tâm trạng của hai anh em vào buổi sáng hôm sau**  + Khi thuyền vừa cập bến:  Mon: Sung sướng vì hai anh em vừa “thoát nạn”  + Trở về là đứa em hồn nhiên, ngây thơ liên tiếp đặt các câu hỏi cho anh.  “ Mình để đò ở đây hả anh?”  “ Cái dải cát chưa chìm đâu anh nhỉ?”  “ Thế anh bảo đã ngập hết chưa?”  “ Ướt cánh, chim nó có bay được không?  Mên:  + Mên lại “tỏ vẻ rất người lớn” khi đưa ra những quyết định dứt khoát: “ Phải kéo đò về bến chứ…bây giờ tao kéo, mày đấy”  + Hành động mạnh mẽ: “ quấn cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo”.  + Đưa ra những câu trả lời chắc, gọn, quả quyết cho các câu hỏi của em mình.  Khi bình minh lên:  + Nhìn thấy:  Dải cát giữa sông chỉ còn lại một khoảng rộng bằng cái mũ, dòng nước khổng lồ đang dần nuốt chửng khoảng đất nhỏ bé ấy.  Những cánh chim bé bỏng, ướt át độtngột bứt khỏi dòng nước mà bay lên.  =>Một cảnh tượng như huyền thoại.  + Cảm thấy:  Hai đứa bé không kêu lên được một tiếng nào. Người chúng như đang ngùn ngụt toả hơi nóng.  Ngạc nhiên trước khung cảnh kì lạ, xúc động và hồi hộp dõi theo từng nhịp đập của những cánh chim đang thoát lên khỏi dòng nước  + Khi chứng kiến chim non quyết liệt đập cánh bay lên.  Nhìn thấy:  Chú chim non đuối sức, đôi cánh chợt dừng lại và rơi xuống “như một chiếc lá”.  Nhưng vào khoảnh khắc đôi chân vừa chạm nước “đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định”. Chim non đã bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao.  Cảm thấy:  Không gian xung quanh hoàn toàn tĩnh lặng, chỉ còn “tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non.”  Hai anh em “nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim hối hả nhưng đều đặn.”  => Sự tập trung cao độ, cảm giác hồi hộp, căng thẳng và sợ hãi.  + Khi nhìn thấy đàn chim đã bay vào bờ an toàn  Hai anh em Mên và Mon:  => Hai đứa vẫn đứng không nhúc nhích và trên gương mặt tái nhợt đã hửng lên ánh ngày: gương mặt rạng rỡ vì niềm vui.  Cả hai anh em đã khóc từ lúc nào mà không hay biết.  **1, Nghệ thuật:**  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: hai nhân vật Mên, Mon được xây dựng vừa mang những nét tính cách điển hình ở trẻ em (thơ ngây, hồn nhiên) vừa có những nét riêng đặc biệt (nhân hậu, dũng cảm). Tính cách các nhân vật được khắc hoạ rõ nét thông qua những lời đối thoại, hành động, cách ứng xử, cảm xúc và suy nghĩ.  + Sử dụng các chi tiết miêu tả nhỏ nhưng vô cùng sinh động, hấp dẫn và có ý nghĩa sâu sắc  **2, Nội dung:** Những vẻ đẹp ngây thơ, trong sáng và tấm lòng nhân hậu của trẻ thơ.  Bài học sâu sắc về tình yêu thương, lòng dũng cảm và ý chí vươn lên trong cuộc sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 10P)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Lập hồ sơ nhân vật

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

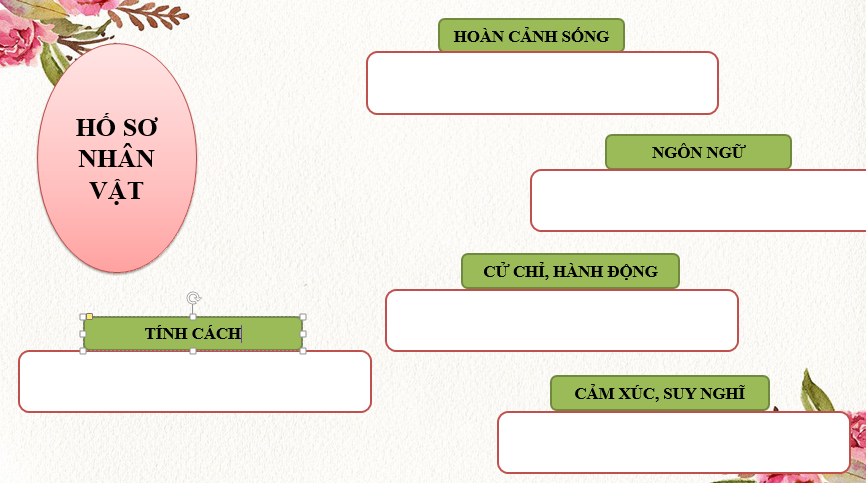
\* Chuyển giao nhiệm vụ: Từ việc phát hiện các chi tiết về cử chỉ hành động, lời nói, suy nghĩ,cảm xúc của nhân vật, em hãy hoàn thành “hồ sơ nhân vật” cho Mon hoặc Mên theo mẫu dưới đây:

\* Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

\* Báo cáo kết quả:



- Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

\* Đánh giá nhận xét:

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5P)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn (5-7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một hoặc hai nhân vật Mon hoặc Mên( ngôi kể thứ nhất)

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh trả lời câu hỏi

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:**

Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Gợi ý:**

***1, Xác đinh yêu cầu:***

+ Dạng bài viết: đoạn văn

+ Dung lượng đoạn văn: từ 5-7 câu

+ Chủ đề: kể lại sự việc kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một hoặc hai nhân vật Mon hoặc Mên.

=> ngôi kể thứ nhất( nhân vật xưng “tôi” để kể lại )

***2, Tìm ý:***

Ghi lại những nội dung chính trong cốt truyện từ đoạn miêu tả bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông:

+ Bối cảnh: cảnh bên bờ sông vào lúc bình minh; dải cát bị dòng nước khổng lồ nuốt chửng.

+ Cảnh tượng những con chim non bay lên khỏi dòng nước.

+ Cảnh tượng một chú chim non bị dduooid sức, rơi xuống dòng nước nhwung đã mạnh mẽ bứt mình bay lên cao.

+ Cảm xúc của người kể( Mên hoặc Mon) khi chứng kiến tất cả cảnh tượng đó( khóc vì xúc động mãnh liệt, vui sướng khi bầy chim non đã thoát khỏi dòng nước lớn)

*3, Viết đoạn :*

- Viết đoạn văn.

- Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo.

**Ngày soạn: 10/9/2023**

**Ngày dạy: 11/9/2023**

**TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Củng cố và mở rộng kiến thức về trạng ngữ.

+ Nhận biết các câu có trạng ngữ được mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ

+ Biết được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ; xác định được các từ láy trong câu và tác dụng của chúng.

+ Viết được các câu có trạng ngữ là một cụm từ, từ đó nâng cao kĩ năng viết đoạn văn, bài văn.

**2. Năng lực**

a.Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: Viết được các câu có trạng ngữ là một cụm từ, từ đó nâng cao kĩ năng viết đoạn văn, bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động ( 5P)

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

\* Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm và cho biết chức năng của trạng ngữ trong những câu văn sau:

1, Từng chùm hoa lê trắng muốt bung nở, ngay khi mùa xuân mới về.

2, Người dân, vào mùa con nước lên, đều bảo nhau phải cấm tiệt tụi nhỏ ra bến sông.

3, Ở phía đông nam thành phố, làng Vĩ Dạ nép mình trong những khu vườn tre trúc xanh biếc.

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến sản phẩm:

1, ngay khi mùa xuân mới về-> TN chỉ thời gian

2, vào mùa con nước lên-> TN chỉ thời gian

3, Ở phía đông nam thành phố-> TN chỉ nơi chốn.

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học: Các em có thể thấy trạng ngữ có thể bổ sung nhiều kiểu thông tin khác nhau trong câu và vị trí của nó xuất hiện rất là đa dạng có thể ở giữa, ở cuối, ở đầu câu, ngăn cách với thành phần nòng cốt câu thông qua dấu phẩy hoặc có thể trong các trường hợp khác là các quan hệ từ. Trạng ngữ thì chúng ta đã quen , còn MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ có gì khác biệt đó chính là nội dung bài học hôm nay..

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 20P)**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức**

a)Mục tiêu: học sinh nhắc lại kiến thức về trạng ngữ, cụm từ, từ láy.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu ví dụ bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 1: Ôn lại kiến thức**  **\* chuyển giao nhiệm vụ:**ĐIỀN VÀO PHIẾU HỌC TẬP SAU:-  **1, Trạng ngữ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trạng ngữ là gì? | Chức năng của trạng ngữ trong câu. | Vị trí trạng ngữ trong câu? | |  |  |  | |  |  |  |   -Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **2, Cụm từ:\* Chuyển giao nhiệm vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khái niệm cụm từ.** | **Các loại cụm từ** | **Ví dụ về cụm từ** | |  |  |  |   -Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  3, Từ láy: \* Chuyển giao nhiệm vụ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ láy là gì?** | **Tác dụng** | **Ví dụ** | |  |  |  |   -Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ láy là gì?** | **Tác dụng** | **Ví dụ** | | Từ láy là các từ phức gồm các tiếng có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần ) | Giúp cho sự diễn đạt trở nên sinh động, tăng thêm sức gợi hình, gợi thanh, gợi cảm cho lời văn. | Lênh khênh, chập chững, vun vút biêng biếc, rìa rào, ào ào… |   **II, MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**  a)Mục tiêu: học sinh nắm được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ là gì? Trạng ngữ có thể được mở rộng bằng những cụm từ nào?  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu ví dụ bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  \* Chuyển giao nhiệm vụ:  PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1: Xác định và nhận xét đặc điểm của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:  (1) Đêm, trời mưa như trút nước.  (2) Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước.  ? Vậy tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ là gì?  ? Trạng ngữ có thể được mở rộng bằng những cụm từ nào?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trạng ngữ** | **Nhận xét đặc điểm** | | Đêm, trời mưa như trút nước. | “Đêm”=>Trạng ngữ là một từ. | So với câu (1), trạng ngữ ở câu (2) đã được mở rộng, cung cấp thông tin về thời gian xảy ra sự việc một cách cụ thể hơn. | | Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước. | “Đêm hôm đó”=>Trạng ngữ là một cụm danh từ. |   -Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I, CỦNG CỐ KIẾN THỨC**  1, Trạng ngữ  Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu.  Giúp bổ sung thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức, điều kiện … cho sự việc được nói đến trong câu. Hoặc dùng để liên kết các câu trong đoạn văn.  Thường nằm ở đầu câu. Đôi khi nằm ở giữa câu hoặc cuối câu. Được ngăn cách với các thành phần chính trong câu bằng dấu phẩy hoặc quan hệ từ.  **2, Cụm từ**     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khái niệm cụm từ.** | **Các loại cụm từ** | **Ví dụ về cụm từ** | | Là các tổ hợp từ có cấu tạo phức tạp hơn một từ nhưng mang lại nhiều thông tin hơn so với từ. | Cụm danh từ. Cụm động từ. Cụm tính từ. | “Bẩy chim non ấy”  “Đã đi rất xa”.  “Vẫn còn mới như lúc đầu” |   **3, Từ láy**  **II, MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**  + Việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ làm cho các thông tin về thời gian, địa điểm, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích....của sự việc được nói đến trong câu được chi tiết và rõ ràng hơn.  + Có thể mở rộng trạng ngữ bằng các cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ. |
|  |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 15P )**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1,2,3,4/ 17 :

\*Chuyển giao nhiệm vụ:

Xác định trạng ngữ trong các câu sau:

a) Khoảng hai giờ sang Moon tình giấc.

b) Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.

? Hãy thử rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn thành phần trạng ngữ.

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát, lắng nghe.

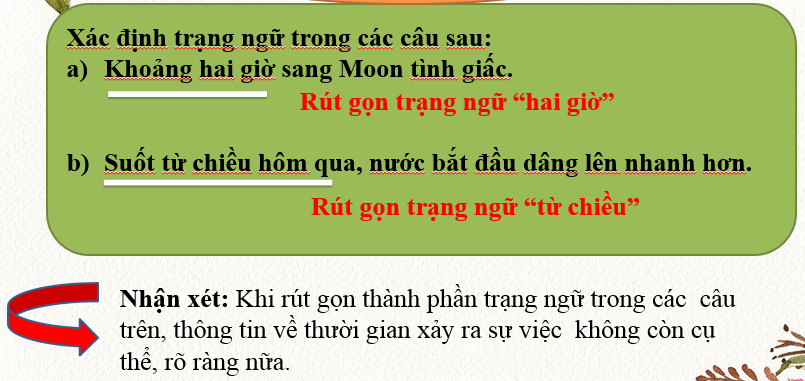
- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

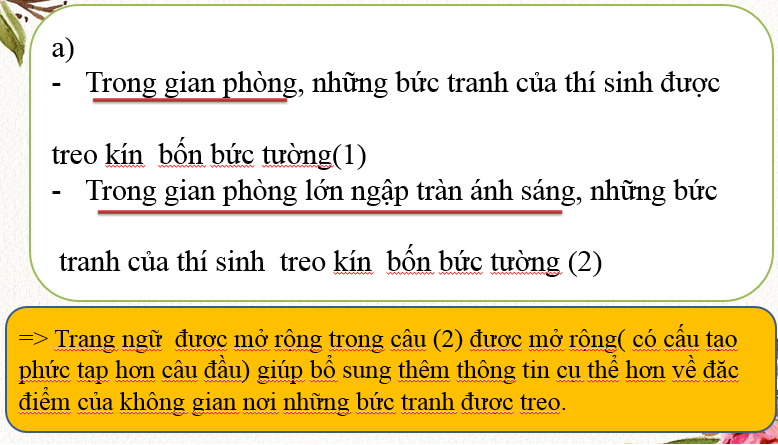
\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

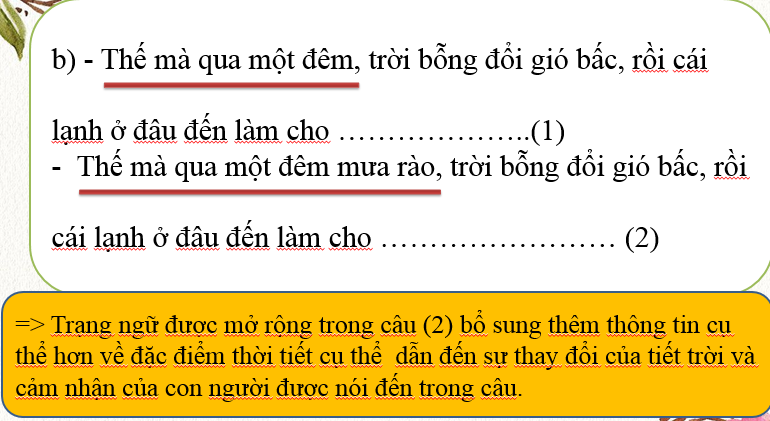
- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

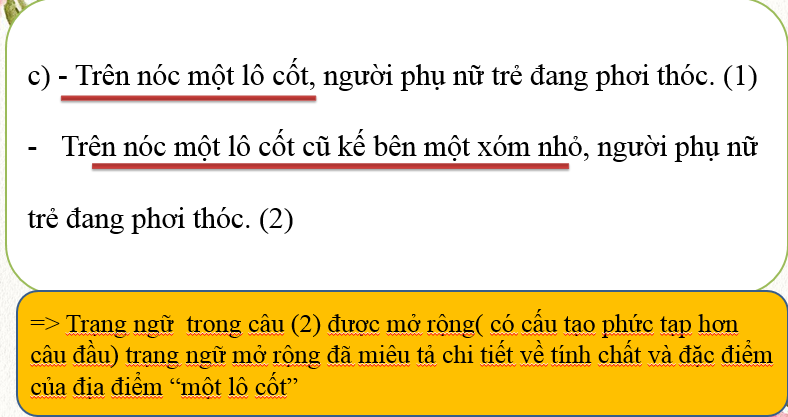
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bài tập 1:

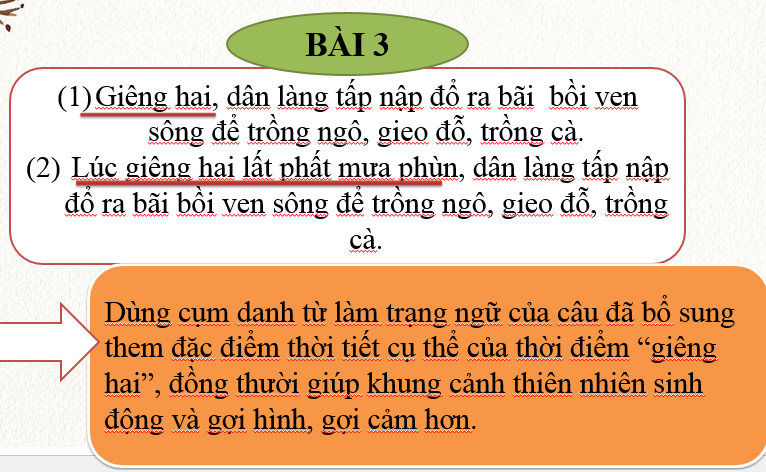








Bài 3:



Bài tập 4:

a, Từ láy “xiên xiết”: gợi hình ảnh dòng sông nước chảy mạnh và nhanh.

b, Từ láy “bé bỏng”: gợi hình ảnh chú chim non nhỏ bé, yếu ớt đang gắng sức chống chọi với dòng nước lớn.

c, Các từ láy “mỏng manh”, “ run rẩy”: gợi hình ảnh đôi cánh chim mỏng nhẹ đang có những nhịp vỗ cánh ngượng ngập, cả chút sợ hãi vì hoàn cảnh hiểm nghèo vừa trải qua.

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* Quan sát hai bức tranh dưới đây, sau đó hãy đặt hai câu văn miêu tả hai bức tranh trong mỗi câu có sử dụng trạng ngữ được mở rộng bằng một cụm từ..

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:

- Thuộc ghi nhớ.

- Hoàn thành bài tập ở SGK.

Chuẩn bị : *Đi tìm mật*

**TIẾT:5-6 VĂN BẢN: ĐI LẤY MẬT**

**( Trích Đất rừng Phương Nam- Đoàn Giỏi)**

**Ngày soạn: 6/09/2023**

**Ngày dạy: 13/09/2023**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Biết cách đọc một văn bản thuộc thể loại truyện

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.

- Nhận biết được đề tài và các chi tiết tiêu biểu trong cốt truyện của văn bản.

- Nhận biết được ngôi kể, phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vât.

- Xác định được tính cách của các nhân vật trong văn bản, đồng thời phân tích các phương tiện được tác giả sử dụng để xây dựng tính cách cho các nhân vật đó.

2. Năng lực

a.Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: Biết cách đọc một văn bản thuộc thể loại truyện.

3. Phẩm chất:

- Thêm hiểu và yêu thiên nhiên cũng như con người của vùng đất Nam Bộ. Biết yêu quí tuổi thơ và trân trọng những giá trị của cuộc sống.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động ( 7P)

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

\* Chuyển giao nhiệm vụ: Trong cuộc hành trình đi khám phá bầu trời tuổi thơ chúng ta đã đến ngôi làng nhỏ ven sông Đáy trong văn bản Bầy chim chìa vôi để tìm hiểu những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ gắn liền với niềm tin cổ tích, gắn liền với những câu chuyện, những kỉ niệm không thể nào mờ phai. Và ngày hôm nay, trong cuộc hành trình rong ruổi trên mọi nẻo đường của kí ức tuổi thơ, chúng ta cùng xuôi dòng về với đất phương Nam cùng với một văn bản thú vị. Trước khi ta đi tìm hiểu nội dung chúng ta cùng bước vào khởi động.

TRÒ CHƠI: NHÌN HÌNH ẢNH- ĐOÁN ĐỊA DANH

1, Hình ảnh cô gái đang trèo thuyền trên một dòng kênh, mà hai bên bờ kênh là hình ảnh của những cánh rừng tràm, của những dãy cây tràm mọc tươi tốt

2, Hình ảnh bà con đang thu hoạch bông súng vào mùa nước nổi

4, Hình ảnh người nghệ sĩ đang trình diễn loại hình nghệ thuật sân khấu rất đặc trưng cho vùng đất Nam Bộ

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến sản phẩm:

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học: Từ những hình ảnh trên ta thấy được khung cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt về vật chất, về tinh thần cùng những hình ảnh độc đáo của nhân dân đồng bào vùng Nam Bộ nước ta mà cụ thể ở miền Tây Nam Bộ, hay còn gọi là Đồng bằng Sông Cửu Long. Các bức ảnh đã đưa chúng ta đi đến một số tình của Đồng bằng Sông Cửu Long ….Hôm nay chúng ta cùng xuôi về phương Nam sẽ cùng tìm hiểu thiên nhiên cuộc sống, con người đồng bào Nam Bộ qua một tác phẩm rất là hay, mà có lẽ tuổi thơ các em hẳn có bạn đã từng quen thuộc đó là tiểu thuyết Đất rừng Phương Nam- Đoàn Giỏi và đoạn trích hôm nay chúng ta học là một đoạn trích nhỏ trong tiểu thuyết.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 71P)

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I, ĐỌC VĂN BẢN**  a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  \* Chuyển giao nhiệm vụ:  Yêu cầu đọc:  Nắm vững các chiến lược đọc hiểu: Hình dung, theo dõi, tóm tắt, so sánh.  Gv đọc mẫu , gọi hs đọc...  Tìm hiểu chú thích.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt chính |  | | Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể |  | |  | |   Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Tìm hiểu cốt truyện**  **a) Mục tiêu**: học sinh tìm hiểu cốt truyện.  **b) Nội dung** : Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  **c) Sản phẩm** : Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  \* Chuyển giao nhiệm vụ:  Cốt truyện xoay quanh cuộc hành trình vào rừng lấy mật ong của cậu bé An cùng với tía nuôi và thằng Cò.  Các sự việc được sắp xếp theo trình tự như thế nào?  **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  **Các sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian:**  + Xuất phát từ sáng sớm khi “đất rừng thật là yên tĩnh”.  + Nghỉ lại giữa rừng, cảm nhận “phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi”.  + Kết thúc khi chiều về đó là lúc “bóng nắng nghiêng nghiêng rọi chếch xuống chỗ tôi ngồi”.  Đan xen mạch hồi tưởng: An hồi tưởng lại cuộc trò chuyện của mình với má nuôi về nghề gác kèo ong của người Nam bộ.  Các chi tiết đa dạng phong phú. Bao gồm chi tiết miêu tả thiên nhiên, chi tiết miêu tả hành động, suy nghĩ của con người.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **2, Bức tranh thiên nhiên đất rừng Phương Nam.**  a)Mục tiêu: học sinh tìm hiểu bức tranh thiên nhiên đất rừng Phương Nam.  b) Nội dung : Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm : Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ**  1.Hãy cho biết khung cảnh thiên nhiên đất rừng U Minh được tái hiện qua những thời điểm nào?  -2. các chi tiết miêu tả thiên nhiên ở mỗi thời điểm đó và nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên trong từng khoảnh khắc?  3.Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh được tái hiện qua cái nhìn của ai? Em nhận xét gì về khả năng quan sát và cảm nhận thiên nhiên của nhân vật ấy?  **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  1.Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh được miêu tả trong nhiều thời điểm.  + Buổi sáng sớm “đất rừng thật là yên tĩnh”.  + Cảnh “rừng cây im lặng quá”.  + Bóng nắng mới bắt đầu lên.  + Trời về chiều khi “bóng nắng nghiêng nghiêng dọi chếch xuống”.  2. Buổi sáng sớm trong rừng.  + Âm thanh: “đất rừng thật là yên tĩnh”.  + Không khí: “không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngồi, mương sạch, của đất ẩm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh.” + Ánh sáng: ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó báo qua một lớp thủy tinh.  =>Cảnh rừng lúc ban mai vừa yên tĩnh, trong lành, mát mẻ, lung linh tinh khôi vô cùng.  Những chuyển động nhỏ bé của rừng:  +Âm thanh: “rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình”  .+ Các loài vật:  Ruồi xanh đang bay đứng như những chấm đen không nhúc nhích.  Chuồn chuồn “ cánh mỏng và dài” đang “óng ánh lướt những lá bông súng”.  Mối cánh “ bé như hạt khế, lắc lư, lắc lư từ đất nhoi lên”.  Đàn ong “mười mấy con tay nối nhau như một xâu chuỗi hạt cườm...phát ra những tiếng kêu eo....eo...eo.”  => Biện pháp tu từ so sánh kết hợp với các từ láy gợi hình đã thành công gợi tả những chuyển động nhỏ bé của các loài vật trong khu rừng.  Khi bóng nắng mới bắt  ...  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ**  **3, Chân dung con người đất phương Nam.**  1.Tìm hiểu nhân vật tía nuôi của An.  1.1, Tìm các chi tiết miêu tả nhân vật tía nuôi của An? (ngoại hình, hành động cử chỉ, tài nghệ)  1.2, Qua việc tìm hiểu các chi tiết miêu tả nhân vật, em có nhận xét gì về tía nuôi của An?  2.Tìm hiểu nhân vật Cò  2.1, Theo em, cậu bé Cò sinh ra và lớn lên ở đâu? Những chi tiết nào cho em biết điều đó? (dáng vẻ, hành động cử chỉ, lời nói, thái độ với An)  2.2, Qua việc tìm hiểu các chi tiết tiêu biểu trên, em có nhận xét gì về tính cách nhân vật Cò?  3.Tìm hiểu nhân vật Tìm hiểu nhân vật má nuôi của An  3.1, Nhân vật má nuôi của An có xuất hiện trực tiếp trong đoạn trích không? Người đọc biết đến nhân vật này qua những chi tiết nào  3.2, Qua việc tìm hiểu những chi tiết về má nuôi của An, em có nhận xét gì về nhân vật này?  -4. Tìm hiểu nhân vật cậu bé An  4.1, Nhân vật An được nhà văn miêu tả qua những chi tiết nào (ngoại hình, lời nói, hành động, cảm xúc, suy nghĩ,…)?  4.2, Dựa vào việc tìm hiểu các chi tiết tiêu biểu miêu tả nhân vật, em hãy khái quát tính cách nhân vật An?  **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  a)Tía nuôi của An  + Nhân vật tía nuôi là hình ảnh tiêu biểu cho những con người Nam bộ sống gắn bó với đất rừng quê hương, rất hiểu về thiên nhiên quên mình, sinh kế gắn liền với sự hào phóng của thiên nhiên nhưng đồng thời cũng là người lao động chăm chỉ, thạo nghề.  + Tía cũng tiêu biểu cho con người phương Nam nghĩa tình nồng hậu khi dành tình yêu thương, sự quan tâm cho đứa trẻ lang thang mình nhận về làm con nuôi.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **III. Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố nội dung và nghệ thuật đã tìm hiểu.  **b. Nội dung:** Nội dung đã tìm hiểu  **c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Nghệ thuật: thơ văn xuôi, hình ảnh giàu ý nghĩa;  + Nội dung: ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1, Tác giả:**  - Đoàn Giỏi (1925-1989), là nhà văn của miền đất Phương Nam.  - Ông sinh ra, lớn lên, gấn bó và yêu tha thiết mảnh đất và con người phương Nam. Hầu hết các tác phẩm của ông đều dành viết về thiên nhiên, con người và cuộc sống nơi đây.  - Những tác phẩm chính: Người Nam thà chết không hàng (1947); Kí (1948); Chiến sĩ Tháp Mười (1949); Cá bống mú (1956); Đất rừng phương Nam (1957)  **2, Văn bản**  - **Tiểu thuyết** Đất rừng Phương Nam: gồm 20 chương lấy bối cảnh Nam Bộ những năm 50 của thế kỉ XX.  Văn bản Đi lấy mật trích từ chương 9 của cuốn tiểu thuyết này.  **- PTBĐ chính:** Tự sự  **- Ngôi kể:** Truyện được kể từ ngôi thứ nhất, người kể chuyện là nhân vật An..  Lấy điểm nhìn từ cậu bé An, một cậu bé vốn không sinh ra lớn lên trên đất rừng phương Nam nhưng lại rất tò mò, thích thú khi được khám phá sự mới lạ, thú vị của đất và người nơi đây trên từng bước chân trong cuộc hành trình lấy mật. Từ đó, câu chuyện trở nên thú vị, hấp dẫn lôi cuốn hơn với người, nhất là những bạn đọc nhỏ tuổi của thế giới hiện đại.    **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Tìm hiểu cốt truyện**  **2, Bức tranh thiên nhiên đất rừng Phương Nam.**  + Cảnh rừng Phương nam được miêu tả sống động và đổi theo từng thời khắc trong ngày.  + Dưới sự quan sát tỉ mỉ, sự cảm nhận rất tinh tế bằng nhiều giác quan cùng với ánh nhìn đầy tò mò, thích thú của tâm hồn trẻ thơ của An, khung cảnh thiên nhiên hiện lên vừa chân thực vừa mới lạ, lôi cuốn và hấp dẫn.  + Sự đẹp đẽ, trù phú của đất rừng phương Nam cũng thể hiện tình yêu, niềm tự hào tha thiết của nhà văn với quê hương xứ sở và bồi đắp thêm cho ta tình yêu thiên nhiên kỳ diệu quanh mình.  Gv chuyển ý: Ở trong văn bản, thiên nhiên không phải là toàn bộ nội dung toàn bộ của văn bản mà còn là hình ảnh của con người Phương Nam qua sự hiện diện của các nhân vật .  + Cảnh rừng Phương nam được miêu tả sống động và đổi theo từng thời khắc trong ngày.  + Dưới sự quan sát tỉ mỉ, sự cảm nhận rất tinh tế bằng nhiều giác quan cùng với ánh nhìn đầy tò mò, thích thú của tâm hồn trẻ thơ của An, khung cảnh thiên nhiên hiện lên vừa chân thực vừa mới lạ, lôi cuốn và hấp dẫn.  + Sự đẹp đẽ, trù phú của đất rừng phương Nam cũng thể hiện tình yêu, niềm tự hào tha thiết của nhà văn với quê hương xứ sở và bồi đắp thêm cho ta tình yêu thiên nhiên kỳ diệu quanh mình.  **3, Chân dung con người đất phương Nam.**  a)Tía nuôi của An  Nhân vật tía nuôi là hình ảnh tiêu biểu cho những con người Nam bộ sống gắn bó với đất rừng quê hương, rất hiểu về thiên nhiên quên mình, sinh kế gắn liền với sự hào phóng của thiên nhiên nhưng đồng thời cũng là người lao động chăm chỉ, thạo nghề.  b)Nhân vật Cò.  Đó cũng là cậu bé với tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, vừa yêu quý bạn vừa có cái tự hào, ganh đua để tỏ ra mình hơn bạn.  c, Nhân vật má nuôi của An  Má cũng là người rất am hiểu về nghệ an ông, về đất rừng quê hương đồng thời là một người phụ nữ giầu tình thương, biết quan tâm chăm sóc chu đáo cho mọi người.  d)Nhân vật cậu bé An  An là cậu bé hồn nhiên, trong sáng, tìm tòi, khám phá và thích thú trước cảnh sắc rừng U Minh, cậu cũng có khả năng tập trung quan sát và cái nhìn tinh tế với vẻ đẹp thiên nhiên nơi đây.  III, TỔNG KẾT  1, Nghệ thuật:  -Nghệ thuật xây dựng nhân vật: hệ thống các nhân vật được khắc họa rõ nét thông qua ngoại hình, cử chỉ, những lời đối thoại, cách ứng xử, cảm xúc và suy nghĩ. Các nhân vật đều mang đặc điểm tiểu biểu cho tính cách của con người Nam Bộ.  + Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên tinh tế, đặc sắc. Tác giả sử dụng hàng loạt các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, liệt kê,...cùng hệ thống các từ láy gợi hình, gợi thanh để vẽ lên bức tranh thiên nhiên rừng phương Nam vô cùng sống động, chân thực  2, Nội dung:  Đề tài: Thiên nhiên và con người của vùng đất Phương Nam.  Chủ đề: Khắc họa thiên nhiên vùng đất Phương Nam với những vẻ đẹp phong phú, rực rỡ màu sắc và tràn đầy sức sống. Cuộc sống mưu sinh vất vả, lối sống gần gũi, gắn bó với thiên nhiên, tình yêu và niềm tự hào tha thiết của người phương Nam với quê hương xứ sở cũng như tâm hồn phóng khoáng, nhân hậu, nghĩa tình của người dân Nam Bộ. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 5p)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “Đi lấy mật”.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Phân tích đề:

+ Dạng bài viết: đoạn văn. + Chủ đề: cảm nhận về một chi tiết trong đoạn trích.

+ Đoạn văn: 5-7 câu

**Tìm ý:**

1, Lựa chọn chi tiết em sẽ nêu cảm nhận, tham khảo các chi tiết sau:

+ Chi tiết miêu tả thiên nhiên rừng U Minh: cảnh rừng vào sáng sớm, cảnh khi rừng “cây im lặng”, Cảnh rừng vào buổi trưa và cảnh rừng khi chiều về.

+ Chi tiết về lời thoại của má nuôi với An: má giảng giải cho anh về nghề gác kèo ong và những vất vả khi theo nghề của những người dân Nam Bộ.

2, Nêu cảm nhận về chi tiết theo những gợi ý sau:

+ Chi tiết nó có nội dung đó nói về điều gì?

+ Chị biết đó đặc sắc ở điểm nào?

+ Tác giả đã tạo nên chi tiết đó bằng những biện pháp nghệ thuật nào?

+ Cảm xúc của em khi đọc các chi tiết đó ra sao?

**Viết đoạn văn**

+ Viết đoạn văn.

+ Kiểm tra lại thành văn phải ra soát lỗi chính tả một kiểu diễn

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

đạt

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 4P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** Tìm đọc “ Đất rừng phương Nam” trên màn hình nhỏ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm đọc “ Đất rừng phương Nam” trên màn hình nhỏ.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

**Chuẩn bị bài sau:..**

**TIẾT:7 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MỞ RỘNG THÀNH PHẦN**

**CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**Ngày soạn: 12/09/2023**

**Ngày dạy: …/09/2023**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách:

+ Nhận biết các câu có thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ.

+ Biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

+ Viết được các câu có thành phần chính được mở rộng một cụm từ, từ đó nâng cao kĩ năng viết đoạn văn, bài văn.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Viết được các câu có có thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ.

**3. Phẩm chất:**

- Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 5p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** **QUAN SÁT TRANH- ĐẶT CÂU HAY**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sản phẩm:**

+ Hoa anh đào khoe sắc.

+ Hàng nghìn cây hoa anh đào dọc triền đồi - đang khoe sắc dưới nắng xuân.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

Các em thấy cùng một bức tranh, có nhiều cách đặt câu. Câu văn 1 đã nêu được đúng đối tượng trong bức ảnh là hoa anh đào đang khoe sắc. Nhưng ở câu thứ hai, nó dài hơn về mặt hình thức nhưng mà nó cung cấp cho ta nhiều thông tin chi tiết liên quan đến cây hoa anh đào, cách thức mà nó nở hoa và câu văn này không chỉ có nhiều thông tin hơn mà nó còn sống động hơn nữa.

Ở bức ảnh thứ hai, Câu văn 1 đã nêu được đủ đối tượng chủ thể được nói đến là những đứa trẻ và hành động của những đứa trẻ là thả diều. Còn câu văn thứ hai nói rõ thêm những đứa trẻ này sống ở làng quê và thả diều như thế nào? Tung tăng thả diều. Thả diều ở đâu, ở trên bờ đê. Câu văn thứ hai dài hơn, nhưng bù lại nó đã cung cấp thêm các thông tin chi tiết liên quan đến chủ ngữ, liên quan đến hành động, đặc điểm được nói đến ở trong thành phần vị ngữ để câu văn không những đầy đủ hơn mà còn sống động hơn nữa. Như vâỵ từ phần khởi động, cùng là một câu văn nhưng khi chúng ta dùng các cụm từ bổ sung cho các thông tin để mở rộng thêm thành phần chủ ngữ, vị ngữ của câu thì nó sẽ khiến cho câu văn nó đầy đủ hơn về mặt nội dung và nó sinh động hơn về cách diễn đạt. Đó cũng chính là nội dung bài học chúng ta ngày hôm nay, bài “**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**”

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 22P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 1:**Học sinh nhớ lại thành phần chính của câu.  **a. Mục tiêu:** học sinh nhớ lại thành phần chính của câu.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  1.Thành phần chính của câu gồm những bộ phận gì ?  2. Vậy chủ ngữ và vị ngữu khác nhau như thế nào và làm thế nào phân biệt được hai thành phần này ở trong câu?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  *Chủ ngữ:*  *+ Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.*  *+ Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.*  *+ Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.*  *Vị ngữ:*  *|+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.*  *+ Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.*  *+Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)*  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV có thể bổ sung thêm:**  **Hoạt động 2:**Mở rộng tpc của câu bằng cụm từ  **a. Mục tiêu:** học sinh nhớ lại thành phần chính của câu.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Xác định và nhận xét đặc điểm của thành phần chủ ngữ trong các câu sau:**  1,1, Giữa vùng cỏ tranh khô vàng bầy chim non cất cánh bay lên.  1.2, Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, một bầy chim hàng nghìn con vụt cánh bay lên.  **2: Xác định và nhận xét đặc điểm của thành phần vị ngữ trong các câu sau:**  1, Chúng tôi đi.  2, Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng.  3.Vậy tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cũng từ là gì?.  Thành phần chính của câu có thể được mở rộng bằng những loại cụm từ nào?.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:      **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV có thể bổ sung thêm:** | **I, KIẾN THỨC VỀ THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU**  **Chủ ngữ:**  + Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.  + Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.  + Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.  **Vị ngữ:**  |+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.  + Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.  +Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)  **II,** **MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**    +Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ giúp cung cấp thêm các thông tin về sự vật, hiện tượng, hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu. Từ đó làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 15P)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1, 2,3,4,5,6 SGK trang 47;

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Dự kiến sản phẩm:**

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

Bài tập 1:

a)Rút gọn chủ ngữ: “Tiếng lá rơi “

Thông tin về số lượng và thời gian bổ sung cho sự vật được nói tới trong chủ ngữ đã bị lược bỏ.

b) Rút gọn chủ ngữ: “Phút yên tĩnh”

Thông tin về địa điểm bổ sung cho khoảnh khắc “Phút yên tĩnh” đã được lược bỏ.

c) Rút gọn chủ ngữ: “con gầm ghì ”

Thông tin về số lượng và đặc điểm màu sắc của “con gầm ghì ” đã được lược bỏ.

Nhận xét chung: khi rút gọn thành phần chủ ngữ trong các câu trên, thông tin và đặc điểm của sự vật, hiện tượng được nói đến trong chủ ngữ không còn cụ thể, rõ ràng nữa.

Bài tập 2:

a) Rút gọn vị ngữ: “chạy”

Lược bỏ đặc điểm của hành động “chạy” cũng như địa điểm mà hành động này hướng tới.

b) Rút gọn vị ngữ: “im lặng ”

Lược bỏ đặc điểm của hành động “chạy” cũng như địa điểm mà hành động này hướng tới.

c) Rút gọn vị ngữ: “lợp, bện bằng rơm ”

Lược bỏ những thông tin chi tiết về kiểu loại, hình dạng của những tổ ong của xứ Tây Âu.

Nhận xét chung: Khi rút gọn thành phần vị ngữ trong các câu trên, thông tin và đặc điểm của các hoạt động, trạng thái, tính chất được nói đến trong vị ngữ không còn cụ thể, rõ ràng nữa.

**Bài 3:**

(1)Chim hót líu lo . (2)Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. (3)Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng.

->(1) bổ sung thông tin về đặc điểm, tính chất cho động từ “hót”.

->(2) bổ sung thêm thông tin về đối tượng cho động từ “bốc”.

->(3) bổ sung thêm thông tin về đối tượng, phương hướng cho động từ “đưa”.

->(4) bổ sung thêm thông tin về cách thức, địa điểm cho động từ “nằm”; bổ sung thông tin về tần suất, cách thức cho động tứ “biến đổi”.

**Bài tập 4:**

a)(1) Gió thổi.

(2) Những cơn **gió** vẫn **thổi** xao xác trên tán phượng già.

b) (1)Không khí trong lành.

(2)**Không khí** vào buổi sáng ở nơi đây thật **trong lành.**

**c)**(1) Ong bay.

(2)Những bầy **ong** mải miết **bay** để tìm hoa, làm mật cho đời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 4P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

\*Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy nối cột A với cột B để tạo thành các câu có thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ một cách hợp lý

**Cột A Cột B**

|  |  |
| --- | --- |
| Những cơn mưa rào. | phát ra từ chiếc ra deo cũ của ông nội. |
| Tuổi thơ của tôi. | thong thả bơi giữa cánh đồng mùa nước nổi. |
| Tiếng rè rè đứt quãng. | đột ngột kéo tới, làm trắng cả đất trời. |
| Bầy vịt xiêm trắng muốt. | gắn với dòng sông xanh, cánh đồng vàng và những buổi trưa hè đầy nắng. |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Dự kiến sản phẩm**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Viết đoạn văn theo yêu cầu trong phần vận dụng

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài: *Ngàn sao làm việc*

**TIẾT:8-9 VĂN BẢN 3: NGÀN SAO LÀM VIỆC**

**( Võ Quảng)**

**Ngày soạn: 14/09/2023**

**Ngày dạy: …/09/2023**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách đọc một văn bản thơ.

+ Nhận biết thể thơ, tìm hiểu ngôn ngữ thơ một đơn các hình ảnh và biện pháp tu từ đơn và nội dung văn bản thơ.

+ Xác định được đề tài, chủ đề của bài thơ.

+ Xác định tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

+ Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của bản thân do văn bản đã đọc gợi ra.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết cách đọc một văn bản thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Mở rộng tâm hồn để quan sát và cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên quanh ta. Biết yêu quí tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 7p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** **Ngôn ngữ của những vì sao.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**CHÒM SAO THIÊN NGA**

**\* Đánh giá kết quả thực hiện**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 69P)**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề chung về tác giả, tác phẩm.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu ví dụ bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**  **Kĩ thuật: Tia chớp**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể thơ |  | | Cách gieo vần |  | | Cách ngắt nhịp |  | | Phương thức biểu đạt |  | | Bố cục |  | | Mạch cảm xúc |  | | Ý nghĩa nhan đề |  |   **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Hs tìm hiểu chú thích**  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Khung cảnh chiều tối ở làng quê**  a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu hai khổ thơ đầu để thấy được khung cảnh chiều tối ở làng quê.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  \* Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm bàn( 5p)  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu khung cảnh chiều tối ở làng quê qua hai khổ thơ đầu.  1, Cảnh vật ở hai khổ thơ đầu được miêu tả trong khoảng thời gian, không gian nào?  2, Theo em nhân vật “tôi” trong bài thơ là ai? Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật “tôi” trong hai khổ thơ đầu?  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.        **2, Vẻ đẹp của sao trong sự quan sát, tưởng tượng của “tôi”.**  a) Mục tiêu: học sinh tìm hiểu ba khổ thơ tiếp theo để thấy được vẻ đẹp của sao trong sự quan sát, tưởng tượng của “tôi”.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **?** Nêu đặc điểm, hoạt động của những vì sao?  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**    - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **III. Tổng kết**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Thể thơ năm chữ dễ nhớ dễ thuộc kết hợp với nhịp thơ đều đặn tạo nên tiết tấu rộn ràng, tươi vui cho bài thơ.  + Các biện pháp tu từ liệt kê, so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ được sử dụng khéo léo để tạo nên bức tranh làng quê khi chiều tối cũng như bức tranh lao động của ngàn sao vô cùng sinh động, hấp dẫn.  **2, Nội dung:**  **Đề tài:** Khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống làng quê.  **Chủ đề:** Khung cảnh bình dị mà đẹp đẽ của bầu trời đêm và cuộc sống lao động hăng say, rộn rã của những người nông dân nơi làng quê. Tâm hồn trẻ thơ hồn nhiên trong sáng, yêu thiên nhiên sống hòa mình với thiên nhiên.  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  1, Tác giả:  - Võ Quảng (1920-2007), tại xã Đại Hòa huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam  - Là nhà văn nổi tiếng của Việt Nam  - Là người đầu tiên dịch tác phẩm Đôn Ki-hô-tê sang tiếng Việt dưới bút danh Hoàng Huy năm 1959  - Phong cách sáng tác: viết nhiều truyện và thơ cho thiếu nhi với lối viết giản gị, trong sáng, gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Nắng sớm (1965), Anh đom đóm (1970), Quê nội (1974)...  2, Văn bản  - Xuất sứ : - Trích Tuyển tập Võ Quảng, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1998  - Thể thơ: thơ năm chữ.  - Cách gieo vần: Các câu thơ giữa khổ bắt vần với nhau, cụ thể gieo vần chân: rậm- thẳm, tỉnh- đỉnh….  Câu thơ cuối của khổ trước vần với câu thơ đầu khổ sau: mò- no, sao- nao….  - Cách ngắt nhịp: Câu thơ ngắn, Nhịp thơ đều đặn trong từng khổ. Có những khổ ngắt nhịp 3/2, có những khổ 2/3  - PTBĐ: biểu cảm  - Bố cục:  Phần 1- hai khổ thơ đầu khung cảnh chiều tối ở làng quê.  Phần 2- 4 khổ thơ còn lại: vẻ đẹp của trời sao trong sự quan sát, liên tưởng và tưởng tượng của tôi.  -Mạch cảm xúc của bài thơ được sắp xếp theo trình tự thời gian: từ chiều đến tối rồi về đêm và kết thúc khi hừng đông. Cùng với đó là quá trình xuất hiện, tỏa sáng và tắt lặng của các vì sao trên bầu trời.  - Ý nghĩa nhan đề  Nhận xét chung:  Nhan đề giàu sức gợi hình gợi không gian trở nên minh mông thăm thẳm và lung linh như ánh sao. Khung cảnh vừa đẹp đẽ, thơ mộng, diệu kì.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Khung cảnh chiều tối ở làng quê**  + Khung cảnh đồng quê khi chiều tàn đẹp tĩnh lặng, bình yên mà vẫn đẹp đẻ, lung linh diệu kỳ qua sự quan sát tinh tế của “tôi”.  + Nhân vật “tôi” hiện lên với tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, vui thích chiêm ngưỡng bầu trời đêm.    **2, Vẻ đẹp của sao trong sự quan sát, tưởng tượng của “tôi”.**  + Bức tranh lao động của ngàn sao trong hình dung, liên tưởng của nhân vật “tôi”hiện lên vô cùng sống động, rộn xã tươi vui nhưng cũng bình dị, gần gũi.  + Gợi sự chăm chỉ của người nông dân và tâm hồn mộc mạc của những người lao động với làng quê.  **III, TỔNG KẾT**  **1, Nghệ thuật:**  + Thể thơ năm chữ dễ nhớ dễ thuộc kết hợp với nhịp thơ đều đặn tạo nên tiết tấu rộn ràng, tươi vui cho bài thơ.  + Các biện pháp tu từ liệt kê, so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ được sử dụng khéo léo để tạo nên bức tranh làng quê khi chiều tối cũng như bức tranh lao động của ngàn sao vô cùng sinh động, hấp dẫn.  **2, Nội dung:**  **Đề tài:** Khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống làng quê. **Chủ đề:** Khung cảnh bình dị mà đẹp đẽ của bầu trời đêm và cuộc sống lao động hăng say, rộn rã của những người nông dân nơi làng quê. Tâm hồn trẻ thơ hồn nhiên trong sáng, yêu thiên nhiên sống hòa mình với thiên nhiên. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 7p)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

 Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.



**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 7p)**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Từ ngữ địa phương của ba miền.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm đọc cuốn sách “ Bầu trời tuổi thơ” ( Nguyễn Quang Riệu).

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập- **Chuẩn bị bài sau:..**

**TUẦN 3**

**TIẾT:9,10,11** **TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU**

**KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI**

**Ngày soạn: 18/09/2023**

**Ngày dạy:**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Thấy được tầm quan trọng của kĩ năng tóm tắt văn bản phục vụ nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích luỹ tài liệu.

- Nắm được yêu cầu và quy trình tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Thực hành tóm tắt nội dung của một văn bản đã học theo độ dài khác nhau.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

- Tóm tắt nội dung của một văn bản đã học theo độ dài khác nhau.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tiếp cận văn bản cẩn thận, tỉ mỉ

- Tự tóm tắt văn bản theo độ dài khác nhau, giúp việc đọc văn bản nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 9p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đâu không phải là yêu cầu khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ?

A, Tóm lược đúng và đủ các sự việc, các phần, các đoạn hoặc ý chính trong văn bản.

B, Thể hiện được mối quan hệ giữa các phần, các đoạn chính của văn bản.

C, Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn tóm tắt.

D, Sử dụng các từ khoá, cụm từ thể hiện được nội dung chính của văn bản.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

Dự kiến: C

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Nhưng hôm nay chúng ta sẽ không dùng tóm tắt bằng sơ đồ mà dùng các đoạn văn để chúng tóm tắt. Vậy yêu cầu và cách thức của việc tóm tắt văn bản bằng một đoạn văn thì nó có gì giống và khác không so với kiểu dạng bài đã tóm tắt văn bản bằng sơ đồ của chương trình lớp 6 mà chúng ta đã học thì chúng ta có dạng thứ hai đó là viết văn bản tóm tắt.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 36P)**

**Hoạt động 1: 1, Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài**

**a. Mục tiêu:** học sinh nắm được Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài....

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS **.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  1. Văn bản tóm tắt là gì?  2. Vai trò của văn bản tóm tắt?  \* Dự kiến sản phẩm  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nội dung** | + Phản ánh ĐÚNG nội dung của văn bản gốc.  + Trình bày được những ý CHÍNH của văn bản gốc, những điểm quan trọng của văn bản gốc.  + Sử dụng các từ ngữu quan trọng của văn bản gốc. | | **Hình thức** | + Đáp ứng các yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.  + Văn bản tóm tắt thường có hình thức là một đoạn văn. |   **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **2, Phân tích văn bản tóm tắt tham khảo.**  a)Mục tiêu: học sinh thông qua Phân tích văn bản tóm tắt tham khảo để …  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Đọc hai văn bản “ Sơn Tinh và Thuỷ Tinh” trong SGK, sau đó hãy chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản tóm tắt này?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Điểm khác nhau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Điểm khác nhau:** | **Hình thức** | Văn bản 1 có dung lượng ngắn gọn chỉ gồm có 4 câu | | Văn bản 2 có dung lượng dài hơn văn bản 1, gồm 12 câu. | | **Nội dung** | Văn bản 1: Giới thiệu các thông tin trọng yếu nhất về nhân vật, sự kiện của tuyền thuyết. | | Văn bản 2:  + Bổ sung thêm các chi tiết cụ thể về bối cảnh “vua muốn kén cho con người chồng thật xứng đàng”.; về yêu cầu lễ vật của vua Hùng; về diễn biến của cuộc chiến giữa hai vị thần; về hành động báo thù rửa nhục của Thuỷ Tinh.  + Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc” “ chúa mienf non cao”, “ chúa miền nước thẳn”, “ lễ vật”, “hô mưa gọi gió”, “dâng nước lên cuồn cuộn”, “ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi”… |   **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **3, Quy trình tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Để tóm tắt một văn bản hoàn chỉnh ta cần thực hiện đầy đủ các bước nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **1, Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.**  **2, Phân tích văn bản tóm tắt tham khảo.**  **Điểm giống nhau:**  + Phản ánh trung thành nội dung chính của truyền thuyết Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  + Ghi lại các nhân vật chính(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Hùng Vương, Mị Nương). Gắn liền với những sự việc chính( hai thần cầu hôn, cuộc chiến giành Mị Nương) của câu chuyện.  + Các sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian, đúng với trình tự sự việc trong văn bản gốc: giới thiệu bối cảnh, giới thiệu các nhân vật, kể lại diễn biến câu chuyện từ khởi đầu đén kết thúc.  **3, Quy trình tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài**  **Bước 1: Trước khi tóm tắt**  **Bước 2: Viết văn bản tóm tắt**  + Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc rheo một trình tự hợp lí.  + Dùng lười văn của mình kết hợp với các từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.  + Lưu ý yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.  **Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 83p)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung bài học?

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Tóm tắt văn bản “ Bầy chim chìa vôi” theo hai yêu cầu về độ dài: từ 4- 5 câu và từ 8-10 câu?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Bài 1:** Tóm tắt văn bản “ Bầy chim chìa vôi” theo hai yêu cầu về độ dài: từ 4- 5 câu và từ 8-10 câu?

**Bước 1:** Xác định nội dung chính văn bản cần tóm tắt: Chuyện hai anh em mên và Mon đi đò ra giữa sông để cứu tổ chim chìa vôi sắp bị ngập nước ngay trong đêm và tâm trạng xúc động của hai anh em, khi chứng kiến đàn chim cất mình bay lên khỏi mặt nước, vào bờ an toàn trong buổi sáng hôm sau.

**Bước 2:** Tìm ý chính của từng phần:

**Bối cảnh:**

+ Ở tại ngôi làng en sông

+ Vào đêm khuya khi trời đổ mưa lớn.

**Nhận vật Mon , Mên**

+ Cuộc trò chuyện của hai anh em Mên- Mon trong đêm mưa, nỗi lo lắng của hai anh em cho lũ chim chìa vôi non ở bãi cát giữa sông.

+ Hai anh em bàn bạc tìm cách mang lũ chim vào bờ và quyết định lấy đò chèo ra bãi cát giữa sông ngay trong đêm mưa.

+ Tâm trạng hồi hộp, xúc động của hai anh em khi chứng kiến lũ chim cất cánh bay khỏi dòng nước dữ vào bờ khi bình minh lên.

**Nhận xét về quan hệ của từng phần nội dung văn bản?**

Các sự việc trong truyện được sắp xếp theo trình tự thời gian và mối quan hệ nhân quả, tất cả đều xoay quanh hai nhân vật chính là Mên và Mon.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần 1** | “ mưa vẫn to”, “ nước sông dâng cao, xiên xiết chảy”, “ sắp ngập mất bãi cát rồi”, “ những con chim chì vôi non chết đuối mất”. |
| **Phần 2** | “ tổ chim ngập mất”, “ phải mang nó vào bờ”, “ lấy đò của ông Hào mà đi” |
| **Phần 3** | “ một cảnh tượng như huyền thoại”, “ những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên”, “ vẫn đứng không nhúc nhích”, “ đã khóc từ lúc nào”. |

**Bước 3:** Các từ ngữ quan trọng trong mỗi phần văn bản.

**Bước 4: Xác định yêu cầu độ dài: 4-5 câu, 8-10 câu**

**Tham khảo đv tóm tắt( 4-5 câu):** Vào một đêm mưa to, trong ngôi nhà ven sông, hai anh em Mên và Mon trò chuyện về việc nước sông lên cao và tập tính làm tổ, nuôi con ở dải cát giữa sông của bầy chim chì vôi. Hai anh Mên Mon lo lắng tổ chim chì vôi sẽ bị chìm mất. Hai đứa bé quyết định trốn bố, lấy đò chèo ra bãi sông cứu lũ chim ngay trong đêm mua. Hia anh em không ra được bãi sông vì mưa lớn, nước chảy xiết nhưng khi bình minh ló rạng, hia anh chứng kiến khoảnh khắc nhwungx chú chim non cất cánh bay lên khoit mặt nước, vào bờ an toàn. Cả hai cùng sung sướng, lặng lẽ khóc.

**Tham khảo đv tóm tắt( 8-10 câu):** Mên và Mon là hai anh em trong một gia đình sống trong một ngôi làng ven sông. Giữa đêm, hai anh em thức dậy, trò chuyện về lũ chim chìa vôi con ngoài baĩ cát giữa sông. Bên ngoài trời “**mưa vẫn to”,** “ **nước sông dâng cao, xiên xiết chảy”,** hai anh em lo lắng **“ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất”**. Khi **thấy “mưa vẫn trút xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phên cửa liếp cành cạnh**”, hai đứa trẻ quyết định **“ phải mang chúng nó vào bờ”** và ngay trong đêm mưa to, gió lớn, chúng **“ cứ lấy đò của ông Hào mà đi”**. Sáng hôm sau, khi ánh bình minh lên, nước sông đã **“ nuốt chửng” phần còn lại của bãi cát, hai đứa trẻ được chứng kiến “một cảnh tượng như huyền thoại”, “ những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên”..** Một cánh chim bị đuối sức, rơi nhào xuống mặt sông, nhưng khi vừa chạm đến mặt nước thì đã vùng sức bay lên. Cả bầy chim chì vôi đã bay vào bờ an toàn. Chứng kiến cảnh tượng đó, hai anh em “ **vẫn đứng không nhúc nhích”** và nhận ra chúng “ **đã khóc tự lúc nào”.**

**\* Báo cáo kết quả:**

- Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 7P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Theo em, khi tóm tắt các văn bản nghị luận, ta có thể tìm ý chính và sắp xếp ý chính của văn bản gốc như thế nào?

**Bước 2: Dự kiến sản phẩm**

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:......................

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Thuộc nội dung và nghệ thuật.

- Hoàn thành đoạn văn

Chuẩn bị : Nói và nghe

TIẾT**:13. NÓI VÀ NGHE VỀ VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.

+ Xác định được mục đích và yêu cầu của tiết nói và nghe: trao đổi về vấn đề mà em quan tâm.

+ Nắm được quy định thực hiện các bước khi trao đổi với người khác về một vấn đề mà em quan tâm.

+ Thực hành thuần thục việc trao đổi về vấn đề mà mình quan tâm với mọi người xung quanh.

+ Tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kỹ năng của người trình bày nếu là người nghe

.**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Nói và nghe về một vấn đề mà em quan tâm.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành thói quen lắng nghe người khác chia sẻ suy nghĩ, quan điểm của họ về một vấn đề nào đó. Cởi mở khi chia sẻ những ý kiến của bản thân và tôn trọng ý kiến khác biệt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 5p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Mạng xã hội có lợi hay có hại?

Bạn có thể giải thích rõ hơn về quan điểm được không?

Bạn có thể đưa thêm các bằng chứng khác không?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

Đây chính là những tình huống khi chúng ta tiến hành một tiết học “ Nói và nghe” đặc biệt là khi chúng ta cùng trao đổi, bàn luận về mọt cái vấn đề, một chủ đề nào đó mà chungs ta cùng quan tâm. Đấy cũng chính là hình dung của thầy về cái diễn biến của buổi học khi chúng ta “ Nói và nghe” về chủ đề mà các bạn đang quan tâm. Có thể là một chủ đề trong cuộc sống, cũng có thể là một chủ đề trong trường học, trong quá trình học tập của các em.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 20P)**

**I, Yêu cầu**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu của bài nói.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, thời gian và không gian nói?

**Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

|  |  |
| --- | --- |
| Đề tài | Vấn đề mà em cho là quan trọng và có ý nghĩa đối với mọi người. |
| Mục đích | Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa. |
| Người nghe | + Trong tiết học nói và nghe tại nước: các bạn học sinh trong lớp và các thầy cô giáo.  + Trong tình huống khác: người nghe là những ai quan tâm đến vấn đề mà bạn trình bày. |
| Địa điểm | Trong lớp học, trong gia đình, trong buổi trò chuyện với bạn bè. ... |
| Thời gian trình bày bài nói. | Trình bày bài nói trong khoảng năm đến bẩy phút. |

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**II,** **CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NÓI**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được chuẩn bị trước khi nói cần những gì?

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu ví dụ bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**NHÓM 1:** Làm thế nào để tìm đề tài cho bài trình bày?

**NHÓM 2:** Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày như thế nào?

**NHÓM 3:** Tìm ý và lập dàn ý.

**NHÓM 4:** Tập luyện trước khi nói.

**Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**1, Chuẩn bị nội dung bài nói**

a)Tìm đề tài cho bài trình bày.

Đề tài có thể được gửi ra từ văn bản trên ta đã đọc một sự việc hay hiện tượng đời sống.

**Tham khảo một số đề tài:** Trẻ em với việc bảo vệ môi trường tự nhiên.

Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ tivi, điện thoại, máy tính.

Trẻ với nguyện vọng được người lớn lắng nghe và thấu hiểu.

Bạo hành trẻ em trong gia đình, ngoài xã hội.

Trẻ em được học tập .

b) Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày.

+ Nhớ lại những trải nghiệm của em.

+ Tìm thêm thông tin liên quan từ các nguồn khác như: trên sách báo, các phương tiện nghe nhìn, các trang Web uy tín, trong thực hiện trường,. …

**Tác dụng:** gợi ra cho em những ý tưởng về vấn đề đang trao đổi và có thêm những thông tin khi em đồng tình hay phản đối ý kiến của cùng người khác

**c) Tìm ý và lập dàn ý.**

**Mở bài:** Giới thiệu vấn đề em quan tâm và mời mọi người lắng nghe để cùng trao đổi.

**Thân bài:**

+ Trình bày biểu hiện và thực trạng vấn đề.

+ Tác động của vấn đề đó đối với trẻ em ( tác động tiêu / tích cực)

+ Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp để khắc phục phát huy.

**Kết bài:**

+ Bài học rút ra sau khi bàn luận.

+ Đưa ra lời kêu gọi hoặc thông điệp về vấn đề.

d) Tập luyện trước khi nói.

**2, Tập luyện trước khi nói**

+ Tập luyện một mình.

+ Tập luyện với người khác.

**Với bài trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm, hình thức tập luyện tốt nhất là theo nhóm. Các thành viên luân phiên nói, nghe và góp ý cho nhau để rút kinh nghiệm.**

**3, Trình bày nài nói**

**Với người nói:**

**Quy trình triển khai bài nói:**

**Mở đầu:**

+ Chào mọi người, giới thiệu vấn đề mình sẽ trình bày trong bài nói.

+ Có thể bắt đầu bằng những hình ảnh, đoạn video ấn tượng; mở đầu bằng một câu chuyện; mở đầu bằng cách đặt câu hỏi cho người nghe … để dẫn dắt vào vấn đề.

**Triển khai:**

+ Trình bày các khía cạnh của vấn đề( giải thích biểu hiện, thực trạng, tác động, nguyên nhân, giải pháp). …

+ Chú ý dùng những lý lẽ và các bằng chứng giầu sức thuyết phục và ngôn ngữ trình bày khơi gợi sự trao đổi đối thoại của người nghe.

+ Sử dụng từ ngữ để liên kết các ý trong bài trình bày như **trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy,** giúp cho các ý chính được thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.

**Kết thúc:**

**+** Đánh giá khái quát về vấn đề ,đưa ra thông điệp/ lời khuyên.

+ Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý.

**Với người nghe:**

+ Tập trung lắng nghe phần trình bày của bạn.

+ Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày, đánh dấu những nội dung quan trọng, những điểm chính yếu của bài nói. + Quan sát cách thức trình bày và thái độ của bạn.

+ Ghi lại những điều muốn trao đổi với bạn (góp ý, thảo luận thêm làm rõ vấn đề, phản đối quan điểm của bạn..)

4, **Trao đổi sau khi nói**

**Với người nói:**

+ Tiếp thu những ý kiến mà em cho là xác đáng, có thể dùng cấu trúc câu: **cảm ơn ý kiến đóng góp của bạn, tôi sẽ tiếp thu để bài nói của mình hoàn thiện hơn.**

+ Bổ sung lý lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu thấy ý kiến đó đúng, có thể dùng cấu trúc câu: cảm ơn bạn đã góp ý nhưng tôi xin bổ sung những lý lẽ bằng chứng để khẳng định cho quan điểm của mình….Tôi nghĩ rằng ý kiến của bạn chưa hợp lí bởi vì…..

**Với người nghe:**

+ Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đã trao đổi. Có thể dùng cấu trúc câu: **Tôi hoàn toàn đồng ý với lý lẽ, bằng chứng của bạn đưa ra, nhưng xin bổ sung thêm….**

+ Về lý lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng: **Những bằng chứng mà bạn đưa ra không thuyết phục, vì…. Tôi đã tìm hiểu về vấn đề bạn đưa ra, nên tôi thấy ý kiến của bạn trước lý, cụ thể….**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 15p)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**Lập dàn ý cho đề tài:** Trao đổi về hiện tượng trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại điện thoại, máy tính.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**1, Mở đầu:**

+ Hiện tượng trẻ em sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại rất phổ biến, không chỉ ở thành phố lớn mà cả ở các vùng nông thôn, không chỉ các bạn thiếu niên mà ngay cả các bạn nhỏ.

+ Hiện tượng này có đã và đang tác động thế nào tới sức khỏe, tâm lý, học tập, sinh hoạt, thói quen …của trẻ em?

**2, Triển khai:** **Trình bày các khía cạnh của vấn đề:**

* Tác động tích cực:

+ Trẻ em được sớm làm quen với các thiết bị công nghệ, những thứ sử dụng làm công cụ học tập, làm việc, giải trí, liên lạc sau này.

+ Trẻ được tiếp cận nguồn thông tin phong phú trên mạng internet để mở mang kiến thức.

+ Trẻ có kho nội dung giải trí sinh động phong phú.

+ Trẻ có phương tiện liên lạc với người thân, phương tiện học tập online…

* Tác động tiêu cực.

+ Ảnh hưởng xấu tới sức khỏe thể chất của trẻ: thị lực bị suy giảm, sức khỏe giảm sút, cơ thể suy nhược, khi dành quá nhiều thời gian xem điện thoại máy tính.

+ Ảnh hưởng tới sức khỏe tinh thần của trẻ: trẻ dễ dàng bị nghiện xem điện thoại, máy tính; khả năng tập trung trong học tập giảm sút., mất hứng thú với các hoạt động thực tế; suy nghĩ lệch lạc khi xem những nội dung xấu, độc từ mạng Internet, dễ bị tổn thương hoặc bị lừa gạt trên các mạng xã hội….

+ Ảnh hưởng tới những thói quen: lười vận động, lười suy nghĩ, lười đọc sách, học theo điện thoại quen xấu trên các mạng.

+ Ảnh hưởng tới cuộc sống và học tập: sống khép mình, thiếu sự quan tâm, gắn kết với gia đình, bạn bè., không tập trung vào việc học tập.

* **Nguyên nhân:**

+ Chủ quan: cho trẻ chưa có nhận thức đầy đủ và thiếu các kỹ năng để sử dụng an toàn, hiệu quả các thiết bị công nghệ.

+ Khách quan: sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ là xu thế tất yếu của xã hội; gia đình chưa quan tâm giám sát; nhà nước chưa có các giải pháp quyết liệt, hiệu quả để kiểm soát các nội dung trực tuyến…

* **Giải pháp:**

+ Trẻ em cần được dạy cách sử dụng các thiết bị công nghệ hiệu quả, an toàn; phải tuân thủ những nguyên tắc khi dùng các thiết bị công nghệ.

+ Gia đình, nhà trường và xã hội cần quan tâm hơn đến chăm sóc trẻ em; tạo những sân chơi, hoạt động học tập, vui chơi giải trí lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện.

**3, Kết thúc.**

Đánh giá chung vấn đề, nêu thông điệp: hãy làm chủ bản thân, ta sẽ làm chủ được các thiết bị công nghệ để nó phục vụ cuộc sống

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5p)**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Từ ngữ địa phương của ba miền.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy trao đổi với các bạn trong nhóm những vấn đề cần bàn luận trong học tập.

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

**Chuẩn bị bài sau:..ĐỒNG DAO MÙA XUÂN**

**CHỦ ĐỀ 2** : **KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**TIẾT:14-15**

**TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**ĐỌC VĂN BẢN: ĐỒNG DAO MÙA XUÂN( NGUYỄN KHOA ĐIỂM)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách đọc một văn bản thơ.

+ Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ qua thể thơ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp.

+ Nhận biết và nhận xét được những đặc sắc về nội dung của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ. Đồng thời xác định được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

+ Xác định được đề tài chủ đề của bài thơ.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Đọc được một văn bản thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng, tự hào và biết ơn những hy sinh của thế hệ cha anh đi trước trong công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc. Vun đắp tình yêu với thiên nhiên quê hương đất nước, với con người xung quanh, với cuộc sống hoà bình mà chúng ta đang trải qua.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 5p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hình ảnh những người lính trong thời bình.

Quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết những ảnh này gợi cho em suy nghĩ gì về nhiệm vụ của những người lính trong thời bình?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Những hình ảnh thật quen thuộc ý nghĩa, thân thương mà cũng đầy thiêng liêng gợi nhắc chúng ta về hình ảnh của người lính, hình ảnh của những con người đẹp đẽ, sẵn sàng hi sinh thầm lặng và anh dũng chiến đấu và hi sinh cho độc lập tự do cho Tổ quốc, kể cả những năm tháng thời bình. Nhưng lật ngược lại những trang sử của đất nước, nói đến người lính là nói đến những con người quả cảm vô cùng, nhiệm vụ chính của họ là chiến đấu và phẩm chất nổi bật của họ là dũng cảm. Họ đã sẵn sàng chấp nhận hi sinh, hi sinh cả thanh xuân, hi sinh cả biết bao nhiêu máu thịt cho độc lập tự do của dân tộc, cho trái tự do được đâm hoa kết trái, cho đất nước mình nhìn thấy mùa xuân. Ngày hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu một bài thơ thật hay, thật xúc động viết về đề tài người lính, có hình ảnh trung tâm là hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ, bài thơ “ Đồng dao mùa xuân”…

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn ( 25p)**

a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

1. **Thể thơ bốn chữ**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhóm 1:**

Mỗi dòng thơ có mấy tiếng, số lượng các dòng thơ trong một khổ có bao nhiêu dòng, có giới hạn số dòng không?

Hạt gạo làng ta

Có vị phù sa

Của sông Kinh Thầy

Có hương sen thơm

Trong hồ nước đầy

Có lời mẹ hát

Ngọt bùi đắng cay…( Hạt gạo làng ta-Trần Đăng Khoa.)

**Nhóm 2:** Xác định cách gieo vần trong đoạn thơ sau:

Chim bay, chim s**à**  
Lúa tròn bụng s**ữa**  
Đồng quê chan ch**ứa**Những lời chim c**a**.

( Com chim chiền chiện- Huy Cận)

**Nhóm 3:** Xác định cách ngắt nhịp trong đoạn thơ sau:

Chú bé /loắt choắt  
Cái xắc/ xinh xinh  
Cái chân /thoăn thoắt  
Cái đầu /nghênh nghênh

**( Lượm- Tố Hữu)**

Gà đâu/ túi bụi.

Gáy sáng/ đằng đông.

Tắt / ngọn đèn lồng.

Đóm/ lui về nghỉ.

**(Anh đom đóm- Võ Quảng)**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**a)Đặc điểm nhận biết:**

+ Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**b)Cách gieo vần**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng**

**=> Vần hỗn hợp**

**c)Nhịp thơ:** Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp: 2/2; 1/3 hoặc 3/1) =>Cách ngắt nhịp linh hoạt.

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

1. **Thể thơ năm chữ**
2. **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhóm 1:** Mỗi dòng thơ có mấy tiếng, số lượng các dòng thơ trong một khổ có bao nhiêu dòng, có giới hạn số dòng không?

Sông Ngân hà nao nao  
Chảy giữa trời lồng lộng  
Sao Thần Nông toả rộng  
Một chiếc vó bằng vàng  
Đón những sao dọc ngang  
Như tôm cua bơi lội  
( Ngàn sao làm việc- Võ Quảng.)

**Nhóm 2:** Xác định cách gieo vần trong đoạn thơ sau:

Tiếng hót trong bằng nước

Tiếng hót cao bằng **mây**

Những làn gió thơ **ngây** Truyền âm thanh đi khắp

( Chuyện cổ tích về loài người – Xuân Quỳnh)

Này con gà mái mơ

Khắp mình hoa đốm trắng

Này con gà mái vàng

Lông óng như màu nắng

(Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh. )

Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ **quốc**

Vì xóm làng thân **thuộc**

Bà ơi, cũng vì **bà**

Vì tiếng **gà** cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ

(Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh. )

**Nhóm 3:** Xác định cách ngắt nhịp trong đoạn thơ sau:

Chúng em trong bản nhỏ

Phơi thật nhiều cỏ thơm.

Để mùa đông đem tặng

Ngựa biên phòng yêu thương

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi/ con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**a)Đặc điểm nhận biết:**

+ Mỗi dòng thơ gồm năm chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**b)Cách gieo vần**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân( quốc- thuộc)**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng(bà- gà)**

**=> Vần hỗn hợp**

**c)Nhịp thơ:** Thơ năm chữ thường ngắt nhịp: 2/3; 3/2 hoặc 1/4 => Cách ngắt nhịp linh hoạt

Điểm giống nhau giữa thơ bốn chữ năm chữ?

+ Đều là những thể thơ gần gũi, nhất là với trẻ thơ vì các thể thơ này thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè.

+ Sử dụng hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với việc kể chuyện.

Vai trò của vần và nhịp trong thơ là gì?

+ Vần có vai trò liên kết các câu thơ và khổ thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhịp điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

+ Nhịp thơ có tác dụng tạo tiết tấu làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ.

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**Nội dung 2: Tìm hiểu văn bản ( 50p)**

**â)**Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | **Thể thơ** |  | | **Cách gieo vần** |  | | **Ngắt nhịp** |  | | **PTBĐ chính** |  | | **Bố cục** |  | |  | | |  | |   **Nhận xét đặc điểm hình thức của bài thơ?**  Bài thơ được sáng tác theo thể thơ bốn chữ dễ nhớ, dễ thuộc. Nhịp thơ linh hoạt, tạo giọng thơ từ tốn, chậm rãi, phù hợp với sự hồi tưởng đồng thời thể hiện sự thay đổi tinh tế trong mạch cảm xúc của tác giả.  **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhận xét về bố cục và mạch cảm xúc của bài thơ?**  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu Hình ảnh người lính trong những năm chiến tranh.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\*Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **Thảo luận nhóm bàn ( 5p)**  **Câu 1:** Em có nhận xét gì về câu thơ **“Có một người lính?”** (câu thơ được xuất hiện mấy lần? sự xuất hiện này có ý nghĩa gì?)  **Câu 2:** Ở khổ thơ đầu và khổ thơ thứ ba, hình ảnh người lính trong kí ức của đồng đội hiện lên với những chi tiết nào? Tìm hiểu những chi tiết này, em nhận xét gì về chân dung người lính trong “những năm máu lửa”?  **Câu 3:** Ở khổ thơ thứ hai và thứ tư, hình ảnh người lính khắc hoạ gắn với điều gì? Em có nhận xét gì về cách dùng biện pháp tu từ trong hai khổ thơ này của tác giả?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu bối cảnh chung và bối cảnh riêng của truyện?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Câu 1:** Câu thơ **“Có một người lính?”** được điệp lại hai lần, mở đầu các khổ thơ (khổ một và khổ ba)  Tác dụng của điệp ngữ **“Có một người lính?”**  **+** Mỗi lần câu thơ vang lên là một hình ảnh, một ấn tượng trong ký ức lại ùa về trong lòng tác giả, gắn liền với người đồng đội năm xưa.  + Nhấn mạnh sự hiện diện của người lính nơi chiến trường đồng thời khẳng định hình ảnh của anh sẽ còn tồn tại mãi trong ký ức của đồng đội và nhân dân.  **Câu 2:**  **Hành động:**  “ Đi vào núi xanh- Những năm máu lửa”  **Thời gian:** “Những năm máu lửa-> Hoán dụ -> Để chỉ hoàn cảnh chiến tranh gian khổ, ác liệt với nhiều mất mát hy sinh.  **Không gian: “** núi xanh”-> hoán dụ-> Hình ảnh thiên nhiên núi rừng Trường Sơn hoang vu, khắc nghiệt, đây cũng chính là chiến trường nơi mà người lính sẽ chiến đấu.  =>**Hành động** “đi vào núi xanh” cho thấy người lính tự nguyện tham gia chiến đấu, sẵn sàng đối diện với những gian khổ thiếu thốn, những hiểm nguy và cả những hy sinh mất mát.  => Hành động anh dũng, quả cảm ấy cũng là lựa chọn chung của bao chàng trai thời chiến. Đây cũng là hành động thể hiện tình yêu tổ quốc, trách nhiệm với quê hương của những người lính trẻ.  **Tác giả đã liệt kê những chi tiết khắc họa hình ảnh những người lính.**  **+ “Chưa một lần yêu**”- chưa từng trải nghiệm sự rung động của tình yêu đôi lứa, thứ tình cảm mãnh liệt, say mê, đẹp đẽ,  kỳ diệu.  + “**Cà phê chưa uống**”- chưa từng biết đến hương vị của cà phê, của cuộc sống sung túc đủ đầy.  + “Còn mê thả diều”- vẫn say mê với thú vui con trẻ, với tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, bay bổng.  =>Hình ảnh người lính trẻ trung, còn mang những nét hồn nhiên, trong sáng đi vào chiến trường khốc liệt. Biết bao điều đẹp đẽ thú vị của một cuộc đời nhưng anh chưa được trải nghiệm những điều ấy càng làm ta thêm xót xa trước sự hy sinh của người lính trước độ tuổi thanh xuân.  **Câu 3:**  **Sự hy sinh của người lính.**  **Một ngày hoà bình Anh không về nữa.**  Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh=> Cách nói “anh không về nữa” để giảm nhẹ cảm giác đau đớn, xót xa trước sự hy sinh của người lính.  Độ dài của khổ thơ=> rút ngắn chỉ gồm hai câu thơ =>tạo nên sự hụt hẫng trong lòng người đọc, tựa như một khoảng lặng, một nốt trầm một nỗi trống vắng mênh mông không gì có thể lấp đầy trong lòng nhà thơ khi đồng đội hy sinh.  **Một lần bom nổ Khói đen rừng chiều Anh thành ngọn lửa Bạn bè mang theo**  Hoàn cảnh hy sinh của người lính:  + không gian- rừng  + thời gian- chiều  + âm thanh- hình sắc khói đen  **=>sự hoang tàn, khốc liệt của chiến tranh.**  **Hình ảnh người lính** “Anh thành ngọn lửa” đối lập  khung cảnh tối tăm của khói bom và nét ảm đạm của rừng chiều. Trong giờ phút hy sinh, hình ảnh anh rực lên tỏa sáng.  Hình ảnh thơ:  **Anh thành ngọn lửa Bạn bè mang theo**  Ngọn lửa soi tỏ sự tàn bạo, kinh hoàng của chiến tranh, soi tỏ cả sự hy sinh anh dũng của người lính.  Hình ảnh đó sẽ không bao giờ mở phai trong ký ức của nhà thơ, của bạn bè đồng đội, trở thành ngọn lửa soi đường để họ bước tiếp con đường mà anh đang đi, tiếp thêm sức mạnh để họ hoàn thành sứ mệnh mà anh còn dang dở.  Nhận xét về hình ảnh người lính trong những năm máu lửa?  Hình ảnh người lính trẻ, đã bỏ lại phía sau biết bao điều đẹp đẽ của tuổi thanh xuân để lựa chọn đi vào chiến trường khốc liệt. Người lính đó đã chứng minh tình yêu với |Tổ quốc, trách nhiệm với quê hương bằng lòng quả cảm và sự anh dũng của mình.  Người lính đã hy sinh anh dũng giữa lúc tuổi thanh xuân đang rực rỡ nhất. Và chính sự hy sinh của anh đã trở thành động lực để những người đồng đội tiếp tục cầm súng bảo vệ độc lập dân tộc.  **Gv:** Bài thơ cũng có thể kết thúc ở đó, trong nỗi nhớ niềm thương, trong sự cả sự cảm phục lẫn xót xa khi người lính đã không còn trở về nữa nhưng nhà thơ đi xa hơn thế ở trong bài “ Đồng dao mùa xuân”. Thời gian vẫn cứ tiếp tục trôi và đất nước chiến tranh rồi đất nước lại hoà bình. Vậy hình ảnh người lính sẽ như thế nào đây trong lòng của dân tộc, trong lòng của những người ở lại, trong lòng của những thế hệ sau những em nhỏ lớn lên. Người lính vẫn còn đồng hành với đất nước nữa không thì nhà thơ thể hiện sự suy ngẫm về sự cống hiến, sự hi sinh, về những gì còn, mất của người lính trong những năm chiến tranh. Có lẽ đây mới là cái phần chính, cái phần mang lại cái sức nặng nội dung tư tưởng và cảm xúc của bài thơ này đó là phần thứ  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  2. **Hình ảnh người lính trong lòng đồng đội và nhân dân.**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu Hình ảnh người lính trong lòng đồng đội và nhân dân.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**    PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thảo luận nhóm bàn(5p)  **Câu 1:** Hãy tìm các chi tiết khắc họa hình ảnh người lính ở lại nơi chiến trường xưa trong tưởng tượng của tác giả qua các khổ thơ còn lại?  **Câu 2:** Ở phần đầu của bài thơ, tác giả có viết “Anh không về nữa”, nhưng đến cuối bài thơ ông lại viết “Theo chân người lính/ Về từ núi xanh” em hãy giải thích sự đối lập này và cho biết ý nghĩa của nó?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Dự kiến sp:**  Người lính vẫn ở lại nơi chiến trường:  **Mười, hai mươi năm**  =>Thời gian trôi qua mau, mọi điều đã đổi thay: chiến tranh đã lùi xa, tiếng đạn bom không còn, đất nước đã được thống nhất và hòa bình.  Những điều không thay đổi:  **“Anh không về nữa”->** Câu thơ được điệp lại như muốn hằn sâu sự mất mát, muốn khẳng định một sự thật nghiệt ngã của chiến tranh.  **“Anh vẫn một mình”->** Người lính vẫn nằm lại nơi chiến trường, xa bạn bè đồng đội, xa gia đình thân yêu. Câu thơ mang đậm nỗi ngậm ngồi thương cảm cho người lính đã hy sinh.  **“Trường Sơn núi cũ”->** Vẫn là khung cảnh hoang vu vắng vẻ của “núi xanh” nơi anh đã nằm lại.  => Sự đối lập giữa cái đổi thay và cái không thay đổi, niềm vui cuộc sống hòa bình với nỗi cô đơn của người lính nơi chiến trường. Điều này càng khắc sâu sự xót xa đau đáu của bạn bè, đồng đội khi nghĩ về sự hy sinh của người lính trẻ.  **Chân dung người lính trong ký ức đồng đội.**  + Trang phục: “Ba lô con cóc- Tấm áo màu xanh”-> bộ quân phục bình dị và đơn xơ.  + Ngoại hình: “Làn da sốt rét”-> dấu ấn của rừng thiêng nước độc, của thiếu thốn gian khổ đời lính.  + Cử chỉ: “Cái cười hiền lành”-> tâm hồn trong sáng, hiền hậu, vui tươi.  + Phong thái: “ Anh ngồi lặng lẽ- Dưới cột mai vàng”-> bình thản, khiêm nhường, bồi đắp cho mai vàng thêm rực rỡ, góp thêm vào mùa xuân đẹp tươi của đất nước.  +Tình cảm: thương nhớ “mùa xuân nhân gian” ->vẫn nhớ, vẫn thương, vẫn tha thiết với tuổi trẻ với mùa xuân, với cuộc đời. Nỗi nhớ thương dài theo năm tháng, rộng khắp nhân gian.  => Những chi tiết cụ thể, sống động cho thấy hình ảnh người lính dường như vẫn hẳn in trong ký ức, vẫn sống mãi trong trái tim của đồng đội dù thời gian trôi qua.  **Người lính hóa thân vào dáng hình xứ sở.**  **Dáng hình:** anh lẫn hòa trong màu hoa vàng rực rỡ nơi đại ngàn, trong sắc xuân tươi rộn rã đang về khắp nhân gian. **Mắt anh:** trong keo sâu thẳm hóa thành suối biếc giữa núi rừng.  **Vai anh:** vững vàng, chắc chắn gánh trên mình cả núi non. **Tuổi xuân của anh**: đang độ mười tám, đôi mươi nhập hoà vào “ngày xuân ngọt lành” cho đất nước hôm nay.  **Người lính hóa thân vào dáng hình xứ sở.**  Thân xác anh vẫn gửi lại nơi chiến trường xưa, tan hòa vào lòng đất mẹ quê hương, hóa thân kỳ diệu trong dáng cây ngọn cỏ, hình sông thế núi. Mùa xuân tươi đẹp, ngọt lành hôm nay được tạo nên từ chính những sự hy sinh của các anh và bao  người lính khác. Các anh còn sống mãi cùng mùa xuân đất nước.  Nhà thơ, cùng những người đồng đội, vẫn bắt gặp anh trong mỗi khung cảnh bình dị của quê hương, vẫn nhớ về anh tha thiết mỗi độ xuân về. Anh vẫn còn sống mãi trong ký ức của đồng đội, của nhân dân.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Hoạt động 3:Tổng kết**  a**. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố nội dung và nghệ thuật đã tìm hiểu.  **b. Nội dung:** Nội dung đã tìm hiểu  **c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và đề tài chủ đề của bài thơ?***  **? Hãy cho biết ý nghĩa nhan đề của bài thơ:** “Đồng dao mùa xuân”**?( Thảo luận cặp đôi)**  **Đồng dao:** thơ ca dân gian dành cho trẻ em, thường dùng trong các trò chơi tuổi thơ, trong những khúc hát ru và được viết bằng thể thơ bốn chữ.  **Mùa xuân:** khoảng thời gian ba tháng đầu tiên của một năm, lúc thiên nhiên cây cỏ căng đầy sức sống, con người tràn đầy niềm vui, hy vọng. Nó cũng gợi lên liên tưởng đến tuổi trẻ( tuổi xuân) – quãng thời gian tươi đẹp của con người.  **Nhan đề :** “Đồng dao mùa xuân” vừa gợi lên âm điệu của bài thơ nhịp nhàng, trong trẻo như khúc đồng dao của tuổi thơ. Đồng thời, nhan đề ấy cũng hé lộ chủ đề tác phẩm: bài thơ là khúc hát ngợi ca mùa xuân tươi đẹp, ngọt lành của thiên nhiên, cuộc đời và ngợi ca những con người đã hiến dân tuổi xuân của mình để làm nên mùa xuân cho quê hương, đất nước. | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1, Tác giả:** Nguyễn Khoa Điềm  + Sinh năm 1943, Thừa Thiên Huế. Thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, Nguyễn Khoa Điềm thường viết về tình yêu quê hương, đất nước với những suy tư sâu sắc.  + Tác phẩm tiêu biểu: Đất ngoại ô, Mặt đường khát vọng, Ngôi nhà có ngọn lửa ấm…  **2, Văn bản**  **- Thể thơ:** 4 chữ  **- Cách gieo vần**  + Bài thơ được gieo vần chân**: lính- bình, lửa- nữa …**  + Vần được gieo cách nhau=> **vần cách**.   * **Ngắt nhịp:**   + Nhịp chẵn : 2/2 quen thuộc  + Kết hợp với nhịp: 1/3  **=> Nhịp thơ linh hoạt.**  **- PTBĐ chính:** Biểu cảm  **- Bố cục:** 2 phần  + Bốn khổ thơ đầu: Hình ảnh người lính trong những năm chiến tranh.  + Năm khổ thơ cuối cuối: hình ảnh người lính trong lòng đồng đội và nhân dân.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Hình ảnh người lính trong những năm chiến tranh.**  + Hình ảnh người lính trẻ, đã bỏ lại phía sau biết bao điều đẹp đẽ của tuổi thanh xuân để lựa chọn đi vào chiến trường khốc liệt. Người lính đó đã chứng minh tình yêu với |Tổ quốc, trách nhiệm với quê hương bằng lòng quả cảm và sự anh dũng của mình.  + Người lính đã hy sinh anh  dũng giữa lúc tuổi thanh xuân đang rực rỡ nhất. Và chính sự hy sinh của anh đã trở thành động lực để những người đồng đội tiếp tục cầm súng bảo vệ độc lập dân tộc.  **2, Hình ảnh người lính trong lòng đồng đội và nhân dân.**  **+ Người lính vẫn ở lại nơi chiến trường:** Sự đối lập giữa cái đổi thay và cái không thay đổi, niềm vui cuộc sống hòa bình với nỗi cô đơn của người lính nơi chiến trường. Điều này càng khắc sâu sự xót xa đau đáu của bạn bè, đồng đội khi nghĩ về sự hy sinh của người lính trẻ.  **+ Chân dung người lính trong ký ức đồng đội.**  => Những chi tiết cụ thể, sống động cho thấy hình ảnh người lính dường như vẫn hẳn in trong ký ức, vẫn sống mãi trong trái tim của đồng đội dù thời gian trôi qua.  **+ Người lính hóa thân vào dáng hình xứ sở.**  Thân xác anh vẫn gửi lại nơi chiến trường xưa, tan hòa vào lòng đất mẹ quê hương, hóa thân kỳ diệu trong dáng cây ngọn cỏ, hình sông thế núi. Mùa xuân tươi đẹp, ngọt lành hôm nay được tạo nên từ chính những sự hy sinh của các anh và bao người lính khác. Các anh còn sống mãi cùng mùa xuân đất nước.  Nhà thơ, cùng những người đồng đội, vẫn bắt gặp anh trong mỗi khung cảnh bình dị của quê hương, vẫn nhớ về anh tha thiết mỗi độ xuân về. Anh vẫn còn sống mãi trong ký ức của đồng đội, của nhân dân  + Hình ảnh của người lính trẻ sống mãi trong tâm trí những người đồng đội của anh và nhân dân. Trong ký ức của đồng đội, anh vẫn là người lính trẻ với vẻ ngoài bình dị, tâm hồn trong sáng vui tươi, anh vẫn tha thiết với tuổi trẻ là mùa xuân cuộc đời.  + Đồng đội và nhân dân sẽ mãi ghi nhớ sự cống hiến và hy sinh của anh cho tổ quốc. Anh đã hóa thân vào dáng hình xứ sở và chính sự hy sinh của anh đã làm nên mùa xuân vĩnh hằng cho đất nước.  **III, Tổng kết**  **1, Nghệ thuật:**  + Thể thơ bốn chữ gần gũi, giản dị tạo điều kiện thuận lợi để tác giả vừa kể chuyện vừa bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm.  + Giọng thơ trầm buồn, tha thiết.  + Hình ảnh thơ bình dị chọn lọc và giầu sức gợi giầu ý nghĩa biểu tượng.  **2, Nội dung:**  **Đề tài:** Người lính và cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc.  **Chủ đề:** Ca ngợi vẻ đẹp trong sáng, hồn nhiên cùng sự hy sinh cao cả của người lính trong kháng chiến. Khẳng định ý nghĩa to lớn của sự hy sinh người lính đồng thời thể hiện lòng biết ơn, sự nhớ thương của đồng đội, của nhân dân, của thế hệ mai sau với những người lính đã quên mình vì nước. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 5p)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5p)**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn( khoảng năm đến bẩy câu) nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng dao mùa xuân”

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Gợi ý:**

**1, Phân tích đề:**

Dạng bài: viết viết đoạn văn

Chủ đề: cảm nghĩ của em về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng dao mùa xuân”

Dung lượng đoạn văn: 5- 7 câu

**2, Tìm ý**

**a)Hình ảnh người lính trong “những năm máu lửa”.**

+ Người lính đang ở những năm tháng xuân xanh rực rỡ, đã lựa chọn đi vào chiến trường khốc liệt để chiến đấu cho độc lập dân tộc.

+ Sự hy sinh anh dũng của anh đã tiếp thêm sức mạnh cho những người đồng đội để họ tiếp tục sứ mệnh bảo vệ Tổ quốc.

**b)Hình ảnh người lính sống mãi trong lòng đồng đội và nhân dân trong những năm tháng hòa bình.**

+ Trong ký ức của đồng đội người lính hiện lên với vẻ ngoài bình dị, tâm hồn trong sáng vui tươi, anh vẫn tha thiết với tuổi trẻ và mùa xuân cuộc đời.

+ Anh đã hóa thân vào dáng hình xứ sở và chính sự hy sinh của anh đã làm nên mùa xuân vĩnh hằng cho đất nước.

**3, Viết đoạn**

Viết đoạn văn

Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn
* **Chuẩn bị bài sau:**

TIẾT**:16 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**BIỆN PHÁP TU TỪ: NÓI GIẢM NÓI TRÁNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách:

+ Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này trong những trường hợp cụ thể.

+ Vận dụng biện pháp nói giảm nói tránh trong giao tiếp khi cần thiết hoặc khi tạo lập văn bản. Củng cố kiến thức về điệp ngữ và từ đa nghĩa.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh trong giao tiếp khi cần thiết hoặc khi tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Thể hiện thái độ lịch sự, nhã nhặn trong giao tiếp hằng ngày. Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động ( 5p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu tình huống thực tiễn trong giao tiếp để các em cùng xem xem có cách diễn đạt nào mà ta cần lưu ý, quen thuộc mà ta học được rất nhiều điều.

Th 1:Tại sao không nói chết mà lại nói “không qua khỏi”?

Th 2: Khi nào ta chọn khẩu hiệu (Biển báo 1) và khi nào ta dùng khẩu hiệu(Biển báo 2)

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Th 1:Tại sao không nói chết mà lại nói “không qua khỏi”? Một cách diễn đạt để làm vơi nhẹ đi những đau buồn, mất mát đối với người nhà bệnh nhân, tránh nói đến một thực tế đau xót, phũ phànglà bệnh nhân đã chết.

Th 2: Cùng một nội dung, người ta lại có cách diễn đạt rất khác nhau, có nhưng cách dùng cách nói rất nhã nhặn (**Biển báo** 1) nhưng lại có cách dùng câu mệnh lệnh rất mạnh mẽ **(Biển báo 2).** Vậy khi nào ta chọn khẩu hiệu (Biển báo 1) nơi nào và khi nào ta dùng khẩu hiệu(Biển báo 2) thì đó là sự phân biệt rất tinh tế trong quá trình lực chọn từ ngữ, lựa chọn cách thức diễn đạt sao cho phù hợp với mục đích giao tiếp của mình, đối tượng giao tiếp của mình cũng như là trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Ngày hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu về một biện pháp tu từ để giúp cho các em có thể đạt được sự tinh tế, khéo léo trong quá trình giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp của mình…..

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 15p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: học sinh nhận biết nói giảm, nói tránh  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm ví dụ.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1:**  **Đọc đoạn thơ sau:**  Anh bạn dãi dầu **không bước nữa**  Gục lên súng mũ **bỏ quên đời**  Áo bào thay chiếu anh **về đất**  Sông Mã gầm lên khúc độc hành  ( Quang Dũng- Tây Tiến)  **1,** Các cụm từ được tô đậm trong những câu thơ trên nói về điều gì?  2, Tại sao tác giả không trực tiếp thể hiện nội dung mình muốn nói mà lại chọn cách diễn đạt như vậy?   * **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **1,** Các cụm từ “**không bước nữa”, “bỏ quên đời”, “về đất”** được dùng để kể cái chết, sự hi sinh của người lính nơi chiến trường.    **2,** Tác giả không sử dụng từ “chết” để trực tiếp thể hiện nội dung mình muốn nói mà phải dùng các từ ngữ ấy: làm giảm cảm giác đau thương, mất mát trước sự hy sinh của những người lính nơi chiến trường. Khẳng định những người lính đón nhận cái chết một cách nhẹ nhõm, thanh thản, coi thường cả những mất mát hy sinh, từ đó khẳng định lòng dũng cảm, sự hy sinh cao cả của họ cho Tổ quốc.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 2:**  **Đọc đoạn văn sau:** “Thầy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: Phải cái nhà nó khí thanh bạch” thì mẹ cô Pha kêu lên rằng: Chao ôi, thầy nó chỉ nghĩ lẩn thẩn sự đời. Nghèo thì càng dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiềm tiệm như mình. ( Tô Hoài, Khách nợ)  1, Qua cụm từ “khí thanh bạch”, nhân vật thầy cô Pha muốn thể hiện điều gì?.  2, Tại sao nhân vật không dùng những từ ngữ nói thẳng, nói đúng tính chất, mức độ của sự việc mà cách nói giảm nhẹ như vậy?  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **1,**  Giải nghĩa cụm từ “khí thanh bạch”.  + Từ “khí”biểu thị mức độ ít, thấp của một đặc điểm, tính chất mà người nói nghĩ là không hay lắm.  + Từ “thanh bạch” có nghĩa là trong sạch, giản dị, luôn giữ được phẩm cách không để giàu sang cám dỗ.  => Qua cụm từ “khí thanh bạch”, nhân vật thầy cô Pha muốn đưa ra nhận xét về gia cảnh nghèo khó của chàng trai.  2, Tác giả không sử dụng từ “nghèo” để trực tiếp thể hiện nội dung mình muốn nói mà phải sử dụng cụm từ “khí thanh bạch” để giảm nhẹ tính chất, mức độ của sự việc giữ phép lịch sự trong giao tiếp, tránh nói ra những điều có thể tổn thương người khác.  ? Qua đó, em rút ra khái niệm gì về nói giảm, nói tránh?  **2, Những cách nói giảm nói tránh thông dụng.**  a) Mục tiêu: học sinh thấy được những cách nói giảm nói tránh thông dụng.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm ví dụ.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy thay từ in đậm bằng những từ, cụm từ nào khác?      **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Vậy có những cách nói giảm nói tránh thông dụng nào?  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**Cho các cặp câu dưới đây, hãy chỉ ra câu sử dụng cách nói giảm nói tránh trong buổi tập và cho biết đó là cách nói giảm nói tránh nào?  a)(1)Cô ấy bị mù.  (2)Cô ấy bị khiếm thị.  b) (1)Bài văn của bạn cần chỉnh sửa lại diễn đạt và lỗi chính tả.  (2)Bài văn của bạn dở lắm.  c) (1) Cuộc sống của anh ấy hiện tại rất bấp bênh.  (2)Cuộc sống của anh ấy hiện tại chưa ổn định.  d)(1)Dạo này tôi thấy bạn cần phải tập luyện nhiều hơn.  (2)Dạo này tôi thấy bạn béo lên nhiều.  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1, Nhận biết nói giảm nói tránh và tác dụng.**  Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách nói làm giảm nhẹ mức độ, quy mô, tính chất …của đối tượng, tránh trình bày trực tiếp điều muốn nói để khỏi gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự.  **2, Những cách nói giảm nói tránh thông dụng.**  + Dùng từ, cụm từ đồng nghĩa đặc biệt là từ Hán Việt để thay thế.  + Dùng cách nói vòng.  + Dùng cách phủ định. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 20p)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

 HS thực hiện các bài tập 1-6

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bài tập 1:**

+ Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh qua cụm từ “**không về”** nhằm chỉ sự hy sinh của người lính nơi chiến trường. => **Tác dụng:** làm giảm nhẹ cảm giác đau đớn, mất mát do sự hy sinh của người lính cũng như sự tiếc thương của nhà thơ trước sự ra đi của người lính trẻ.

**Bài tập 2:**

Bác Dương **thôi đã thôi rồi!**

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta

( Khóc Dương Khuê- Nguyễn Khuyến).

Bác nằm trong **giấc ngủ bình yên**

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

( Viếng lăng Bác- Viễn Phương)

Ông **mất** năm nao, ngày độc lập.

Buồn cao đỏ sóng bóng cờ sao.

Bà **về** năm đói, làng treo lưới.

Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào…

( Mẹ Tơm- Tố Hữu)

**Bài 3:**

Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh qua cũng từ **“nhắm mắt”** để thay thế cho từ “chết”

=> **tác dụng**: biện pháp nói giảm nói tránh được sử dụng để làm giảm nhẹ cảm giác đau buồn, bất lực của Dế Choắt trong giờ phút lâm chung.

b) - Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh qua cũng từ **“nghèo sức”** để thay thế cho từ **“yếu ớt”**

-**Tác dụng:** Dế Choắt dùng cách nói uyển chuyển để nói về tình trạng sức khỏe của mình mong Dế Mèn thương xót.

-> Các câu văn trên còn sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa khi tác giả để nhân vật Dế Choắt cũng trò chuyện, có hành động, suy nghĩ như con người.

**Bài tập 4:** Câu thơ “ Anh không về nưã” được điệp lại hai lần có tác dụng nhấn mạnh sự hy sinh của người lính và nỗi trống vắng, nhớ thương trong lòng những đồng đội và người thân của chiến sĩ.

Cụm từ “Anh ngồi” được điệp lại để nhấn mạnh tư thế của người lính vững vàng và bình yên thanh thản và đẹp đẽ trong hình dung của mọi người.

**Bài 5:** Từ “núi xanh”  
 để chỉ vùng núi rừng trùng điệp hoang vu cũng chính là chiến trường mà người lính phải cầm súng chiến đấu với kẻ thù.

Từ “máu lửa” để chỉ sự ác liệt của chiến tranh sự hy sinh của người lính.

**Căn cứ để xác định:** tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ, lấy những hình ảnh cụ thể, dấu hiệu đặc trưng để thay thế cho những sự vật, đặc điểm mang dấu hiệu đó.

**Bài 6:**

**+** Ngày xuân: **“Xuân”** có nghĩa là mùa khởi đầu của một năm. Đây cũng là nghĩa gốc của từ xuân.

+ Tuổi xuân: **“xuân”** có nghĩa là khoảng thời gian tuổi trẻ của đời người. Từ **“xuân”** ở đây mang nghĩa chuyển.**- Đồng dao mùa xuân:**  từ “xuân” vừa mang nghĩa gốc là mùa khởi đầu của năm vừa mang nghĩa chuyển là tuổi xuân, tuổi trẻ.

Từ “xuân” trong ba cụm từ có mối liên hệ với nhau, chúng là những từ đa nghĩa

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5p)**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Bài tập thực tế.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong giao tiếp, có phải lúc nào chúng ta cũng sử dụng cách nói giảm nói tránh không? Theo em, trong tình huống nào thì không nên sử dụng cách nói giảm nói tránh?

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Dự kiến sp:**

Việc sử dụng nói giảm nói tránh là tùy thuộc vào tình huống giao tiếp. Nói giảm nói tránh thể hiện thái độ lịch sự, nhã nhận của người nói, sự quan tâm, tôn trọng của người nói với người nghe và góp phần tạo phong cách nói năng đúng mực của người có văn hóa.

Tuy nhiên, trong cuộc sống sẽ có những tình huống cần thiết phải nói thẳng và đúng mức độ sự thật thì không nên sử dụng cách nói giảm nói tránh.

**Ví dụ:**

+ Khi góp ý chân thành với bạn bè thân thiết hoặc người thân vì yêu khuyết điểm của họ.

+ Khi đối phương bắt lỗi quá nhiều lần, không chịu sửa lỗi và lắng nghe ý kiến của mọi người.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

**Chuẩn bị bài sau:*Gặp lá cơm nếp***

**Ngày soạn: 25/10/2022**

**Ngày dạy:**

**TUẦN 5**

TIẾT**:17-18 ĐỌC VĂN BẢN: GẶP LÁ CƠM NẾP( THANH THẢO)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách đọc một văn bản thơ.

+ Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ qua thể thơ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp.

+ Nhận biết và nhận xét được những đặc sắc về nội dung của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ. Đồng thời xác định được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

+ Xác định được đề tài chủ đề của bài thơ.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Đọc được một văn bản thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng, tự hào và biết ơn những hy sinh của thế hệ cha anh đi trước trong công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc. Vun đắp tình yêu với thiên nhiên quê hương đất nước, với con người xung quanh, với cuộc sống hoà bình mà chúng ta đang trải qua.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 7p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em có biết đây là món gì không?

Em có thích món xôi không em đã từng ăn những món xôi nào?

…………………………………………………………....

Hãy dùng ba từ mô tả mùi vị của món xôi mà em thường ăn?

…………

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

1, Em rất thích ăn món xôi. Những món xôi em thường ăn là: xôi đỗ xanh, xôi đỗ đen, xôi xéo, xôi lạc, xôi dừa, xôi cốm , xôi ngũ sắc.

2, Ngọt bùi, thơm dẻo, ấm nóng.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Từ một móm ăn rất đỗi bình dị nó cũng gợi lên trong ta rất nhiều ấn tượng, thậm chí cả những kỉ niệm, cảm xúc, bởi lẽ đây là một món ăn thật bình dị. Nhiều khi nhìn tháy hình ảnh của món xôi, ta nhớ đến đôi bàn tay vất vả, cần cù, chăm chỉ, những giọt mồ hôi của những người lao động để làm ra cái thứ gạo nếp thơm ngon mà chúng ta được thưởng thức. Ta nhớ đến đôi bàn tay tảo tần của những mẹ, những chị, những bà đã phải thức khuya dậy sớm nấu cho ta món xôi mình có thể ăn. Hôm nay, chúng ta cũng sẽ được học một bài thơ cũng khởi nguồn cảm hứng từ việc một món ăn gần gũi, thân thuộc, bình dị từ món xôi nếp, từ một hương vị rất đỗi đơn xơ giản dị của cuộc sống quê nhà qua bài thơ “ …”

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 50p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| I, ĐỌC VĂN BẢN  a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  \* Chuyển giao nhiệm vụ:  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  Cách đọc hiểu một văn bản thơ:     |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Gieo vần |  | | Ngắt nhịp |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |   \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu Hoàn cảnh gợi người con nhớ về mẹ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\*Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **Thảo luận nhóm bàn ( 5p)**  **Câu 1:** Khổ thơ đầu tiên cho chúng ta biết được gì về hoàn cảnh của người con (thời gian không gian và yếu tố ngoại cảnh)?  **Câu 2:** Câu thơ “Thèm bát xôi mùa gặt” cho em hiểu thêm gì về người con cũng như hoàn cảnh người con trang trải qua?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy nêu bối cảnh chung và bối cảnh riêng của truyện?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Câu 1:** Hoàn cảnh của “con”: **“Xa nhà đã mấy năm”**  **+ Không gian:** người lính đang hành quân giữa rừng Trường Sơn, anh đã “xa nhà”, xa mẹ để đi đánh giặc bảo vệ quê hương.  **+ Thời gian:** “đã mấy năm” từ “đã” kết hợp với cách tính đếm thời gian “mấy năm” thể hiện trong cảnh cảm nhận của con, khoảng thời gian xa cách ấy dài lâu biền biệt.   * Chính hoàn cảnh xa cách quê nhà ấy đã góp phần khơi lên nỗi nhớ nhung trong người lính về nhà, về mẹ. Đồng thời hoàn cảnh này đã góp phần thể hiện ao ước bình dị của người lính ở câu thơ sau.   **Câu 2:**  Ước ao bình“Thèm bát xôi mùa gặt”**.**  + “Bát xôi mùa gặt” không chỉ là một món ăn dân dã, bình dị của làng quê mà còn gợi lên những kỷ niệm ấm áp, nghĩa tình với sự chăm sóc ân cần của mẹ.  + Từ “thèm” diễn tả rất đúng, rất thật của người con từ một bữa cơm ấm nóng thơm dẻo giữa những gian khổ thiếu thốn của chiến tranh. Đồng thời gợi lên cả nỗi ao ước, nhớ thương hướng về quê hương về gia đình.  =>Hai câu thơ đầu nêu hoàn cảnh chủ quan của “con”- một người lính xa nhà, xa mẹ bấy lâu nên nỗi nhớ về quê hương về mẹ luôn thường trực trong tim anh.  **-Hoàn cảnh khách quan.**  Khói bay ngang tầm mắt  Mùi xôi sao lạ lùng  **Thị giác:** khói lam chiều nơi núi rừng Trường Sơn bay ngang tầm mắt => gợi nhớ về khói bếp mẹ đun, về khói tỏa ấm nồng của nồi xôi nếp đầu mùa.  **Khứu giác:** mùi lá cơm nếp thơm nồng anh gặp bên đường hành quân=> gợi nhớ về mùi xôi thơm thảo nơi quê nhà.  Cụm từ **“sao lạ lùng”** vừa nhấn mạnh hương vị nồng nàn của lá cơm nếp, vừa gợi lên sự trùng hợp lạ kỳ giữa nỗi ao ước trong lòng và hoàn cảnh khách quan của người lính.  **Nhận xét về hoàn cảnh gợi nhắc cho con nhớ về mẹ?**  Những hình ảnh, hương vị ở núi rừng nơi chiến trường mà người lính tình cờ bắt gặp đã gợi lên bao kỉ niệm về gia đình, quê hương.  Ao ước chủ quan của “con” lại trùng hợp bắt gặp yếu tố khách quan của hoàn cảnh, điều này đã làm sống dậy trong người lính cứu về những hình ảnh thân thương nơi quê nhà.  **Gv:** Chính những câu thơ đầu tiên đã dắt dẫn chúng ta vào chủ đề của bài thơ, đãn dẫn chúng ta để cùng nhau trở về miền kí ức và hình ảnh người mẹ nơi hiện lên vô cùng sống động trong khổ thơ thứ 2.quê nghèo  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **2, Hình ảnh mẹ trong kí ức của con**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu Hình ảnh mẹ trong kí ức của con  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc khổ thơ thứ hai  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thảo luận nhóm bàn(5p)  **Câu 1:** Trong kí ức của người con hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào?  **Câu 2** Hình ảnh của người mẹ gắn với kỷ niệm về mùi hương gì trong kí ức của con?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Dự kiến sp:**  “Mẹ ở đâu chiều nay”: Câu hỏi tu từ gợi ra thắc mắc trong lòng con khi nhớ về mẹ, đồng thời thể hiện nỗi nhớ da diết của người lính với mẹ hiền, với quê nhà trong chiều hành quân.  **Hành động của mẹ:**  +“nhặt lá về đun bếp” - hình ảnh thân thương, bình dị của người mẹ tảo tần, chịu thương, chịu khó.  + “ thổi cơm nếp”- mẹ mang về cái thơm dẻo, ấm nồng từ rơm củi làng quê, từ hạt gạo quê bình dị, từ vất vả nhọc nhằn đời mẹ, từ tấm lòng yêu thương mẹ dành cho con.   * Mùi cơm nếp: “ thơm suốt đường con”.   + Hương thơm của lá cơm nếp trong chiều hành quân đã gợi ra miền ký ức thân thương của người lính về mẹ, về mùi cơm nếp mẹ thổi.  + Mùi cơm nếp cũng chính là mùi vị của tuổi thơ, của tấm lòng yêu thương, thơm thảo mẹ dành cho con.  + Mùi vị ấy ấm áp ấy người con vẫn mang theo trên suốt con đường ra trận, vẫn ghi khắc chẳng mờ phai trong ký ức và tâm hồn con, đồng hành cùng người lính trong dài rộng cuộc đời..  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Mùi của lá cơm nếp trở thành mùi của tuổi thơ, chuyển thành cái hương vị tấm lòng thơm thảo của tình thương, cái mùi thơm ấy, cái sự ấm áp ấy con vẫn cứ mang theo trên suốt cuộc hành trình ra trận. Con vẫn khắc ghi trong kí ức của mình con vẫn khắc ghi trong tâm hồn của mình  **3, Tình cảm của con dành cho mẹ và đất nước.**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu tình cảm của con dành cho mẹ và đất nước.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc khổ thơ thứ ba  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Thảo luận cặp đôi(5p)  **Câu 1:** Hai câu thơ đầu ở khổ thơ thứ ba, tác giả đã thể hiện tình cảm của mình với điều gì?( chú ý cụm từ “mùi vị quê hương”, “ ôi”.  **Câu 2**: Ở hai câu thơ sau, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ này trong việc thể hiện tình cảm của người con với mẹ, với quê hương đất nước?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Câu 1:** **Nỗi nhớ về mùi cơm nếp mẹ nấu:**  “**Mùi vị quê hương”**  + Nghĩa chuyển: hương vị bình dị của hạt gạo làng quê, dưới bàn tay mẹ, đã trở thành mùi vị quê hương, thành những gì đặc trưng nhất của quê nhà.  +Cụm từ “**mùi vị quê hương**” có tính khái quát, không chỉ dừng ở những mùi vị quen thuộc mà còn ở những sự vật, con người, những hình ảnh, thanh âm đặc trưng của quê hương, ở cả những kỷ niệm và cảm xúc của nhà thơ khi nhớ về quê mẹ.  Thán từ “ôi” cùng cụ từ “biết làm sao được” thể hiện niềm xúc động chân thành đồng thời khẳng định nỗi nhớ thương, tấm lòng thuỷ chung của người chiến sĩ với những ân tình nguồn cội  **Câu 2**: “**Mẹ già và đất nước”.**  Phép liệt kê với cấu trúc sóng đôi: **mẹ già, đất nước** trong đó hình ảnh “**mẹ già**” đặt trước gợi lên những gì gần gũi, bình dị, thân thương và nồng ấm nghĩa tình (tình cảm gia đình) còn **“đất nước”** đặt sau, là những gì lớn lao, thiêng liêng (tình yêu đất nước).  + Mẹ và tổ quốc đều là những gì đẹp đẽ, quý giá, thiêng liêng vô cùng. Tình yêu mẹ song hành, đan lồng trong tình yêu đất nước. Trong hành động chiến đấu của con hôm nay, có sự thống nhất của hai tình cảm đó.  + Lời thơ cũng gợi lên một liên tưởng sâu xa: đất nước cũng giống như một người mẹ thứ hai của người chiến sĩ – Mẹ Tổ quốc.  **“Chia đều nỗi nhớ thương”**  Cụm từ “**chia đều**” đứng đầu câu thơ như khẳng định tình yêu thương của tác giả được “**chia đều**” cho cả hai đối tượng mẹ và Tổ quốc.  -Khẳng định tình yêu và nỗi nhớ thương thiết tha, sâu nặng trong lòng người lính hướng về gia đình, về quê hương.  -Thể hiện sự gắn bó, hài hòa, thống nhất của những thứ tình cảm thiêng liêng cao đẹp - tình cảm gia đình lồng trong tình yêu Tổ quốc.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.ổ chức thực hiện:  **4, Nỗi bâng khuâng xao xuyến khôn tả của lòng người.**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc khổ thơ thứ tư  Trả lời cá nhân  **Câu 1:** Hãy xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối và chỉ ra tác dụng của chúng?  **Câu 2**: Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh người con trong bài thơ?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Câu 1:**  + Từ những hồi ức, kỷ niệm, người con trở về với hoàn cảnh thực tại: người lính đang trên đường hành quân tình cờ bắt gặp cây cơm nếp.  + Biện pháp tu từ nhân hóa: cây cỏ **“Hiểu lòng nên thơm mãi…”**=> . Cây cơm nếp kia dường như cũng thấu hiểu tấm lòng nhớ thương của người chiến sĩ về gia đình, về quê hương nên cứ lặng lẽ tỏa ngát mùi hương, để người lính mang theo trên suốt dọc đường ra trận, trên suốt hành trình dài rộng cuộc đời.  **Câu 2:**  **+** Người con trong bài thơ cũng chính là người lính đi theo tiếng gọi của tiền tuyến, sẵn sàng chiến đấu cho độc lập tự do của tổ quốc. Anh để lại sau lưng mẹ già nơi quê nhà, vì vậy trên mỗi chặng đường hành quân, người chiến sĩ luôn khao khát, nâng niu những điều giản dị nhưng gợi nhắc anh về quê hương, về mẹ.  + Người con cũng khẳng định tình yêu, nỗi nhớ thương thiết tha, sâu nặng dành cho mẹ đồng thời thể hiện sự gắn bó, hài hòa, thống nhất của tình cảm gia đình lồng trong tình yêu Tổ quốc.  **III, Tổng kết**  ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và đề tài chủ đề của bài thơ?***  **? Hãy cho biết ý nghĩa nhan đề của bài thơ:** “Gặp lá cơm nếp”**?( Thảo luận cặp đôi)**  **+“**Gặp” là tiếp xúc hoặc tiếp nhận tác động trực tiếp của sự vật, hiện tượng nào đó trong quá trình hoạt động.  + Lá cơm nếp tình cờ xuất hiện trên đường hành quân của người lính đã tác động mạnh vào cảm xúc.  + Nhìn thấy và ngửi thấy mùi lá cơm nếp, người lính như gặp cả tuổi thơ gặp lại hình ảnh mẹ hiền nơi làng quê. | I, ĐỌC VĂN BẢN  1, Tác giả:  + Thanh Thảo sinh năm 1946 quê ở Quảng Ngãi.  + Ông là một nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh vào thời hậu chiến: những người đi tới biển (1977) , Dấu chân qua trảng cỏ (1978), Những ngọn sóng mặt trời (1981), khối vuông Rubic 1985, từ một đến một trăm(1988)  2, Văn bản  **- Xuất xứ:** Trích Dấu chân qua trảng cỏ  - Thể thơ: 5 chữ  - Gieo vần:  + Bài thơ được gieo : vần chân  + Cách gieo vần: vừa có vần liền( hai câu giữa mỗi khổ thơ) cũng có cả vần cách.  - Ngắt nhịp:  + Nhịp chủ đạo: 2/3  + Kết hợp với nhịp 3/2 và nhịp 1/4  - PTBĐ chính: Biểu cảm  - Bố cục:  Khổ 1: Hoàn cảnh của nhắc con nhớ về mẹ.  Khổ 2: Hình ảnh người mẹ trong kí ức và nỗi nhớ thương của con.  Khổ 3: Tình cảm người con dành cho mẹ và đất nước. Khổ 4: Nỗi bâng khuâng, xao xuyến trong lòng người con.    **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Hoàn cảnh gợi người con nhớ về mẹ.**  *+* Những hình ảnh, hương vị ở núi rừng nơi chiến trường mà người lính tình cờ bắt gặp đã gợi lên bao kỉ niệm về gia đình, quê hương.  + Ao ước chủ quan của “con” lại trùng hợp bắt gặp yếu tố khách quan của hoàn cảnh, điều này đã làm sống dậy trong người lính cứu về những hình ảnh thân thương nơi quê nhà.  **2, Hình ảnh mẹ trong kí ức của con**  + Hình ảnh người mẹ nghèo nơi làng quê hiện lên với sự tảo tần, lam lũ với tấm lòng nồng ấm, yêu thương vẫn luôn hẳn in trong ký ức người lính.  + Khổ thơ thứ hai sử dụng hai câu hỏi tu từ thể hiện sâu sắc một nỗi nhớ thường trực, một niềm day day dứt khôn nguôi của đứa con đang phải chiến đấu xa nhà.  **3, Tình cảm của con dành cho mẹ và đất nước.**  Từ kỉ niệm cụ thể nhà thơ khái quát lên thành triết lý; từ cảm xúc cá nhân mà nâng lên thành những tình cảm công dân, từ tình yêu gia đình đến tình yêu đất nước. =>Tất cả đều hài hòa, thống nhất, tạo nên động lực, sức mạnh to lớn để người lính vượt bao gian khổ hiểm nguy nơi chiến trường để giải phóng quê hương, để sớm được trở về với mẹ hiền yêu dấu. **4, Nỗi bâng khuâng xao xuyến khôn tả của lòng người.**  **III, Tổng kết**  **1, Nghệ thuật:**  + Thể thơ năm chữ, vừa bộc lộ cảm xúc suy ngẫm, vừa cho phép tác giả kể chuyện tâm tình.  + Lời thơ bình dị, hình ảnh thơ sinh động giàu ý nghĩa, cảm xúc thơ chân thành.  **2, Nội dung:**  **Đề tài:** Người lính trong kháng chiến.  **Chủ đề:**  + Tình yêu thương và nỗi nhớ tha thiết của người chiến sĩ dành cho mẹ, cho quê hương được gợi ra từ mùi lá cơm nếp anh tình cờ gặp trên đường hành quân.  + Sự hòa quyện, thống nhất giữa tình cảm gia đình với tình yêu Tổ quốc. Tình cảm gia đình cũng chính là động lực để người lính chiến đấu giành độc lập tự do cho Tổ quốc |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn( khoảng năm đến bẩy câu) nêu cảm nghĩ của em về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “Gặp lá cơm nếp”

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Gợi ý:**

**1, Phân tích đề:**

Dạng bài: viết viết đoạn văn

Chủ đề: cảm nghĩ của em về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “Gặp lá cơm nếp”

Dung lượng đoạn văn: 5- 7 câu

**2, Tìm ý**

**a)Nỗi nhớ mẹ già giết được gửi lên qua buổi cây cơm nếp mà con gặp trên đường hành quân.**

+ Hoàn cảnh gợi nhắc người con nhớ về mẹ: không gian, thời gian, mùi vị.

+ Hình ảnh mẹ hiện lên trong hồi tưởng của con: người mẹ tần tảo, vất vả sớm hôm.

**b) Tình yêu thương dành cho mẹ lồng trong tình yêu dành cho tổ quốc.**

+ Hình ảnh của mẹ song hành cùng hình ảnh đất nước, hình ảnh “**mẹ già**” đặt trước được gợi lên những gì gần gũi, bình dị, thân thương mà nồng ấm nghĩa tình (tình cảm gia đình) còn đất nước đặt sau là những gì lớn lao, thiêng liêng (tình yêu đất nước).

=>Thể hiện sự gắn bó hòa quyện của tình cảm gia đình lồng trong tình yêu Tổ quốc, tình yêu mẹ hài hòa với tình yêu đất nước**.**

**3, Viết đoạn**

Viết đoạn văn

Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn
* **Chuẩn bị bài sau:*Trở gió***

TIẾT**:19-20 ĐỌC VĂN BẢN: TRỞ GIÓ( NGUYỄN NGỌC TƯ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách đọc một tản văn.

+ Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tản văn.

+ Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

+ Chỉ ra những đặc sắc trong việc sử dụng ngôn ngữ Nam bộ của tác giả.

+ Nhận biết được đề tài chủ đề của văn bản.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết cách đọc một tản văn.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng những điều bình dị, nhỏ bé trong cuộc sống; cảm nhận sự tác động từ những dấu hiệu thiên nhiên đến tâm trạng, cảm xúc của mình. Vun đắp tình yêu với thiên nhiên quê hương đất nước, với con người xung quanh, với cuộc sống bình yên mà chúng ta đang trải qua.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Cảm xúc của em trong những khoảnh khắc giao mùa?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS chia sẻ cảm xúc

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Các em biết rằng mỗi thời khắc qua đi, cuộc đời của mình đều để lại những dấu ấn và những cảm xúc nếu chúng ta trân trọng và muốn khắc ghi, Nhưng có lẽ hơn đâu hết chính những khoảnh khắc chuyển mùa, những khoảnh khắc giao mùa với những hiện tượng thiên nhiên như nhắc nhớ chúng ta về sự chảy trôi của thời gian, về sự đổi thay của tiết trời và từ đó nó gợi lên cho chúng ta không biết bao nhiêu là cảm xúc. Và có nhà văn ở đất phương Nam cũng có những xúc cảm như thế trong một khoảnh khắc giao mùa được ghi lại trong một tản văn rất ấn tượng của cảm xúc đó là bài “ Trở gió”

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **a)Mục tiêu:** học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  **b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.**  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện: NV1**  **\* chuyển giao nhiệm vụ**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |   \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  tác giả đã thể hiện tình cảm của mình với trưởng thông qua sự hình dung, tưởng tượng nào?  **Câu 2**: Câu văn cuối văn bản gửi cho em suy **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu Tâm trạng háo hức của tác giả khi chờ gió chướng về.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* chuyển giao nhiệm vụ**  **Chú ý đoạn 1**  **Câu 1:** Tác giả đã có cảm xúc gì trước và trong khi gió chướng về?( Nhóm 1)  **Câu 2:** Gió chướng đã được tác giả miêu tả bằng những chi tiết, hình ảnh nào? ? ( Nhóm 1)  **Câu 3:** Khi miêu tả gió chướng về, tác giả đã dùng những biện pháp tu từ nào hỏi. Em có nhận xét gì về việc sử dụng các biện pháp tu từ này? ( Nhóm 1)  - HS lắng nghe.  **\* thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Dự kiến sản phẩm:  **Câu 1:** **Cảm xúc của tác giả trong khi chờ gió chướng về:**  **Trước khi gió về:**  **+Thời gian**: gió chướng thổi trong ba tháng cuối năm theo hướng đông bắc nhưng **không cố định** ngày nào gió về.  + Tác giả chờ đợi gió về như đợi chờ một người bạn thân lâu ngày xa cách, mỗi năm chỉ có một lần gặp gỡ, một “cuộc hẹn” đã định trước nhưng lại không rõ thời điểm gặp nhau.  + Vì vậy, mới bước qua tháng chín( cuối thu), tác giả đã “dời chiếc chuông gió sang cửa sổ phía Đông” để chờ một tín hiệu báo gió về.  + Nhưng cuộc chờ đợi nhiều khi quá dài khiến người ta với vô vàn những bận rộn, lo toan đã quên phứt đi.  **Câu 2:** Những chi tiết, hình ảnh miêu tả gió chướng:  Khi gió chướng về:  **Thoạt đầu:** “hơi thở gió rất gần”, “sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có còn nhớ ta không »=> Những tín hiệu còn xa xôi, mơ hồ, khẽ khàng  Rồi nó “mừng húm”, “hừng hực, dạt dào”, “lớn thành một dòng gió, xấp xãi, cuống quýt sấp vào tấm tôn bên chái đông”. “Cồn cào. Nồng nhiệt. Mà thiệt dịu dàng”=>Những cơn gió mạnh dần lên, dào dạt và nồng nhiệt thổi tới.  => Tác giả miêu tả ngọn gió từ xa đến gần, từ khẽ khàng đến ồn ào, từ mơ hồ đến rõ nét.  **Tâm trạng khi chờ gió chướng về:**  **Hình ảnh cơn gió chướng:**  Có âm thanh- tiếng chuông gió.  Có hình ảnh – “từng giọt tinh tang”.  Có thái độ- “e dè và ngần ngại”  Có cảm xúc – “mừng húm” và “hừng hực dạt dào”.  Có hành động- “xấp xãi, cuống quýt sóc vào tấm tôn”  => Nhà văn dùng hàng loạt các biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh, ẩn dụ và bao trùm tất cả là một sự liên tưởng thú vị để miêu tả sự xuất hiện của gió chướng: gió giống một người bạn cố tri trở lại chốn cũ thăm bạn mình.  **Cảm xúc của tác giả khi gió chướng về:**  + Ban đầu là **sự ngạc nhiên** khi bắt gặp những tín hiệu đầu tiên của gió vào một sớm mai khi nghe thấy hơi gió thở quá tiếng tinh tănang thoảng nhẹ của chiếc chuông gió treo ở đâu nhà.  + Nhà văn cảm nhận nó như một người bạn xa cách đã lâu nay mới được hội ngộ. Sau những e dè, ngại ngần ban đầu là **sự thân quen, là niềm vui vô vật, nồng nhiệt vỡ òa**.  + Khép lại đoạn văn là câu cảm thán “ôi gió chướng”. Câu văn như lời xót xa đầy xúc động, như một sự thức nhận khi gọi thành tên nỗi nhớ niềm thương, sự đợi chờ đằng đẵng bị lâu: **gió chướng.**  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  **2. Những cảm xúc, kỷ niệm của tác giả với gió chướng**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu những cảm xúc, kỷ niệm của tác giả với gió chướng.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc ba đoạn văn tiếp theo  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thảo luận nhóm bàn(5p)  **Câu 1:** Tác giả thường đón gió chướng với tâm trạng như thế nào?  **Câu 2:** Hãy chỉ ra những biểu hiện của tâm trạng đó?  Trong các đoạn văn số hai, ba và bốn?( Giải thích tại sao tác giả lại “buồn, buồn muốn chết” khi gió chướng về? Nhưng vẫn “mong chờ gió chướng về”.  **Câu 3:** Hãy chỉ ra những kỷ niệm của tác giả về gió chướng? Từ đó nhận xét về sự xuất hiện của gió chướng với cuộc sống của người dân Nam Bộ?  **\* thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Câu 1: Tâm trạng chung của tác giả:** « Tôi thường đón gió chướng về với một tâm trạng lộn xộn, ngổn ngang. Mừng đó rồi bực đó ».  **Câu 2:** « đứng trong gió đầm đìa tôi cũng buồn, buồn muốn chết » bởi vì :  + Gió chướng về báo hiệu sắp hết năm, người sẽ già thêm một tuổi, và chợt nhận ra “mình đã kịp sống gì đâu, tay mình vẫn trắng như vầy”. Nhà văn có cảm giác “mình mất một cái gì đó không rõ ràng”=> Gió chướng là tín hiệu báo thời gian đã trôi đi thật nhanh, nhắc nhở tác giả về những gì mình đang có, chưa có.  + Gió thổi về khiến tác giả cảm giác như “ai đó đuổi đằng sau, tôi gấp rãi ăn, gấp rãi nói, gấp rãi khi ngày bắt đầu rụng xuống”.  =>Gió thôi thúc người sống nhanh, sống gấp sống vội để tranh thủ từng phút giây quý giá của đời người.  **Câu 3: Tác giả vẫn mong chờ gió chướng về, bởi vì :**  + Gió chướng về gắn liền với niềm vui trẻ thơ “đám con nít nhảy cà tưng, háo hức vỗ tay cười, vậy là gần được sắm quần áo, dép mới »=> gió chướng gắn liền với nỗi háo hức của lũ trẻ con nhà nghèo được sắm Tết.  + Gió chướng với tác giả là “gió tết”, mặc dù có nó cũng gắn với nỗi lo lắng của má khi Tết đến. Trong lời hát của má, “ngọn chướng cha chả là buồn”, “lụi hụi mà hết năm”. Lẫn trong tiếng gió là tiếng thở dài của má. Lẫn trong nỗi xốn xang, háo hức mong chờ của trẻ là nỗi lo xa của má, “sợ không lo nổi một cái Tết tử tế cho cả nhà”.  + Gió chướng vào mùa thì láu vừa chín tới, hy vọng rực lên theo màu lúa….Liếp mía…nước ngọt và trĩu….Vú sữa chín cây lúc lỉu, căng bóng. Còn dưa hấu nữa…?  => mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch, mùa của trái ngọt, hoa thơm.  + Nỗi buồn lo của má tan không thành tiếng, tan mau như sương”. Đôi chân suốt một mùa đầm đìa trên đồng bãi của người nông dân cũng được gió thổi tạnh ráo.”  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **3, Gió chướng khơi gợi nỗi nhớ quê nhà trong lòng người xa xứ.**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu Gió chướng khơi gợi nỗi nhớ quê nhà trong lòng người xa xứ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc 2 đoạn cuối  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Thảo luận cặp đôi(5p)  **Câu 1:** Trong đoạn văn cuối, nghĩ gì?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả l  **Câu 1:** **Lời khẳng định:** Gió chướng với tôi, một đứa bấp bỏm văn chương, nó "gợi" khủng khiếp. » => Gió chướng  với tâm hồn nhạy cảm của nhà văn, nó có thể khơi gợi ra trong kí ức của tác giả bao hình ảnh, bao kí ức, bao kỉ niệm, làm cõi lòng nhà văn xao xuyến khôn nguôi.  **Tác giả hình dung:** “một mai mình đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc, hoặc ai đó nhắc chỉ gọn lỏn hai từ "gió chướng", ngay lập tức tôi sẽ chết giấc trong nỗi nhớ quê nhà.  **Nỗi nhớ được gợi ra từ mùa gió chướng :**  **+ Hình ảnh quen thuộc của làng quê : «  nùi rơm vướng oằn nhánh me, giồng bạc hà cháy lá, con nước linh đinh lém bờ sông, buồng cau quá lứa thắp lửa trên cao…**  + Hình ảnh thân thương của má: đứng rê lúa, trấu bay xà quần về cuối gió.  + Âm thanh quen thuộc của cuộc sống làng quê: tiếng chày quết bánh thùng thâm u trong rặng dừa nước.  + Bầu không khí rất đặc trưng cho những ngày cuối năm nơi quê nhà: trời mát liu riu, nắng thức rất trễ, không ra vàng, không ra trắng, mây cụm lại rồi dã từng chùm trên đầu.  Gv: Những chi tiết naog là gió, nắng, mây, trời , những chi tiết điểm rất nhẹ, rất khẽ, chỉ vài nét thôi nhưng nói gọi ra rất đúng cái thần thái, cái không khí của những ngày rất đặc trưng trước tết của quê nhà khi gió chướng thổi về cả một trời thương nhớ đã hiện ra trong những kí ức của nhà văn khi mà nhớ về gió chướng, nhớ về quê hương, một nỗi nhớ được môi giới, một nỗi nhớ được khơi dậy, một nỗi nhớ được thổi bùng lên chỉ với hai tiếng gió chướng ở nơi xa xôi.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **III, Tổng kết**  **HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút:** \* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và đề tài chủ đề của bài thơ? | I, ĐỌC VĂN BẢN  1, Tác giả:  Sinh năm 1976 Quê ở Cà Mau.  Nguyễn Ngọc Tư sáng tác ở nhiều thể loại truyện ngắn tản văn tiểu thuyết nhưng tác phẩm nào cũng trong sáng, thể hiện một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, dầu yêu thương và mang đậm sắc thái Nam bộ.  + Một số tác phẩm nổi bật: “Cánh đồng bất tận”, “Ngọn đèn không tắt”, “Gáy người thì lạnh”,....  2, Văn bản  - Xuất xứ: - Trích từ Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư (2005)  - Thể loại: Tản văn  + Tản văn (tập văn) là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.  + Tác giả thường dựa vào một chi tiết, một sự việc trong cuộc sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ của mình.  + Tản văn thường tự do trong các biểu hiện, kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận và miêu tả.  + Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.  - PTBĐ chính: Tự sự  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu-> “ Gió chướng”( đoạn văn đầu tiên): Tâm trạng háo hức của tác giả khi chờ gió chướng về.  + Phần 2: Tiếp theo cho đến “ui chao”( ba đoạn văn tiếp theo): Những cảm xúc, kỷ niệm của tác giả với gió chướng.  + Phần 3: hai đoạn văn cuối: Gió chướng khơi gợi nỗi nhớ quê nhà trong lòng người xa xứ.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  1, Tâm trạng của tác giả khi chờ gió chướng về.  Niềm thương nhớ và mong chờ da diết, khôn nguôi của tác giả khi chờ gió chướng về.  **2. Những cảm xúc, kỷ niệm của tác giả với gió chướng**  + Gió chướng có ý nghĩa đặc biệt với cuộc sống của người nông dân Nam Bộ. Nó vừa khiến cho người nông dân lo lắng nhưng cũng khiến cho họ chờ mong và hy vọng.  + Dù buồn, dù vui, gió chướng đã trở thành một phần không thể thiếu trong những kí ức tuổi thơ tác giả. Cơn gió ùa về mang theo những gì gần gũi, thân thương nhất của gia đình, của quê hương, của những cảm xúc trong veo tuổi nhỏ mà nhà văn chẳng thể nào nguôi quên.  **3, Gió chướng khơi gợi nỗi nhớ quê nhà trong lòng người xa xứ.**  Gió chướng trở thành một trong những dấu hiệu cho mùa tết với người dân Nam Bộ, đồng thời trở thành một niềm thương nỗi nhớ trong lòng những người con xa xứ.  **III, Tổng kết**  **1, Nghệ thuật:**  + Lời văn bình dị, trong sáng tự nhiên mà tràn đầy cảm xúc, sống động, giầu sức gợi.  + Ngôn ngữ mang đậm màu sắc Nam bộ.  + Cảm xúc chân thành, tha thiết, sâu lắng.  **2, Nội dung:**  **Đề tài:** Nỗi nhớ quê hương và những kỷ niệm tuổi thơ.  **Chủ đề:** Những hình ảnh gần gũi, thân thương của làng quê trong những ký ức tuổi thơ gắn liền với những cơn gió chướng. Nỗi nhớ thương da diết, sự gắn bó của nhà văn với quê nhà, với gia đình và những kỷ niệm đẹp đẽ tuổi thơ |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ: Kĩ thuật viết tích cực:**

Trong tản văn “Trở gió” tác giả có viết, nếu một mai đi xa, nhắc đến “gió chướng” thì những hình ảnh quen thuộc của quê hương sẽ lập tức hiện ra trong tâm trí nhà văn. Còn với bản thân em, nếu phải xa nhà, xa quê, em sẽ nhớ nhất điều gì? Viết một đoạn văn ngắn (từ 5-7 câu) là một bài thơ thể thơ tự chọn hoặc vẽ một bức tranh để thể hiện điểm em sẽ nhớ nhất nếu phải xa nhà, xa quê.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Gợi ý:**

**1, Phân tích đề:**

Dạng bài: viết viết đoạn văn

Chủ đề: thể hiện điểm em sẽ nhớ nhất nếu phải xa nhà, xa quê.

Dung lượng đoạn văn: 5- 7 câu

**2, Tìm ý**

**Những điều em nhớ nhất nếu phải xa nhà xa quê:**

**+ Khung cảnh ấm áp của gia đình:** những bữa cơm gia đình quây quần ; hình ảnh mẹ vừa nấu ăn trong bếp vừa hỏi con về việc học tập; hình ảnh cha tất tả ngược xuôi để lo cho gia đình,…

**+ Khung cảnh quê hương:** cảnh bình minh trên đường đến trường mỗi ngày, cảnh hoàng hôn trên bờ sông gần nhà, cảnh sinh hoạt nhộn nhịp trong ngõ phố nhà em….

**3, Viết đoạn**

Viết đoạn văn

Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn

**Chuẩn bị bài sau:**Thực hành tiếng Việt

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TUẦN 6**

TIẾT**:21 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA CỦA TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Củng cố kiến thức về :

+ Xác định nghĩa của từ và chỉ ra được ý nghĩa của từ đó trong hoàn cảnh cụ thể.

+ Củng cố kiến thức về từ đa nghĩa.

+ Củng cố kiến thức về các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết sử dụng nghĩa của từ trong nói và viết.

**3. Phẩm chất:**

- Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Nghĩa của từ là gì?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Ngày hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu về nghĩa của từ….

**1,Ôn tập kiến thức về từ đa nghĩa.**

a)T**ừ đa nghĩa là gì?**

Từ đa nghĩa là các từ có nhiều nghĩa, các nghĩa của từ đa nghĩa có muốn liên quan với nhau( có nét nghĩa chung)

**b)Các bước xác định từ đa nghĩa:**

**Bước 1:** Xác định các từ có cách phát âm hoàn toàn giống nhau.

**Bước 2:** Giải thích nghĩa của các từ đã xác định trong ngữ cảnh.

**Bước 3:** Tìm mối liên hệ về nghĩa giữa các từ. Nếu nghĩa này có mối liên hệ với nhau thì khẳng định đó là từ đa nghĩa.

***2, Luyện tập về nghĩa của từ.***

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

a) Mục tiêu: học sinh củng cố kiến thức về về nghĩa của từ thông qua bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm ví dụ.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: HS làm bài tập 1,2,3,4,5,6/47**

**- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bài 1:**

**Bước 1:** Xác định nghĩa của từ “gặp”

**“Gặp”** là tiếp xúc hoặc tiếp nhận tác động trực tiếp của một sự vật, hiện tượng nào đó trong quá trình hoạt động.

**Bước 2:** Tìm số từ đồng nghĩa với từ “gặp”

Những từ đồng nghĩa với từ **gặp:** nhìn, trông, thấy...

**Bước 3:**Từ đó nhận xét về cách dùng từ “gặp” của tác giả trong nhan đề bài thơ.

+ Không chỉ là sự quan sát một cách thụ động mà thể hiện sự tiếp xúc, tiếp nhận tác động trực tiếp.

+ Lá cơm nếp tình cờ xuất hiện trên đường hành quân của người lính đã tác động mạnh đến kí ức và cảm xúc của tác giả.

->Nhìn thấy và ngửi thấy hương thơm của lá cơm nếp, nhà thơ như gặp lại cả tuổi thơ, gặp lại hình ảnh mẹ hiền nơi làng quê

=>Từ “gặp” trong trường hợp này đã bao hàm ý nghĩa của tất cả các từ đồng nghĩa với nó như nhìn, trông, thấy, ngửi…

**Bài 2: Bước 1:** Chỉ ra nghĩa thực ( nghĩa trực tiếp, nghĩa gốc) của cụm từ.

Mùi của lá cây cơm nước vẫn tỏa hương thơm ngát dọc đường hành quân ra mặt trận của con.

**Bước 2:** Chỉ ra nghĩa biểu tượng (nghĩa chuyển) của cụm từ và ý nghĩa của việc sử dụng cụm từ này với nội dung khổ thơ.

=>Mùi cơm nếp hay chính tấm lòng yêu thương thơm thảo của mẹ vẫn đồng hành cùng con trên mỗi chặng đường đời, vẫn ghi khắc chẳng mờ phai trong ký ức và tâm hồn con.

**Bài 3:+** Nghĩa gốc của từ “**mùi vị”:** mùi và vị của sự vật ta cảm nhận được qua khứu giác và thị giác.

**+** Nghĩa chuyển của từ “**mùi vị”(** trong cụm từ **“mùi vị quê hương”):** những nét đặc trưng, thân thuộc của quê hương.

Nghĩa chuyển được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc nên chúng có những nét tương đồng: **chính mùi vị quen thuộc của món ăn bình dị, dân dã đã làm nên đặc trưng cho quê hương, trở thành ấn tượng không phai mờ của nhà thơ khi nhớ về quê hương.**

Nhưng nghĩa chuyển đã có những nét nghĩa mới phù hợp với ngữ cảnh cụ thể của từ ngữ: nghĩa của cụm từ “mùi vị quê

hương” được mở rộng, khái quát, không chỉ dừng ở những mùi vị quen thuộc mà còn ở những sự vật, con người, những hình ảnh, thanh âm đặc trưng của quê hương, ở cả những kỷ niệm và cảm xúc của nhà thơ khi nhớ về quê mẹ.

**Bài 4:Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương”**

+ Tác giả liệt kê hai đối tượng: **“mẹ già, đất nước**” trong đó hình ảnh “**mẹ già**” đặt trước gợi lên những gì gần gũi, bình dị, thân thương và nồng ấm nghĩa tình ( tình cảm gia đình) còn “**đất nước”** đặt sau là những gì lớn lao thiêng liêng (tình yêu đất nước). =>Cách kết hợp từ đó còn gợi liên tưởng, đất nước cũng như một người mẹ thứ hai - M**ẹ Tổ Quốc.**

**Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương”**

+ Câu thơ thứ hai: cụm từ “chia đều” đứng đầu câu thơ như khẳng định tình yêu thương của tác giả đã được chia đều cho cả hai đối tượng (mẹ và tổ quốc), thể hiện sự gắn bó hoà quyện của tình cảm gia đình lồng trong tình yêu Tổ Quốc. **Hiệu quả:** cách kết hợp từ ngữ này vừa khẳng định sự thiêng liêng, cao cả của mẹ, của quê hương đất nước vừa thể hiện tình cảm chân thành sâu nặng của nhà thơ dành cho gia đình, cho Tổ Quốc.

Bài 5. a)Biện pháp tu từ so sánh: Mỗi lần gió về mang lại cảm giác mất mát như ai đó đuổi theo đằng sau.

=> Tác dụng: biện pháp tu từ so sánh giúp thể hiện sinh động những cảm giác mơ hồ, chưa rõ rệt của tác giả khi những cơn gió chướng thổi về. Nó báo hiệu thời gian chảy trôi không gì níu giữ được, nó mang đi bao điều đẹp đẽ, quý giá trong đời nên tác giả phải nhanh, phải gấp để chạy đua với thời gian.

+ Biện pháp tu từ điệp ngữ: cũng từ “**gấp rãi”** điệp lại bốn lần trong câu văn kết hợp với phép liệt kê các hành động của tác giả: **ăn, nói, cười.**

=>**Tác dụng:** biện pháp điệp ngữ kết hợp với liệt kê vừa tạo nhịp điệu cân đối, nhịp nhàng cho câu văn, vừa thể hiện cái hối hả, vội vã của tác giả khi phải chạy đua với thời gian, với cơn gió để giữ lại, để tận hưởng những gì đẹp đẽ của cuộc đời.

b) Biện pháp tư từ nhân hoá, thể hiện qua từ “e dè” trong câu “Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tính tang, thoảng và e dè, ...”

Tác dụng: thể hiện sống động thanh âm khẽ khàng của những cơn gió chướng khi mới thổi về.

+ Biện pháp tu từ ẩn dụ (chuyển đổi cảm giác ) “tiếng gió”( cảm nhận bằng thính giác) được miêu tả có hình khối thành “giọt tình tang” (cảm nhận bằng thị giác).

**Tác dụng:** gợi thanh âm trong trẻo, ngân nga của tiếng gió. Thể hiện sự tinh tế, nhạy bén trong cách cảm nhận âm thanh của nhà văn.

+ Biện pháp so sánh: so sánh “như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có

còn nhớ ta không.”

=>**Tác dụng:** gợi lên sự gần gũi, thân thương của những cơn gió chướng với tác giả, với quê hương: như một người bạn cũ gắn bó đã lâu, đi xa biển biệt nay mới có dịp trở về.

Bài 6. a)Biện pháp nhân hóa: sử dụng các từ ngữ chỉ đặc điểm của người cho vật( nắng, mặt trời, mây):

“thức rất trễ” “ngai ngái lơi lơi”

-> Tác dụng:

+ Khiến cho các sự vật vốn vô giác, vô tri bỗng nhiên trở nên sống động, có hồn, gợi lên rất đúng bầu không khí của đất trời khi gió chướng về.

+ Thể hiện sự quan sát và cảm nhận tinh tế của tác giả.

b) Biện pháp nhân hóa: dùng từ ngữ chỉ đặc điểm của người cho vật: “hơi thở gió”.

=**>Tác dụng**:

+ Gợi những làn gió nhẹ, khẽ thổi qua như hơi thở đồng thời liên tưởng những ngọn gió chướng kia dường như cũng có cảm xúc, cũng mang tâm hồn.

+ Thể hiện sự tinh nhạy trong cách quan sát và cảm nhận của nhà văn.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy nêu nhận xét của em về cách dùng các từ được in đậm trong những câu văn dưới đây.

+ Khi ánh bình minh đã đủ sáng để soi rõ những hạt mưa trên mặt sông dòng nước khổng lồ **“nuốt chửng”** phần còn lại cuối cùng của xoài cát.

+ Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được “**ăn ong”** ra sao.

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**Dự kiến sp:**

Nghĩa của từ “**nuốt chửng”** là nuốt gọn cả miếng một lần, không nhai.

Ở câu văn này tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa để miêu tả cảnh nước sông dâng lên cao đã nhấn chìm toàn bộ dải cát giữa sông. Từ **“nuốt chửng”** vì thế được dùng với nghĩa chuyển, nhằm nhấn mạnh sự mạnh mẽ, dữ dội của dòng nước lớn.

b) Từ **“ăn ong”** ở đây không được dùng với nghĩa gốc- dùng ong là thực phẩm để ăn. Mà được dùng với nghĩa chuyển, ý chỉ hành động nuôi và lấy mật ong trong rừng U Minh của người dân nông dân Nam Bộ.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

**Chuẩn bị bài sau:Viết:** Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

TIẾT**:22-23 TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

+ Xác định các yêu cầu cần thiết của một bài thơ bốn chữ năm chữ dựa trên đặc điểm về thể loại của hai thể thơ này.

+ Nắm vững và thực hiện thuần thục các bước khi tập làm một bài thơ bốn chữ và năm chữ. + Làm được một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ và chia sẻ với mọi người xung quanh.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Làm được một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, yêu con người và những cái đẹp. Biết cách bày tỏ cảm xúc của bản thân.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động

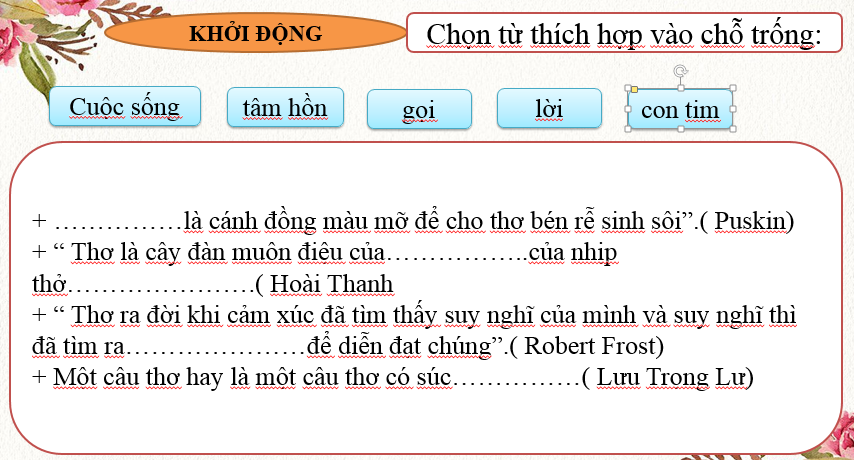
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**



**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Như vậy chúng ta đã nhìn lại những đặc điểm thú vị của thơ. Cô nghĩ rằng các em cũng đã quen với thể loại này và cũng đã yêu mến nó. Vậy ngày hôm nay chúng ta sẽ tập làm thơ nhé!

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

**I, NHẮC LẠI ĐẶC ĐIỂM CỦA THỂ THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ.**

a) Mục tiêu: Học sinh nhắc lại đặc điểm của bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

1. **Thể thơ bốn chữ**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhóm 1+2:** Nhắc lại đặc điểm của thể thơ bốn chữ.

**Nhóm 3+4:** Nhắc lại đặc điểm của thể thơ năm chữ.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**a)Đặc điểm nhận biết:**

+ Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**b)Cách gieo vần**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng**

**=> Vần hỗn hợp**

**c)Nhịp thơ:** Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp: 2/2; 1/3 hoặc 3/1) =>Cách ngắt nhịp linh hoạt.

**2. Thể thơ năm chữ**

**a)Đặc điểm nhận biết:**

+ Mỗi dòng thơ gồm năm chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**b)Cách gieo vần**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân( quốc- thuộc)**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng(bà- gà)**

**=> Vần hỗn hợp**

**c)Nhịp thơ:** Thơ năm chữ thường ngắt nhịp: 2/3; 3/2 hoặc 1/4 => Cách ngắt nhịp linh hoạt**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**II, YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ.**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**1, Về nội dung**:

+ Đề tài, chủ đề của bài thơ phù hợp với lứa tuổi học sinh, thể hiện được những cảm xúc, suy nghĩ của bản thân trước cuộc sống.

+ Đặt nhan đề phù hợp với nội dung bài thơ.

+ Bài thơ thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.

+ Thông điệp mà người viết gửi gắm qua nội dung bài thơ

**2, Về hình thức**

**+** Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.

+ Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.

+ Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lí để tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.

+ Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.

+ Đảm bảo đủ số chữ (bốn chữ hoặc năm chữ) ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại.

**III, CÁC BƯỚC TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ.**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được Quy trình sáng tác bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1:** Trước khi viết:

-Xác định đề tài và cảm xúc.

+ Gia đình( tình mẫu tử, phụ tử, anh chị em, bà cháu..).

+ Nhà trường( tình bạn, tình thầy trò, kỷ niệm dưới mái trường….)

+ Quê hương (kỷ niệm tuổi thơ, cảnh quê, người quê…).

+ Thiên nhiên ( khung cảnh thiên nhiên những vùng đất ta qua…)

=>Cảm xúc chủ đạo: Nhớ thương, yêu mến, bâng khuâng, biết ơn, tự hào, vui sướng, háo hức, thú vị, u buồn, nuối tiếc….

+ Tìm hình ảnh.

+ Tập gieo vần

|  |  |
| --- | --- |
| **Đề tài** | **Hình ảnh phù hợp** |
| Kỷ niệm dưới mái trường |  |
| Quê hương |  |
| Thiên nhiên |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đề tài** | **Hình ảnh phù hợp** |
| Kỷ niệm dưới mái trường | **+ Ngày khai trường**: hình ảnh cờ hoa, những gương mặt mới đầy háo hức,.  + **Ngày hội thể thao:** không khí nhộn nhịp, sôi động, những gương mặt tràn ngập khí thế, huy chương….  **+ Ngày chia tay:** hình ảnh hoa phượng rơi, hoa bằng lăng tím, chiếc trống trường im lặng, sân trường vắng hoe… |
| Quê hương | + **Hình ảnh thiên nhiên:** dòng sông, cây cầu, con đường, bờ đê, ngọn đồi, cánh đồng, bản làng, thung lũng, ruộng bậc thang, công viên, đường phố,….  + **Hình ảnh con người**: người nông dân trên cánh đồng, những đứa trẻ nô đùa ở ven sông, các cụ già đi bộ trong công viên,….  **+ Quê hương ở những thời điểm khác nhau:** bình minh, hoàng hôn, đêm về, mùa xuân, mùa thu,…. |
| Thiên nhiên | **+ Những khoảnh khắc ấn tượng:** mặt trời lặn trên dòng sông, mặt trời mọc trên bãi biển, đất trời trong con sông,. ..  **+ Sự vật thiên nhiên**: bông hoa, chiếc lá, giọt Sương, đám mây, cơn gió,…  + **Con vật:** các loài chim, tiếng côn trùng kêu trong đêm, chú chó ngủ gật trên cỏ, chú mèo đuổi theo con bướm,… |

1. Chọn một trong những từ bên dưới để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ cho phù hợp với cách gieo vần trong bài thơ bốn chữ.

Ai là bạn gió

mà gió đi tìm

bay theo cánh ….(1)

Lửa trong tán lá.

Gió nhớ bạn…(2)

Nên gõ cửa hoài”

( Theo Ngân Hà, Bạn của gió)

(1)buồm/chim/hoa

(2)mãi/lắm/quá

2.Chọn một trong những từ bên dưới để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ cho phù hợp với cách gieo vần trong bài thơ bốn chữ.

Mặt trời thổi lửa

Sông biển bốc hơi

Hơi bay cao vút

Thành mây lưng…. (1)

Mây hồng nhẹ trôi

Mây xanh đằm thắm

Dịu dàng mây….. ..(2)

Thẩn thơ mây vàng

Mây đen lang …….(3)

Thân mình trĩu nặng

Gió trêu tí xíu

Đã vội khóc oà

( Theo Hoàng Lựu- Mây khóc)

(**1) chừng/ đồi/tầm**

**(2) hát/ bay/ trắng**

**(3) bạt/ thang**

**Bước 2:** Thực hành viết.

- Suy nghĩ về đề tài đã chọn.

+ Hình dung các hình ảnh nổi bật.

+ Xác định những tình cảm, cảm xúc chủ đạo.

+ Lựa chọn các hình ảnh phù hợp nhất với cảm xúc.

+ Sắp xếp trình tự các cảm xúc và những hình ảnh tương ứng ( mạch cảm xúc của bài thơ).

-Lựa chọn thể thơ và viết những câu thơ đầu tiên.

+ Chọn thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ. + Viết những câu thơ đầu tiên giới thiệu về đối tượng và cảm xúc, ấn tượng nổi bật của em về đối tượng.

- Tiếp tục triển khai bài thơ.

+ Triển khai bài thơ theo mạch cảm xúc đã xác định: theo đặc điểm khách quan của đối tượng (theo trình tự thời gian, không gian, đặc điểm nổi bật…).

+ Theo những cảm xúc chủ quan của mình.

+ Chú ý số chữ trong mỗi dòng thơ và việc gieo vần vẫn đảm bảo luật thơ.

+ Nhịp thơ ngắt nhịp linh hoạt theo cảm xúc và đặc điểm của đối tượng.

+ Sử dụng các từ ngữ biểu đạt cảm xúc, đặc biệt là các từ láy: thẫn thờ, háo hức, buồn bã,. ..

+ Sử dụng những biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm cho câu thơ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ,….

* Kết thúc bài thơ

+ Khép lại bài thơ bằng những hình ảnh thơ ấn tượng, bất ngờ.

+ Gợi ra những suy nghĩ, cảm xúc thú vị sâu sắc

**Bước 3:** Chỉnh sửa

BẢNG KIỂM NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC BÀI THƠ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Hình thức nghệ thuật | Số tiếng trong mỗi dòng thơ: 4 tiếng hoặc năm tiếng. |  |  |
| Các dòng thơ bắt vần với nhau( vần liền, vần cách, vần hỗn hợp. |  |  |
| Các dòng thơ được ngắt nhịp phù hợp với tình cảm, cảm xúc thể hiện trong bài. |  |  |
| Các hình ảnh trong bài thơ sống động, thú vị và có tính biểu đạt cảm xúc. |  |  |
| Có sử dụng một số biện pháp tu từ:so sánh, nhân hoá,ẩn dụ , hoán dụ, điệp từ, liệt kê… |  |  |
| Nội dung | Thể hiện tình cảm, cảm xúc của em hoặc thể hiện góc nhìn của em về cuộc sống. |  |  |
| Bài thơ có nhan đề phù hợp với nội dung. |  |  |
| Thông điệp mà em gửi gắm qua bài thơ. |  |  |
|  |  |  |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và lảm việc cá nhân

Hãy làm một bài thơ thơ bốn chữ hoặc năm chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật, hiện tượng nào đó trong thiên nhiên hoặc cuộc sống.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

+ Tìm đối tượng được so sánh.

+Tìm đặc điểm so sánh.

+ Tìm đối tượng dùng để so sánh.

**\* Báo cáo kết quả:**

+ Tìm đối tượng được so sánh.

Xác định sự vật, hiện tượng được so sánh.

Sử dụng một trong năm giác quan để hình thành so sánh:

Thị giác

Thính giác

Khứu giác

Xúc giác

Vị giác

Ví dụ: Sự vật, hiện tượng là tàu ngoài khơi và sử dụng giác quan thính giác.

=> Đối tượng so sánh là âm thanh của tàu.

+Tìm đặc điểm so sánh.

Thay vì được cảm thấy bởi người viết, thì cần đưa đối tượng vào giọng chủ động trong câu.

Gắn thêm động từ/ tính từ miêu tả để hình ảnh thêm sinh động, làm rõ đặc điểm so sánh phù hợp với văn cảnh.

Đặt thêm từ so sánh: như, giống, giống như,…

Ví dụ: Tôi cảm thấy âm thanh của tàu ngoài khơi vô cùng dữ dội như…=> Tiếng ầm ầm của con tàu ngoài khơi dữ dội giống như…

+ Tìm đối tượng dùng để so sánh.

Liệt kê các sự vật, hiện tượng có thể so sánh dựa vào đặc điểm đã xác định.

Dựa vào văn cảnh để lựa chọn đối tượng phù hợp để so sánh.

Ví dụ: Đặc điểm là âm thanh dữ dội, ầm ầm của con tàu ngoài khơi nên có thể so sánh với:

Một trận tuyết lở khủng khiếp.

Bài hát u sầu của lũ cá voi sâu dưới đại dương vang vọng lại.

Bài ca lao động vui tươi, rộn ràng….

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

TIẾT**:24,25 VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu rõ được những yêu cầu đối việc viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

**3. Phẩm chất:**

Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS chia sẻ: Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong bài thơ bốn chữ, năm chữ.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và những yêu cầu cụ thể tạo nên đặc điểm riêng của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Về bài tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ, GV nhắc lại các lưu ý khi tập làm một bài thơ bổn chữ hoặc năm chữ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.

I. Yêu cầu

*1. Yêu cầu đối với thể thơ bốn chữ, năm chữ*

·    Số dòng: Số lượng dòng trong mỗi bài không hạn chế. Bài thơ bốn chữ và năm chữ có thể chia khổ hoặc không.

·    Cách gieo vần: vần thường được đặt  cuối dòng, gọi là vần chân, vần có thể gieo liên tiếp (vần liền) hoặc cách quãng (vần cách), cũng có thể phối hợp nhiều kiểu gieo vần trong một bài thơ (vần hỗn hợp),...

·    Ngắn nhịp: Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp 2/2; thơ năm chữ thường ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2. Tuy nhiên, nhịp thơ cũng có thể được ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ.

·    Thơ bốn chữ và thơ năm chữ gần gũi với đồng dao, vè, thích họp với việc kể chuyện; hình ảnh thơ thường dung dị, gần gũi.

*2.* *Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ*

*\* Nội dung:*

- Giới thiệu được tên bài thơ và tác giả bài thơ. Nêu được cảm xúc chung về bài thơ.

- Nêu được ấn tượng, cảm xúc về những nét nghệ thuật độc đáo, đặc biệt chú ý đến tác dụng của thể thơ bốn chữ, năm chữ trong việc góp phẩn tạo nên nét riêng, giá trị của bài thơ. Từ đó, nêu được những cảm nghĩ về nội dung của bài thơ.

*\* Hình thức:*

- Trình bày đúng hình thức đoạn văn: Chữ đầu lùi đầu dòng và viết hoa, kết thúc đoạn ở chỗ xuống dòng. Các câu trong đoạn có sự liên kết cả về nội dung và hình thức.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và lảm việc cá nhân

Hãy viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Cảm xúc về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ - Đồng dao mùa xuân**

“Đồng dao mùa xuân” của Nguyễn Khoa Điềm đem đến cho người đọc nhiều cảm xúc. Bài thơ giống như một câu chuyện kể về cuộc đời người lính từ lúc mới vào chiến trường, cho đến những năm tháng chiến tranh ác liệt. Và khi đất nước hòa bình, người lính ấy đã hy sinh, mãi nằm lại nơi chiến trường không thể trở về quê hương. Tác giả đã khắc họa hình ảnh người lính đầy chân thực, sống động. Khi mới vào vào chiến trường, họ là những chàng trai chưa một lần yêu; cà phê chưa uống; vẫn còn mê thả diều. Tuy tuổi đời còn rất trẻ, vẫn chưa có nhiều trải nghiệm, tính cách nhân hậu nhưng lại thật dũng cảm, có lí tưởng và giàu lòng yêu nước. Chiến tranh khốc liệt đã cướp đi mạng sống của họ, nhưng tình cảm mà đồng đội và nhân dân dành cho họ vẫn còn mãi. Đối với đồng đội, người lính đã trở thành “ngọn lửa” để “bạn bè mang theo”. Họ luôn cùng sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh. Đối với nhân dân, người lính chính là những bậc anh hùng, đáng ngưỡng mộ và tự hào. Dù họ đã nằm lại nơi chiến trường, nhưng nhân dân vẫn luôn nhớ đến, trân trọng. Có thể nói, “Đồng dao mùa xuân” mang ý nghĩa biểu tượng chính là bài đồng dao về người lính, về sự bất tử của các anh đối với đất nước**.**

**Cảm xúc về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ - Gặp lá cơm nếp**

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

**Chuẩn bị bài sau: Nói và nghe**

**TIẾT 26 Nói và nghe: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ (ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐÃ HỌC)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết trình bày suy nghĩ về một vấn đề.

+ Biết chọn một vấn đề đời sống được gửi ra từ tác phẩm văn học đã đọc để trình bày. + Nắm được các yêu cầu và quy trình thực hiện các bước trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học.

+ Thực hành thuần thục việc trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gửi ra từ tác phẩm văn học.

+ Lắng nghe và nhận xét, trao đổi về bài trình bày về vấn đề đời sống của bạn - nếu là người nghe.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*  Biết trình bày suy nghĩ về một vấn đề

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong việc lựa chọn tác phẩm để tìm kiếm hiện tượng đời sống (chỉ lựa chọn những tác phẩm em đã đọc). Cởi mở khi chia sẻ những ý kiến của bản thân và tôn trọng ý kiến khác biệt

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy chỉ ra những vấn đề đời sống có thể được gợi lên qua các văn bản đã học sau:

+ Đoạn trích “Nếu Lắccậu muốn có một người bạn”

+ Đoạn trích “ -ki thực sự may mắn”

+ Chuyện cổ tích “Vua chích chòe”**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

+ Đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn”:

Làm thế nào để kết bạn? Ý nghĩa lớn lao của tình bạn với mỗi người?.

Hạnh phúc không ở đâu xa, hạnh phúc nằm ngay trong những điều ta đang có.

+ Đoạn trích “ Lắc-ki thực sự may mắn”:

Học cách tôn trọng sự khác biệt.

Tình yêu thương, cách cư xử đầy nhân văn giữa người với người được gợi ra từ cách đối xử của những con mèo trên biển cả với hải âu Lắc-ki.

+ Chuyện cổ tích “Vua chích chòe”:

Hiện tượng miệt thị ngoại hình (body shaming) trong cuộc sống hiện nay.

Trân trọng giá trị của lao động, biết tự nhận ra những khuyết điểm trong tính cách của bản thân để sửa chữa và hoàn thiện.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Như vậy , dù một bài thơ, dù một truyện ngắn, dù một truyện cổ thì tất cả các văn bản đều gửi gắm, nhắn gửi đến chúng ta những thông điệp sâu sắc. Và cũng có thể các tác phẩm ra đời đã lâu nhưng những vấn đề được đề cập đến thì luôn mới nó có sức sống vượt thời gian nó vẫn đề cập đến những vấn đề mà chúng ta gặp phải ngày hôm nay và trở thành những bài học, những sự khơi mà chúng ta cần suy ngẫm về thực tế cuộc sống của chính mình. Bài học hôm nay chúng ta sẽ ….

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của bài nói  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thế nào là một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học?**  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **I, YÊU CẦU CỦA BÀI NÓI**  **1, Thế nào là một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học?**  Là những vấn đề ( hiện tượng) đời sống được khơi gợi, bắt nguồn từ các hình ảnh, chi tiết, các sự việc, nhân vật, đề tài,.... chủ đề trong một tác phẩm văn học đã học |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, thời gian và không gian nói   |  |  | | --- | --- | | Đề tài |  | | Mục đích |  | | Người nghe |  | | Địa điểm |  | | Thời gian trình bày bài nói. |  |   **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thế nào là một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học?**  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **2, Yêu cầu**   |  |  | | --- | --- | | Đề tài | Một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc. | | Mục đích | Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về một vấn đề đời sống từ tác phẩm văn học và thuyết phục người nghe về vấn đề đó. | | Người nghe | Trong tiết học nói và nghe tại lớp: các bạn học sinh trong lớp và thầy cô giáo.  Trong tình huống khác: người nghe là những ai quan tâm đến vấn đề mà bạn trình bày | | Địa điểm | Trong lớp học, trong gia đình, trong buổi trò chuyện với bạn bè.... | | Thời gian trình bày bài nói. | Trình bày bài nói trong khoảng năm đến bẩy phút. | |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được chuẩn bị trước khi nói cần những gì?  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **II,** **CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NÓI** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **NHÓM 1:**  Xác định vấn đề trình bày.  **NHÓM 2:** Thu thập tư liệu cho bài trình bày.  **NHÓM 3:** Lập dàn ý cho bài trình bày.  **NHÓM 4:** Tập luyện trước trình bày.   * **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1, Chuẩn bị nội dung bài nói**  a) Xác định vấn đề trình bày.  Làm thế nào để xác định được vấn đề đời sống trong một tác phẩm văn học?  **+** Chọn một tác phẩm văn học để lại cho em những ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ sâu sắc nhất.  + Kết nối với những trải nghiệm và những hiểu biết xã hội của bản thân với nội dung tác phẩm để tìm ra vấn đề được sống cần trình bày.  **Ví dụ**: Những vấn đề đời sống có thể gợi ra qua bài thơ “ **Đồng dao mùa xuân”**  + Chủ đề người lính trong thời bình.  + Lòng biết ơn của thế hệ sau với sự hy sinh của thế hệ đi trước để bảo vệ độc lập dân tộc.  + Tình yêu quê hương đất nước của thế hệ trẻ ngày nay.  + Những thay đổi của cuộc sống hôm nay.  **Ví dụ**: Những vấn đề đời sống có thể gợi ra qua bài thơ “ **Gặp lá cơm nếp”**  + Sự hòa quyện giữa tình yêu gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.  + Ý nghĩa của những điều bình dị, nhỏ bé, quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của ta.  b) Thu thập tư liệu cho bài trình bày.  Sưu tầm tài liệu, tranh ảnh, video, bài hát, bài thơ …để hiểu rõ về vấn đề trình bày và làm minh họa cho bài nói.  **Ví dụ: Chủ đề người lính trong cuộc sống hôm nay.**  + Tìm đọc những sách, báo nói về hình ảnh người chiến sĩ trong cuộc sống hôm nay.  + Xem các chương trình truyền hình sống của những người lính để hiểu thêm về nhiệm vụ của những vất vả, hy sinh của họ.  + Sử dụng internet để tìm kiếm tranh ảnh, video, bài hát, bài thơ viết về người lính trong thời bình để minh họa cho bài trình bày.  **c)** Lập dàn ý cho bài trình bày.  **Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học đã khơi gợi cho em suy nghĩ về vấn đề đời sống và những cảm nghĩ chung của em về vấn đề đó.  **Thân bài:**  + Trình bày những đặc điểm cụ thể, nổi bật của vấn đề.  + Khi trình bày đặc điểm của vấn đề cần đưa ra các ví dụ minh họa sinh động để tăng sức thuyết phục cho bài trình bày. + Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về các đặc điểm cụ thể đó.  **Kết bài:** Đánh giá chung về vấn đề và rút ra bài học, thông điệp từ vấn đề.  d) Tập luyện trước trình bày.  - Tập luyện một mình  +Tập nói một mình( nói thầm, nói to thành tiếng, nói trước gương, thu âm, thu hình bài nói …)để nắm chắc nội dung bài nói.  + Xem lại bài nói đã thu âm hoặc ghi hình để điều chỉnh số lượng, tốc độ, giọng nói, các cử chỉ điệu bộ khi nói  - Tập luyện với người khác.  + Nói cho bạn, cho anh chị hoặc người thân của mình nghe.  + Tập luyện nói trước đám đông để rèn luyện tâm lý cũng như kỹ năng trình bày.  + Nhờ mọi người kiểm soát thời gian nói, tốc độ nói và biểu cảm, cử chỉ cho mình.  + Lắng nghe góp ý của mọi người để từ đó hoàn thiện bài nói. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được cách trình bày bài nói.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **III, TRÌNH BÀY BÀI NÓI** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trình bày bài nói gồm những phần nào? Cách triển khai nội dung từng phần?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **Những lưu ý khi trình bày bài nói.**  Chú ý điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói, sắc thái biểu cảm của giọng nói, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với nội dung bài nói.  Tương tác tích cực với người nghe thông qua ánh mắt, cử chỉ, những câu hỏi gợi dẫn…  Trình bày bài nói trong thời gian quy định. | **Mở đầu:**  + Chào mọi người, giới thiệu vấn đề mình sẽ trình bày trong bài nói.  + Có thể bắt đầu bằng những hình ảnh, đoạn video ấn tượng; mở đầu bằng một câu chuyện; mở đầu bằng cách đặt câu hỏi cho người nghe … để dẫn dắt vào vấn đề.  + Hoặc có thể nêu ấn tượng, cảm xúc của em về tác phẩm văn học và đã gửi ra vấn đề em sắp trình bày.  **Triển khai:**  + Trình bày các khía cạnh của vấn đề( giới thiệu, biểu hiện, suy nghĩ của em…). …  + Chú ý kết hợp phần lời thuyết trình với các phương tiện hỗ trợ: tranh ảnh, video, bản biểu số liệu, để bài trình bày thêm sinh động, hấp dẫn và thuyết phục.  + Sử dụng từ ngữ để liên kết các ý trong bài trình bày như **trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy**, giúp cho các ý chính được thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.  **Kết thúc:**  **+** Đánh giá khái quát về vấn đề ,đưa ra thông điệp/ lời khuyên.  + Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý. |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu của người nói và người nghe sau khi nói.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **IV, TRAO ĐỔI SAU KHI NÓI** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Người nói và người nghe cần thực hiện yêu cầu gì sau khi nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **Với người nói:**  + Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị.  + Giải thích thêm những chỗ người nghe còn thắc mắc.  + Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.  + Lưu ý cần đưa ra được lý lẽ, bằng chứng xác đáng khi bảo vệ ý kiến mình đưa ra.  **Với người nghe:**  + Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng.  Có thể trao đổi với người nói một số nội dung như sau:  + Bài nói đã thể hiện rõ suy nghĩ của người nói về vấn đề đời sống chưa?  + Nội dung bài nói có thuyết phục không?  + Người nói đã sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, nét mặt, điệu bộ ) phù hợp với nội dung trình bày chưa?  + Hiệu quả của những phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ ) trong khi trình bày thế nào? |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và làm việc cá nhân

Qua các bài thơ “ Đồng dao mùa xuân”, “ Gặp lá cơm nếp” em đã phần nào thấy được hình ảnh những người lính trong những năm chiến tranh. Dựa vào những hiểu biết của bản thân, hãy trình bày suy nghĩ của em về chủ đề người lính trong cuộc sống hôm nay?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Mở đầu:**

+ Giới thiệu về bài thơ câu chuyện đã đọc và xem sách về chủ đề người lính trong cuộc sống hôm nay.

+ Cũng có thể bắt đầu từ một hình ảnh đẹp về người lính trong cuộc sống hôm nay rồi liên hệ với một tác phẩm văn học và giới thiệu chủ đề bài nói.

**Triển khai:** Trình bày đặc điểm, phẩm chất của người lính hôm nay và những suy nghĩ, tình cảm của bản thân về người lính:

**+ Hoàn cảnh đất nước:**

Đất nước đã hoà bình nhưng chủ quyền lãnh thổ (nhất là biển đảo vẫn là một vấn đề “nóng” cả trên bàn đàm phán và trên thực địa.

Đất nước đang trên đường hội nhập và phát triển kinh tế xã hội với thế giới.

**Nhiệm vụ:** bảo vệ tổ quốc và giữ gìn bình yên cho cuộc sống nhân dân.

+ Bảo vệ vững chắc chủ quyền thiêng liêng của tổ quốc, nhất là chủ quyền biển đảo và biên giới.

+ Sự cuộc sống bình yên cho nhân dân: tham gia phòng chống dịch bệnh, cứu hộ cứu nạn lúc thiên tai, giúp nhân dân vùng khó khăn ổn định cuộc sống,…

**Những phẩm chất người lính trong cuộc sống hôm nay (thể hiện qua những việc làm cụ thể., )**

+ Trung thành với tổ quốc.

+ Quyết tâm vượt mọi gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Anh dũng chiến đấu, hy sinh vì nhân dân, dân tộc.

+ Gắn bó với nhân dân

**Những suy nghĩ, tình cảm của em với những người lính trong cuộc sống hôm nay:**

+ Cảm phục và biết ơn sâu sắc trước những hy sinh vất vả và các chiến sĩ đã, đang và sẽ là vì nhân dân,…

+ Noi theo gương sống và chiến đấu của các chiến sĩ.

**Kết thúc:** Rút ra bài học từ thái độ sống và tinh thần xả thân vì nhân dân của người lính.

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Tìm vấn đề được gợi ra trong các văn bản đã học?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cho hai cột A và B dưới đây, hãy nối tên văn bản với vấn đề đời sống có thể được gợi ra từ văn bản đó sao cho phù hợp?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**THỰC HÀNH ĐỌC: CHIỀU SÔNG THƯƠNG( HỮU THỈNH)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách đọc một văn bản thơ.

+ Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ qua thể thơ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp.

+ Nhận biết và nhận xét được những đặc sắc về nội dung của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ. Đồng thời xác định được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

+ Xác định được đề tài chủ đề của bài thơ.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Đọc được một văn bản thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Vun đắp thêm tình yêu với thiên nhiên quê hương đất nước, với con người xung quanh, với cuộc sống hoà bình mà chúng ta đang trải qua.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** **QUAN SÁT VÀ CHO BIẾT TÊN CÁC DÒNG SÔNG SAU?**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Như vậy, chúng ta đi suốt dọc dài đất nước ta, mỗi vùng quê đều có những hình ảnh đặc trưng với hình ảnh của những con sông những dòng sông. Và có thể nói Việt Nam là đất nước của những dòng sông. Những dòng sông ấy không chỉ đắp bồi phù sa để làm nên sự trù phú, giầu có cho cuộc sống của nhân dân hai bên bờ của con sông mà còn đi vào thơ ca, nhạc họa như là một hình ảnh quen thuộc và là một nguồn cảm hứng bất tận cho các thi sĩ . Ngày hôm nay chúng ta cũng được đi tìm hiểu một bài thơ viết về một dòng sông quen thuộc gần gũi với quê hương “….”

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

1. Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Văn bản: ….. | |
| Tác giả |  |
| Thể thơ |  |
| Gieo vần |  |
| Ngắt nhịp |  |
| PTBĐ chính |  |
| Nhận xét đặc điểm hình thức của bài thơ? |  |

**1, Tác giả:**

- Hữu Thỉnh (1942), quê Vĩnh Phúc.

- 1963 vào quân đội và sáng tác thơ.

- Phong cách thơ tha thiết, nhỏ nhẹ, sâu lắng.

- Viết về con người, cuộc sống ở nông thôn.

2, Văn bản

**- Xuất xứ:** Sáng tác vào tháng 10 năm 1973 in trong tập thơ “Từ chiến hào tới thành phố”

- Thể thơ: 5 chữ

- Gieo vần:

+ Bài thơ được gieo : vần chân

+ Cách gieo vần: vừa có vần liền( hai câu giữa mỗi khổ thơ) ngoài ra còn gieo vần chân giữa câu cuối khổ này và câu đầu khổ tiếp theo**.**

- Ngắt nhịp:

+ Nhịp chủ đạo: 2/3

+ Kết hợp với nhịp 3/2 và nhịp ¼

Bài thơ chỉ viết hoa chữ cái mở đầu. Các câu thơ sau không viết hoa chữ cái đầu câu.

Cách trình bày: Cả bài thơ chỉ có một dấu chấm câu, đặt ở câu thơ cuối cùng của bài thơ- PTBĐ chính: Biểu cảm

**II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**1, Vẻ đẹp dòng sông Thương khi chiều buông**

**a, Vẻ đẹp thiên nhiên:**

Trong trẻo, thơ mộng, yên bình.

**b, Vẻ đẹp con người:**

Đó là những con người lao động bình dị, chân chất, khỏe mạnh, bằng sức lao động của mình, làm giầu, làm đẹp cho quê hương.

**2, Những cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ.**

+ Tâm hồn tinh tế nhạy cảm, yêu thiên nhiên, có cái nhìn độc đáo về thiên nhiên.

+ Tình yêu tha thiết và sự gắn bó sâu nặng với đất và người quê hương.

**III, Tổng kết**

**1, Nghệ thuật:**

+ Thể thơ năm chữ, giọng thơ như tâm tình, kể mãi về sự giầu đẹp của quê hương. + Các hình ảnh thơ bình dị nhưng được quan sát từ góc nhìn tinh tế, tâm hồn nhạy cảm và yêu làng quê tha thiết, trở nên sống động vô cùng.

+ Các biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ suốt bài thơ thêm giầu hình ảnh và giầu cảm xúc.

**2, Nội dung:**

**Đề tài:** Tình yêu quê hương. Dòng sông quê hương.

**Chủ đề:**

+ Vẻ đẹp thanh bình, yên à, trong trẻo và thơ mộng của một buổi chiều thu đồng quê kinh Bắc.

+ Sự gắn bó, tình yêu thiết tha với dòng sông quê hương, với những khung cảnh bình dị của làng quê.

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***2. Về phẩm chất:*** Bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

**THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ.

- Video về tình yêu thương

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: **GV**tổ chức cho học sinh xem video về tình yêu thương và nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân sau khi xem vieo.

**HS** chú ý quan sát, lắng nghe, suy ngẫm và nêu cảm nhận.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS xem video và đặt câu hỏi:

Em hãy xem vieo sau và nêu cảm nhận của bản thân sau khi xem.

Link video: https://www.youtube.com/watch?v=ZHn1\_ybI\_3s

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chú ý quan sát, lắng nghe và cảm nhận.

**Báo cáo, thảo luận**

**GV**khuyến khích HS giơ tay phát biểu cảm nhận.

**HS** nêu cảm nhận sau khi xem xong video.

**Kết luận, nhận định**

- GV gợi dẫn, tạo cảm hứng đến HS chuẩn bị vào bài học mới.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

**TRI THỨC ĐỌC – HIỂU**

**a. Mục tiêu:** HS bước đầu nắm được thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện và tác dụng của nó.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu, dẫn dắt, yêu cầu HS thực hiện một số nhiệm vụ học tập để nắm được kiến thức cơ bản về thay đổi kiểu người kể chuyện.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS theo dõi SGK, đọc thầm phần tri thức ngữ văn về *Thay đổi kiểu người kể chuyện*(Tr.58) và trả lời câu hỏi:  1. Thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện?  2. Tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện?  3. Em đã từng đọc văn bản nào sử dụng việc thay đổi kiểu người kể chuyện chưa? Hãy chia sẻ một vài ví dụ?  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cặp đôi, suy nghĩ và trao đổi, tìm ra câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện 1-2 cặp đôi trình bày phần tìm hiểu của nhóm mình  - Các bạn khác chú ý lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi hoặc nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá, bổ sung cho câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - HS ghi bài. | **Thay đổi kiểu người kể chuyện**  - Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất; có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Sự thay đổi kiểu người kể chuyện luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến một cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS dựa vào những kiến thức đã được tìm hiểu, trả lời các câu hỏi GV đưa ra.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Mèo đuổi chuột”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS khi tham gia trò chơi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hệ thống câu hỏi trong trò chơi:**

Câu 1. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều…khác nhau.

Câu 2: Có mấy cách thay đổi kiểu người kể chuyện?

Câu 3: Có mấy ngôi kể thường được sử dụng trong tác phẩm truyện? Đó là những ngôi kể nào?

Câu 4: Điền vào chỗ trống: “Sự thay đổi … luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả”.

Câu 5: Người kể chuyện xưng tôi là ngôi kể nào?

Câu 6: Mỗi ngôi kể trong truyện thường mang đến cách nhìn nhận, đánh giá riêng. Đúng hay sai?

Câu 7: Trong một tác phẩm truyện, tác giả có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau, có tác phẩm sử dụng hai, ba ngôi kể thứ ba. Đúng hay sai?

Câu 8: Sự thay đổi kiểu người kể chuyện khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. Đúng hay sai?

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS dựa vào những kiến thức đã được tìm hiểu, phát hiện, sưu tầm được những tác phẩm truyện có sử dụng sự thay đổi kiểu người kể chuyện.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS sưu tầm và đọc những tác phẩm văn học có sử dụng sự thay đổi kiểu người kể chuyện.

**c. Sản phẩm:**Những tác phẩm học sinh sưu tầm được.

**d. Tổ chức thực hiện:**HS thực hiện ở nhà.

BÀI 3:

CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG

Tình yêu thương là câu trả lời cho mọi thứ

( Ray Bradbury)

Đọc văn bản: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ

I. MỤC TIÊU

**1. Kiến thức:** - Nhận biết được tính cách nhân vật. Biết cách nhận xét đánh giá nhân vật trong tác phẩm truyện (1)

- Nhận biết được chủ đề của văn bản. (2)

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. (3)

- Nhận thức được cội nguồn yêu thương làm điểm tựa để con người hạnh phúc và luôn vững vàng trên hành trình trưởng thànhở mọi thời đại, biết trân trọng cảm phục những người sống biết yêu thương. (4)

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Đọc được một văn bản thơ.

3, Phẩm chất

- Nhân ái: Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh. (8)

- Trung thực: Biết lên án thói xấu trong xã hội. (9)

- Trách nhiệm: Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện. (10)

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những câu hỏi của phần khởi động.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh trả lời câu hỏi phần trước khi đọc

HS trả lời câu hỏi

GV kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Kể tên các loài hoa màem biết. Em có thể nhận ra chúng bằng cách nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và chia sẻ

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định học sinh trả lời

- HS chia sẻ

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của học sinh

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (…’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **a)Mục tiêu:** học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  **b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.**  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện: NV1**  **\* chuyển giao nhiệm vụ**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |   \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **- Cách đọc**  *- Tóm tắt: Nhà của tôi có một khu vườn rộng. Bố trồng rất nhiều hoa. Buổi chiều ra đồng về, hai bố con ra vườn thi nhau tưới. Bố thường bảo tôi nhắm mắt lại, sau đó dẫn tôi đi chạm từng bông hoa một rồi đoán xem đó là hoa gì. Tôi đã thuộc làu làu, chạm loài nào đều đoán tên được loài đó. Khi Tý đem tặng bố những trái ổi to mềm, bố rất trân trọng dù bố ít khi ăn ổi. Tôi nhận ra đó là vẻ đẹp của món quà mình cho đi hay mình được nhận. Tôi nhận ra khu vườn, người bố là món quà to lớn, quý giá của cuộc đời cậu. Sau đó, bố lại nghĩ ra một trò chơi khác, thay vì chạm thì bây giờ nhân vật tôi chỉ được ngửi rồi gọi tên. Khi đã thuần thục, bố khen cậu là người có chiếc mũi tuyệt nhất thế giới. Lúc đó, cậu nhận ra rằng chính những bông hoa là người đưa đường, dẫn lối cho cậu trong khu vườn.*  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Nhân vật “tôi”**  a, Mục tiêu: - Nhận thức được cội nguồn yêu thương làm điểm tựa để con người hạnh phúc và luôn vững vàng trên hành trình trưởng thànhở mọi thời đại, biết trân trọng cảm phục những người sống biết yêu thương.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* chuyển giao nhiệm vụ**  \* Vòng 1: Gv chia 3 nhóm nêu câu hỏi theo phiếu học tập 3 để HS thảo luận và trả lời  - Nhóm 1: Tìm những chi tiết thể hiện khả năng đặc biệt của nhân vật “ tôi”. Nhờ đâu mà “tôi” có năng lực đó?  - Nhóm 2: Tìm các chi tiết thể hiện cảm xúc suy nghĩ của nhân vật tôi về bố và Tí?  - Nhóm 3: Những điều thú vị tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ? Ý nghĩa của những điều bí mật đó  \* Vòng 2: HS thảo luận trả lời câu hỏi:  Phiếu học tập 6:Nhận xét về nhân vật “ tôi”  - HS lắng nghe.  **\* thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Dự kiến sản phẩm:  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần đã xây dựng hình ảnh nhân vật một cậu bé mười tuổi, sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của người khổng lồ internet ghé ngang. Điều hấp dẫn rất riêng của truyện là những câu thoại ngô nghê trong sáng, lại rất dí dỏm và ấm áp. Cậu có một gia đình tuyệt vời, nơi ấy, bố đã dạy cậu điều tuyệt vời nhất, bố dẫn cậu ra vườn bảo cậu nhắm mắt, rồi hướng dẫn cậu chạm vào từng bông hoa và đoán tên, lúc đầu cậu toàn đoán sai, bố nói không sao cả, dần dần con sẽ đoán đúng, mà thật vậy, từng ngày rồi từng ngày, cậu đã đoán đúng tên từng bông hoa trong vườn, rồi bố lại bày cậu tập đoán khoảng cách đến bông hoa, cậu thích chí mỗi khi đoán đúng, cậu đoán chính xác khoảng cách đến nỗi chú Hùng hàng xóm phải thốt lên “Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”. Cậu bé tự kể lại câu chuyện của mình một cách nhẹ nhàng nhưng đầy những cảm xúc hân hoan, hồ hởi khi trải nghiệm cùng bố qua những trò chơi nhỏ trong vườn. Nếu bố là một người tuyệt vời khi dạy con những bài học quý giá thì cậu bé là một đứa trẻ ngoan khi biết lắng nghe, lĩnh hội những điều hay mà bố cậu truyền dạy. Từ bài học của bố, cậu biết yêu những bông hoa, hiểu rằng món quà nào cũng đẹp và mỗi chúng ta phải biết ơn người trao tặng. Có ai đó đã từng nói rằng “người biết yêu thương cỏ cây, động vật là người mang trong mình hạt mầm của lòng nhân ái”. Đúng như vậy, với những bài học quý giá của bố, rồi đây cậu bé sẽ trở thành người tốt và có nếp sống đẹp. Qua hình ảnh nhân vật “tôi”, tác giả đã gửi gắm đến chúng ta bài học về sự biết ơn và yêu thương trong cuộc sống. Tình yêu thương sẽ khiến cho chúng ta hạnh phúc hơn mỗi ngày.  **2. Nhân vật người bố**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu những tình cảm của bố với “ tôi”  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* chuyển giao nhiệm vụ**  1. Nhân vật người bố được miêu tả chủ yếu qua lời kể của nhân vật nào, việc lựa chọn người kể chuyện như vậy có tác dụng gì?  2. Bố đã làm những việc gì cho tôi, ý nghĩa những việc làm đó.  3. Sự hấp dẫn từ những trò chơi mà bố nghĩ ra  **\* thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  ***Người bố đã dành trọn thời gian sau những buổi làm việc để chơi cùng con trai và dạy con những bài học nhỏ bé trong cuộc sống. Bố trồng nhiều hoa trong khu vườn, dạy cậu bé nhận biết các loài hoa, bố còn làm bình tưới để cậu bé tự chăm sóc những bông hoa nhỏ. Có thể thấy, đây là hình ảnh một người bố tuyệt vời trong cách nuôi dạy con trẻ. Giữa thời đại quá nhiều lo toan, bận bịu và cám dỗ, con người thường dễ quên đi những điều gần gũi quanh mình. Người bố trong câu chuyện không những quan tâm con, mà ông còn dạy con bài học về sự yêu thương và biết ơn trong cuộc sống. Ông nâng niu từng bông hoa bé nhỏ. Ông đã dạy dỗ con trai những bài học cần thiết trong cuộc đời và cũng là tấm gương cho bạn đọc soi chiếu, nhìn lại chính mình. Đó là những bài học mà người lớn nhiều khi vô tình lãng quên đi – bài học về tình yêu con trẻ và sự quan tâm đến vạn vật quanh mình.***   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP** | | | Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm mà bố dành cho Tí |  | | Qua những chi tiết đó đã giúp thể hiện điều gì về bố |  |   ***III. TỔNG KẾT (…’)***  Mục tiêu: - HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của truyện “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.  b. Nội dung hoạt động:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  Nhận xét nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  Nội dung chính và ý nghĩa của văn bản *“Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.*  - Thực hiện nhiệm vụ  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **- Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **- Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình | **I. Đọc văn bản**  **1. Tác giả**  ***Nguyễn Ngọc Thuần*** (1972) quê ở Tân Thiện - Hàm Tân, Bình Thuận, là một nhà văn trẻ đầy triển vọng trên địa hạt văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.  - Chuyên sáng tác cho trẻ em  - Có cái nhìn tinh tế về thế giới trẻ thơ với thế giới trong trẻo, tươi mới và đầy chất thơ  - Tác phẩm tiêu biểu: ***Giăng giăng tơ nhện***, giải thưởng Văn học tuổi hai mươi lần II.  - ***Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ***, NXB Trẻ 2000, giải nhất cuộc thi Văn học Thiếu nhi lần III, giải Peter Pan (giải thưởng của Thụy Điển dành cho tác phẩm thiếu nhi hay nhất).  - ***Một thiên nằm mộng***, NXB Kim Đồng 2002, giải A cuộc vận động sáng tác Thiếu nhi 2003 - ***Nhện ảo***, NXB Kim Đồng 2003  - ***Trên đồi cao chăn bầy thiên sứ***, giải B (không có giải A), sáng tác văn học dành cho Tuổi trẻ (NXB Thanh niên và báo Văn nghệ).  - ***Cha và con và...tàu bay*** - 2005.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  **b, Tìm hiểu chung**  **\* Xuất xứ**: Đoạn trích rút từ chương 5 của tập truyện: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, đạt giải nhất cuộc thi Văn học Thiếu nhi lần III, giải Peter Pan (giải thưởng của Thụy Điển dành cho tác phẩm thiếu nhi hay nhất).  **\* Thể loại:** Truyện ngắn  **\* Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất.  \* **Người kể chuyện**: xưng “tôi”- Cậu bé Dũng- 10 tuổi  - Nhân vật:  + Chính: Tôi, bố  + Phụ: Tí, chú Hùng  \* **Bố cục:**2 phần  **-** P1: *Từ đầu đến “ Cháu có con mắt thần” :* Bố dạy “ tôi” cách nhắm mắt đoán các loài hoa  trong vườn  **-** P2: *còn lại*: Bố dạy “ tôi” cách đón nhận, trân trọng tình cảm của mọi người xung quanh  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Nhân vật “tôi”**  **a. Những khả năng đặc biệt của “tôi”**  **\* Có cách nhìn đặc biệt**  Nhận ra những bông hoa trong vườn không phải bằng mắt mà bằng cách ngửi mùi hương của hoa và cảm nhận từ đôi bàn tay  **“**Tôi có thể chạm bất cứ loại cây nào và nói đúng tên của nó”  “Tôi có thể vừa nhắm vừa đi mà không chạm vào vật gì”  **“**tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa”  “Tôi còn phân biệt đồng một lúc những hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!”  “Chú hùng nói: Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”  **\* Lắng nghe âm thanh tài tình**  “Bây giờ, khi đang còn vùi đầu trong mền, tôi vẫn biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân”  Biết chính xác tiến kêu cứu của bạn Tí vang lên từ bờ sông: “Mọi người nhìn quanh, không biết tiếng hét xuất phát từ hướng nào. Nhưng tôi đã nói ngay:  - Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!”  \* Khả năng đặc biệt của tôi được hình thành nhờ những trải nghiệm tuổi thơ thú vị cùng người cha bên khu vườn quen thuộc của mình và nhờ luyện tập  **b. Cảm xúc suy nghĩ về Bố và Tí**  Nhân vật người bố được kể qua cảm nhận cua nhân vật “ tôi”. Việc lựa chọn người kể chuyện trong đoạn trích vừa có tác Việc lựa chọn người kể chuyện trong đoạn trích vừa có tác dụng miêu tả tính cách của nhân vật người bô vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi”.  \* Về bố:  Đón nhận những cử chỉ chăm sóc của bó với lòng biết ơn  Tôi tin bố. Tôi hay gọi tên bố chỉ để nghe âm thanh.  Tôi tin bố. Tôi hay gọi tên bố chỉ để nghe âm thanh.  Bố là món quà bự nhất của tôi  \*Về Tí:  - Coi Tí là người bạn thân nhất, sẵn sàng chia sẻ với bạn bí mật ngọt ngào, hạnh phúc của hai bố con;  - Thấy tên bạn Tí đẹp và hay hơn mọi ầm thanh, thích gọi bạn để được nghe cái tên ấy vang lên.  c. Những “bí mật” tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  - Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ.   * Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” không chỉ thấy những bông hoa thơm hơn mà còn “nhìn” thấy nguyên cả khu vuờn, cả bông hồng ngay trong đêm tối,...   - Những “bí mật” ấy đã mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống hằng ngày và làm giàu có tâm hồn của nhân vật “tôi”.  => Nhân vật “ tôi” cảm nhận thế giới tự nhiên một cách tinh tế, biết trân trọng vẻ đẹp của thế giới tự nhiên. Cậu tinh tế,nhạy cảm,biết quan tâm và yêu thương  **2. Nhân vật người bố**  **. Tình cảm của bố với “ tôi”**  **-** Bố trồng nhiều hoa. bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay. Bố lại lấy hộp lon gò thành cái vòi sen nữa.  - Bố nghĩ ra những trò chơi thú vị   |  |  | | --- | --- | | Trò chơi | Cách chơi | | **Trò chơi đoán tên các loài hoa** | con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa | | **Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật** | Nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa. | | **Trò chơi ngửi rồi gọi tên các loài hoa** | Con nhắm mắt cảm nhận được mùi của các loài hoa |   Nhận xét:  - Các trò chơi ngày càng khó hơn, tạo ra được sự hấp dẫn với đứa con.  - Người bố luôn theo dõi, động viên, khích lệ dể đứa con tiến bộ hơn.  + Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.  + Những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình  **- Nói về ý nghĩa những cái tên:** Bố tôi nói, mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu. Người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó càng tuyệt diệu bấy nhiêu.  **- Nói về ý nghĩa những món quà:** Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó - Bố còn nói thêm - Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà cho bố.  ***-> Biết cho và nhận những món quà cũng là cách thể hiện nét đẹp phẩm chất của mình***  ***=> Một người cha rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần gũi với con***  **b, Tình cảm với “Tí”**  - Yêu thương Tí: Bố không ngần ngại cứu Tí dưới sông, bố cõng tôi và Tí trên vai, bố làm xuồng để cả hai cưỡi trên lưng  - Trân trọng nâng niu món quà của Tí  Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.  => Bố có trái tim giàu yêu thương và nhân hậu  **III. TỔNG KẾT (…’)**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành.  - Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn.  **2. Nội dung**  Truyện kể về những trò chơi của người bố và đứa con. Qua đó, người cha đã dạy cho đứa con cách yêu thương, trân trọng thiên nhiên và nâng niu những món quà từ cuộc sống.  **Ý nghĩa**  Hãy nhắm mắt và mở lòng - mở cánh cửa của chính mình - hãy nhìn cuộc sống bằng tất cả các giác quan để cảm nhận, để thấu hiểu, để yêu thương, để quan tâm và để nhớ |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ: Kĩ thuật viết tích cực:**

Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu về một món quà mà em yêu thích

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**3, Viết đoạn**

Viết đoạn văn

Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn

**Chuẩn bị bài sau:**Thực hành tiếng Việt

**TUẦN 8**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT**:29 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỐ TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** HS nhận biết được đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của số từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết cách

+ Nhận biết được đặc điểm của số từ và chức năng của số từ trong câu.

+ Sử dụng đúng và hiệu quả số từ trong các hoạt động đọc viết nói và nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện thái độ cẩn trọng khi dùng từ, đặt câu trong các hoạt động giao tiếp, không sử dụng tiếng Việt cẩu thả và bừa bãi. Có Ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Chọn các con số phù hợp để điền vào chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ sau: một, hai, ba, bốn, năm , chín, mười

........nắng...............sương

...............nắng .................mưa

................chốn.....................nơi

...................người ..................ý

Chọn các con số phù hợp để điền vào chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ sau: một, ba, bảy, chín.

........điều nhịn là...............điều lành

...............tháng trông cây .................ngày trông quả.

................chìm ....................nổi,............... lênh đênh.

...................nghề cho chín, còn hơn.....................chín nghề.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Thông qua trò chơi các em thấy có rất nhiều câu thành ngữ, tục ngữ trong kho tàng thành ngữ, tục ngữ của tiếng việt cũng như là trong thực tế cuộc sống giao tiếp hằng ngày, chúng ta thường dùng rất nhiều các từ để chỉ số lượng để chỉ số đếm. Và ngày hôm nay thầy trò mình sẽ tìm hiểu từ loại có tác dụng và chức năng như vậy đó là “ Số từ”

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1, Nhận biết số từ**  a) Mục tiêu: học sinh nhận biết số từ thông qua các ví dụ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết số từ.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:  1. Đặc điểm cơ bản của số từ?  2. Có mấy loại số từ? Kể tên và nêu đậc điểm của các loại số từ đó?  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm bàn, nghiên cứu SGK phần Tri thức tiếng Việt và thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời.  - HS khác chú ý theo dõi, chuẩn bị nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho nhóm bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - HS ghi bài.  **2, Phân loại số từ**  a) Mục tiêu: học sinh phân loại số từ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết số từ.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các bài tập trong SGK. (từ BT1 đến BT 4)  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc nhóm tổ, thảo luận, thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện mỗi nhóm lên trình bày câu trả lời.  - Các HS khác chú ý lắng nghe, quan sát, đối chiếu, chuẩn bị nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS.  - GV chốt kiến thức  - HS ghi bài.  **3, Phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị**  a) Mục tiêu: học sinh phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết số từ.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Từ “**chục”** trong câu văn sau có phải là số từ không? Vì sao?  “ Sắp tới giờ xe chạy, bà lão đút vội “chục” trứng vào chiếc túi đã cũ của thằng bé”.  Từ **“chục”** trong câu trên không phải số từ vì nó là một danh từ đơn vị có ý nghĩa số lượng. Nó có thể kết hợp với số từ phía trước và từ chỉ định ở phía sau.  Ví dụ: **Hai** chục trứng gà **này.**  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Dự kiến sản phẩm:**   1. Các số từ trong câu văn: hai, một trăm, chín, một.   **Chức năng:** các số từ này đều đứng trước danh từ và **bổ sung ý nghĩa về số lượng** cho người hoặc sự vật được nhắc đến trong câu.   1. Các số từ trong câu văn: “**Hai”**   **Chức năng:** Số từ **“hai”** kết hợp với từ thứ (thứ hai) đứng sau danh từ “que diêm” chỉ số thứ tự của sự vật.  c)Số từ trong câu thơ: **vài**  **Chức năng:** Số từ **“vài”** đứng trước danh từ **“lá”** chỉ số lượng ước chừng của sự vật | **1, Nhận biết số từ**  Phân tích ví dụ:  **a)** Từ “hai” chỉ số lượng của sự vật ( loại hoa) được nói đến.  Từ “hai” đứng trước danh từ (chỉ sự vật, hiện tượng) mà nó bổ sung ý nghĩa về số lượng.  b) Từ “**dăm ba**”chỉ số lượng của sự vật( câu chuyện) được nói đến.  +Từ “**dăm ba**” đứng trước danh từ( chỉ sự vật, hiện tượng) mà nó bổ sung ý nghĩa về số lượng.  c)Từ **“nhất”** chỉ thứ tự của sự vật “bàn” được nói đến.  Từ “**nhất”** đứng sau danh từ (chỉ sự vậ,t hiện tượng) mà nó bổ sung ý nghĩa về thứ tự.  **=>Số từ là các từ chỉ số lượng hoặc số thứ tự của sự vật.**  **2, Phân loại số từ**  ***3, Phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị***  Các danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng và chúng có đặc điểm ngữ pháp của một danh từ.  Chúng có thể kết hợp với các số từ đứng trước: **năm** đôi tất, **hai** chục trứng, **một** tá bút màu. ...  Chúng cũng có thể kết hợp với các từ có ý nghĩa chỉ định đứng sau: đôi tất **này**, chục trứng **ấy**, tá bút màu **kia.**.. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: học sinh củng cố kiến thức về về số từ thông qua bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm ví dụ.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: HS làm bài tập 1,2,3,4,5,6/47**

**- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Bài tập 1

Số từ (từ in đậm) trong các câu là:

a. hai bố con

b. một bình tưới

c. ba chục mét

Bài tập 2

Số từ (từ in đậm) trong các câu là:

a. mấy phút

b. vài ngày

c. một hai hôm

Bài tập 3

Từ Sáu trong cầu là danh từ riêng chỉ tên một người. lền Sáu có lẽ được đặt theo thứ tự người con trong gia đình. Ở miền Nam, người con cả trong gia đình thường được gọi là Hai. Bà Sáu có thể là người con thứ năm trong gia đình. Vì thế, trong trường hợp này, số từ chỉ thứ tự đã được chuyển thành danh từ riêng nên phải viết hoa.

Bài tập 4

Hai mắt - đôi mắt, hai tay - đôi tay, hai tai - đôi tai, hai cái sừng - đôi sừng hai chiếc đũa - đôi đũa.

- hai là số từ chỉ số lượng, dùng để đếm các sự vật.

- đôi là danh từ chỉ một tập hợp sự vật có hai yếu tố cùng loại, tương ứng với nhau và làm thành một đơn vị thống nhất về mặt chức năng, công dụng. Có thể tính đếm tập hợp đó bằng số từ và đặt số từ đứng trước danh từ đôi: một đôi, hai đôi, ba đôi**,...**

của con.

**Bước 2:** Chỉ ra nghĩa biểu tượng (nghĩa chuyển) của cụm từ và ý nghĩa của việc sử dụng cụm từ này với nội dung khổ thơ.

=>Mùi cơm nếp hay chính tấm lòng yêu thương thơm thảo của mẹ vẫn đồng hành cùng con trên mỗi chặng đường đời, vẫn ghi khắc chẳng mờ phai trong ký ức và tâm hồn con.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

\*Chuyển giao nhiệm vụ:

Dựa vào câu: “ Mỗi bông hoa là một món quà nhỏ”, em hãy đặt ba câu có cấu trúc tương tự (Mỗi.... là một.......)

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

Dự kiến sp:

Mỗi em bé là một thiên thần nhỏ.

Mỗi gia đình là một tế bào của xã hội.

Mỗi cuốn sách là một thế giới đầy mới lạ

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

\*Hướng dẫn về nhà: Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

\*Chuẩn bị bài sau:..

**Tiết 30-31**

**ĐỌC VĂN BẢN: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

**( Trích Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tôp)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Cảm nhận được tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên. Từ đó, biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận.

- Nhận biết đuợc sự thay đổi người kể chuyện trong đoạn trích và bước đầu cảm nhận được tác dụng của sự thay đổi đó; biết khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Đuy-sen qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An- tư-nai, của nhân vật người hoạ sĩ.

2) Nămg lực

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết cách đọc một văn bản truyện.

+ Nhận biết được sự thay đổi người kể chuyện trong đoạn trích và bước đầu cảm nhận được tác dụng của sự thay đổi đó.

+ Biết khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Đuy-sen qua các chi tiết miêu tả lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai + Cảm nhận được tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi đắp và trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận trong cuộc sống. Yêu mến kính trọng và biết ơn các thầy giáo cô giáo đã dạy dỗ mình

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy kể ngắn gọn về một người thầy/ cô giáo mà em đặc biệt yêu quý.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS chia sẻ.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  *Đối với nhiều người, thời niên thiếu là một dấu ấn khó phai trong cuộc đời. Và trong những ngày chập chững bước đi đầu tiên ấy, người ta sẽ không thể nào quên những bàn tay đã dìu dắt họ đi trên con đường kiến thức của nhân loại. Cho dù ngày hôm nay, mỗi người trong chúng ta có thể đã thành đạt về một phương diện nào đó, có địa vị trong xã hội, song dù ở bất cứ nơi nào, trong sâu thẳm tâm hồn ta vẫn sáng chói hình ảnh của những người thầy đã từng dạy dỗ, dìu dắt ta trong mỗi chặng đường.*

*Tác phẩm “Người thầy đầu tiên” của Đại văn hào Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp là một tác phẩm nằm trong dòng cảm xúc đó. Tác phẩm này đã được đưa vào giảng dạy ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Vậy tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên của mình như thế nào, cô và các em cùng đi tìm hiểu bài học hôm nay.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I, ĐỌC VĂN BẢN**  a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc:**  + Đọc theo trình tự: đọc thầm trước-> đọc thành tiếng -> đọc phân vai.  + Đọc phân vai để thể hiện đúng giọng điệu, tính cách cảm xúc của các nhân vật.  + Đọc phân biệt lời dẫn chuyện, lời đối thoại của các nhân vật.   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Bối cảnh |  | | Thể loại |  | | Nhân vật chính |  | | Cốt truyện |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  a, Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu người kể chuyện và ngôi kể của văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  *Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần đã xây dựng hình ảnh nhân vật một cậu bé mười tuổi, sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của người khổng lồ internet ghé ngang. Điều hấp dẫn rất riêng của truyện là những câu thoại ngô nghê trong sáng, lại rất dí dỏm và ấm áp. Cậu có một gia đình tuyệt vời, nơi ấy, bố đã dạy cậu điều tuyệt vời nhất, bố dẫn cậu ra vườn bảo cậu nhắm mắt, rồi hướng dẫn cậu chạm vào từng bông hoa và đoán tên, lúc đầu cậu toàn đoán sai, bố nói không sao cả, dần dần con sẽ đoán đúng, mà thật vậy, từng ngày rồi từng ngày, cậu đã đoán đúng tên từng bông hoa trong vườn, rồi bố lại bày cậu tập đoán khoảng cách đến bông hoa, cậu thích chí mỗi khi đoán đúng, cậu đoán chính xác khoảng cách đến nỗi chú Hùng hàng xóm phải thốt lên “Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”. Cậu bé tự kể lại câu chuyện của mình một cách nhẹ nhàng nhưng đầy những cảm xúc hân hoan, hồ hởi khi trải nghiệm cùng bố qua những trò chơi nhỏ trong vườn. Nếu bố là một người tuyệt vời khi dạy con những bài học quý giá thì cậu bé là một đứa trẻ ngoan khi biết lắng nghe, lĩnh hội những điều hay mà bố cậu truyền dạy. Từ bài học của bố, cậu biết yêu những bông hoa, hiểu rằng món quà nào cũng đẹp và mỗi chúng ta phải biết ơn người trao tặng. Có ai đó đã từng nói rằng “người biết yêu thương cỏ cây, động vật là người mang trong mình hạt mầm của lòng nhân ái”. Đúng như vậy, với những bài học quý giá của bố, rồi đây cậu bé sẽ trở thành người tốt và có nếp sống đẹp. Qua hình ảnh nhân vật “tôi”, tác giả đã gửi gắm đến chúng ta bài học về sự biết ơn và yêu thương trong cuộc sống. Tình yêu thương sẽ khiến cho chúng ta hạnh phúc hơn mỗi ngày*  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Tìm hiểu người kể chuyện và ngôi kể:**  **Hs giới thiệu đôi nét về đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan.( đã chuẩn bị ở nhà)**  Là một vùng thiên nhiên rất đẹp đẽ và hùng vĩ. Nơi ấy con ngừời sống một cuộc sống rất giàu bản sắc văn hoá. Tuy nhiên để các em dễ dàng hình dung hơn về vùng đất mà chúng ta đang nói đến, về con người của quốc gia đó, các em xem thêm một số hình ảnh. Nhắc đến đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan là chúng ta nhắc đến một quốc gia ở vùng Trung á, nổi bật là các dãy núi trải dài vô cùng đẹp mắt. Đất nước có thể chia làm hai phần ở vùng biên giới phía Bắc, tiếp giáp với đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan là một vùng lãnh thổ được bao phủ bởi cánh đồng thảo nguyên mênh mông của trung Á, còn phần lớn là lãnh thổ còn lại được bao phủ bởi núi non, núi chiếm đến 80% diện tích của Cư-rơ- gư-dơ-xtan. Do đó, khung cảnh rất quen thuộc người ta thường thấy ở đất nước Cư-rơ- gư-dơ-xtan này đó là những bản làng, thôn làng của những ngừời dân cư trú ở trong những thung lũng, trải dài theo những mạch núi rất hùng vĩ. Và chính vì những đặc điểm khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống của người dân như vậy, nó rất là hoang sơ và hùng vĩ như thế cho nên Cư-rơ- gư-dơ-xtan trong hình dung của con người của thế giới cực kì hiện đại còn được mệnh danh là viên ngọc của thế giới đang chờ đợi mọi người chinh phục.  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân- Hoạt động cặp đôi.  Em hãy xác định người kể chuyện và ngôi kể của từng phần trong văn bản “ Người thầy đầu tiên”. Tác dụng của ngôi kể này trong việc thể hiện nội dung văn bản?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá  , nhận xét  **3, Nhân vật**  a, Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu hệ thống nhân vật  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ** :  Thầy Đuy-senlà nhân vật trung tâm của tác phẩm. Nhân vật này được tái hiện qua lời nói, hành động, suy nghĩ, tình cảm và đặc biệt qua sự quan sát, suy ngẫm và tình cảm của hai nhân vật An-tư-nai và người họa sĩ.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu tính cách nhân vật thầy Đuy-sen**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Các chi tiết** | | Hành động |  | | Lời nói |  | | Suy nghĩ, tình cảm của thầy Đuy-sen |  | | Thầy Đuy-sen dưới sự cảm nhận của các nhân vật khác (với An-tư-nai và các học trò, với bọn nhà giàu, với người họa sĩ) |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1, Tác giả:**  + Là nhà văn nổi tiếng người Cư-rơ-gư-rơ-xtan  + Các tác phẩm của ông tập trung viết về thiên nhiên và con người quê hương với một tình yêu tha thiết, sâu nặng.  + Với lối văn cô động, hàm súc và nhiều cách tân trong nghệ thuật kể chuyện.  + Nhiều tác phẩm quen thuộc với các thế hệ độc giả Việt Nam: Giai-mi-li-a(1958), Cây phong non trùm khăn đỏ(1961), Người thầy đầu tiên(1962)  **2, Văn bản**  - Xuất sứ : Vị trí: trích ở phần đầu truyện ***“ Người thầy đầu tiên*”** rút từ tập truyện ***“ Núi đồi và thảo nguyên”***  ***- Bối cảnh:*** Cuộc sống ở một vùng quê miền núi lạc hậu ở nước Cư-rơ-gư-rơ-xtan (làng Ku-ku-rêu) những năm đầu thế kỷ XX.  **- Thể loại:** Truyện vừa  - **Nhân vật chính:** An-tư-nai là một cô bé mồ côi, sống với chú thím, bị đối xử tàn nhẫn.  Đuy-sen: chàng thanh niên đầy nhiệt huyết, về lại quê hương để dạy cho trẻ nhỏ. Người họa sĩ là thế hệ sau, chưa hề biết người đưa thư của làng lại là người thầy đầu tiên mang con chữ lên vùng cao.  **- Cốt truyện:**Thầy Đuy-sen đã hết lòng dạy dỗ An-tư-nai học chữ, bảo vệ em khỏi những khổ tột cùng quê, giúp em có cơ hội lên thành phố tiếp tục học. Chiến tranh xảy ra hai thầy trò bặt tin nhau.  Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã trở thành một chiến sĩ, về thăm làng cũ và gặp lại người thầy đầu tiên của mình trong hoàn cảnh éo le. Bà thấy xấu hổ và có lỗi với thầy vì hành động của mình và viết thư nhờ người họa sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen cho mọi người, nhất là những người trẻ trong làng được biết.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Tìm hiểu người kể chuyện và ngôi kể:**  - Đoạn trích được kể từ ngôi thứ nhất.  - Người kể chuyện bao gồm:  + Người họa sĩ là nhân vật người kể chuyện trong phần (1) và phần (4)  + An-tư-nai là nhân vật người kể chuyện trong phần (2) và phần (3). Một số đoạn văn người kể chuyện xưng “tôi”(An-tư-nai ). Một số đoạn xưng “chúng tôi” (An-tư-nai và các bạn cùng trang lứa).  => Đoạn trích sử dụng nhiều người kể chuyện ngôi thứ nhất  Tác dụng của ngôi kể thứ nhất: Sự thay đổi người kể chuyện gắn liền với hai mạch chuyện, tạo ra cái nhìn đa chiều về nhân vật trung tâm khiến hình ảnh nhân vật trở nên phong phú, sống động và sâu sắc. Sự thay đổi người kể chuyện cũng tạo sự thay đổi trong giọng kể, làm lời kể trong tác phẩm sinh động, đa dạng hơn.  **2, Cốt truyện**  **Phần một:** người họa sĩ giới thiệu về chuyến trở lại thăm quê, gặp An-tư-nai và sau khi trở lại thủ đô, họa sĩ nhận được bức thư của An-tư-nai kể lại câu chuyện về “người thầy đầu tiên”.  **Phần hai và phần ba:** câu chuyện mà An-tư-nai kể về người thầy đầu tiên của mình.  **Phần bốn:** những suy tư, trăn trở của hoạ sĩ muốn khắc họa hình ảnh đẹp đẽ của người thầy đầu tiên  **3, Nhân vật**  **3,1. Nhân vật thầy Đuy-sen** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Giới thiệu chung về thầy Đuy-sen:**  **+** Đuy-sen vốn là người con của làng Ku-ku-rêu. Sau cách mạng, anh trở lại làng quê, mở trường dạy học cho lũ trẻ trong làng.  + Những ngày đầu với anh là phải vô vàn khó khăn do điều kiện vật chất thiếu thốn, thời tiết khắc nghiệt, những thành kiến nặng nề, những hủ tục lạc hậu của người dân vùng cao. | |
| **Yếu tố** | **Các chi tiết** |
| Hành động | **Tự mình xây nhà xây lớp học:**  + Thầy đắp lò sưởi ở góc nhà, bắc cả ống khói trên mái.  + Trữ sẵn củi sưởi trong mùa đông.  + Trải rơm dưới nền nhà để học trò được ấm áp.  **Đưa học sinh qua suối:** Đuy-sen đã bế các em qua suối. Lưng thì cõng, tay thì bế, cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang”  Đắp ụ đá trên suối cho học sinh đến trường.  + Nước suối lạnh buốt nhưng thầy vẫn “đi chân đất, không làm ngơi tay.  + Khi học trò bị chuột rút, thầy “nhảy ngay lại bên tôi, đỡ tôi lên tay, rồi bế tôi chạy lên bờ và lót chiếc áo choàng đặt tôi ngồi vào đấy. Thầy hết xoa hai chân đã tím bầm, cứng đờ như gỗ của tôi, lại bóp chặt đôi tay lạnh cóng của tôi trong lòng bàn tay mình, rồi đưa lên miệng hà hơi ấm cho tôi.  + Rồi một mình thầy thực hiện và hoàn thành công việc.  Mọi việc làm của Đuy-sen đều là vì học sinh, vì sự nghiệp giáo dục. Người thầy với tình yêu thương bao la, ý chí và quyết tâm mạnh mẽ đã vượt thắng cả sự khắc nghiệt của thiên nhiên, những thành kiến của người dân, sự thiếu thốn về vật chất để mang con chữ tới những đứa trẻ vùng cao. |
| Lời nói | + Mỉm cười niềm nở, lấy tay quệt mồ hôi: “ Đi đâu về thế các em?” + Nháy mắt động viên các bạn nhỏ khi còn xa lạ với trường lớp, thầy giáo.  Niềm nở giới thiệu về lớp học với một không gian ấm áp: có lò sưởi, ông khói, trải rơm dưới nền nhà...  + Khen ngợi học trò. “Cái tên hay lắm”  “ Chắc là em ngoan lắm phải không?”  “ Em thông minh lắm.”  “Dòng suối trong trẻo của thầy”  + Nụ cười chưa bao giờ biến mất trên môi. “mỉm cười niềm nở”  “mỉm cười hiền từ”  “ lại mỉm cười”  “ mỉm cười hỏi”  “hơi nhếch mép mỉm cười”  =>Từng lời nói, cử chỉ đều cho thấy sự ân cần, dịu dàng, sự quan tâm thật lòng, cả sự kiên nhẫn, tình thương bao la đến mỗi học trò. Những lời nói và cử chỉ ấy đã tạo sự gần gũi, tin cậy với các em nhỏ trong lần đầu gặp gỡ. |
| Suy nghĩ, tình cảm của thầy Đuy-sen | “Ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em còn sẽ khá hơn biết chừng nào”.  “Thầy đã đứng giữa dòng suối đá đang réo lên ầm ầm, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít.”  => Toàn bộ những suy nghĩ, ước vọng của thầy đều dành cho các học trò, mong các em được tiếp tục học tập, được bay cao, bay xa. |
| Thầy Đuy-sen dưới sự cảm nhận của các nhân vật khác (với An-tư-nai và các học trò, với bọn nhà giàu, với người họa sĩ) | Trong cảm nhận của An-tư-nai và các học trò  + Vượt qua những lạ lẫm ban đầu, những sự ân cần quan tâm của Đuy-sen khiến An-tư-nai cảm thấy lòng mình ấm áp.  + Chứng kiến hành động và lời nói chế giễu, lăng mạ thầy, cô bé chỉ muốn “quát thẳng vào những bộ mặt láo xược”, nhưng phải “nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi”  => Em muốn bảo vệ thầy, muốn thanh Minh cho những việc thầy làm.  + Khi hành động âm thầm trút lại ki-giắc ở trường để giúp thầy sửởi ấm bị “phát hiện”, lại được thầy cảm kích và ghi nhớ, An-tư-nai thấy “ máu dồn lên má nóng ran”, sung sướng quá, lim cả người đi”.  + Khi thầy nói rõ mong ước muốn đưa An-tư-nai lên thành phố học, cô bé “ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột của tôi!”.  ->Cảm nhận rõ hơi ấm tình thương, không chỉ đến từ chiếc áo choàng của thầy, mà còn đến từ trái tim nồng ấm, gắn bó như tình thân ruột thịt.  + “Tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi”.  -> Và với tình thương đó, những học trò sẵn sàng đi xa , leo đồi lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong cồn còn tuyết, chịu cóng trong căn nhà kho lạnh lẽo, thay phiên nhau đứng cạnh lò sưởi để nghe thầy giảng bài.  =>Với học trò, Đuy-sen là người thầy đầu tiên, là người anh người, thân đã dành tất cả tình yêu thương cho các em.  - Dưới góc nhìn của lũ nhà giầu trong vùng.  + Nhìn thầy Đuy-sen đang bế từng học trò qua suối, chúng chỉ “giương mắt nhìn thầy Đuy-sen rồi bỏ đi”  + Có kẻ còn mỉa mai: “ Đứa thì cõng, đứa thì bế, trông đã hay chưa”. + Chúng còn cố tình “quất ngựa chạy làm nước và bùn bắn tung tóe lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất”.  -->Lũ giầu có, ích kỷ, độc ác, ngu dốt. Chúng không biết thương xót cho những người nghèo khổ, những đứa trẻ khao khát đến trường và cũng không hiểu được ý nghĩa hành động cao đẹp của thầy Đuy-sen.  ->Bọn chúng là đại diện cho những tổn tư tưởng cổ hủ, thành kiến lạc hậu trong nếp nghĩ của người dân vùng cao.  - Trong cảm nhận của người họa sĩ.  + Rất xúc động khi nghe câu chuyện mà An-tư-nai kể. Hình ảnh người thầy đầu tiên đã để lại trong anh một tượng sâu sắc, khơi gợi và thôi thúc anh sáng tạo.  + Anh băn khoăn, trăn trở tìm kiếm ý tưởng để vẽ lại chân dung người thấy bình dị mà cao đẹp.  Tình cảm của họa sĩ cũng chính là tình cảm của nhà văn, của mỗi người dân làng quốc Ku-ku-rêu, của mỗi chúng ta đối với thầy Đuy-sen- người đã cống hiến cho sự nghiệp trồng người, gieo chữ trên núi cao. |

*=>Đặc điểm tính cách của thầy Đuy-sen:*

*+ Thầy Đuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu và vị tha.*

*+ Đặc biệt Đuy-sen là người dành tình cảm yêu thương, sự quan tâm sâu sắc và hết lòng vì học trò.*

*Cách thức xây dựng nhân vật thầy Đuy-sen : Tính cách của nhân vật được thể hiện thông qua hành động, lời nói, cử chỉ, suy nghĩ, tình cảm và đặc biệt là qua cảm nhận của các nhân vật khác.*

**3,2. Nhân vật An-tư-nai**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Tìm hiểu tính cách nhân vật An-tư-nai**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoàn cảnh cuả An-tư-nai** :............................................................................  ........................................................ | |
| **Yếu tố** | **Các chi tiết** |
| Lời nói, cử chỉ |  |
| Hành động |  |
| Suy nghĩ, cảm xúc |  |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Dự kiến sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoàn cảnh cuả An-tư-nai** : An-tư-nai sinh ra trong một khu làng nhỏ vùng núi cao, cha mẹ mất sớm phải sống với gia đình chú thím bị đối xử tàn nhẫn. | |
| **Yếu tố** | **Các chi tiết** |
| Lời nói, cử chỉ | + Ghé xem trường vì tò mò muốn biết “thầy giáo đang làm gì ở đấy”. + Mới gặp thầy, bon trẻ “thẹn thò nhìn nhau”, “im lặng vì bẽn lẽn”.  + “Lấy tay che chỗ gấu váy thủng để hở một mảng đầu gối”.   * Cảm nhận rõ hơi ấm tình thương, không chỉ đến từ chiếc áo choàng của thầy, mà còn đến từ trái tim nồng ấm, gắn bó như tình thân ruột thịt.   + “Thấy làm ấm lòng ấm hẳn lại” khi được thầy khen ngợi, động viên. Trả lời từng câu hỏi của thầy với thái độ rụt rè và lễ phép.  =>An-tư-nai là cô bé có số phận bất hạnh, em ngoan ngoãn và có tâm hồn trong sáng, luôn khao khát tình thương, khao khát được đến trường học chữ. |
| Hành động | + Bí mật trút toàn bộ số ki-giắc mình kiếm được trong ngày vào góc lớp học để thầy sưởi ấm.  + Giúp thầy xếp đá qua dòng suối giữa mùa đông tuyết phủ để thầy trò đỡ phải vất vả.  + Cô bé bị chuột rút ở chân, người co rúm lại, không thể kêu lên một tiếng, cũng không thể đứng thẳng mà từ từ ngã xuống nước.  + Quyết tâm đến lớp học để nghe thầy giảng bài, bất chấp tuyết lạnh hay sự ngăn cấm của gia đình.   * Những hành động thể hiện cô bé thấu hiểu những khó khăn, hy sinh của thầy và muốn góp chút sức mình để giúp thầy bớt vất vả. Đó cũng là một cô bé mạnh mẽ, có ý chí vươn lên, khao khát trí thức. |
| Suy nghĩ, cảm xúc | + Cảm thấy ấm lòng khi được thầy quan tâm, khen ngợi, động viên.  + Cảm thấy phẫn uất, căm giận trước hành động ngu dốt, độc ác của bọn nhà giàu khi chúng lăng mạ thầy.  + Cảm thấy sung sướng đến “máu dồn lên má nóng ran” và “lịm cả người đi” trong niềm hân hoan khi biết thầy đã hiểu và ghi nhớ việc làm nhỏ của mình.  + Thấy ấm áp khi được thầy chăm sóc , ủ ấm trong chiếc áo choàng của thầy.  + Thấy sung sướng và gắn bó với thầy như với một người anh ruột, muốn được “bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất” khi hiểu được mong ước của thầy là cho học trò được ra thành phố để tiếp tục học.   * An-tư-nai là cô bé hồn nhiên, ngây thơ nhưng cũng sâu sắc, nhạy cảm. Gặp thầy Đuy-sen, em không chỉ nhận được tình thương nồng ấm mà còn được thầy thắp lên khát vọng đổi thay cuộc sống. |

*=>Đặc điểm tính cách của nhân vật An-tư-nai:*

*+ An-tư-nai có hoàn cảnh bất hạnh, em ngoan ngoãn và có tâm hồn trong sáng, luôn khao khát tình yêu thương.*

*+ An-tư-nai còn là cô bé nhạy cảm và sâu sắc.*

*+ Em cũng là cô bé nhạy mạnh mẽ, có ý chí vươn lên, khao khát trí thức.*

*Cách xây dựng nhân vật: Tính cách của nhân vật được thể hiện thông qua hành động, lời nói, cử chỉ, suy nghĩ, tình cảm.*

**3,3. Nhân vật người hoạ sĩ.**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

Nhân vật người họa sĩ được khắc họa bằng những cách thức nào? Hãy tìm các chi tiết giúp em hiểu thêm về nhân vật này?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

Những trăn trở, băn khoăn của hoạ sĩ:

+ Anh băn khoăn để tìm kiếm ý tưởng thể hiện hình ảnh người thầy đầu tiên trong tranh vẽ.

+ Anh đã phải “suy nghĩ, suy nghĩ mãi”, rồi “vẽ đi vẽ lại”, rồi thấy “băn khoăn, lo lắng quá”.

+ Có khi anh cảm thấy bất lực “sẽ chẳng ra gì hết”, lại có khi “cảm thấy mình dũng mãnh” có thể “dời sông chuyển núi”. Anh “không thể không vẽ bức tranh này”.

* Đối với người họa sĩ, vẽ bức tranh về thầy Đuy-sen như một nghĩa vụ cao cả, một sự thôi thúc từ bên trong.
* Ý tưởng của hoạ sĩ về bức tranh thầy Đuy-sen:

+ Vẽ hai cây Phong thầy Đuy-sen và An-tư-nai trồng, cùng đứa trẻ với “đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kỳ ảo”.

+ Cảnh tượng thầy Đuy-sen bế trẻ em qua con suối mùa đông.

+ Vẽ khoảnh khắc thầy Đuy-sen tiễn An-tư-nai lên tỉnh, sao cho bức tranh ấy diễn tả được tiếng gọi cất lên từ tâm hồn Đuy-sen mà “đến anh An-tư-nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người”

=> Nhân vật họa sĩ đại diện cho những người thuộc thế hệ sau của làng Ku-ku-rêu. Họ vẫn giữ được tình cảm ngưỡng mộ yêu quý và kính trọng với người thầy đầu tiên, người có công gieo chữ trên núi cao, người trồng cây để thế hệ sau hưởng bóng mát

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Dự kiến sản phẩm:

Nhân vật người họa sĩ chủ yếu được thể hiện qua những suy nghĩ, cảm xúc, mà em dành cho thầy Đuy-sen.

**III, TỔNG KẾT**

**1, Nghệ thuật:**

- Kết cấu truyện lồng trong truyện.

- Thay đổi người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Xây dựng nhân vật thông qua hành động, lời nói, cảm xúc, suy nghĩ và qua cảm nhận của những nhân vật khác.

**2, Nội dung:**

**Đề tài:** Người thầy, tình thầy trò.

**Chủ đề:**

+ Ca ngợi người thầy với tình thương bao la, sự kiên trì, lòng quả cảm đã mang ánh sáng tri thức về tuổi trẻ vùng cao.

+ Lòng biết ơn sâu sắc và sự yêu kính của học trò, cũng như của những thế hệ sau dành cho người thầy đầu tiên.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Viết đoạn văn

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Kĩ thuật công đoạn.**

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 5 -7 câu) kể lại nội dung của phần (1) hoặc phần (4) văn bản Người thầy đầu tiên bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

từ ngôi kể thứ nhất sang ngôi kể thứ ba, người kể chuyện giấu mình, lưu ý thay đổi tên gọi các nhân vật.

b) Ghi lại những nội dung chính trong phần (1) hoặc phần (4) văn bản .

Phần (1)

**Ví dụ:** các nội dung chính của phần (1) trong văn bản “Người thầy đầu tiên”. + Người nghệ sĩ nhận được bức thư của bà con trong làng Ku-ku-rêu mời anh về dự lễ khánh thành môi trường mới.

+ Khi trở về quê hương, người họa sĩ có cơ hội gặp gỡ bà viện sĩ An-tư-nai.

+ Khi trở về thành phố, họa sĩ nhận được thư của bà An-tư-nai.

nhờ anh kể lại cho mọi người trong lòng trong làng và nhất là thế hệ trẻ được biết câu chuyện về người thầy đầu tiên thầy Đuy-sen.

+ Họa sĩ đã quyết định thay mặt bà An-tư-nai kể lại câu chuyện này.

*3, Viết đoạn :*

- Viết đoạn văn.

- Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

**Tham khảo đoạn văn:**

**Kể lại phần (1)** Mùa thu năm ấy anh họa sĩ nhận được một bức điện mời về dự khánh thành ngôi trường mới của làng. Nhận được thư anh rất vui và háo hức. Trong số những người được mời về dự có cả bà viện sĩ An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va là đồng hương với anh. Kết thúc buổi lễ cả hai cùng trở về thành phố. Bà viện sĩ đã viết thư cho anh nhờ kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen với dân làng và mọi người như một hành động chuộc lỗi. Anh họa sĩ đã mang nặng lòng những ấn tượng của lá thư ấy mấy ngày liền và quyết định thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va kể hết câu chuyện.

**Kể lại phần (4)**

Người họa sĩ đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại bức kí họa. Ông đi đi lại lại trong cảnh tĩnh mịch của buổi lê minh và cứ suy nghĩ mãi, bức tranh của ông mới chỉ là một ý đồ. Ông đã nghĩ ra nhiều ý tưởng để vẽ Người thầy đầu tiên. Đó là vẽ hai cây phong của Đuy-sen và An-tư-nai, hoặc vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng, hoặc lúc Đuy-sen bế trẻ con qua suối trên những con ngựa nô nê hung dữ, những con người đần độn chế giễu ông, hoặc vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

**\* Báo cáo kết quả:**

- Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: sưu tầm, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Sưu tầm chân dung những ngừơi thầy vĩ đại trong lịch sử?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh trả lời câu hỏi

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:**

Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Vd: Chân dung Khổng Tử, Chu Văn An.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

* Chuẩn bị bài soạn tiếp theo.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT**:32 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: PHÓ TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

+ Nhận biết được đặc điểm của phó từ và chức năng của phó từ trong câu.

+ Sử dụng đúng và hiệu quả phó từ trong các hoạt động đọc viết nói và nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Có thái độ cẩn trọng khi dùng từ đặt câu trong các hoạt động giao tiếp không sử dụng tiếng Việt cẩu thả và bừa bãi. Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát hình ảnh và dùng từ đúng chính tả đặc điểm của những quả cà chua trong hình:



**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Chúng ta đã liệt kê được 4 cụm từ đều là tính từ gợi ra đặc điểm, tính chất của quả cà chua, đó là trạng thái của quả cà chua đó là xanh hay chín( tình từ). Nhưng các em thấy trong các cụm tính từ này , ta có thêm các từ khác nữa ( còn, sắp, đang, đã) các từ này đi liền với tính từ ở phía sau nó thì có tác dụng gì, nó có cần thiết hay không thì ngày hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu đặc điểm của hàng loạt các từ còn, sắp, đang, đã...có đặc điểm là đi kèm với các từ khác và nó bổ sung thêm các ý nghĩa khác nữa cho từ, hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu một từ loại mới đó là phó từ( phó từ là một từ hán viêt ( phó (phụ, giúp đỡ bổ sung thêm nghĩa cho từ bên canh nó)

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1, Nhận biết phó từ**  a) Mục tiêu: học sinh nhận biết phó từ thông qua các ví dụ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết số từ.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: **Hình thức:** Làm việc nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Phân tích ví dụ:**  Xác định ý nghĩa và vị trí xuất hiện của các phó từ được in đậm trong các câu sau:   1. **Những** bức tranh ấy đẹp lắm. 2. Cô sẽ giao nhiệm vụ riêng cho **từng** bạn. 3. **Hãy** nhìn tôi đây!.   d) Em thông minh **lắm**.  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ? Phó từ là gì?  **2, Phân loại phó từ**  a) Mục tiêu: học sinh phân loại phó từ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết số từ.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: **Hình thức:** Làm việc nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tìm và xác định chức năng của phó từ trong các câu sau:**  1, “Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,  Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già.”  2, “Bố **không** tin xách đèn ra soi và đúng vậy.”  3, “Đông ơi đừng vội đi! Hãy chờ ta trước ngõ”.  4, “Sóng rất hiền và đại dương rất xanh”.  5, Những cây cầu xây xong lâu rồi.  6,Hai anh em dắt nhau đi chơi.  **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Dự kiến sp:**  1, “Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,  Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già.”  Chức năng:  + Phó từ “đang” đứng trước hai động từ “tới” và “qua”.  => “đang” là phó từ chỉ ý nghĩa thời gian hiện tại => “sẽ” là phó từ chỉ thời gian tương lai.  Phó từ “còn” đứng trước tính từ “non” và có chức năng chỉ sự tiếp diễn.  2, “Bố **không** tin xách đèn ra soi và đúng vậy.”  **Chức năng:** Phó từ “không” đứng trước động từ “tin” và có chức năng diễn tả sự phủ định.  3, “Đông ơi đừng vội đi! Hãy chờ ta trước ngõ”. **Chức năng:** Phó từ “đừng, hãy” đứng trước động từ và có chức năng diễn tả sự yêu cầu( cầu khiến)  4, “Sóng rất hiền và đại dương rất xanh”.  Phó từ “rất” đứng trước tính từ “hiền, xanh” và có chức năng chỉ mức độ.  5, Những cây cầu xây xong lâu rồi.  **Chức năng:**  + Phó từ **“những”** đi kèm danh từ **“cây cầu”** và làm thành tố phụ cho danh từ, có chức năng bổ sung ý nghĩa về số lượng sự vật.  + Phó từ **“xong”** đứng sau động từ **“xây”** chỉ ý nghĩa hoàn thành.  + Phó từ **“rồi”** đứng sau động từ **“xây”** cũng chỉ ý nghĩa hoàn thành.  **6,** Hai anh em dắt nhau đi chơi.  **Chức năng:** Phó từ “nhau” đứng sau động từ “dắt” có chức năng chỉ sự tương hỗ.  7, Suýt chút nữa tôi quên mất.  **Chức năng:** Phó từ “mất” đứng sau động từ “quên” có chức năng chỉ kết quả. | **1, Nhận biết phó từ**  **1, 1, Phân tích ví dụ:**  a)Từ **“những”** bổ sung ý nghĩa về số lượng cho sự vật được nêu ở danh từ đứng sau nó (bức tranh)  b)Từ **“những”** bổ sung ý nghĩa về số lượng cho sự vật được nêu ở danh từ đứng sau nó (bạn)  c)Từ **“hãy”** đứng trước động từ **“nhìn”** bổ sung ý nghĩa về sự cầu khiến, mệnh lệnh cho hành động được nói đến trong động từ.  d)Từ “lắm” đứng sau tính từ “thông minh” bổ sung ý nghĩa về tính chất mức độ cho đặc điểm được nói đến ở tính từ.  **Khái niệm:** Phó từ (còn gọi là phụ từ đi kèm) là các từ dùng để bổ nghĩa cho các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.  **2, Phân loại phó từ** |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Hoàn thiện bảng phân loại phó từ.**   |  |  | | --- | --- | | **Khả năng kết hợp với các thành tố trung tâm của cụm từ..** | **Các loại phó từ** | | **Đi kèm danh từ, là thành tố phụ cho danh từ.** |  | | **Đi kèm động từ, tính từ, làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ hoặc tính từ.** |  | |  |
|  |  |
| |  |  | | --- | --- | | **Khả năng kết hợp với các thành tố trung tâm của cụm từ..** | **Các loại phó từ** | | Đi kèm danh từ, là thành tố phụ cho danh từ. | **Phó từ bổ sung ý nghĩa về số lượng sự vật.**  **Ví dụ:** những, các, mọi, mỗi, từng, tất cả, tất thẩy... | | Đi kèm động từ, tính từ, làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ hoặc tính từ. | **+ Phó từ bổ sung ý nghĩa thời –thế**  **Ví dụ:** đã, từng, vừa, mới, đang, sẽ, sắp....  **+ Phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự**  **Ví dụ:** vẫn, cứ, còn, lại, đều, cũng,...  **+ Phó từ chỉ sự khẳng định, phủ định.**  **Ví dụ:** có, không, chưa, chẳng...  **+ Phó từ chỉ sự cầu khiến hay mệnh lệnh.**  **Ví dụ:** hãy, đừng, chớ,...  **+ Phó từ chỉ mức độ.**  **Ví dụ:** rất, hơi, khá, quá, lắm, vô cùng, cực kỳ...  **+ Phó từ chỉ sự hoàn thành**  **Ví dụ:** xong, rồi...  **+ Phó từ chỉ sự kết quả.**  Ví dụ: được, mất...  **+ Phó từ chỉ sự tương hỗ.**  Ví dụ: nhau... | | |

**3. Hoạt động 3, Luyện tập**

a) Mục tiêu: học sinh củng cố kiến thức về về phó từ thông qua bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm ví dụ.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bài tập 1**

a.Phó từ “mọi” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “người”.

b. Phó từ “những” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “lúc ấy”, phó từ “các” bổ sung ý nghĩa về số lượng trong danh từ “em”

c) Phó từ “những” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “điều ấy”

**Bài tập 2**

**không** nghĩ **ra được** cách gì

Phó từ “**không”** bổ sung cho động từ “**nghĩ”** ý nghĩa phủ định.

Phó từ **“ra, được”** chỉ ra kết quả của hành động **“nghĩ”**

Phó từ “lắm” bổ sung ý nghĩa mức độ cho tính từ “hay”,

phó từ “chả” bổ sung ý nghĩa phủ định cho động từ “học tập”

phó từ “sẽ” bổ sung ý nghĩa về thời gian tương lai cho động từ “học tập”.

**Bài tập 3**

**Chức năng của phó từ “hãy” trong đoạn văn:**

+ Phó từ “hãy” bổ sung ý nghĩa về mệnh lệnh, cầu khiến, động viên, thúc giục làm việc gì đó.

**Ý nghĩa của việc dùng phó từ “hãy” với nội dung đoạn văn.**

+ Phó từ “hãy” được lập lại nhiều lần trong đoạn văn cho thấy những suy tư ,trăn trở, khao khát, của nhân vật người kể chuyện (một họa sĩ) muốn sáng tác bức tranh để ghi lại vẻ đẹp của hai cây phong, của tình thầy trò, của tấm lòng cao thượng và tình thương bao la của người thầy bình dị; để tỏ lòng biết ơn, yêu mến và kính trọng thầy.

+Việc lặp lại nhiều lần phó từ “hãy” cùng với cấu trúc câu cầu khiến cũng tạo cho đoạn văn nhịp điệu nhanh, gấp, thể hiện sự thôi thúc giục giã tự trong lòng, thể hiện niềm xúc động mãnh liệt trào dâng của người kể chuyện.

**Bài tập 4**

**Xác định yêu cầu của đề.**

**+ Kiểu bài:** biểu cảm về một nhân vật văn học.

**+ Chủ đề:** cảm nhận của em về nhân vật thầy Đuy-sen hoặc An-tư-nai

+  **Dung lượng:** khoảng 5 - 7 câu

**+ Yêu cầu tiếng Việt:** có sử dụng ít nhất 3 phó từ.

**Các bước viết đoạn văn.**

**+ Bước 1:** Chọn nhân vật mình sẽ nêu cảm nhận.

**+ Bước 2:** Xác định đặc điểm nổi bật của nhân vật và cảm nhận suy nghĩ của mình về nhân vật.

**+ Bước 3:** Viết đoạn văn chú ý sử dụng các phó từ.

**+ Bước 4:** Gạch chân các phó từ em đã sử dụng trong đoạn văn.

**Tham khảo đoạn văn:**

Nhân vật thầy Đuy-sen trong chuyện “Người thầy đầu tiên”( Ai-ma-tốp) **đã** để lại trong em niềm cảm phục, tình yêu vô vàn với người thầy bình dị mà vĩ đại. Với tình yêu thương bao la dành cho con trẻ, khao khát mang trí thức, văn hóa về với làng quê **còn** nghèo nàn, lạc hậu và **cả l**òng nhiệt tình của tuổi trẻ, thầy **đã** làm được bao điều quý giá cho **các** em nhỏ. Thầy tự tay mình dựng lên lớp học nhỏ trên đồi cao, đưa đón **các** em qua con suối lạnh buốt khi mùa đông đến, xếp **những** ụ đá trên suối để làm đường cho **các** em qua suối khỏi ướt...

Bất chấp **tất cả** sự nghi ngờ của mọi người, sự mỉa mai của **những** kẻ giàu có mà ngu dốt, cả sự khắc nghiệt của thiên nhiên, thầy **vẫn** bền bỉ dạy **các** em từ **những** điều đơn sơ nhất để thắp lên ánh sáng tri thức nơi thảo nguyên xa xôi. Thầy **rất** hiểu, **rất** tin ở học trò mình và **những** mong ước, hy vọng của thầy, đều là dành cho tương lai của các trò. Khép lại trang truyện, em còn xúc động mãi khi nghĩ về tình hình ảnh người thầy giáo của nhân dân phải càng trân trọng và biết ơn công lao dạy dỗ, yêu thương của **các** thầy cô giáo.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy tìm các tục ngữ, thành ngữ có sử dụng phó từ?

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**Dự kiến sp:**

Bà con xa **không** bằng láng giềng gần.

Có tiếng **lại** có miếng.

Bán trời **không** văn tự.

Ếch ngồi trong hang **còn** lo chết

**Vừa** ăn cướp **vừa** la làng.

Gần sông quen với cá, gần rừng **không** lạ tiếng chim.

Giầu ba mươi tuổi **chớ** mừng, khó ba mươi tuổi **cũng đừng** vội lo.

Trúc dẫu cháy đốt ngay **vẫn** thẳng.

Uốn cây từ lúc **còn** non- Dạy con từ lúc **còn** bé thơ.

Đi đêm **lắm** có ngày gặp ma.

**Mỗi** cây **mỗi** hoa, **mỗi** nhà **mỗi** cảnh.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\*Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

**\*Chuẩn bị bài sau:..**

**TUẦN 9**

**Tiết 33-34 ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**I. MỤC T**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

Ôn tập kiến thức đã học.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 Giáo dục hs ý thức tìm hiểu về cách dung từ, cách nhận biết phép tu từ…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 42P)**

**Hoạt động 1: Phần văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần đọc văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1. Nắm lại tên văn bản đã học, tên tác giả, thể loại?

**\* Dự kiến sản phẩm**

*- Bầy chim chìa vôi*( Nguyễn Quang Thiều)- Truyện

-.Đi lấy mật ( Đoàn Gioir)- Tiểu thuyết

-. Ngàn sao làm việc ( Võ Quảng)- thơ năm chữ

- Đồng dao mùa xuân ( Nguyễn Khoa Điềm)- thơ

-Gặp lá cơm nếp ( Thanh Thảo) - thơ

-Trở gió ( Nguyễn Ngọc Tư)- tản văn

-Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ ( Nguyễn Ngọc Thuần ) – truyện

- Người thầy đầu tiên ( Ai-ma-top)– truyện

2- Thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, và nhất là có nhịp điệu

3- Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

4.Tản văn (tập văn) là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.

+ Tác giả thường dựa vào một chi tiết, một sự việc trong cuộc sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ của mình.

+ Tản văn thường tự do trong các biểu hiện, kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận và miêu tả.

+ Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

**Đặc điểm nhận biết:thơ bón chữ**

+ Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**Cách gieo vần**

Chim bay, chim s**à**  
Lúa tròn bụng s**ữa**  
Đồng quê chan ch**ứa**Những lời chim c**a**.

( Com chim chiền chiện- Huy Cận)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền( sữa- chứa).**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách( sà- ca).**

Cháu cười híp m**í**.

Má đỏ bồ qu**ân**

- Thôi, chào đồng ch**í**. Cháu đ**i** xa d**ần**

( Lượm- Tố Hữu)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân(mí- chí- quân- dần).**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng( chí- đi)**

**=> Vần hỗn hợp**

\* **Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 2: Phần tiếng Việt**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần tiếng việt

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1.Mở rộng thành phần câu bằng trạng ngữ

2. Số từ ?

3. phó từ?

**\* Dự kiến sản phẩm**

1.1Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu.

- Chức năng của trạng ngữ trong câu.

Giúp bổ sung thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức, điều kiện … cho sự việc được nói đến trong câu. Hoặc dùng để liên kết các câu trong đoạn văn.

- Vị trí trạng ngữ trong câu? Thường nằm ở đầu câu. Đôi khi nằm ở giữa câu hoặc cuối câu. Được ngăn cách với các thành phần chính trong câu bằng dấu phẩy hoặc quan hệ từ.

1.2. Mở rộng thành phần câu bằng chủ ngữ, vị ngữ

Chủ ngữ:

+ Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.

+ Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.

+ Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.

VD:Cho câu văn sau: Cánh diều đang tự do bay lượn.

Hãy mở rộng thành phần chủ ngữ của câu bằng cụm từ.

->Muôn ngàn cánh diều đủ màu sắc đang tự do bay lượn

->Những cánh diều trên bầu trời đang tự do bay lượn.

->Những cánh diều ấy đang tự do bay lượn.

->Cánh diều sau khi nó gió đang tự do bay lượn.

Vị ngữ:

|+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.

+ Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.

+Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)

Lửa cháy.

Lửa cháy bập bùng trong màn sương sớm.

Lửa cháy tí tách trong bếp lò

Lửa cháy ấm áp trong nhà sàn giữa mùa đông lạnh lẽo

Lửa cháy hăng hắc mùi lá khuynh diệp tươi.

2. Khái niệm cụm từ.Là các tổ hợp từ có cấu tạo phức tạp hơn một từ nhưng mang lại nhiều thông tin hơn so với từ.

Các loại cụm từ

Cụm danh từ. Cụm động từ. Cụm tính từ.

Ví dụ về cụm từ

“Bẩy chim non ấy”

“Đã đi rất xa”.

“Vẫn còn mới như lúc đầu”

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 3: Phần Tập làm văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần Tập làm văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

-Tóm tắt văn bản theo độ dài khác nhau.

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bải thơ bốn chữ, năm chữ.

- Trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống ( được gợi ra từ một tác phẩm văn học đã học).

**\* Dự kiến sản phẩm**

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 40P)**

a**. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ từ ngữ liệu ở màn hình

**c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*******Chuyển giao nhiệm vụ***

Đoạn văn ghi lại cảm xúc về 1 bài thơ em đã học

***\* Dự kiến sản phẩm***

1. Đồng dao mùa xuân là một bài thơ đã phác họa chân dung người lính rất gần gũi và chân thực. Họ là người anh hùng gan dạ, sẵn sàng hi sinh tuổi xuân của mình để bảo vệ độc lập tổ quốc. Nhưng ở họ cũng có những nét rất đời thường. Bởi các anh cũng là những chàng trai mới lớn, chưa một lần yêu ai, vẫn còn mê thả diều, chưa dám uống cốc cà phê đắng ngắt. Cách miêu tả ấy của nhà văn giúp em thêm yêu mến và ngưỡng mộ sự hi sinh to lớn của các anh. Đồng thời cũng càng thêm đau xót, thương tiếc vô cùng trước sự ra khi còn quá trẻ ấy. Mùa xuân của các anh đã thắp nên mùa xuân của đất nước. Sự hi sinh vĩ đại ấy, chúng em sẽ mãi khắc ghi trong lòng, và cố gắng học tập, rèn luyện sao cho xứng đáng với công lao của các anh.

2. Gặp lá cơm nếp là một bài thơ năm chữ rất hay của nhà thơ Thanh Thảo. Bài thơ đã khắc họa được dòng cảm xúc của người lính bộ đội cụ Hồ rất sâu sắc và cảm động. Trên đường hành quân ở một nơi xa xôi, người lính đã bắt gặp một hình dáng quen thuộc - chiếc lá cơm nếp. Chiếc lá ấy đã khiến anh nhớ về bao kỉ niệm đẹp bên nắm xôi nếp. Đó chính là những kỉ niệm đẹp đẽ bên người mẹ tần tảo, luôn yêu thương, chịu khó và hi sinh vì con cái. Những hình ảnh ấy, anh ghi khắc trong tim, không bao giờ quên. Chúng là hành trang cũng là cội nguồn của sức mạnh cho anh chiến đấu mỗi ngày. Tình yêu mẹ, yêu quê hương to lớn ấy của người lính khiến em vô cùng xúc động và ngưỡng mộ.

Đề bài: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ những tác phẩm văn học đã học. VD: gặp lá cơm nếp, đồng dao mùa xuân,....)

Bài làm

Bài tham khảo 1:

Tình cảm giữa con người với con người, con người với sự vật, con người với quốc gia luôn là những tình cảm thiêng liêng, đáng quý. Nhà thơ Thanh Thảo cũng đã lấy cảm hứng từ tình cảm đó mà viết nên bài thơ “Gặp lá cơm nếp” gợi lên trong em rất nhiều suy nghĩ về tình cảm con người.

Bài thơ “Gặp lá cơm nếp” nói về dòng cảm xúc của nhân vật người con dành cho người mẹ già và đất nước. Thanh Thảo đã gửi gắm nhiều tâm tư, nỗi nhớ và tình cảm của mình thông qua nhân vật người con. Trên đường hành quân tại chiến trường Trường Sơn khốc liệt, người con vô tình ngửi thấy hương vị của lá xôi nếp lạ lùng nhưng lại rất thân quen. Mùi hương ấy dẫn anh nhớ về hình ảnh người mẹ tần tảo, chịu khó đang đứng trong bếp nấu cơm cho anh khiến anh xúc động nghẹn ngào. Mùi hướng ấy còn đưa anh nhớ đến hương vị thân thuộc của quê hương đất nước, để rồi nỗi nhớ ấy được chia đôi cho mẹ già và đất nước. Tình cảm thương nhớ, thủy chung ấy đã bừng lên ngọn lửa hồng thắp sáng tâm hồn nhạy cảm và bùng lên ý chỉ quyết tâm hoàn thành trách nghiệm bảo vệ Tổ quốc của mình.

Thông qua tình cảm gắn bó thiêng liêng ấy của người con với người mẹ, đất nước chúng ta cũng có thể soi xét vào bản thân mình. Trong cuộc sống, chúng ta bị quy định bởi rất nhiều mối quan hệ. Từ khi sinh ra, chúng ta đã gắn bó với cha mẹ, anh chị em ruột thịt. Tình cảm đó chắc chắn luôn là thiêng liêng, quan trọng nhất với cuộc đời mỗi người. Cho dù mai này có trưởng thành và đi thật xa, nhưng khi cuộc sống có quá nhiều áp lực, khó khăn, thì gia đình là nơi bình yên và hạnh phúc nhất để quay trở về. Người ta nói, giữa cha mẹ và con cái luôn có một sợi dây liên kết vô hình. Điều này quả thật rất đúng đắn. Hình ảnh cha mẹ luôn gắn liến với công lao sinh thành, dưỡng dục lớn lao, nên bổn phận làm con, chúng ta phải biết yêu thương, kính trọng và báo hiếu với cha mẹ khi còn có thể. Bởi lẽ tình cảm gắn kết ấy là duy nhất, không có gì có thể thay thế được bằng tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái và sự biết ơn, dựa dẫm vào cha mẹ của người con.

Đi ra xa hơn là tình cảm của con người dành cho quê hương, đất nước. Sinh ra trong một cộng đồng nhỏ là gia đình, đến khi trưởng thành và lớn lên, con người phải chung sống, đóng góp sức mình vào cộng đồng lớn hơn. Đó chính là xã hội, quê hương và đất nước. Trong xã hội hòa bình bây giờ, chúng ta không cần phải hi sinh bản thân mình vào công cuộc kháng chiến cách mạng như thời xưa. Nhưng khi Tổ quốc cần đến mình, là một người trẻ tuổi, chúng ta phải sẵn sàng và tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ cho đất nước. Không được thờ ơ, trốn tránh mà phải dũng cảm, tự tin làm chủ non sông, đất nước, đưa quê hương mình ngày một phát triển và sánh ngang với các cường quốc năm châu như lời Bác Hồ căn dặn.

Tóm lại, tình cảm của con người trong cuộc sống là rất da dạng, bởi con người là một cá thể nhỏ bé trong một cộng đồng rộng lớn. Chúng ta hãy luôn dành những tình cảm yêu thương, gắn bó với những điều giản dị nhất quanh ta.

Bài tham khảo 2:

Sau khi đọc xong những dòng thơ đầy xúc động về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng dao mùa xuân” của Nguyễn Khoa Điềm, em đã có rất nhiều suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp bảo vệ quê hương đất nước.

Bài thơ thể hiện tình cảm tiếc thương, sự trân trọng và biết ơn những người đã dâng hiến tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. Đó chính là những người lính đã hi sinh trên chiến trường Trường Sơn trong “Những năm máu lửa”. Hình ảnh người lính bình dị, thân quen với trách nhiệm lớn lao mà các anh phải gánh vác trên vai gợi cho người đọc thấy mình cần phải có trách nhiệm hơn với quê hương, đất nước. Cho dù những người lính ấy đã hi sinh nhưng anh linh của các anh vẫn còn sống mãi. Đặc biệt là “ngày xuân ngọt ngào” của người lính không bao giờ mất đi, mà sẽ từ núi xanh trở về và hồi sinh trong các thế hệ sau, trong mùa xuân đất nước

Từ hình ảnh người lính trong bài thơ, người đọc chúng ta sẽ gợi nên nhiều suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong sự nghiệp bảo vệ quê hương đất nước. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, có rất nhiều thanh niên còn ham chơi, không chịu khó học tập, rèn luyện bản thân. Họ lo sợ và cho rằng, tham gia học quân sự, rèn luyện tư tưởng Đảng, đi bộ đội là những việc làm không cần thiết, mất thời gian và lãng phí thanh xuân của họ. Nhưng họ đâu có biết rằng, để có được một cuộc sống hòa bình, tự do và hạnh phúc như này hôm nay, thế hệ trước bao gồm những người lính cách mạng đã phải chiến đấu, hi sinh cực khổ như thế nào. Họ cũng chỉ là những chàng thanh niên trẻ tuổi như chúng ta, nhưng họ vì sự nghiệp lớn lao của dân tộc mà hi sinh bản thân, tuổi xuân của mình cống hiến cho đất nước. Nếu không có họ thì sẽ không thể có chúng ta của ngày hôm nay.

 Vì vậy, các bạn trẻ cần phải giác ngộ, rèn luyện ý thức và tư tưởng đúng đắn, kịp thời. Không ngừng học tập, trau dồi bản thân để ngày càng phát triển. Tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể mang nhiều ý nghĩa, sức ảnh hưởng lớn. Tự tin, dũng cảm chinh phục mọi khó khăn, dám đương đầu với thử thách và nguy hiểm. Khi Tổ quốc cần thì phải sẵn sàng tham gia, cống hiến sức trẻ vì sự nghiệp lớn lao của dân tộc. Bên cạnh đó, phê bình, tố cáo các hành vi phản động, thiếu trách nhiệm với nền độc lập, hòa bình của đất nước.

 Chúng ta của hôm nay được thừa hưởng những thành quả của sự chiến đấu, hi sinh anh dũng của thế hệ trước. Chính vì thế, là những thanh niên trẻ tuổi, hãy đóng góp sức mình để tiếp nối truyền thống yêu nước và làm nên đất nước muôn đời.

.\* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

- HS suy nghĩ.

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe HS trình bày.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài mới:**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**Tiết 35-36**

**KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối của người viết); đưa ra được lí lẽ rõ ràng và dẫn chứng đa dạng. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)***

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LỖI LẦM VÀ SỰ BIẾT ƠN**

Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người xảy ra cuộc tranh luận và một người nổi nóng, không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”.

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo và quyết định bơi đến. Người bị miệt thị lúc nãy bây giờ bị đuối sức và chìm dần. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi đã lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay, người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”. Người kia hỏi: “Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát còn bây giờ anh lại khắc lên đá ?” Anh ta trả lời: “Những điều viết lên cát sẽ nhanh chóng xoá nhoà theo thời gian, nhưng không ai có thể xoá được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người”.

Vậy, mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.

(*Lỗi lầm và sự biết ơn*, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1** **(0,5 điểm)** Trước cuộc tranh cãi, hai người bạn đã đi qua đâu?

A. sa mạc B. ốc đảo

C. bãi cát D. vũng lầy

**Câu 2 (0,5 điểm)** Sau cuộc tranh cãi gay gắt, một người đã làm gì?

A. bỏ bạn lại một mình và đi hướng khác

B. dùng lời nặng miệt thị bạn

C. viết một điều gì đó lên cát.

D. viết một điều gì đó trên đá.

**Câu 3 (0,5 điểm)** Xác định phó từ có trong câu *Hôm nay, người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi.*

A. của B. đã

C. tôi D. tốt

**Câu 4 (0,5 điểm)** Sắp xếp các sự kiện sau cho phù hợp với thứ tự cốt truyện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Khi gặp một ốc đảo, họ quyết định bơi đến. Người bị miệt thị đuối sức và được người bạn kia cứu. |  | 1 |
| B. Người bị miệt thi đã viết lên cát : “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”. |  | 2 |
| C. Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Họ xảy ra cuộc tranh cãi, một người đã miệt thị người kia. |  | 3 |
| D. Anh đã khắc ghi những ân nghĩa đó trên đá. |  | 4 |

**Câu 5 (0,5 điểm)** Câu văn: *Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ*” đã thể hiện tính cách gì của anh bị miệt thị trong câu chuyện *Lỗi lầm và sự biết ơn*?

A. bao dung, vị tha B. nóng nảy, hời hợt

C. thô bạo, cục súc D. hiền lành, dễ tính

**Câu 6 (0,5 điểm)** Câu *Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ* sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm nói tránh theo cách nào?

A. dùng từ đồng nghĩa, đặc biệt là từ Hán Việt

B. dùng cách nói vòng

C. dùng cách nói phủ định

**Câu 7 (0,5 điểm)** Hãy khoanh tròn vào phương án **Đúng** hoặc **Sai** để chọn ý đúng về thông điệp của truyện *Lỗi lầm và sự biết ơn*?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thông điệp của truyện *Lỗi lầm và sự biết ơn* | **Phương án** | |
| Vậy, mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá. | Đ | S |

**Câu 8 (0,5 điểm)** Dòng nào sau đây đúng nhất khi nói đến ý nghĩa của truyện *Lỗi lầm và sự biết ơn* là:

A. Phải biết quan tâm đến bạn bè khi gặp hoạn nạn.

B. Biết chia sẻ, giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn.

C. Biết xóa bỏ những điều không vui trong cuộc sống.

D. Cần biết xóa bỏ lỗi lầm và ghi nhớ ân nghĩa.

**Câu 9 (1,0 điểm)** Qua hai nhân vật trong câu chuyện, em thích nhân vật nào? Vì sao?

**Câu 10 (1,0 điểm)** **Hãy chia sẻ những trường hợp nào trong cuộc sống được em khắc khi ân nghĩa.**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**Từ câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn bàn về sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống.**

----------------------Hết----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C 1, A 2, B 3, D 4 | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | Đúng | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | HS lựa chọn nhân vật mà mình yêu thích và có những lí giải hợp lí.  (*GV khuyến khích những ý kiến khác của HS, miễn sao thuyết phục và phù hợp với chuẩn mực đạo đức)* | 1,0 |
| **10** | HS nêu ra những trường hợp bản thân luân khắc ghi ân tình, ân nghĩa: công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, công ơn của thày cô, những người giúp ta lúc khó khan, hoạn nạn, …  (*GV tôn trọng và ghi nhận những ý kiến khác của học sinh miễn hợp lí, thuyết phục)* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** |  |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về **sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống** | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về* ***sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống***  HS có thể triển khai luận điểm theo nhiều cách, cần đảm bảo theo các định hướng sau:  - Nêu được vấn đề về **sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống**; và ý kiến của bản thân về vấn đề trên.  - Trình bày được ý kiến cần bàn luận bằng nhiều ý nhỏ. Kết hợp đưa lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh cho ý kiến đề ra.  Sau đây là một vài gợi ý:  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: lỗi lầm và sự biết ơn.  - Giải thích: Thế nào là sự tha thứ và lòng biết ơn? Tha thứ là việc bỏ qua, không trách cứ, chấp nhặt, hay trừng phạt những sai trái, lỗi lầm của người khác; lòng biết ơn là sự thể hiện việc hiểu và nhớ công ơn của người khác đối với mình.  - Vì sao trong cuộc sống con người cần có sự tha thứ và lòng biết ơn? Trong cuộc sống ai cũng có lúc gây ra những lỗi lầm, sai trái vì vậy cần phải nhận được sự tha thứ, bao dung của mọi người. Bởi chính sự tha thứ giúp cho người mắc lỗi có cơ hội được sửa chữa; giúp cho bản thân tìm thấy được sự thanh thản, phải biết ơn những người đã đem đến cho mình những điều tốt đẹp, và biết khắc ghi những ân nghĩa lên đá, như cách ứng xử giữa những con người trong câu chuyện trên.  - Suy nghĩ của bản thân :  + Sự tha thứ và lòng biết ơn là một trong phẩm chất cần thiết, cao đẹp để hình thành nên một con người chân chính, có một ý nghĩa rất lớn trên con đường hoàn thiện nhân cách của mỗi con người  + Sự tha thứ và lòng biết chính là những nét đẹp truyền thống của con người Việt Nam.  - Bài học nhận thức và hành động :  + Cần phải biết sống có tấm lòng bao dung, vị tha; biết ghi ơn những con người đã mang lại cho mình những điều tốt đẹp.  + Cần phải được thể hiện sự tha thứ và lòng biết ơn của mình trên cả nhận thức và hành động cụ thể.  +Phải biết quên đi nỗi đau buồn và sự thù hận, ghi nó lên bãi cát và luôn ghi nhớ ân nghĩa để nó được khắc ghi lên đá, trong lòng người. Và hãy nhớ rằng một trái tim khỏe mạnh là một trái tim luôn hướng về lòng nhân đạo, niềm vui và không có chỗ cho sự hận thù. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lựa chọn bằng chứng tiêu biểu, linh hoạt, đa dạng;lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ... | 0,5 |
|

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TUẦN 10**

**ĐỌC VĂN BẢN: QUÊ HƯƠNG( TẾ HANH)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**- Nhận biết thể thơ, mạch cảm xúc

- Cảm nhận được vẻ đẹp của con người, cuộc sống nơi làng chài ven biển và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết của tác giả.

- Biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ và nhận biết được tình cam, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

- Nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong bài thơ;

- Hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Củng cố kỹ năng đọc hiểu một văn bản thơ.

+ Nhận biết và nhận xét được đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp biện pháp tu từ đồng thời xác định được tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

+ Xác định được đề tài chủ đề của bài thơ. Bồi đắp, trân trọng tình yêu thương với con người, với cội nguồn quê hương và với đất nước

**3. Phẩm chất:**

- Bồi đắp, trân trọng tình yêu thương với con người, với cội nguồn quê hương và với đất nước.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Phiếu học tập cá nhân: Quê hương trong cảm nhận của em.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS chia sẻ.

**Ví dụ:** ba từ để miêu tả quê hương của em:Xánh mát, thân thiện và cổ kính

Điều ở quê hương em khiến em yêu thích nhất: cánh đồng bát ngát, ...

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Mỗi một bạn chắc hẳn có một miền quê riêng, hãy ghi lại những ấn tượng cảm xúc và cả những kỷ niệm nữa của mình về quê hương. Có nhiều cách để chúng ta có thể ghi lại cảm xúc và gửi gắm thể hiện những cảm xúc đó, với các nhà thơ, những nghệ sĩ ngôn từ họ thể hiện cảm xúc của mình với làng quê thông qua những vần thơ, thông qua những bài thơ và chuyển vào trong đó biết bao nhiêu yêu thương nhung nhớ. Ngày hôm nay thầy trò mình cũng được tìm học một bài thơ như thế của nhà thơ Tế Hanh..

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I, ĐỌC VĂN BẢN**  a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc:**  **Yêu cầu đọc:**  + Đọc theo trình tự: đọc thầm trước-> đọc thành tiếng-> đọc diễn cảm bài thơ.  + Giọng thơ thay đổi linh hoạt theo nhịp thơ, nhịp cảm xúc của từng khổ thơ. Trong đó giọng điệu chủ đạo của bài thơ là giọng tha thiết , trìu mến.  \*\*Sử dụng kĩ thuật tia chớp  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể thơ |  | | Cách gieo vần |  | | Nhịp thơ |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  Tìm hiểu chú thích.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  a, Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu hai câu thơ đầu tiên để thấy được những nét rất đặc trưng của một làng chài ven biển được tác giả giới thiệu qua những chi tiết rất thú vị, kín đáo và tinh tế.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân- Hoạt động cặp đôi    **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  Gv: Như vậy chúng ta thấy ở hai câu thơ đầu tiên giản dị nhưng đã hiện lên đây là những nét rất đặc trưng của một làng chài ven biển được tác giả giới thiệu qua những chi tiết rất thú vị, kín đáo và tinh tế. Chúng ta cùng sang phần 2, nỗi nhớ của nhà thơ về con ngừời làng chài quê hương đó.  **2, Khung cảnh lao động của người dân chài**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm bàn(5p)**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:**  **Câu 1:** Hai câu thơ đầu của khổ thơ thứ hai cho em biết điều gì về hoàn cảnh ra khơi của đoàn thuyền?  **Câu 2:** Hình ảnh con thuyền ra khơi được khắc họa bằng những chi tiết nào? Em hãy tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ cuối của khổ hai?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **+ Hình hảnh cánh buồm:**    **Biện pháp nhân hóa.**  Các động từ “giương , rướn, thâu góp”. Các tính từ “to, bao la”.  Gợi lên hình ảnh cánh buồm sống động như một sinh thể, có hành động, có tâm hồn, tràn trề sức sống và ước vọng đang hiên ngang, kiêu hãnh giữa mênh mang trời nước.  Câu thơ cũng gợi lên sự mạnh mẽ, khỏe khoắn, tâm hồn mơ mộng, hào hùng của người dân làng chài - những đứa con của biển khơi  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **b) Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm bàn(5p)**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về.**  **Câu 1:** Tâm trạng của những người dân làng chài được miêu tả như thế nào trong bốn câu thơ đầu của khổ thơ thứ ba?(chú ý đến việc dùng các từ láy, dùng dấu ngoặc kép và hình ảnh những con cá trong khổ thơ. )  **Câu 2:** Hình ảnh người dân chài được miêu tả như thế nào trong bốn câu thơ cuối của khổ ba?( chú ý đến màu da, hình thể, biện pháp tu từ được sử dụng để miêu tả người dân chài).  **Câu 3:** Hình ảnh con thuyền được miêu tả như thế nào trong bốn câu thơ cuối của khổ ba?( chú ý biện pháp tu từ được sử dụng để miêu tả con thuyền)  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **Hình ảnh con thuyền**  “im, mỏi, nằm”=> các động từ kết hợp với biện pháp nhân hóa gợi hình ảnh con thuyền lặng im và tĩnh tại.  ->Câu thơ gợi lên khoảnh khắc nghỉ ngơi quý giá sau ngày lao động vất vả trên biển khơi, cũng là khoảnh khắc bình yên khi được trở lại quê nhà của mỗi người ngư dân.  “Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ” => biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, từ thính giác “nghe”-> xúc giác “chất muối thấm dần”.  =>Câu thơ gợi ra sự chuyển hóa bên trong của con thuyền. Chất muối mặn mòi của biển khơi dần thấm vào trong từng thớ gỗ làm chiếc thuyền thêm rắn chăc, vững vàng. Những nắng gió biển khơi cũng làm cho người ngư dẫn thêm bản lĩnh cứng cỏi hơn.  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **3, Nỗi nhớ quê hương của nhà thơ**  a, Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu khổ cuối để thấy được nỗi nhớ quê hương của nhà thơ.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  \* Chuyển giao nhiệm vụ: *Nỗi nhớ quê hương của nhà thơ được thể hiện như thế nào trong khổ thơ cuối?( biện pháp tu từ nào được sử dụng trong việc miêu tả nỗi nhớ?)*  \* Thực hiện nhiệm vụ:  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  \* Báo cáo kết quả:  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  \* Kết luận, đánh giá:  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **III, TỔNG KẾT**  ***a.***Mục tiêu: - HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ “Quê hương”.  b. Nội dung hoạt động:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  - Thực hiện nhiệm vụ  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **- Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **- Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1, Tác giả:**  **+** Tế Hanh( 1921-2009)quê ở một làng chài ven biển tại tỉnh Quảng Ngãi. Con người, cuộc sống của làng chài quê hương đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm của ông. Thơ Tế Hanh dễ đi vào lòng người nhờ cảm  xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha; lời thơ giản dị giàu hình ảnh, giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng**.**  + Nhiều tập thơ của ông đã có sức sống vượt thời gian: Hoa niên ( 1945); Gửi miền Bắc ( 1955); Tiếng sóng( 1960) Hai nửa yêu thương"( 1963); Khúc ca mới( 1966).  **2, Văn bản**  - Xuất sứ : Sáng tác 1939 khi tác giả xa quê lên học ở Huế. In trong tập " Nghẹn ngào" ( 1939), sau được in lại trong tập " Hoa niên" ( 1945)  **- Thể thơ:** Tám chữ  + Bài thơ: Gieo **vần chân.**  Cách gieo vần: **vần liền**  **+ Nhịp thơ chủ đạo: 3/5. Kết**  **hợp với nhịp: 3/2/3**  **- PTBĐ chính:** biểu cảm  **- Bố cục**: Gồm 3 phần:  + Khổ 1: Giới thiệu chung về làng chài quê hương.  + Khổ 2+3: Khung cảnh lao động của người dân chài.  + Khổ cuối: Nỗi nhớ quê hương của nhà thơ.  **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Giới thiệu chung về làng chài quê hương.**  + Nghề nghiệp của làng: “ vốn **làm nghề chài lưới”**  =>Đây là một ngôi làng mang những nét đặc trưng của làng chài ven biển miền Trung.  + Vị trí, hình dạng của làng chài:  -Cụm từ “**Nước bao vây”**  gợi hình ảnh ngôi làng trên một cù lao nổi trên mặt nước. Nhìn từ xa, ngôi làng tựa như một con thuyền nhấp nhô trên sóng.  -Mở đầu câu thơ là “nước” kết thúc là “sông” ở giữa là “biển”: không gian quanh làng mênh mông sóng nước.  =>Đây cũng là hình ảnh quen thuộc nhất của mỗi người, mỗi người con đang phải xa làng, xa quê như Tế Hanh.  + Cách đo đếm khoảng cách: “**cách biển nửa ngày sông”** đo không gian bằng thời gian di chuyển trên sông nước.  =>Đây cũng là hình ảnh quen thuộc nhất với mỗi người dân làng, là ấn tượng khắkhắc sâu với mỗi người con đang phải xa làng, xa quê như Tế Hanh.  **2, Khung cảnh lao động của người dân chài**  **a. Cảnh đoàn thuyền ra khơi**  **+ Hoàn cảnh ra khơi:** trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng. Biện pháp liệt kê thông báo về không gian (trời yên, biển lặng) thời gian(sớm mai ) của thuyền ra khơi.  Nhịp thơ 3/2/3 đều đặn, nhịp nhàng gợi lên cái dập dềnh, nhấp nhô của con thuyền trên sóng nước. =>Đoàn thuyền ra khơi trong cảnh mát lành, trong sáng của biển trời, đồng thời câu thơ như dự báo một chuyến ra khơi thành công, thuận buồm xuôi gió của những người dân chài.  **+ Hình ảnh con thuyền:**  “Chiếc thuyền nhẹ hăng với con tuấn mã”.  ->Biện pháp so sánh. Đồ vật được so sánh với động vật, phương tiện đường thủy được so sánh với phương tiện đường bộ.  ->Tạo ra liên tưởng hết sức độc đáo về hình ảnh con thuyền băng băng trên sóng nước ra khơi giống như một con tuấn mã đã tung vó trên thảo nguyên bao la.  + Các từ “băng, phăng, mạnh mẽ, vượt” những động từ, tính từ có sắc thái mạnh kết hợp với biện pháp nhân hóa gợi lên tốc độ sức mạnh và khí thế của con thuyền.  => Câu thơ tả thuyền, nhưng cũng gợi lên khí thế sức mạnh, sự háo hức, phấn chấn của những người dân chài lúc khởi đầu chuyến khơi xa  **b) Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về**  -**Tâm trạng của người dân làng chài.**  Các từ “ồn ào, tấp nập” những từ láy gợi không khí sôi nổi, đông vui và tâm trạng háo nức, chờ mong, hy vọng của người dân làng- những người ở lại.  “ Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”: dấu ngoặc kép đánh dấu lời dẫn trực tiếp. Câu thơ như lời cảm tạ chân thành của người dân chài lưới. Họ tạ ơn trời biển vì trời yên, biển lặng để có được những ghe đầy cá.  =>Câu thơ giản dị mà xúc động, vừa thể hiện niềm vui thấm thía của người ngư dân, lòng biết ơn với biển quê hương, vừa hé lộ những vất vả, gian khó cả những hiểm nguy trong công việc đánh cá trên biển.  “Cá đầy ghe” nhìn từ xa khái quát “Cá tươi ngon thân bạc trắng” nhìn từ gần cụ thể.  + Những con cá là thành quả lao động của nhân dân.  + Tác giả miêu tả cá từ nhiều khoảng cách, nhiều góc độ và quan sát cá bằng nhiều giác quan. + Câu thơ thể hiện niềm vui tỏa rạng trong ánh mắt, trên gương mặt mỗi người nông dân, thể hiện cả sự trân trọng của họ khi được nhìn ngắm thành quả lao động của mình.  **Hình ảnh người dân chài:**  + Màu da: “ngăm, rám nắng” kết quả của những chuyến khơi xa, đương đầu với nắng gió biển khơi, hun đúc cho họ sự khỏe khoắn, sự dạn dày kinh nghiệm của những con ngừời từng trải nắng mưa.  + Hình thể: “cả thân hình” gợi lên cái vạm vỡ, lực lưỡng của những trai tráng làng chài.  + “Vị xa xăm”=> phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác vừa thể hiện hương vị đặc trưng mặn mòi của biển khơi, toát tỏa ra từ thân hình những người dân chài nhưng cũng gợi lên tâm hồn tự do, phóng khoáng của những chàng trai từng lênh đênh trên biển khơi, đi đến những nơi xa xôi cùng trời cuối đất.  **3, Nỗi nhớ quê hương của nhà thơ**  Hoàn cảnh của nỗi nhớ:  “ nay xa cách”-> vừa thể hiện khoảng cách về thời gian (quá khứ- hiện tại) và khoảng cách không gian( quê ngừời- quê nhà) với người nhà.  Cường độ của nỗi nhớ: “lòng tôi luôn tưởng nhớ”-> trong tâm hồn và trái tim nhà thơ vẫn luôn có hình bóng quê hương, nhớ da diết quê nhà.  Khổ thơ bắt đầu bằng từ “nhớ” và cũng khép lại bằng từ “nhớ” , một nỗi nhớ thường trực, mênh mang trong lòng thi sĩ.  + Đối tượng của nỗi nhớ.  Các hình ảnh làng quê: “nước, cá, buồm, thuyền.  Những sắc màu: xanh, bạc, vôi (trắng).  Hương vị: cái mùi nồng mặn. =>Biện pháp liệt kê đã gợi ra những hình ảnh gần gũi thân thương, vẫn hiện lên chi tiết sống động, rõ nét trong tâm trí nhà thơ.  + Tính chất của nỗi nhớ.  Câu cảm thán khép lại bài thơ như một tiếng thốt đầy xúc động, một nỗi nhớ trào dâng mãnh liệt không ngôn từ nào nói hết được của một người con xa quê nhớ về đất mẹ.  + Niềm yêu thương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống nơi làng chài.  + Nỗi nhớ thương da diết khi phải xa quê hương. Bất chấp khoảng cách không gian, thời gian, nhà thơ vẫn nâng niu, gìn giữ trong ký ức từng hình ảnh, màu sắc, hương vị mang vẻ đẹp riêng của quê nhà...  **III, TỔNG KẾT**  1, Nghệ thuật:  + Thể thơ tám chữ, giọng thơ như lời tâm tình chất chứa tình yêu và nỗi nhớ với quê hương.  + Hình ảnh thơ sinh động, gần gũi, chọn lọc., Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, tinh tế, giầu sức gợi.  + Các biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, liệt kê, ... Giúp bài thơ thêm giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.  2, Nội dung:  Đề tài: Quê hương  Chủ đề: Khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống sinh hoạt của làng chài ven biển. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập- Viết kết nối với đọc**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Viết đoạn văn

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn khoảng 5 -7 câu nêu cảm nhận của em về tình cảm tác giả với quê hương.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Gợi ý:

*1, Xác đinh yêu cầu:*

+ Kiểu bài: Biểu cảm

+ Dung lượng đoạn văn: từ 5-7 câu

+ Chủ đề: Tình cảm của tác giả với quê hương trong bài thơ .

*2, Tìm ý:*

Đoạn văn cần chỉ ra những biểu hiện cơ bản trong tình cảm tác giả dành cho quê hương như sau:

+ Những yêu thương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người về cuộc sống nơi làng chài.

+ Nỗi nhớ nhung da diết khi phải xa quê hương.

+ Bất chấp khoảng cách không gian, thời gian, nhà thơ vẫn nâng niu gìn giữ trong ký ức từng hình ảnh, màu sắc, hương vị mang vẻ đẹp riêng của quê nhà .

*3, Viết đoạn :*

- Viết đoạn văn.

- Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

**\* Báo cáo kết quả:**

- Học sinh trình bày sản phẩm cá nhân

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Sưu tầm thêm những bài thơ viết về quê hương hôm sau đọc diễn cảm.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Sưu tầm thêm những bài thơ viết về quê hương.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh sưu tầm ghi lại

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Báo cáo kết quả:**

Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Ví dụ: Bài thơ Quê hương ( Giang Nam)

Bài học đầu cho con.( Đỗ Trung Quân)

* **HƯớng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

* Chuẩn bị bài soạn tiếp theo.

**Tiết: 39,40,41**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. HS nhận biết được các yêu cầu của bài văn . Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1.Giáo viên :

- Giáo án; SGK, SGV, máy chiếu.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

1. Khởi động

1. Hoạt động 1:

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy đoán tên của các nhân vật đã học qua những gợi ý về đặc điểm của các nhân vật đó.

1, Hiếu thắng, huyênh hoang và nông nổi.

2, Nhạy cảm, tự ti và đố kỵ.

3, Hồn nhiên, nhạy cảm giầu lòng thương người.

4, Kêu ngạo, luôn coi thường và nhạo báng người khác.

5, Hồn nhiên, trong sáng có tấm lòng yêu thương loài vật.

**Gợi ý:** Đây đều là các nhân vật chính trong các tác phẩm trong chương trình ngữ văn 6 và cả chương trình lớp 7 trong những bài học vừa qua.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Như vậy, chúng ta cùng với nhau đi qua phần khởi động với chìa khóa “đây là ai” thì chúng ta nhận ra rằng, mỗi một nhân vật trong các tác phẩm nhất là trong các tác phẩm truyện đều được tác giả khắc họa với những đặc điểm, tính cách riêng biệt, ấn tượng và không lặp lại. Và ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng đến với bài luyện kỹ năng viết có chủ đề “**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**” và sẽ chủ yếu là các tác phẩm truyện.

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| **1, Xác định kiểu bài cần viết**  a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của kiểu bài cần viết.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Xác định kiểu bài và đặc điểm kiểu bài của bài văn?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **2, Yêu cầu bài văn**  a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu về hình thức và nội dung bài văn.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Phương pháp:** Thảo luận nhóm  **Kĩ thuật:** Động não  Xác định các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.   * **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**   **\* Học sinh trao đổi thảo luận**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **3, Phân tích bài viết tham khảo**  a) Mục tiêu: học sinh nắm được cấu trúc bài viết .  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc bài viết tham khảo**  **Phương pháp:** Thảo luận nhóm  **Kĩ thuật:** Động não  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Phân tích nội dung phần mở** bài  1, Hãy nêu vị trí của phần mở bài?  2, Nội dung chính của phần mở bài là gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **\* Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc bài viết tham**  **khảo**  **Phương pháp:** Thảo luận nhóm  **Kĩ thuật:** Động não  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Phân tích nội**  **dung phần thân bài.**  1.1, Phần thân bài gồm mấy đoạn văn?  1.2.Trong phần thân bài, người viết đã đưa ra những ý kiến nào về đặc điểm của nhân vật mèo Gióc-ba. Những ý kiến này được làm rõ dựa trên những bằng chứng như thế nào?  2. Nêu vị trí của đoạn văn được người viết dùng để nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật mèo Gioóc-ba? Người viết đã nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn?  3. Ý nghĩa của hình tượng nhân vật Gioóc-ba đã được làm rõ như thế nào ở phần thân bài?  N4: Hãy nêu vị trí của phần kết bài?  Tác giả bài viết đã trình bày những nội dung gì ở phần kết bài?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **Nhóm 2**: Người viết dùng để nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả trên nhiều phương diện:  + Xây dựng nhân vật qua việc miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, và mối quan hệ với những nhân vật khác.  + Nghệ thuật nhân hóa.  + Sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị biểu hiện rất đặc sắc.  + Lối kể chuyện vừa giàu cảm xúc vừa hài hước, vui tươi.  **N3**. Thông qua việc xây dựng hình tượng nhân vật Gioóc-ba, nhà văn đã gửi đến ngừoi đọc bài học:  + Sự trân trọng lời hứa.  + Sức mạnh của tình yêu thương.  + Tinh thần bảo vệ kẻ yếu.  + Sống can đảm giầu khát vọng.  + Trân trọng sự khác biệt và học cách yêu thương những gì “không giống chúng ta”.  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **4, Quy trình viết**  a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước viết bài....  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em có thể lựa chọn nhân vật trong tác phẩm như thế nào để phân tích?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **Chi tiết**: “Tôi hiểu khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi món quà nhỏ một vườn hoa là món quà lớn”  **Suy luận về tính cách nhân vật:** Những suy nghĩ cảm xúc của nhân vật tôi về khu vườn giúp người đọc hình dung đây là cậu bé có **tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên.**  Các phương diện miêu tả nhân vật?  ? Khi tìm ý cần trả lời những câu hỏi nào? | **1, Xác định kiểu bài cần viết**  + Kiểu bài: Nghị luận văn học.  + Đối tượng nghị luận: đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.  + Mục đích nghị luận: thuyết phục người đọc (người nghe) về ý kiến của người viết.  + Nội dung nghị luận: đưa ra ý kiến bàn về đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.  **2, Yêu cầu bài văn**  **Hình thức:**  + Đảm bảo cấu trúc 3 phần: mở bài – thân bài – kết bài.  **Nội dung:**  + Giới thiệu được nhân vật văn học cần phân tích.  + Đưa ra được ý kiến về các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  + Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật.  + Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.  **3, Phân tích bài viết tham khảo**  **a)Mở bài**  Hãy nêu vị trí của phần mở bài?  ->Đoạn văn đầu tiên của bài văn, gồm ba câu văn.  Nội dung chính của phần mở bài là gì?  + Giới thiệu về nhân vật người viết sẽ phân tích đặc điểm.  - Tên gọi: con mèo Gioóc- ba.  - Ấn tượng nổi bật: “ luôn là nhân vật đáng yêu và thú vị nhất”.   * Xuất xứ của nhân vật: tác phẩm “ Chuyện con mèo dạy hải âu bay, tác giả Lu-i-Xe-pun-ve-da.   **b) Thân bài**  **N1.Phần thân bài:** gồm bốn đoạn văn. Bắt đầu từ câu “ Nhân vật Gioóc- ba bắt đầu xuất hiện từ chương hai” đến câu “ Con chim duỗi một cánh vắt ngang lưng con mèo”   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến** | **Bằng chứng** | | **Đặc điểm ngoại hình:** Gioóc- ba có một vẻ ngoài rất khác biệt, dễ gợi ấn tượng về một chú mèo lười béo ú, xấu xí. | “ Con mèo mun to đùng mập ú”, bộ lông đen ổng như than “đen từ đầu tới chân, trừ một túm lông trắng dưới cằm”. | | **Đặc điểm tính cách:** Gioóc- ba là chú mèo quả quyết, dũng mãnh. | “trừng trị hai tên mèo hoang láo xược và lũ chuột gian xảo, tấn công cả con đười ươi to xác, độc ác để bảo vệ Lắc-ki” | | **Đặc điểm tính cách:** hiện lên như một con người có trái tim nhân hậu và tâm hồn sâu sắc. | + Trái tim nhân hậu: “hết lòng cứu giúp Ken-ga, kiên nhẫn ấp trứng vì xót thương hải âu mẹ bất hạnh... chăm sóc hải âu con như người mẹ”.  Tâm hồn sâu sắc: “ nỗ lực phi thường để hải âu con có được niềm hạnh phúc tung cánh giữa bầu trời. Gioóc –ba tin tưởng động viên: “Con sẽ bay. Cả bầu trời kia thuộc về con!” | |  |   **N4. c) Kết bài**  **-** Đoạn văn cuối cùng của bài.  **-** Đánh giá chung về đặc điểm nhân vật (tử tế, hào hiệp, cao thượng).  - Nêu vai trò của nhân vật trong tác phẩm (nhân vật chính tạo nên vẻ đẹp hồn nhiên, tươi tắn, trí tuệ cho tác phẩm)  + Các đặc điểm về nhân vật được trình bày đầy đủ, chính xác, khách quan và rất logic (từ bên ngoài đến bên trong, từ sản xuất đến tâm hồn...)  + Bằng chứng xác đáng, thuyết phục. Có bằng chứng được trích dẫn trực tiếp, nguyên văn (dùng dấu ngoặc kép để đánh dấu), có bằng chứng được trình gián tiếp dưới dạng tóm tắt ý trong tác phẩm. Các bằng chứng đều được lựa chọn kĩ càng, phù hợp với đặc điểm của nhân vật.  + Có những câu văn phân tích, bàn luận bằng chứng để làm rõ đặc điểm nhân vật.  **4, Quy trình viết**  **4, 1. Trước khi viết**  Lựa chọn nhân vật: Có thể lựa chọn nhân vật theo những gợi ý sau:  + Nhân vật có tính đa dạng, thú vị.  + Nhân vật có tính cách biến đổi, phát triển trong cốt truyện.  + Nhân vật có vai trò quan trọng trong cốt truyện.  + Nhân vật mang thông điệp sâu sắc.  + Nhân vật em yêu thích hoặc để lại cho em ấn tượng sâu sắc  - Tìm ý:  + Tìm hiểu và lựa chọn chi tiết có liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.  + Đưa ra những suy nghĩ về đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết vừa tìm được.  + Kết nối thông tin về nhân vật với hiểu biết và trải nghiệm của em.  Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, nội tâm, mối quan hệ với các nhân vật khác, lời người kể chuyện nhận xét về nhân vật.  + Trong cuộc sống, những người có đặc điểm ngoại hình, hành động ngôn ngữ (như các chi tiết em vừa tìm về nhân vật trong tác phẩm) thường có tính cách như thế nào?  + Những người có thế giới nội tâm (cảm xúc, suy nghĩ) như nhân vật em vừa tìm, thường có đặc điểm gì?  + Trong cuộc sống, những người có mối quan hệ với người khác  (như các chi tiết em vừa tìm về quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác trong tác phẩm) thường có tính cách như thế nào? |

*Tìm ý cho bài văn phân tích đặc điểm nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “ Người thầy đầu tiên”*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cách miêu tả nhân vật | Chi tiết trong tác phẩm | Suy luận của em về nhân vật |
| Ngoại hình |  |  |
| Hành động |  |  |
| Ngôn ngữ |  |  |
| Nội tâm |  |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác. |  |  |
| Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật. |  |  |

**Dự kiến sản phẩm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách miêu tả nhân vật** | **Chi tiết trong tác phẩm** | **Suy luận của em về nhân vật** |
| Ngoại hình  Hành động | Không có chi tiết miêu tả | |
| + Tự dưng nhà làm lớp học cho trẻ em trong làng.  + Đưa đón học sinh đi học qua suối lạnh mùa đông.  + Đắp ụ đá trên suối để học sinh đến trường không bị lạnh, bị ướt.  + Gửi học trò lên tỉnh để tiếp tục học tập. | Người thầy giáo hết lòng vì sự nghiệp trồng người, rất yêu thương học trò, mạnh mẽ kiên trì. |
| Ngôn ngữ | Mỉm cười niềm nở với học trò lần đầu gặp mặt.  Nháy mắt động viên các em cởi mở hơn.  Ân cần hỏi han học trò.  Khen ngợi học trò. | Thầy giáo ân cần, dịu dàng, quan tâm thật lòng tới mỗi học trò. |
| Nội tâm | Luôn mong muốn học trò được đến trường, ao ước học trò được lên thành phố để được học ở môi trường tốt hơn. | Toàn bộ suy nghĩ, ước vọng của thầy đều giành cho học trò. |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác. | + Với học trò Đuy-sen là người thầy đầu tiên, là người anh, người thân đã dành cả tình yêu thương cho lũ trẻ.  + Với bọn nhà giầu trong làng, anh dũng cảm, kiên cường chống lại những thành kiến lạc hậu. | Toàn bộ suy nghĩ, ước vọng của thầy đều dành cho học trò. |
| Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật. | Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ , vì ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. | Nhận được sự yêu mến, cảm phục, biết ơn. |

**Lập dàn ý:**

**Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật, nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

**Thân bài:**

+ Phân tích các đặc điểm của nhân vật cần theo các bằng chứng từ các tác phẩm.

+ Nhận xét khái quát về nghệ thuật xây dựng nhân vật.

+ Nêu ý nghĩa của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng tác phẩm.

**Kết bài:**

+ Nêu ấn tượng, cảm nghĩ của em về nhân vật.

+ Đánh giá chung về nhân vật

* Viết bài:

1, Đảm bảo hình thức và cấu trúc bài văn.

2, Các đặc điểm của nhân vật được nêu ra phải chính xác, khách quan, dựa trên các chi tiết, sự việc liên quan đến nhân vật trong tác phẩm. 3, Phân tích, đánh giá nhân vật phải xem xét từ nhiều góc độ, nhận xét đánh giá toàn diện.

4, Tập trung tìm ra những chi tiết ấn tượng, độc đáo góp phần làm sáng tỏ đặc điểm của nhân vật.

5, Phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết. Không nên nhận xét đánh giá về nhân vật một cách chung chung.

6, Các bằng chứng lấy từ tác phẩm phải chính xác, phù hợp với những đặc điểm của nhân vật mình đang phân tích.

7, Có thể liên hệ, so sánh nhân vật này với nhân vật khác; đặc điểm, chi tiết này với đặc điểm, chi tiết nhân vật khác để thấy nét riêng của nhân vật hoặc thấy được sự thay đổiphát triển tính cách của nhân vật.....

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời được bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**II, LUYỆN TẬP**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và làm việc cá nhân

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

Lập dàn ý chi tiết cho đề văn: Phân tích nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “ Người thầy đầu tiên” ( Ai-ma-top)

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Tìm ý**

**+**Tìm hiểu và lựa chọn chi tiết có liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.

+ Đưa ra những suy nghĩ về đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết vừa tìm được.

+ Kết nối thông tin về nhân vật với hiểu biết và trải nghiệm của em.

**Lập dàn ý**

**Mở bài:**

+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Truyện “Người thầy đầu tiên” ( Ai-ma-top)

+ Khái quát ấn tượng về nhân vật: Thầu Đuy-sen- người thầy bình dị mà cao cả.

**Thân bài:**

+ Phân tích các đặc điểm của nhân vật:

* Tình yêu thương vô vàn dành cho các em học sinh.

Bằng chứng: thể hiện qua những lời nói dịu dàng, ân cần; qua những hành động yêu thương, chắm lo cho các em; quan những ước vọng, suy nghĩ mong các em trưởng thành, được tiếp tục học tập...

* Con người mạnh mẽ, kiên cường, giùa ý chí nghị lực vượt khó.

Bằng chứng: tự mình dựng trường, làm bậc đá vượt suối, không để tâm tới những lời lăng mạ của bọn nhà giàu...tất cả thầy đều làm một mình, trong hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn của làng, trong cái khắc nghiệt của thời tiết, trong cả sự lạc hậu tăm tối về tinh thần của dân làng.

* Thầy được lớp lớp các thế hệ học sinh và người dân làng yêu mến, cảm phục.

Bằng chứng: thể hiện qua tình cảm của An-tư-nai và các học trò dành cho thầy, qua suy nghĩ và tấm lòng của anh hoạ sĩ.....

* Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Nhân vật đưuọc tái hiện sống động thông qua lời kể, góc nhìn, tình cảm của nhiều nhân vật khác.

+Nhân vật được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau( lừoi nói, hành động, thái độ, tình cảm, suy nghĩ)...

+ Các chi tiết được chọn lọc, mang ý nghãi sâu sắc và làm ngừoi đọc xúc động( nụ cười của thầy luôn nở trên môi, thầy bế học trò qua suỗi, thầy cởi áo choàng ủ ấm cho học trò, thầy ngước mắt về xa và ao ước học trò có thể được lên tỉnh học,...)

* Ý nghĩa hình tượng nhân vật thầy Duy-sen

+ Ca ngợi những người thầy tận tâm, giàu tình yêu thuong, giàu ý chí vượt gian khó để mang đến tri thức cho bao học trò nghèo vùng cao.

+ Thông điệp về ý chí, nghị lực của con người sẽ chiến thắng mọi hoàn cảnh khó khăn để tạo nên những điều tốt đẹp.

+ Thông điệp về sự tri ân, biết ơn của học trò với thầy giáo, cô giáo- những ngừơi đã có công ơn dạy dỗ mình.

**Kết bài:**

+ Đánh giá chung về nhân vật: tầm quan trọng và ý nghãi của nahan vật đã được khằng định ngay trong nhan đề tác phẩm- “Người thầy đầu tiên”

+ Ấn tượng, cảm nghĩ về thầy Đuy-sen: xúc động mãi trước hình ảnh ngừoi thầy luôn yêu thương và hết lòng vì học trò, ngừơi thầy đã gieo hi vọng, truyền cảm hứng và động lực cho bao thế hệ.

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:** Từ và cụm từ về tính cách con người.

Dũng cảm, cẩn thận, thân thiện, hào phóng, chăm chỉ, thông minh, tài năng, tự tin, sáng tạo, nhạy cảm, giàu trí tưởng tượng , lạc quan, hồn nhiên, trong sáng, yêu thiên nhiên.

Biết đồng cảm, giảu ý chí, thơm thảo, nhiệt tình,, chung thủy, hài hước, thành thật, bướng bỉnh, rộng lực, mạnh mẽ, bao dung, trầm tĩnh, hăng hái, vui vẻ, kiên trì.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**\* Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

**-** Học bài, Lập dàn ý chi tiết cho đề văn: Phân tích nhân vật thầy Mên trong văn bản “ Bầy chim chìa vôi”

- Chuẩn bị bài sau: *Nói và nghe…..*

**TIẾT:42 NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC )**

**I. MỤC TIÊU**

**Kiến thức:**

- Quy trình thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

- Kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*  Biết trình bày suy nghĩ về một vấn đề

+ Biết chọn một vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật trong tác phẩm văn học để trình bày.

+ Nắm được các yêu cầu và quy trình thực hiện các bước trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ những nhân vật trong tác phẩm văn học.

+ Thực hành thuần thục việc trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra trong tác phẩm văn học.

+ Lắng nghe và nhận xét trao đổi về trình bày ý kiến về vấn đề đời sống của bạn- nếu là người nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Cởi mở khi chia sẻ những ý kiến của bản thân và tôn trọng các ý kiến khác biệt. Rút ra được bài học, thông điệp cho bản thân từ việc tìm hiểu mỗi nhân vật.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy chọn từ, cụm từ thích hợp vào điền vào các chỗ trống trong đoạn văn dưới đây: Vấn đề đời sống, phong phú, nhận thức, đa dạng, tình cảm, nhà văn, suy ngẫm.

*Nhân vật trong tác phẩm văn học rất............ ( con người, loài vật, đồ vật, cây cối...) Nhưng chúng đều được................. sáng tạo để gửi gắm .................và............... về cuộc sống. Qua đó, tác động đến......................... và..................... của người đọc. Vì vậy, mỗi nhân vật trong tác phẩm văn học đều có thể gợi ra một..............................*

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

Tình yêu thương, cách cư xử đầy nhân văn giữa người với người được gợi ra từ cách đối

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Lời nhận định này nó cũng đã khơi gợi lên trong chúng ta đề tài mà chúng ta sẽ cùng luyện đọc, nói và nghe ngày hôm nay **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG(ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC )**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

**I, YÊU CẦU CỦA BÀI NÓI**

a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của bài nói

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Thế nào là một vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

Là những vấn đề ( hiện tượng) đời sống được khơi gợi, bắt nguồn từ một câu nói, từ một hành vi ứng xử, một suy nghĩ của nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**2, Yêu cầu**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, thời gian và không gian nói

|  |  |
| --- | --- |
| Đề tài | Một vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân văn học. |
| Mục đích | Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về một vấn đề đời sống từ một nhân văn học và thuyết phục người nghe về vấn đề đó. |
| Người nghe | Trong tiết học nói và nghe tại lớp: các bạn học sinh trong lớp và thầy cô giáo.  Trong tình huống khác: người nghe là những ai quan tâm đến vấn đề mà bạn trình bày |
| Địa điểm | Trong lớp học, trong gia đình, trong buổi trò chuyện với bạn bè.... |
| Thời gian trình bày bài nói | Trình bày bài nói trong khoảng năm đến bẩy phút. |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**II,** **CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NÓI**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được chuẩn bị trước khi nói cần những gì?

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**1, Chuẩn bị nội dung bài nói**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**NHÓM 1:**  Lựa chọn vấn đề đời sống được gợi ra từ nhân vật văn học.

**NHÓM 2:** Thu thập tư liệu cho bài trình bày.

**NHÓM 3:** Lập dàn ý cho bài trình bày.

**NHÓM 4:** Dự kiến nội dung người nghe trao đổi.

* **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

a) Lựa chọn vấn đề đời sống được gợi ra từ nhân vật văn học.

**+** Chọn một nhân vật văn học để lại cho em những ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ sâu sắc nhất.

+ Tìm vấn đề đời sống được gợi lên qua một câu nói, một hình hành vi ứng xử, một suy nghĩ của nhân vật đó trong tác phẩm văn học.

**Ví dụ:** Những vấn đề đời sống có thể gợi ra qua nhân vật Lang Liêu trong “ Bánh chưng, bánh giày”.

+ Đức tính cần cù, chăm chỉ trong lao động.

+ Tận dụng những điều kiện sẵn có trong tay để vượt qua khó khăn, thử thách.

**Ví dụ:** Những vấn đề đời sống có thể gọi ra qua nhân vật **người anh** trong “ Bức tranh của em giá tôi”

+Cách cư xử của mỗi người trước thành công của người khác.

+Sự tự ti, đố kỵ trong mỗi người.

+Tình cảm anh em trong gia đình

**Ví dụ:** Những vấn đề đời sống có thể gọi ra qua nhân vật mèo Gióc-batrong “ Chuyện con mèo dạy hải âu bay”

+ Sự trân trọng lời hứa.

+ Sức mạnh của tình yêu thương.

+ Tôn trọng sự khác biệt.

+ Vẻ đẹp của lòng can đảm.

**Ví dụ:** Những vấn đề đời sống có thể gọi ra qua nhân vật **ngừơi cha** trong “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”

+ Cảm nhận cái đẹp và sự sống của thiên nhiên.

+ Sự quý giá của chủ đơn sơ mà ta nhận được.

+ Vẻ đẹp của một tâm hồn phong phú, một trái tim nhân hậu

**Ví dụ:** Những vấn đề đời sống có thể gợi ra qua nhân vật **thầy Đuy- sen** trong “Người thầy đầu tiên”

+ Lý tưởng sống cao đẹp.

+ Tính kiên nhẫn và nghị lực mạnh mẽ.

+ Tình thầy trò thắm thiết.

+ Sự nhân hậu, vị tha

b) Thu thập tư liệu cho bài trình bày.

+ Tìm ý tưởng cho bài trình bày từ chính những chi tiết trong văn bản truyện có nhân vật được chọn.

+ Tìm thêm thông tin liên quan đến vấn đề sách, báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn trao đổi.

**c)** Lập dàn ý cho bài trình bày.

**Mở bài:** Giới thiệu về vấn đề đời sống được gợi ra từ nhân vật trong tác phẩm văn học.

**Thân bài:**

+ Vấn đề đời sống đó được thể hiện như thế nào qua nhân vật văn học( thể hiện qua lời nói, cách hành xử, suy nghĩ của nhân vật).

+ Ý kiến của em về vấn đề đó (đưa ra lý lẽ và bằng chứng thuyết phục).

**Kết bài:** Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận là gì?

**Ví dụ:** Lập dàn ý cho đề tài: từ nhân vật mèo Gióc-ba (Chuyện con mèo dạy hải âu bay) bàn về sự trân trọng lời hứa.

**Mở bài:** Giới thiệu vấn đề vấn đề **“sự** **trân trọng lời hứa”** được gợi ra từ nhân vật mèo Gióc-ba trong tác phẩm “Chuyện con mèo dạy hải âu bay”

**Thân bài:**

1. **Nhân vật mèo Gióc-ba đã gợi ra vấn đề về sự trân trọng lời hứa như thế nào?**

+ Kể về tình huống mèo Gióc-ba tình cờ chứng kiến cái chết của chim hải âu mẹ đáng thương.

+ Gióc-ba **đã hứa** với hải âu mẹ rằng sẽ

không ăn quả trứng, chăm lo cho quả trứng đến khi chim non ra đời và dạy hải âu con bay.

+ Bằng tình yêu thương lớn lao và lòng vị tha Gióc-ba **đã nỗ lực thực hiện được tất cả những lời hứa** với hải âu mẹ

1. **Ý kiến của em về vấn đề “sự trân trọng lời hứa”.**

* **Thế nào là trân trọng lời hứa?**

Là thực hiện được việc mà mình đã nhận lời với ai đó.

- **Tại sao phải trân trọng lời hứa?**

+ Việc giữ lời hứa thể hiện trách nhiệm, uy tín, lòng tự trọng của mỗi người, sự tôn trọng đối với người khác.

+ Người giữ lời hứa sẽ được mọi người tin tưởng.

Lấy bằng chứng ( từ sách báo hoặc trải nghiệm cá nhân) để tăng tính thuyết phục cho lý lẽ.

**Kết bài:** Bài học em rút ra từ câu chuyện trân trọng lời hứa của mèo Gióc-ba là gì?. Sống chân thành, luôn giữ chữ tín với mọi người.

Chỉ hứa khi chắc chắn bản thân có thể thực hiện được lời hứa đó.

d) Dự kiến nội dung người nghe trao đổi.

Người nghe có thể trao đổi những nội dung gì về bài trình bày của mình?

+ Người nghe chưa hiểu rõ mối liên hệ giữa vấn đề đời sống được đưa ra với nhân vật trong tác phẩm văn học.

+ Người nghe thấy chưa bị thuyết phục bởi bằng chứng em đưa ra trong bài trình bày.

+ Người nghe muốn bổ sung thêm ý kiến về bài học được rút ra từ vấn đề em trình bày.

**Tập luyện trước khi nói:**

+ Tập nói một mình( nói thầm, nói to thành tiếng, nói trước gương, thu âm, thu hình bài nói) để nắm chắc nội dung bài nói.

+ Xem lại bài nói nói đã thu âm hoặc ghi hình để điều chỉnh dung lượng, tốc độ, giọng nói, các cử chỉ điệu bộ khi nói.

Tập luyện trước bạn bè, người thân:

+ Nói cho bạn, cho anh chị hoặc người thân của mình nghe.

+ Tập luyện nói trước đám đông để rèn luyện tâm lý cũng như kỹ năng trình bày.

+ Nhờ mọi người kiểm soát thời gian nói, tốc độ nói và biểu cảm, cử chỉ cho mình.

+ Lắng nghe góp ý của mọi người để từ đó hoàn thiện bài nói.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**III, TRÌNH BÀY BÀI NÓI**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được cách trình bày bài nói.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Trình bày bài nói gồm những phần nào? Cách triển khai nội dung từng phần?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**Mở đầu:**

+ Chào mọi người, giới thiệu vấn đề mình sẽ trình bày trong bài nói.

+ Có thể vào đề bằng những câu hỏi khơi gợi sự quan tâm của người nghe hoặc bằng những bức ảnh, những đồ vật, đoạn video, bài hát; nêu một kết quả khảo sát hay nghiên cứu, dẫn một câu nói nổi tiếng...

**Triển khai:**

+ Trình bày lần lượt các khía cạnh của vấn đề theo nội dung đã chuẩn bị. Trong đó nhấn mạnh ý kiến cá nhân.

+ Chú ý kết hợp phần lời thuyết trình với các phương tiện hỗ trợ: tranh ảnh, video, bản biểu số liệu, ...để bài trình bày thêm sinh động, hấp dẫn và thuyết phục.

+ Sử dụng từ ngữ để liên kết các ý trong bài trình bày như **trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy**, giúp cho các ý chính được thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.

**Kết thúc:**

**+** Nêu bài học em rút ra được từ vấn đề đời sống hoặc bài học rút ra từ cách ứng xử của nhân vật trong tác phẩm.

+ Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý.

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**Những lưu ý khi trình bày bài nói.**

Chú ý điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói, sắc thái biểu cảm của giọng nói, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với nội dung bài nói.

Tương tác tích cực với người nghe thông qua ánh mắt, cử chỉ, những câu hỏi gợi dẫn…

Trình bày bài nói trong thời gian quy định

**IV, TRAO ĐỔI SAU KHI NÓI**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu của người nói và người nghe sau khi nói.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Người nói và người nghe cần thực hiện yêu cầu gì sau khi nói?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**Với người nói:**

+ Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị.

+ Giải thích thêm những chỗ người nghe còn thắc mắc.

+ Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

+ Lưu ý cần đưa ra được lý lẽ, bằng chứng xác đáng khi bảo vệ ý kiến mình đưa ra.

**Với người nghe:**

Có thể trao đổi với người nói một số nội dung như sau:

+ Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận

+ Nội dung bài nó có thuyết phục không? Nhận xét về những lý lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.

+ Đưa ra lý do thì hiện sự đồng tình hoặc 0 đồng tình ý kiến của người nói

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời được bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và làm việc cá nhân

Từ nhân vật Ya-su-a-ki “ (Ngôi nhà trên cây) trình bày ý kiến về vấn đề tạo điều kiện để các bạn học sinh khuyết tật được giáo dục trong nhà trường.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Mở đầu:**

+ Ấn tượng về nhân vật Ya-su-a-ki trong văn bản(Ngôi nhà trên cây) : cậu bé khuyết tật gặp nhiều khó khăn khi đi lại, cần cầm nắm đồ vật.

+ Giới thiệu vấn đề đời sống: tạo điều kiện giúp đỡ học sinh khuyết tật hòa nhập trong trường

**Triển khai:**

**+**  Nhân vật đã gợi ra vấn đề về điều kiện của học sinh khuyết tật trong nhà trường như thế nào?

- Cậu bé khuyết tật đáng thương: khó khăn trong đi lại, cầm nắm đồ vật, không có một “ngôi nhà trên cây” như các bạn khác; bố mẹ cũng không cho phép leo trèo, vận động mạnh ...

+ Nhân vật đã gợi ra vấn đề về điều kiện của học sinh khuyết tật trong nhà trường như thế nào?

- Cậu bé có tâm hồn trong sáng, ý chí nghị lực vươn lên, khát khao hòa nhập: tự tin và cởi mở khi trò chuyện với bạn, nỗ lực trèo lên cây cao, sung sướng khi được ngồi trên cây mà nhìn ngắm mọi thứ xung quanh, càng hạnh phúc hơn khi nhận được tình bạn, khi cảm thấy mình cũng “bình thường”, bình đẳng, hòa đồng đồng với các bạn.

=> Những bạn học sinh khuyết tật đã phải chịu nhiều thiệt thòi trong quá trình học tập, vui chơi tại trường học nhưng nếu được tạo điều kiện, hòa nhập với bè bạn.

+ Đưa ra ý kiến nhận xét thực trạng vấn đề trẻ em khuyết tật trong nhà trường.

- Theo kết quả thống kê chính thức năm 2016, nước ta có 6,2 triệu người khuyết tật (chiếm 7 % dân số), trong đó có 670 nghìn người khuyết tật trong độ tuổi từ 2 đến 17.

- Tỉ lệ trẻ khuyết tật đi học đúng tuổi ở bậc tiểu học là 81 %, bậc THCS là 67 % còn bậc trung học phổ thông là 33 %.

- Tỉ lệ người khuyết tật từ 15 tuổi trở lên biết chữ là 74 %.

- Cả nước chỉ có 6 trung tâm hỗ trợ công lập và hơn 100 trường giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật. Các trẻ khuyết tật khác sẽ học hòa nhập cùng các bạn trong những trường học bình thường

+ Đưa ra ý kiến về những khó khăn mà các bạn khuyết tật khi học tập tại các môi trường bình thường.

- Cơ sở vật chất của trường còn hạn chế, chưa chú ý thiết kế những không gian riêng, những tiện ích hỗ trợ cho người khuyết tật .

- Giáo viên chưa được đào tạo chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật. Vẫn còn sự kỳ thị, phân biệt đối xử giữa các bạn học sinh lành lặn với học sinh bị khuyết tật.

+ Ý kiến về những giải pháp để các bạn khuyết tật có thể hòa nhập trong những môi trường bình thường.

- Nhà nước cần quan tâm tạo điều kiện cơ sở vật chất để giúp học sinh khuyết tật có cơ hội đến trường, thuận lợi trong việc hòa nhập trong trường học.

- Giáo viên và các bạn học sinh cần cảm thông và chia sẻ giúp đỡ các bạn học sinh khuyết tật.

-Tổ chức những hoạt động giáo dục, tạo điều kiện để các bạn khuyết tật hoà nhập.

**Kết thúc:** Rút ra bài học từ câu chuyện về cậu bé Ya-su-a-ki trong văn bản Ngôi nhà trên cây.

Cần có thái độ tôn trọng, không kì thị với người khuyết tật.

Cảm thông, chia sẻ và sẵn lòng giúp đỡ những người khuyết tật ở xung quanh mình.

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Tìm vấn đề được gợi ra từ các nhân vật trong các văn bản đã học?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cho hai cột A và B dưới đây hãy nối tên nhân vật với vấn đề đời sống có thể gợi ra từ nhân vật đó sao cho phù hợp?

|  |
| --- |
| **Cột A** |
| Cô bé bán diêm. |
| Mên và Mon |
| Sơn Tinh, Thuỷ Tinh |
| Người em( Truyện Cây khế) |
| Cậu bé Ni-co-la |
| Cậu bé Ni-co-la |

|  |
| --- |
| **Cột B** |
| Con người cư xử của các loài vật, với thiên nhiên. |
| Tính trung thực trong học tập, thi cử. |
| Hiện tượng vô cảm trong xã hội. |
| Phòng chống thiên tai, lũ lụt của nhân dân ta. |
| Đạo lý “ở hiền gặp lành”, đức tính chăm chỉ lao động. |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**\* Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

**-** Học bài, chọn viết một trong những vần đề được gợi ra từ nhân vật trong bài tập trên

- Chuẩn bị bài sau:

**TIẾT 43: TRẢ BÀI - ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. Trả bài kiểm tra**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS viết được bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể;

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn tự sự (tiếp nối bài 1).

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 4P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Dự kiến sản phẩm:**

**HS…**

**\* Báo cáo kết quả:** HS trả lời cá nhân

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30P)**

**Hoạt động 1: Nhắc lại đề đã thực hiện**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

**Hoạt động 2: Nhận xét**

**a. Mục tiêu:**nhận xét trên bài làm của học sinh theo bảng đặc tả của đề ra.

**b. Nội dung**: trên đề kiểm tra.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)***

***Đọc văn bản sau:***

***LỖI LẦM VÀ SỰ BIẾT ƠN***

*Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người xảy ra cuộc tranh luận và một người nổi nóng, không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”.*

*Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo và quyết định bơi đến. Người bị miệt thị lúc nãy bây giờ bị đuối sức và chìm dần. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi đã lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay, người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”. Người kia hỏi: “Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát còn bây giờ anh lại khắc lên đá ?” Anh ta trả lời: “Những điều viết lên cát sẽ nhanh chóng xoá nhoà theo thời gian, nhưng không ai có thể xoá được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người”.*

*Vậy, mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*

*(Lỗi lầm và sự biết ơn, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)*

***Thực hiện các yêu cầu sau:***

***Câu 1******(0,5 điểm)*** *Trước cuộc tranh cãi, hai người bạn đã đi qua đâu?*

*A. sa mạc B. ốc đảo*

*C. bãi cát D. vũng lầy*

***Câu 2 (0,5 điểm)*** *Sau cuộc tranh cãi gay gắt, một người đã làm gì?*

*A. bỏ bạn lại một mình và đi hướng khác*

*B. dùng lời nặng miệt thị bạn*

*C. viết một điều gì đó lên cát.*

*D. viết một điều gì đó trên đá.*

***Câu 3 (0,5 điểm)*** *Xác định phó từ có trong câu Hôm nay, người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi.*

*A. của B. đã*

*C. tôi D. tốt*

***Câu 4 (0,5 điểm)*** *Sắp xếp các sự kiện sau cho phù hợp với thứ tự cốt truyện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *A. Khi gặp một ốc đảo, họ quyết định bơi đến. Người bị miệt thị đuối sức và được người bạn kia cứu.* |  | *1* |
| *B. Người bị miệt thi đã viết lên cát : “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”.* |  | *2* |
| *C. Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Họ xảy ra cuộc tranh cãi, một người đã miệt thị người kia.* |  | *3* |
| *D. Anh đã khắc ghi những ân nghĩa đó trên đá.* |  | *4* |

***Câu 5 (0,5 điểm)*** *Câu văn: Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ” đã thể hiện tính cách gì của anh bị miệt thị trong câu chuyện Lỗi lầm và sự biết ơn?*

*A. bao dung, vị tha B. nóng nảy, hời hợt*

*C. thô bạo, cục súc D. hiền lành, dễ tính*

***Câu 6 (0,5 điểm)*** *Câu Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm nói tránh theo cách nào?*

*A. dùng từ đồng nghĩa, đặc biệt là từ Hán Việt*

*B. dùng cách nói vòng*

*C. dùng cách nói phủ định*

***Câu 7 (0,5 điểm)*** *Hãy khoanh tròn vào phương án* ***Đúng*** *hoặc* ***Sai*** *để chọn ý đúng về thông điệp của truyện Lỗi lầm và sự biết ơn?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Thông điệp của truyện Lỗi lầm và sự biết ơn* | ***Phương án*** | |
| *Vậy, mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.* | *Đ* | *S* |

***Câu 8 (0,5 điểm)*** *Dòng nào sau đây đúng nhất khi nói đến ý nghĩa của truyện Lỗi lầm và sự biết ơn là:*

*A. Phải biết quan tâm đến bạn bè khi gặp hoạn nạn.*

*B. Biết chia sẻ, giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn.*

*C. Biết xóa bỏ những điều không vui trong cuộc sống.*

*D. Cần biết xóa bỏ lỗi lầm và ghi nhớ ân nghĩa.*

***Câu 9 (1,0 điểm)*** *Qua hai nhân vật trong câu chuyện, em thích nhân vật nào? Vì sao?*

***Câu 10 (1,0 điểm)*** *Hãy chia sẻ những trường hợp nào trong cuộc sống được em khắc khi ân nghĩa.*

***II. VIẾT (4.0 điểm)***

*Từ câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn bàn về sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống.*

***\* Dự kiến sản phẩm:***

*HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I*

*MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Phần* | *Câu* | *Nội dung* | *Điểm* |
| *I* |  | *ĐỌC HIỂU* | *6,0* |
|  | *1* | *A* | *0,5* |
| *2* | *C* | *0,5* |
| *3* | *B* | *0,5* |
| *4* | *C 1, A 2, B 3, D 4* | *0,5* |
| *5* | *A* | *0,5* |
| *6* | *B* | *0,5* |
| *7* | *Đúng* | *0,5* |
| *8* | *D* | *0,5* |
| *9* | *HS lựa chọn nhân vật mà mình yêu thích và có những lí giải hợp lí.*  *(GV khuyến khích những ý kiến khác của HS, miễn sao thuyết phục và phù hợp với chuẩn mực đạo đức)* | *1,0* |
| *10* | *HS nêu ra những trường hợp bản thân luân khắc ghi ân tình, ân nghĩa: công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, công ơn của thày cô, những người giúp ta lúc khó khan, hoạn nạn, …*  *(GV tôn trọng và ghi nhận những ý kiến khác của học sinh miễn hợp lí, thuyết phục)* | *1,0* |
| *II* |  | *VIẾT* |  |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | *0,5* |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống* | *0,25* |
|  | *c. Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống*  *HS có thể triển khai luận điểm theo nhiều cách, cần đảm bảo theo các định hướng sau:*  *- Nêu được vấn đề về sự tha thứ và lòng biết ơn của con người trong cuộc sống; và ý kiến của bản thân về vấn đề trên.*  *- Trình bày được ý kiến cần bàn luận bằng nhiều ý nhỏ. Kết hợp đưa lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh cho ý kiến đề ra.*  *Sau đây là một vài gợi ý:*  *- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: lỗi lầm và sự biết ơn.*  *- Giải thích: Thế nào là sự tha thứ và lòng biết ơn? Tha thứ là việc bỏ qua, không trách cứ, chấp nhặt, hay trừng phạt những sai trái, lỗi lầm của người khác; lòng biết ơn là sự thể hiện việc hiểu và nhớ công ơn của người khác đối với mình.*  *- Vì sao trong cuộc sống con người cần có sự tha thứ và lòng biết ơn? Trong cuộc sống ai cũng có lúc gây ra những lỗi lầm, sai trái vì vậy cần phải nhận được sự tha thứ, bao dung của mọi người. Bởi chính sự tha thứ giúp cho người mắc lỗi có cơ hội được sửa chữa; giúp cho bản thân tìm thấy được sự thanh thản, phải biết ơn những người đã đem đến cho mình những điều tốt đẹp, và biết khắc ghi những ân nghĩa lên đá, như cách ứng xử giữa những con người trong câu chuyện trên.*  *- Suy nghĩ của bản thân :*  *+ Sự tha thứ và lòng biết ơn là một trong phẩm chất cần thiết, cao đẹp để hình thành nên một con người chân chính, có một ý nghĩa rất lớn trên con đường hoàn thiện nhân cách của mỗi con người*  *+ Sự tha thứ và lòng biết chính là những nét đẹp truyền thống của con người Việt Nam.*  *- Bài học nhận thức và hành động :*  *+ Cần phải biết sống có tấm lòng bao dung, vị tha; biết ghi ơn những con người đã mang lại cho mình những điều tốt đẹp.*  *+ Cần phải được thể hiện sự tha thứ và lòng biết ơn của mình trên cả nhận thức và hành động cụ thể.*  *+Phải biết quên đi nỗi đau buồn và sự thù hận, ghi nó lên bãi cát và luôn ghi nhớ ân nghĩa để nó được khắc ghi lên đá, trong lòng người. Và hãy nhớ rằng một trái tim khỏe mạnh là một trái tim luôn hướng về lòng nhân đạo, niềm vui và không có chỗ cho sự hận thù.* | *2.5* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | *0,25* |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lựa chọn bằng chứng tiêu biểu, linh hoạt, đa dạng;lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ...* | *0,5* |
|

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

**II. ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nội dung chính, đặc điểm nghệ thuật: nhân vật, ngôi kể, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong các tác phẩm truyện, thơ sưu tầm được.

**2. Năng lực** – Thu thập và tìm hiểu một tác phẩm văn học

**3. Phẩm chất** - Chăm chỉ trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi yêu cầu HS ghi ra giấy những bài thơ, truyện về chủ đề: *Yêu thương, cội nguồn* mà em đã sưu tầm được.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV trình chiếu hình ảnh gợi nhắc đến 1 số tác phẩm liên quan đến chủ đề và đặt câu hỏi: ? Kể tên các tác phẩm em sưu tầm được với chủ đề: *Yêu thương cội nguồn.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV điều phối:

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận;

+ HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**B. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm đôi kết hợp PHT để làm bài tập số 1, gợi mở để HS sáng tạo các sản phẩm liên quan đến chủ đề.

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, sản phẩm sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: PHT để học sinh thảo luận theo hình thức nhóm đôi

**Bài 1:** Điền thông tin về đặc điểm của các tác phẩm em sưu tầm được vớ chủ đề: Yêu thương cội nguồn. (mỗi HS hoàn thiện ít nhất được 1 tác phẩm sưu tầm được).

PHT số 1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề tác phẩm truyện | Nội dung chính | Chủ đề | Ngôi kể và tác dụng | Nhân vật ấn tượng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề bài thơ | Thể thơ | Nội dung chính | Chủ đề | Hình ảnh | Vần, nhịp, biện pháp tu từ đặc sắc |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Bài 2:** Diễn tả nội dung một tác phẩm em đã đọc và tìm hiểu trong bài *Yêu thương cội nguồn* bằng một hình thức nghệ thuật mà em thích (tranh, truyện tranh, nhạc, kịch bản hoạt cảnh,…)

**Bài 3** Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

“Cháu chiến đấu hôm nay,

Vì tình yêu Tổ quốc,

Vì xóm làng thân thuộc,

Bà ơi! Cũng vì bà,

Vì tiếng gà cục tác,

Ổ trứng hồng tuổi thơ.”

(*Tiếng gà trưa*– Xuân Quỳnh)

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Xác định các phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?

Câu 2: Theo lời thơ trên, “người cháu” đã chiến đấu vì những lí do nào?

Câu 3: Hãy chỉ ra một biện pháp tu từ nổi bật nhất trong đoạn thơ và cho biết hiệu quả diễn đạt của biện pháp tu từ đó?

Câu 4: Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về thông điệp được gửi gắm qua đoạn thơ.

**Dự kiến sản phẩm**

Câu 1: Thơ 5 chữ. PTBD chính: biểu cảm

Câu 2: - Lí do chiến đấu của “cháu” là: tình yêu Tổ quốc, xóm làng, bà, tiếng gà, ổ trứng hồng tuổi thơ.

Câu 3: Biện pháp tu từ điệp ngữ: “vì” (4 lần)

* Tác dụng:

+ Tạo nhịp điệu nhịp nhàng, hài hòa cho lời thơ.

+ Nhấn mạnh vào lí do chiến đấu của người cháu. Cháu chiến đấu vì những thứ gần gũi, bình dị, thân thương nhất của mình. Tình yêu Tổ quốc xuất phát từ tình yêu những thứ bình dị, gần gũi nhất của mỗi con người.

+ Thái độ yêu quê hương, đất nước. Trân trọng tình cảm gia đình, làng xóm và cả những kỉ niệm tuổi thơ êm đềm.

Câu 4: Thông qua đoạn thơ trên, tác giả muốn gửi gắm thông điệp đó là:

– Đối với mỗi người, yêu đất nước xuất phát từ tình yêu quê hương, làng xóm, người thân và những thứ bình dị xung quanh mình.

– Con người phải có lí tưởng sống, chiến đấu tốt đẹp….

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(THỰC HÀNH ĐỌC)**

**a. Mục tiêu:** HS sưu tầm, đọc thuộc, ghi nhớ những bài thơ với chủ đề đã học.

**b. Nội dung:** Gv hướng cho HS thi đọc thơ với chủ đề: *Yêu thương cội nguồn*

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Chia lớp thành 3 nhóm. Cho các nhóm thi đọc thơ.

+ Yêu cầu: Thơ 4 chữ hoặc 5 chữ viết về tình yêu con người, quê hương, đất nước.

Nhóm nào đọc được nhiều nhất, đọc hay, diễn cảm nhất sẽ giành chiến thắng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện, luân phiên đọc thuộc thơ một cách diễn cảm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 3P)**

Chuẩn bị tiét nóivà nghe: Kể về một trải nghiệm của em

**Tiết 44-45 TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Văn bản: MÙA XUÂN NHO NHỎ ( Thanh Hải)**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Thơ trữ tình hiện đại.

1. **Kĩ năng**

- Nhận biết được một số yếu tố của thơ (tình cảm, cảm xúc, hình ảnh và nhịp điệu trong thơ).

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, Yêu nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT.

- PHT số 1,2.

- Tranh ảnh.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**I. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe/ quan sát để chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*- GV: Đọc diễn cảm một bài thơ.*

*1. Em hãy cho biết thể loại và những hiểu biết của em về thể loại của tác phẩm vừa được nghe.*

2. Yêu cầu học sinh *quan sát SGK và cho biết:*

*+ Tên bài, đề từ của văn bản hướng chủ đề nào? Qua đó con hiểu gì về chủ đề?*

*+ Chủ đề được thể hiện qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học nào?*

*3.*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** |
| **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** |  |
| **2. Hình ảnh trong thơ** |  |
| **3. Nhịp thơ** |  |
| **4. Ngữ cảnh** |  |

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- HS nghe và trả lời.

- GV quan sát, lắng nghe.

**1. Thơ** là hình thức [nghệ thuật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_thu%E1%BA%ADt) dùng [từ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB) trong [ngôn ngữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF) làm [chất liệu](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%ADt_li%E1%BB%87u), và sự chọn lọc từ cũng như tổ hợp của chúng được sắp xếp dưới hình thức [lôgíc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Logic) nhất định tạo nên [hình ảnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%ACnh_%E1%BA%A3nh) hay gợi cảm [âm thanh](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%82m_nh%E1%BA%A1c) có tính [thẩm mỹ](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt) cho người đọc, người nghe. Thơ còn trở nên hình thức để bày tỏ tâm tư và chứa đựng tính sáng tạo của con người. Có thể nói, sự tồn tại của thơ đi song song với sự tồn tại của ngôn ngữ. Còn ngôn ngữ tức là còn thơ.

2.Chủ đề: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC.

- Ngữ liệu:

+ Mùa xuân nho nhỏ.

+ Gò Me.

+ Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi.

3.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** |
| **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** | - Tình cảm chính là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.  - Cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời thuộc thế giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người. Chính vì thế, người đọc đến với thơ để tìm sự đồng cảm, chia sẻ. Người đọc có thể cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình. |
| **2. Hình ảnh trong thơ** | - Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống (con người, thiên nhiên,...) nhưng luôn mang dấu ấn của sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ. |
| **3. Nhịp thơ** | - Nhịp thơ là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ. Người đọc có thể nhận biết nhịp thơ qua hệ thống những điểm ngắt, ngừng được phân cha trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ. |
| **4. Ngữ cảnh** | - Ngữ cảnh là chai cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là chai cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là chai cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. |

**\* Phụ lục 1. Các yếu tố trong bài Mùa xuân nho nhỏ.**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** |
| **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** | - Ngợi ca quê hương đất nước  - Cảm xúc nâng niu, trân trọng, ước nguyện chân thành. |
| **2. Hình ảnh trong thơ** | - Mùa xuân của đất trời, cuộc sống… |
| **3. Nhịp thơ** | - Nhịp thơ: 3/2; 2/3 sôi nổi, tha thiết. |
| **4. Ngữ cảnh** | - Ngữ cảnh: đất nước đang hồi sinh. |

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài:

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

**I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**Mục tiêu**: HS trình bày được thông tin về tác giả, tác phẩm

**Nội dung**: **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung

**HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thông tin đôi nét về tác giả.  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  ? Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề “ Mùa xuân nho nhỏ”  ? Xác định thể loại và phương thức biểu đạt của bài thơ  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**Hướng dẫn HS cách đọc văn bản  - Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  - Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  c. Thể loại, PTBĐ  - Thể loại : thơ 5 chữ  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm.  d. Bố cục  - Khổ thơ đầu: Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời  - Khổ thơ 2,3: Mùa xuân của đất nước, con người  - Khổ thơ 4,5: Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ  - Khổ thơ cuối: Lời ngợi ca quê hương đất nước  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái đọc tập của HS  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên**  **Mục tiêu**: Học sinh cảm nhận được bức tranh mùa xuân và tâm trạng của tác giả.  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT khăn trải bàn để hướng dẫn HS tìm hiểucảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên  **c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi sau  1. Trong khổ thơ đầu, nhà thơ miêu tả mùa xuân qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó gợi cho em cảm nhận gì về mùa xuân  2. Cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân được thể hiện như thế nào qua những dòng thơ:  *Ơi con chim chiền chiện*  *Hót chi mà vang trời*  *Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.*  3. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật độc đáo trong hai câu thơ cuối  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Quan sát chi tiết trong SGK; suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  *Gv bình: Chỉ với 6 câu thơ, với vài nét phác vẽ đơn sơ mà đặc sắc, bằng những hình ảnh nho nhỏ, thân quen, bình dị, nhà thơ đã vẽ lên một bức tranh xuân tươi tắn, thơ mộng, mang đậm phong vị xứ Huế - quê hương của tác giả. Đặc biệt là âm thanh của tiếng chim chiền chiện – sứ giả của mùa xuân vang ngân lên từng tiếng một, thật trong, thật tròn làm xao xuyến tâm hồn để rồi nhà thơ đón nhận với tất cả sự đắm say, trân trọng bằng cả tâm hồn qua hành động “hứng”...*  **2. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước**  **Mục tiêu**: HS cảm nhận được cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước  **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS hoạt động cặp đôi để tìm hiểu cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  a. Hình ảnh mùa xuân đất nước được gợi lên qua hình ảnh thơ nào? Em có nhận xét gì về hình ảnh ấy?  **\*HĐ cặp đôi:** Vì sao khi nói về mùa xuân của đất nước, nhà thơ lại nhắc đến hai hình ảnh người cầm súng và người ra đồng  b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy*?*  c. Qua những hình ảnh, nghệ thuật đó em cảm cảm nhận được gì về tâm trạng cảm xúc của nhà thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK suy nghĩ cá nhân, hoạt động cặp đôi để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: trình bày sản phẩm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.  **3. Khát vọng và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ**  **Mục tiêu**: HS cảm nhận được khát vọng và lí tưởng sống đẹp đẽ của nhà thơ  **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS hoạt động cặp đôi để tìm hiểu khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  a. Trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước mùa xuân cách mạng nhà thơ đã bộc lộ nguyện ước gì?  b. Vì sao tác giả muốn làm: con chim, cành hoa, nốt trầm…Em có cảm nhận gì về ước nguyện mà nhà thơ muốn gửi gắm qua những hình ảnh này  c. Ý nghĩa của việc thay đổi cách xưng hô: tôi -> ta  d. Chỉ ra nghệ thuật độc đáo mà nhà thơ sử dụng trong đoạn thơ? Nêu tác dụng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  - Ước: ***Ta làm*** *con chim* hót  ***Ta làm*** một *cành hoa*  ***Ta nhập*** vào hòa ca/ Một *nốt trầm xao xuyến*  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  - NT: Điệp ngữ *Ta làm,* *Dù là*  Ẩn dụ: *mùa xuân nho nhỏ*  *Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*  *Ước nguyên cống hiến, hòa nhập của nhà thơ: Muốn*   * *được cống hiến phần nhỏ bé, tốt đẹp, hữu ích cho cuộc đời cho đất nước. Nguyện ước của nhà thơ thật đáng trân trọng bởi diễn ra bền bỉ, cống hiến trọn đời*   - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét câu trả lời của HS.  **4. Lời ngợi ca quê hương**  **Mục tiêu**: HS cảm nhận được lời ngợi ca quê hương đất nước của nhà thơ  **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS hoạt động cặp đôi để tìm hiểu khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm  **c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Nhận xét về âm hưởng của đoạn thơ? Tình cảm mà tác giả gửi gắm ở đây là gì?  ? Đặt bài thơ trong hoàn cảnh ra đời, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của tác giả?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS  **III. TỔNG KẾT**  **a.Mục tiêu**: Học sinh trình bày được nội dung, nghệ thuật của văn bản  **b.Nội dung**:  - GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS HĐ cá nhân, cặp đôi và báo cáo sản phẩm.  **c.Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nêu nội dung chính của văn bản “ Mùa xuân nho nhỏ”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm | **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  **-** Thanh Hải (1930 – 1980)  - Tên thật Phạm Bá Ngoãn  - Quê: huyện Phong Điền Thừa Thiên – Huế.  - Cây bút có công lớn trong việc xây dựng nền VHCM miền Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.  - Phong cách sáng tác: Ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, cảm xúc chân thành, thắm thiết  **3. Tác phẩm**  \* Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 11/ 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh.  Ý nghĩa nhan đề  - Nghĩa thực: Tả cảnh mùa xuân của đất trời, của thiên nhiên  - Nghĩa biểu tượng: bài thơ thể hiện khát vọng, lí tưởng muốn cống hiến tất cả những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất của cuộc đời cho quê hương, đất nước của nhà thơ.  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên**  \* Hình ảnh  + dòng sông xanh  + bông hoa tím biếc  \* Âm thanh  + tiếng chim chiền chiện lảnh lót, vang trời  \* Nghệ thuật đảo ngữ, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu.  =>Bức tranh xuân, cao rộng, thoáng đãng; màu sắc tươi thắm, hài hòa; âm thanh rộn rã, vang vọng. Mùa xuân xứ Huế đẹp, thơ mộng, đầy sức sống.  \* Nghệ thuật: Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Hình ảnh giọt long lanh  -> âm thanh tiếng chim chiền chiện ngưng đọng lại long lanh trong ánh sáng mùa xuân.  + Kết hợp với 2 động từ đưa, hứng  -> Tâm trạng say sưa ngây ngất; thái độ trân trọng, nâng niu trân trọng vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế.  **2. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước**  - Hình ảnh: + Người cầm súng  + Người ra đồng  + Lộc  -> Hình ảnh đa nghĩa *(vừa thực lại vừa có ý nghĩa tượng trưng cho hai nhiệm vụ quan trọng của đất nước: chiến đấu bảo vệ và lao động xây dựng đất nước).* …  - Điệp ngữ: *Tất cả*  -Từ láy *hối hả, xôn xao*; nhịp thơ rộn rã-> Khí thể tưng bừng, nhộn nhịp của đất nước vào xuân.  - Nhân hóa: *Đất nước ...vất vả, gian lao*  - So sánh: *Đất nước như vì sao*  => Hình ảnh đất nước hiện lên thật gần gũi, bình dị, trường tồn... đồng thời thể hiện niềm tự hào về đất nước, niềm tin vào tương lai của đất nước.  **3. Khát vọng và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ**  *- Ta làm: con chim hót*  *một cành hoa*  *nhập vào hoà ca*  *nốt trầm xao xuyến*  \* Điệp ngữ, có sự chuyển đổi cách xưng hô “ta”, hình ảnh đẹp, lặp lại tạo sự đối ứng chặt chẽ.  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  \* Ẩn dụ “*mùa xuân nho nhỏ”;* Điệp ngữ “*Dù là”; hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*  => Ước nguyện dâng hiến nhỏ bé, khiêm nhường không ồn ào, khoa trương... nguyện cống hiến cả cuộc đời cho đất nước  -> Điều tâm niệm thật chân thành, tha thiết, bình dị rất đáng trân trọng, ngợi ca.  **4. Lời ngợi ca quê hương**  \* Âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế: Làn điệu Nam ai, Nam bình ngọt ngào sâu lắng  Điệp khúc như lời hát.  => Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.  \* Đặt trong hoàn cảnh ra đời khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau thì qua đời -> Lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ của một con người trọn đời đi theo cách mạng trọn đời cống hiến...  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch cảm xúc.  - Ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi  - Cảm xúc chân thành, tha thiết, cho nên bài thơ trở thành tiếng lòng của nhà thơ thanh Hải với đất nước, với cuộc đời.  **2. Nội dung**  Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” thể hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước. Qua đó bày tỏ lẽ sống cao đẹp là sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cho đất nước. |

**3. Hoạt động Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Hình ảnh mùa xuân được khắc hoạ thật đẹp trong đoạn thơ sau:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*….Tôi đưa tay tôi hứng.”*

Câu 1: Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời tác phẩm ấy?

Câu 2: Cũng trong bài thơ trên có câu:

*“Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng”*

Trong câu thơ trên từ “lộc” được hiểu như thế nào? Theo em, vì sao hình ảnh “người cầm súng” lại được tác giả miêu tả “Lộc giắt đầy trên lưng”?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và làm bài

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS

**4. Hoạt động vận dụng ( VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC )**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**? Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài Thực hành tiếng Việt

**Tiết 46 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

- Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV đưa ra yêu cầu: *Em hãy chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu thơ: “****Áo nâu*** *liền với áo xanh/Nông thôn cùng với thị thành đứng lên” với nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu: “Tôi mua biếu bà chiếc* ***áo nâu.****”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong từng ví dụ đó?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau. Để hiểu rõ hơn về ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học.*

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  ? Đọc ngữ liệu SGK/92 và chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ “*thơm*” trong “*thị thơm*” và “*người thơm*”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ “*thơm*” trong từng ví dụ đó?  ? Vậy thế nào là ngữ cảnh?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần ngữ liệu (SGK/92), suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.  - Đọc khái niệm ngữ cảnh (SGK/89).  **GV:**  **-** Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.  - Hướng dẫn HS cách trả lời (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**  **1. Ngữ liệu (SGK/92)**  ***Thị thơm*** *thì giấu* ***người thơm***  *Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*  (Lâm thị Mỹ Dạ, *Chuyện cổ nước mình*)  **2. Nhận xét**  - Thơm (thị thơm): có mùi hương dễ chịu.  - Thơm (người thơm): phẩm chất tốt đẹp, thơm thảo, được mọi người yêu mến, ca ngợi.  🡪 Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau.  \* ***Ngữ cảnh*** *là bối cảnh ngôn ngữ trong đó có một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian, ... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng.* |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**1. Nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**

**Bài tập 1 (SGK/92)**

**a.**

- ***Lộc*** (trong từ điển): chồi lá non.

- ***Lộc*** (trong ***Lộc*** *giắt đầy quanh lưng* và ***Lộc*** *trải dài nương mạ*):

+ Nghĩa thực: chồi non, lá non.

+ Nghĩa ẩn dụ: may mắn, hạnh phúc.

🡪 Tác dụng: Với các sử dụng từ ***lộc***, nhà thơ Thanh Hải đã diễn tả được: Người cầm súng như mang theo sức xuân trên đường hành quân, người ra đồng như gieo mùa xuân trên từng nương mạ. Chính *người cầm súng* và  *người ra đồng* đã làm nên mùa xuân hạnh phúc cho đất nước.

**b.**

**- *Đi*** (trong từ điển): di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác.

- ***Đi*** (trong *Đất nước như vì sao/Cứ* ***đi*** *lê phía trước*): tiến lên, phát triển.

🡪 Tác dụng: Với việc sử dụng từ ***đi***, nhà thơ đã thể hiện được niềm tin vào nước tiến vững vàng của đất nước trong tương lai.

**c.**

- ***Làm*** (trong từ điển): dùng công sức vào những việc khác nhau, nhằm mục đích nhất định nào đó.

- ***Làm*** (trong *ta* ***làm*** *con chim hót/Ta* ***làm*** *một cành hoa*): hóa thành, biến thành.

🡪 Tác dụng: Với các sử dụng từ ***làm***, nhà thơ Thanh Hải đã thể hiện ước nguyện hóa thân thành con chim hót, thành một cành hoa... để dâng hiến cho cuộc đời, làm đẹp cho đời.

**Bài tập 2 (SGK/93)**

**- *Giọt***(trong từ điển): chỉ lượng rất nhỏ chất lỏng, có dạng hạt.

- ***Giọt***(trong ***giọt*** *long lanh*): giọt âm thanh – tiếng chim hót.

🡪 Vì có từ *long lanh* – chỉ tính chất sáng, đẹp của giọt mà không có từ chỉ sự vật cụ thể như *mưa*, *sương*, *nước* hay *tiếng chim* nên có thể gợi liên tưởng đến *giọt mùa xuân* – sức sống của mùa xuân đang dâng trào, dào dạt.

**2. Biện pháp tu từ**

**Bài tập 3 (SGK/93)**

- Biện pháp tu từ ***ẩn dụ***: *mùa xuân nho nhỏ*, *một cành hoa*, *một nốt trầm*, ...

🡪 Tác dụng: Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời.

- Biện pháp tu từ **so sánh**: *Đât nước* ***như*** *vì sao/ Cứ đi lên phía trước.*

🡪 Tác dụng: *Vì sao* gợi lên nguồn sáng lấp lánh, vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ. Việc so sánh *đất nước* với *vì sao* gợi lên hình ảnh rạng ngời của lá cờ Tổ quốc và niềm tự hào của tác giả về đất nước, về tương lai tươi sáng của dân tộc.

- Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Dù là*** *tuổi hai mươi/****Dù là*** *khi tóc bạc.*

🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh sự quyết tâm, khát khao được cống hiến của tác giả.

- Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Nước non ngàn dặm*** *mình/****Nước non ngàn dặm*** *tình.*

🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh, làm nổi bật niềm tin yêu, tự hào của tác giả với đất nước, với quê hương.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về biện pháp tu từ có vị trí nổi bật nhất trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

- GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

**Ngày soạn: 15/11/2022**

**Ngày dạy: /11/2022**

**TIẾT47,48 GÒ ME**

*Hoàng Tố Nguyên*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, nỗi nhớ da diết của nhà thơ khi phải xa quê hương yêu dấu của mình, thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi hình, gợi cảm và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ,... trong bài thơ.

- Thông qua việc phân tích dòng hồi tưởng của tác giả, phân tích sự xáo trộn các bình diện thời gian - di chuyên điểm nhìn từ hiện tại về quá khứ rồi từ quá khứ trở vẽ hiện tại, HS cảm nhận được hình ảnh Gò Me hiện lên với vẻ đẹp nên thơ, sóng động.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi hình, gợi cảm và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ,... trong bài thơ.

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**3. Phẩm chất:**

biết yêu quý, trân trọng và bảo vệ vể đẹp của quê hương

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS đọc bài thơ: ***Gửi Nam bộ mến yêu*** của Xuân Diệu. Từ đó Chia sẻ những hiểu biết của em về vẻ đẹp của miền đất Nam Bộ

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Miền Nam vùng đất mang trên mình nhiều dấu ấn lịch sử hào hùng của dân tộc, nơi đây còn là vùng văn hóa đồng bằng sông Cửu Long, đa dạng về bản sắc văn hóa truyền thống. Đến với vùng đất này chúng ta còn được khám phá những không gian thiên nhiên kì vĩ, giàu đẹp. Tác giả Hoàng Tố Nguyên – một người con của vùng đất Nam Bộ. Bằng tấm lòng yêu quê hương ông đã viết bài thơ GÒ ME với đầy sự xúc động của một người con xa quê. Trong tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu bài thơ GÒ ME để thấu hiệu phần nào tình cảm mà tác giả dành cho quê hương.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv – hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:*diễn cảm thơ*  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu tha thiết, bồi hồi của tác giả  *?Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà văn* Hoàng Tố Nguyên  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**- Phân tích được hình ảnh thiên nhiên và con người trong bài thơ. Qua đó nhận xét về tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Chia lớp thành 4 nhóm  **1.Tìm hiểu Cảnh sắc Gò Me**  **+ Cảnh sắc Gò Me được miêu tả với ánh sáng, âm thanh, không gian như thế nào? Em có nhận xét gì về cảnh sắc Gò Me qua những vần thơ của tác giả**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HSthực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  2.**Tìm hiểu Hình ảnh người dân Gò Me**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Đọc đoạn thơ và cho biết các cô gái Gò Me được tác giả miêu tả với những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về vẻ đẹp của con người Nam bộ hiện lên qua đoan thơ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức  **3.Tìm hiểu Điệu hò quê hương**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Điệu hò quê hương được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả khi xa quê?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **4**. **Tìm hiểu Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  **III. Tổng kết**  **a.Mục tiêu**: Chốt lại kiến thức đã tìm hiểu  **b. Nội dung:** HĐ cá nhân  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I.Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  *- Đọc nối tiếp nhau*  ***- Giọng đọc****: chậm, nhẹ nhàng, tình cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Hoàng Tố Nguyên ( 1929-1975), tên khai sinh là Lê Hoằng Mưu  - Quê ở xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang  - Ông là nhà thơ lớn của đất nước. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957).  - Tham gia kháng chiến và hoạt động văn nghệ ở chiến khu Tây Nam Bộ từ những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.  **b. Tác phẩm**  ***- Xuất xứ:*** Trích trong tập thơ “Từ nhớ đến thương”, NXB tác phẩm mới, Hà Nội 1977.  ***- Thể loại:*** thơ tự do  ***- PTBĐ:*** biểu cảm kết hợp miêu tả.  ***3. Từ khó***  ***4. Bố cục:*** 2 phần  **II. Khám phá văn bản**  ***1. Cảnh sắc gò me***  **- ánh sáng:**  + Đốm hải đăng tắt, lóe  + Lúa nàng keo chói rực mặt trời  + Lá xanh  🡪**Ánh sáng hiện lên phong phú với nhiều màu sắc, cung bậc của những quãng thời gian khác nhau trong ngày**  **- Âm thanh:**  + Leng keng nhạc ngựa  + Lao xao vườn mía  + Mái lá khoan thai thở  + Tre thổi sáo  + Chim cu gáy  **NT: liệt kê, nhân hóa, từ láy…**  **🡺 Âm thanh vui tai, tạo cảm giác yên bình, dễ chịu**  **- Không gian:**  + Con đê, ruộng, chợ Gò  + Lúa keo  + Ao làng  + Vườn mía  + Hàng me  + Lá xanh  **NT: liệt kê, so sánh**  🡺 Không gian mênh mông, thoáng đãng của miền quê với đồng ruộng, ao làng, biển cả.  🡺Ánh sáng phong phú, không gian mênh mông và âm thanh rộn ràng🡪 Vẻ đẹp nên thơ, xanh mát 🡪 như thiết tha mời gọi níu giữ con người ở lại với cuộc sống, với con người Gò Me  ***2. Hình ảnh con người GÒ ME***  **- Các cô gái Gò Me được miêu tả với những chi tiết:**  + “Những chị, những em má núng đồng tiền”  + “Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên”  + “Véo von điệu hát cổ truyền”  + “Chị tôi má đỏ thẹn thò/ Giã me bên trã…”  **🡪NT: từ láy, tính từ, động từ**  **🡺 Hình ảnh những con người lao động chân chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở,...**  **3. Điệu hò quê hương**  *“Hò… ơ… Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*  *Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò”*   * ***Sử dụng điệp ngữ***   ***🡺 Nhấn mạnh vẻ đẹp, sức hút của điệu hò quê hương***  ***🡺 Tình yêu, sự gắn bó với quê hương, nỗi nhớ da diết khi phải xa quê và niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương…***  **4. Tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước**  *Tình yêu của tác giả đối với Gò Me cứ lớn dần và sâu sắc hơn qua năm tháng, từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành.*  **- Biểu hiện**  + Sự gắn bó với quê hương  + Nỗi nhớ da diết khi xa quê  + Niềm tự hào về vẻ đẹp quê hương  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ  - Từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi hình, gợi cảm  - Biện pháp tu từ: nhân hóa, liệt kê, so sánh, điệp…  **2. Nội dung**  - Thiên nhiên Gò Me nên thơ, sống động, con người Gò Me chân chất, yêu đời, chăm chỉ..  - Tình yêu quê hương, đất nước và nỗi nhớ da diết của nhà thơ. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi* ***Ôn tập bài học***

*1. Bài thơ “Gò me” được sáng tác theo thể thơ nào?*

*🡪Thơ tự do*

*2. Điệu hò “Gò Me” được lặp lại mấy lần trong bài thơ?*

*🡪2 lần*

*3. Ánh sáng phong phú, không gian mênh mông và âm thanh rộn ràng là những đặc điểm của cảnh sắc Gò Me. Đúng hay sai?*

*🡪Đúng*

*4. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ “Gò Me” là phương thức nào?*

*🡪Biểu cảm*

*5. Việc lặp lại 2 lần điệu hò Gò Me có tác dụng gì?*

*🡺 Nhấn mạnh vẻ đẹp, sức hút của điệu hò quê hương*

*🡺 Tình yêu, sự gắn bó với quê hương, nỗi nhớ da diết khi phải xa quê và niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương…*

*6. Trong câu thơ “Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ”, tác giả đã sử dụng BPNT gì?*

*🡪So sánh*

*7. Người dân Gò Me hiện lên trong bài với những vẻ đẹp nào?*

*🡺 Hình ảnh những con người lao động chân chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở,...*

*8. Tình yêu của tác giả đối với Gò Me cứ lớn dần và sâu sắc hơn qua năm tháng, từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành. Đúng hay sai?*

*🡪Đúng*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**4.Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời,trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* ***Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ từ Ôi, thuở ấu thơ đến Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Tiết : 49**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA TỪ NGỮ, DẤU CÂU, BIỆN PHÁP TU TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nghĩa của từ, dấu câu, biện pháp tu từ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**- Thông qua việc thực hiện các bài tập, Hs củng cố kiến thức về nghĩa của từ trong ngữ cảnh, dấu câu, biện pháp tu từ đã học

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Ở tiết thực hành TV trước Gv giao học sinh lấy thêm ví dụ về ngữ cảnh. Trong phần khởi động, GV sẽ yêu cầu hs báo cáo sản phẩm*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt:

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Phần Tự luận

*GV chia lớp thành 6 nhóm*

*+ Nhóm 1: Bài 1,2*

*+Nhóm 2: Bài 3*

*+Nhóm 3: Bài 4A,B*

*+Nhóm 4: Bài 4C*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS thảo luận

**Bài 1:**

- Từ “thở” trong Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ là từ “thở” mang nghĩa chuyển.

+ Mái lá “thở” nghĩa là tỏa ra làn khói nhẹ, những làn khói ấm áp, đậm đà hương quê

- Còn từ “thở” trong Em bé thở đều khi ngủ say là từ thở mang nghĩa gốc, chỉ hoạt động hô hấp của con người, là hành động hít không khí vào lồng ngực, vào cơ thể rồi đưa trở ra qua mũi, miệng.

**Bài 2:**

- Các từ láy trong bài thơ: leng keng, đêm đêm, sớm sớm, chiều chiều, lao xao, véo von, lửng lơ, xao xuyến, ngọt ngào

- Từ láy “lửng lơ” chỉ trạng thái lưng chừng, nửa vời, không cao, không thấp. Từ láy này có tác dụng góp phần diễn tả sự mềm mại, duyên dáng của lá xanh bay nhẹ nhẹ, lửng lơ trong gió.

- Từ láy “xao xuyến”: trạng thái xúc động kéo dài, khó dứt

Từ láy này giúp câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ đã gợi lên được trạng thái bâng khuâng của sự vật, giúp cho sự vật thêm gần gũi với con người, cũng có những nỗi niềm cảm xúc như con người

**Bài 3:**

- Công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu ngoặc kép trong bài thơ “Gò me”

+ Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần bổ sung thêm thông tin cho phần trước đó. (Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe)

+ Dấu ngoặc kép dùng để đưa ra trích dẫn trực tiếp về câu hò quê hương:

“- Hò ơ…Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me

Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò”

**Bài 4:**

a. Biện pháp tu từ:

+ Nhân hóa: trăng tắm, mây bơi

+ So sánh: nước trong như nước mắt người tôi yêu

- Tác dụng:

+ Biện pháp tu từ nhân hóa khiến trăng và mây hiện lên sống động như con người, cũng có hành động, tâm trạng như con người. Qua đây ta cảm nhận được tình yêu quê hương, sự gắn bó của tác giả với những cảnh sắc thiên nhiên quê hương. Thiên nhiên đã trở thành người bạn thân thiết của nhà thơ.

+ Biện pháp so sánh: Hình ảnh so sánh ở vế B *nước mắt người yêu tôi* làm cho hình ảnh mặt nước ao làng- vốn chỉ không gian thiên nhiên- trở thành một thế giới tâm hồn, thế giới của kỉ niệm và đặc biệt gần gũi

b. Biện pháp tu từ:

+ Nhân hóa: tre thổi sáo

- Tác dụng:

+ Biện pháp tu từ nhân hóa khiến tre có hồn như con người, qua đó thể hiện tình cảm yêu thương, gắn bó của tác giả đối với quê hương

c. Biện pháp tu từ:

+ So sánh: me non so sánh với lưỡi liềm; lá xanh so sánh với dải lụa

- Tác dụng:

+ Biện pháp so sánh giúp câu thơ trở nên sinh động, gợi cảm hơn đồng thời cho thấy vẻ đẹp nên thơ, mềm mại của cảnh sắc thiên nhiên cũng như tình yêu của nhà thơ gửi gắm trong đó

d. Biện pháp tu từ:

+ Nhân hóa: tre thôi khúc khích, mây lắng nghe

- Tác dụng:

+ Biện pháp tu từ nhân hóa khiến hình ảnh tre làng hiện lên sinh động, có hơi thở, linh hồn như một con người; đồng thời thể hiện sự tươi vui, thanh bình của quê hương tác giả

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thứ

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Viết một đoạn văn hoặc một bài thơ ngắn về vẻ đẹp của một dòng sông nơi em đang sống hoặc đã từng biết, trong đó có sử dụng các từ láy vè biện pháp tu từ*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

*Nhắc đến Huế bạn sẽ nghĩ ngay đến dòng sông Hương thơ mộng và là một biểu tượng cảu nơi đây. Dòng sông này khá lớn nó băng qua núi rừng đại ngàn , không biết bao nhiêu khó khăn để trở ruộng đồng, thành phố. Con sông cũng như người Huế luôn luôn dịu dàng, trầm lặng, cảm tưởng như nó không hề chảy mà chỉ đứng yên đó chứng kiến những đổi thay của đất nước. Mỗi khi mặt trời chiếu xuống dòng sông thật đẹp, nó lóng lánh trải dài.  Lúc sáng sớm thì nước sông màu xanh thẫm ánh đỏ của bình minh. Lúc trưa thì lâng lâng màu xanh ngọc bích, trong suốt. Lúc chiều tà thì pha thêm ánh vàng của hoàng hôn. Khi đêm tối, lại trở về màu đen huyền bí, dát thêm những ánh bàng bạc của trăng khuya. Không phải sông Hương chỉ là một cái tên mà con sông thật sự có mang một mùi hương mà những người hai bên bờ sông đều cảm nhận được điều đó. Sông Hương mãi vẫn sẽ là một biểu tượng của Huế và dành được nhiều sự yêu quý của mọi người*

*.***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Tiết :50-51**

**ĐỌC VĂN BẢN**

**BÀI THƠ ĐƯỜNG NÚI CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI**

**(Vũ Quần Phương)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thấy được cách tiếp nhận bài thơ Đường núi ở nhiều khía cạnh hơn, cảm nhận của tác giả thực sự sâu sắc và đủ đầy về những khía cạnh dù nhỏ nhất của bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Hs cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm và cảm nhận được sự đồng cảm của nhà phê bình với những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Giai điệu đất nước

**3. Phẩm chất:**

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 10p)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chọn 1 trong 3 cách khởi động

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Em đã đến tỉnh nào của vùng núi nước ta chưa? Em hãy chia sẻ một vài cảm nhận của mình về vùng đất đó sau khi đã trực tiếp đến hoặc xem qua sách báo, truyền hình*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

- Gv tổ chức để học sinh chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới:

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 65p)**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***NV1: Hướng dẫn học sinh đọc***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Hướng dẫn cách đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  *+ Báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc văn bản nghị luận: chậm rãi, rõ ràng, chú ý ngừng nghỉ ở những chỗ tách đoạn, nhấn mạnh ý kiến của người viết  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Tiểu sử  + Vũ Quần Phương (1940) tên thật là Vũ Ngọc Chúc  + Quê quán: sinh ra ở quê mẹ tại Từ Lêm, Hà Nội, quê cha ở Hải Hậu, Nam Định  + Là nhà thơ, nhà báo và nhà phê bình văn học  - Sự nghiệp  + Ngoài làm thơ và viết phê bình văn học, ông còn dịch thơ đăng trên các sách, báo và tạp chí văn học. Ông được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.  + Các tác phẩm tiêu biểu: Cỏ mùa xuân (1966), Hoa trong cây (1977), Vầng trăng trong xe bò (tập thơ, 1988)...  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Trích Thơ hay có lời bình 100 bài, Vân Long tuyển chọn  - Bố cục  + Phần 1 (từ đầu đến "say đắm của người viết"): Giới thiệu giá trị nghệ thuật của bài thơ Đường núi  + Phần 2 (tiếp theo đến "xao xuyến, bay múa, ca hát"): Giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ Đường núi  + Phần 3 (còn lại): Khẳng định cái tài của Nguyễn Đình Thi  - Thể loại: Văn bản nghị luận  - Phương thức biểu đạt: nghị luận |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** - Hs cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm và cảm nhận được sự đồng cảm của nhà phê bình với những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Giai điệu đất nước

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Câu 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Nêu cảm nhận chung của em về bài thơ Đường núi trước và sau khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương theo PHT số 1*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1.** *Cảm nhận chung*  - Trước khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương, bài thơ Đường núi mang vẻ đẹp trong trẻo, thanh bình của bức tranh thiên nhiên; sức sống mãnh liệt, lòng yêu đời, yêu cuộc sống của con người nơi vùng núi và qua đó cảm nhận được tình yêu tha thiết của nhà thơ Nguyễn Đình Thi đối với đống đất núi rừng làng mạc nước non mình.  - Sau khi đọc bài bình của Vũ Quần Phương, ta thấy được sự tài hoa, tinh tế của Nguyễn Đình Thi trong lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi tả; sáng tạo nên âm điệu lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ; tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh; sự nối liền trong bức tranh siêu thực nhiều mảng không gian, khung cảnh khác nhau;... |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Câu 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Bài bình thơ gây được ấn tượng như thế nào đối với em? Câu nào, ý nào trong đó khiến em phải suy nghĩ sâu hơn về bài thơ đã đọc?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Ấn tượng về bài bình của** Vũ Quần Phương  - Bài bình thơ của Vũ Quần Phương giúp em tiếp nhận bài thơ ở nhiều khía cạnh hơn, cảm nhận của tác giả thực sự sâu sắc và đủ đầy về những khía cạnh dù nhỏ nhất của bài thơ.  - Những câu, những ý trong bài bình thơ khiến em ấn tượng:  + Những câu văn mang tính chất khái quát chủ đề của bài thơ: Bài thơ như bức tranh chấm phá vài nét chiều rừng tiết kiệm cả nét lẫn màu ấy lại thấy nổi rõ lên lòng yêu đất đai thôn bản say đắm của người viết hay tài năng của tác giả: Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh...  + Những câu đánh giá về cách thể hiện cảm xúc của nhà thơ: Âm điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm, vần bị bỏ rơi. Chỗ nào tâm tình lắng lại thì âm điệu câu thơ lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ. Câu thơ 5 chữ hay 6 chữ không phải do vần điệu thể loại quy định mà do tâm tình tác giả...  - Lời bình về đặc sắc của một câu thơ bất trong bài thơ: Độ dài câu thơ có tác dụng như một sự ngưng đọng, sự lắng nghe từ trong kí ức người những ánh lửa bếp chiều, những tia khói xanh trên mái lá. Hai câu thơ kết dài tới 7 âm tiết như một sự ngân nga của tâm trí.  **3. Câu 3**  - Người bình thơ đã thể hiện sự đồng cảm của mình với bài thơ: người bình thơ cảm nhận, thấu hiểu được những rung động, tình cảm tinh tế, kín đáo của nhà thơ dành cho thiên nhiên, con người nơi đây; cảnh vật trong bài thơ được điểm xuyết, lướt qua khá nhanh và vội, cái tạo nên tính liền mạch ở đây chính là cảm xúc của người viết,... Cũng chính nhờ sự đồng cảm sâu sắc với bài thơ nên nhà phê bình mới có sự phát hiện rất tinh tế là âm điệu câu thơ chính là âm điệu của nội tâm chứ không phải âm điệu được tạo nên bởi cách hiệp vần, vần đã bị bỏ rơi.  - Theo em, đây là một sự đồng cảm đầy giá trị nghệ thuật và có ý nghĩa quan trọng. Nó giúp cho nhà phê bình có thể cảm nhận được một cách sâu sắc, tinh tế những tư tưởng, cảm xúc của nhà thơ gửi gắm trong bài thơ, từ đó có thể lan tỏa tình cảm này đến với người đọc.  **4. Câu 4**  Luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh ở trong bài thơ Đường núi được thể hiện: buổi chiều vùng núi, có lối mòn, nắng nhạt, nhà sàn, khói bếp, gió nổi, trăng lên, áo chàm, tiếng hát, cánh đồng,... Nhưng đúng như Vũ Quần Phương khẳng định, cái làm chúng ta xúc động chính là cảm xúc, tình cảm của nhà thơ ẩn chứa sau khung cảnh đó. Phong cảnh bài thơ mạng đậm vị tâm hồn của tác giả, đó là tâm hồn yêu say đắm đồng đất núi rừng làng mạc nước non mình, là cái nhìn ngất ngây với sương mây, rì rào với tiếng suối,... Đằng sau mỗi cảnh sắc thiên nhiên ta đều cảm nhận được tiếng reo vui lặng thầm của nhà thơ: Ôi những vạt ruộng vàng/ Chiều nay rung rinh lúa ngả/ Dải áo chàm bay múa/ Tiếng ai hát trên nương...  **5. Câu 5**  Bài phê bình của Vũ Quần Phương là một văn bản tinh tế, chứa chan cảm xúc, nêu bật được những cảm xúc nổi bật nảy ra từ trong bài thơ. Nếu được phép bổ sung cho bài viết của Vũ Quần Phương, em sẽ bổ sung thêm phần phân tích, cảm nhận về 4 câu thơ cuối của bài thơ.  Mái nhà sàn tỏa khói xanh  Hươu gào xa văng vẳng   Một mảnh trăng dốc ngả chập chùng   Bước chân bóng động nghiêng bờ núi.  Hoặc bổ sung phần phân tích hiệu quả thẩm mĩ của việc sử dụng biện pháp tu từ như nhân hóa trong việc giúp cho cảnh vật thiên nhiên nơi vùng núi trở nên gần gũi, giàu sức sống hơn: Dải áo chàm bay múa, Bờ tre đang reo ánh lửa,... |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Câu 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn*  *Người bình thơ đã thể hiện sự đồng cảm của mình với bài thơ như thế nào? Theo em, sự đồng cảm này có ý nghĩa gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Câu 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Theo em, vì sao Vũ Quần Phương lại khẳng định: “Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả.”?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Câu 5**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Nếu được phép bổ sung cho bài viết của Vũ Quần Phương, em sẽ bổ sung những gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*

*+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hướng dẫn

- HS suy nghĩ

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

Bài bình thơ của Vũ Quần Phương giúp người đọc tiếp nhận bài thơ Đường núi ở nhiều khía cạnh hơn, cảm nhận của tác giả thực sự sâu sắc và đủ đầy về những khía cạnh dù nhỏ nhất của bài thơ.

**2. Nghệ thuật**

Lý lẽ sắc sảo, văn viết giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, các dẫn chứng cụ thể, phong phú, các nhận xét sâu sắc, giàu sức thuyết phục.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm

- HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 15p)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

1. Bài thơ *Đường núi* của Nguyễn Đình Thi được viết theo thể thơ nào?

**A. Thơ tự do.**

B. Thơ bốn chữ.

C. Thơ năm chữ.

D. Thơ lục bát.

2. Bài thơ *Đường núi* của Nguyễn Đình Thi miêu tả những cảnh vật nào?

A. Miêu tả về một buổi chiều vùng núi, với gió và sương cùng tiếng nói cười của người đi làm về,…

B. Miêu tả về một buổi chiều vùng núi, với cảnh ruộng bậc thang và những mái nhà sàn cùng sáo trên nương,...

C. Miêu tả về một buổi chiều vùng núi, với tiếng suối rì rào cùng với tiếng nói cười của những người đi làm nương về, ….

**D. Miêu tả về một buổi chiều vùng núi có lối mòn, có bàn nhỏ, khói bếp, gió nổi trăng lên, áo chàm, tiếng hát, cánh đồng,….**

3. Văn bản Bài thơ *“Đường núi” của Nguyễn Đình Thi* của tác giả Vũ Quần Phương được viết theo thể loại nào?

A. Nghị luận xã hội.

**B. Nghị luận văn học.**

C. Văn bản thuật lại một sự kiện.

D. Tản văn.

4. Văn bản Bài thơ *“Đườ****ng núi” của Nguyễn Đình Thi* được viết theo phương thức biểu đạt nào?**

**A.** Miêu tả.

**B.** Tự sự.

**C. Nghị luận.**

**D.** Nghị luận.

**5. Theo Vũ Quần Phương trong Bài thơ *“Đường núi” của Nguyễn Đình Thi,* người viết đã thể hiện điều gì?**

**A.** Tình yêu quê hương, làng bản say đắm của người viết.

**B. Tình yêu thiên nhiên, yêu con đường trở về thôn bản của người viết.**

**C.** Tình yêu gia đình, yêu con đường trở về thôn bản của người viết.

**D.** Tình yêu say đắm đồng đất, núi rừng, làng mạc, quê hương của người viết.

**6. Theo Vũ Quần Phương** **trong** **Bài thơ *“Đường núi” của Nguyễn Đình Thi,* ta cần lắng nghe điều gì ?**

**A.** Hình ảnh và chi tiết của bài thơ để cảm nhận được sự sáng tạo của tác giả.

**B. Hình ảnh lẫn âm điệu của bài thơ. Trong hình ảnh sẽ có tiếng reo vui thăm**

**C.** Hình ảnh lẫn âm điệu của bài thơ. Trong âm điệu ta cảm nhận được âm thanh rộn ràng của cuộc sống muôn màu muôn vẻ.

**D.** Hình ảnh lẫn âm điệu của bài thơ. Ta sẽ cảm thấy được niềm vui sướng, tự hào của giả trong từng dòng thơ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5p)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Tìm đọc các bài phê bình về một bài thơ mà em yêu thích*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*Có thể tìm đọc sách của nhà giáo Chu Văn Sơn; Hoài Thanh, Hoài Chân*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Tiết : 52-53-54**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv trình chiếu hình ảnh cây xanh trước và sau khi được cắt tỉa để học sinh có hình dung về văn bản trước và sau khi tóm tắt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Hãy chia sẻ với các bạn về những người quan trọng trong cuộc đời em (người thân, thầy cô, bạn bè, ân nhân…)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, hỗ trợ

- HS suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới:

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30P)**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu khi viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy cho biết khi viết một bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**  - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.  - Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.  - Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  - Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết đặc điểm của bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật

- Biết cách phân tích văn bản mẫu

- Nhận biết được quy trình viết

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn hs tìm hiểu đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Gv phát phiếu học tập số 1 để Hs xác định dàn ý của bài viết tham khảo  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  - Văn bản: Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện  - Mở bài:  + Giới thiệu đối tượng  + Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu về đối tượng  - Thân bài:  + Nêu các đặc điểm nổi bật của nhân vật và tình cảm, ấn tượng sâu đậm của người viết về những đặc điểm đó  + Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.  - Kết bài: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của người viết về đối tượng |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:**

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước trước khi viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định mục đích viết, người đọc?*  *+ Em dự định lựa chọn nhân vật nào?*  *+ Hướng dẫn Hs tìm ý cho bài viết theo PHT hồ sơ nhân vật*  Hồ sơ nhân vật:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cách miêu tả nhân vật | Chi tiết trong tác phẩm | Suy luận của em về nhân vật | | Ngoại hình |  |  | | Hành động |  |  | | Ngôn ngữ |  |  | | Nội tâm |  |  | | Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |  | | Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật |  |  |   *+ Gv hướng dẫn hs sắp xếp phần tìm ý thành một dàn ý hoàn chỉnh*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV 2: Hướng dẫn học viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát / trình chiếu bảng kiểm số 2, hs dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm ch*  +  *Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV3: Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv hướng dẫn hs chỉnh sửa bài viết theo gợi ý dưới đây*   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | | Giới thiệu được người hoặc sự việc mà em muốn bộc lộ cảm xúc. | Nếu còn thiếu, hãy bổ sung. | | Nêu đặc điểm nổi bật của đối tượng. | Đối chiếu với mục tìm ý xem đoạn văn đã nêu được cảm xúc về đối tượng chưa. Nếu còn thiếu hãy bổ sung, điều chỉnh. | | Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ của em về đối tượng đó | Đánh dấu từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc về người hoặc sự việc được nói tới. Hãy bổ sung nếu còn thiếu. | | Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt. | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |   *+ Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết:**  **a. Lựa chọn đề tài**  - Có thể tham khảo một vài ý tưởng sau đây:  + Cảm nghĩ về người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, bạn, thầy, cô...).  + Cảm nghĩ về một sự việc khiến em cảm động  + Cảm nghĩ về một sự việc khiến em ấn tượng  Ví dụ: Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em  **b. Tìm ý**  Học sinh tự trả lời các câu hỏi: Ví dụ  - Cha của em làm nghề gì? Ngoại hình cha như thế nào? Cha em bao nhiêu tuổi?  - Cha của em là người như thế nào?  - Vai trò của người cha trong gia đình em?  - Tình cảm của em dành cho cha như thế nào?  **c. Lập dàn ý**  A. Mở bài  Giới thiệu về người cha, cũng như tình cảm dành cho cha của mình.  B. Thân bài  - Vai trò của người cha:  + Người cha đóng vai trò trụ cột, thường quyết định những việc quan trọng trong gia đình; là chỗ dựa về vật chất lẫn tinh thần của gia đình.  + Cha kèm cặp, dạy dỗ, truyền kinh nghiệm sống và nâng đỡ các con trên bước đường tạo dựng sự nghiệp.  - Cảm nghĩ của em về người cha thân yêu:  + Cha em chỉ là một người thợ bình thường, quanh năm vất vả với công việc. Đức tính nổi bật của cha là cần cù, chịu khó, hết lòng vì gia đình.  + Cách dạy con của cha rất giản dị: Nói ít làm nhiều, lấy lời nói, hành động của mình làm gương cho các con. Thái độ của cha cởi mở, dễ gần, bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc.  + Các con kính yêu, quý mến và tin tưởng ở cha, cố gắng chăm ngoan, học giỏi để cha vui lòng.  **C. Kết bài**  Khẳng định lại tình cảm dành cho người cha, cũng như mong muốn của bản thân.  **2. Viết bài**  Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:  - Để những nhận xét về nhân vật thuyết phục và có giá trị, cần dựa trên nhưng sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.  - Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.  -  Nêu được đặc điểm nổi bật của đối tượng, phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết. Không nên nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách chung chung. Cần đưa ra các bằng chứng trong tác phẩm để làm căn cứ cho những nhận xét, suy luận về đặc điểm nhân vật.  - Ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.  **3. Chỉnh sửa**  Rà soát bài viết theo gợi ý |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 45p)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5p)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ Chia sẻ về một số tấm gương người tốt, việc tốt xung quanh em hoặc em biết qua các phương tiện thông tin đại chúng*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*Có thể tìm đọc sách của nhà giáo Chu Văn Sơn; Hoài Thanh, Hoài Chân*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Tiết 55**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN CỘNG ĐỒNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống

- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh, giấy, màu, băng keo, keo, kéo...

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5p)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*Cách 1: Quan sát các hình ảnh và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ sau khi xem hình ảnh*

*Cách 2: Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em về hoạt động thiện nguyện*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 10p)**

**Hoạt động 1: Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn hs tìm hiểu bước trước khi nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Em hãy xác định mục đích nói và người nghe  Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện cộng đồng  *+ Để hoàn thành bài nói, em cần thu thập những tư liệu nào?*  *+ Lập dàn ý cho bài nói theo PHT số 1*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trước khi nói**  **1. Xác định mục đích nói, người nghe**  - Mục đích: Chia sẻ với người nghe ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng nhằm tác động đến suy nghĩ, cảm xúc và hành động của người nghe  - Người nghe: thầy cô, bạn bè...  **2. Chuẩn bị nội dung nói**  - Viết ra giấy các ý chính của bài nói thành dạng đề cương.  - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, những từ ngữ then chốt.  - Chuẩn bị tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài hát liên quan đến các hoạt động thiện nguyện.  **3. Tập luyện**  Để bài nói đạt kết quả tốt, em hãy tập luyện trước khi trình bày.  - Em có thể tập nói một mình để tự điều chỉnh ngôn ngữ cơ thể và ngữ điệu nói sao cho phù hợp. Em cũng có thể tập nói trước bạn bè, người thân và nhờ họ góp ý.  - Điều chỉnh dung lượng bài nói sao cho phù hợp với thời gian quy định. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- Đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài giới thiệu, đánh giá về bài nói

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+Gv hướng dẫn học sinh các yêu cầu đối với người nói và người nghe*  *+ Gv phát hoặc chiếu bảng kiểm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Trình bày bài nói**  **1. Người nói**  - Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị  - Nhấn mạnh ý kiến riêng của mình về vấn đề đời sống  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe  **2. Người nghe**  - Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn  - Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói  - Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói |

**Hoạt động 3: Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv gọi học sinh nhận xét bài nói của bạn*  *+ Hs tiếp tục sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá và đánh giá bài nói của bạn*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **III. Sau khi nói**  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Giải thích những chỗ người nghe còn thắc mắc.  + Bảo vệ ý kiến của mình nếu nh  **Người nghe**- Nhận xét về bài trình bày của bạn với thái độ chân thành.  - Có thể trao đổi về một số nội dung như:  + Những điều khiến em xúc động hoặc có ấn tượng sâu sắc trong bài trình bày của bạn.  + Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) với nội dung bài trình bày.  + Một vài điểm có thể bổ sung để phần trình bày trở nên hoàn thiện hơn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 25p)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs báo cáo

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5p)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện cộng đồng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**THỰC HÀNH ĐỌC**

**CHIỀU BIÊN GIỚI**

**(Lò Ngân Sủn)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Bức tranh thiên nhiên núi rừng chiều biên giới

- Cảm nhận được sự thay da đổi thịt của cuộc sống của người dân nơi đây, đồng thời thấy được niềm say mê, tự hào, tình yêu quê hương của tác giả

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Hs biết vận dụng kiến thức và năng lực được tích lũy qua văn bản Mùa xuân nho nhỏ, Gò Me để tự đọc hiểu văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi

- HS nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.

.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chọn 1 trong 3 cách khởi động

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Gv cho học sinh nghe bài hát “Chiều biên giới”

<https://www.youtube.com/watch?v=p3APh5L-Vz0>

và chia sẻ cảm xúc khi nghe bài hát

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: Bài hát chiều biên giới với giai điệu vui tươi, hào hứng được nhiều người yêu thích. Đặc biệt, bài hát được phổ nhạc từ bài thơ Chiều biên giới của nhà thơ Lò Ngân Sủn

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Đọc và tìm hiểu chung**

**1. Đọc**

- HS biết cách đọc diễn cảm

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả**

- Lò Ngân Sủn (1945-2013)

- Quê quán: Lào Cai

- Phong cách nghệ thuật: thơ của ông trong sáng, mộc mac, giản dị thể hiện tâm hồn tinh tế

- Tác phẩm chính: Những người con của núi(1990), đám cưới(1992), dòng sông mây(1995) …

**b. Tìm hiểu tác phẩm Chiều biên giới**

- Thể loại: thể thơ 5 chữ.

- Hoàn cảnh sáng tác:

Bài thơ “Chiều biên giới em ơi” được nhà thơ Lò Ngân Sủn sáng tác vào năm 1980. Có nhà bình luận văn học đã cho rằng bài thơ này là bản tuyên ngôn bằng thơ của nhà thơ Lò Ngân Sủn, một người đàn ông dân tộc Dáy về một vùng biên giới mà ở đó, mỗi tấc đất đã thấm máu bao thế hệ cha anh hy sinh để bảo vệ, góp phần viết nên lịch sử giữ nước hào hùng của dân tộc.

- Xuất xứ

Bài thơ “Chiều biên giới em ơi!” đăng trên báo Nhân Dân năm 1980, nhạc sĩ Trần Chung đọc thấy hay quá nên ngay lập tức phổ nhạc. Với giai điệu mượt mà, bay bổng nhưng lại rất hào sảng, lời bài hát hay, ngay lập tức đã được công chúng đón nhận và bài ca này đã trở thành một trong những bài hát “đi cùng năm tháng” của dân tộc

- Phương thức biểu đạt: biểu cảm

- Bố cục bài Chiều biên giới: 2 phần:

+ Phần 1: Ba khổ thơ đầu: Khung cảnh chiều biên giới bao la, đầy sức sống.

+ Phần 2: Đoạn còn lại: Cảm nhận của tác giả về vùng đất đang đổi thay từng ngày trên con đường ấm no và hạnh phúc.

**Hoạt động 3: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Bức tranh thiên nhiên núi rừng chiều biên giới

- Cảm nhận được sự thay da đổi thịt của cuộc sống của người dân nơi đây, đồng thời thấy được niềm say mê, tự hào, tình yêu quê hương của tác giả

- Hs biết vận dụng kiến thức và năng lực được tích lũy qua văn bản Mùa xuân nho nhỏ, Gò Me để tự đọc hiểu văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi

- HS nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**II. Khám phá văn bản**

**1. Khung cảnh chiều biên giới**

- Từ ngữ:

+ Từ “đầu” được sử dụng sáng tạo

→ Vừa chỉ tầm cao vừa chỉ nơi đầu nguồn.

+ Từ cảm thán: “em ơi” trong câu “Chiều biên giới em ơi”, lặp đi lặp lại 3 lần ở đầu khổ thơ

→ Vừa gợi cảm giác thân quen, giản dị, mộc mạc, vừa làm cho giọng thơ thêm tha thiết ngọt ngào và diễn tả được cảm xúc, mê say, tự hào trước vẻ đẹp của quê hương xứ sở.

- Hình ảnh : chồi non, cỏ biếc, rừng cây, sông, suối, mây, núi, hoa đào, bậc thang mây…

→ Gợi ra buổi chiều biên giới hùng vĩ, thơ mộng, tươi đẹp, trong sáng.

- Các biện pháp tu từ:

+ So sánh: “Như đầu sông đầu suối“, “Như đầu mây đầu gió“,…

+ Điệp ngữ: Khi, như, nghe, chiều biên giới em ơi,…

+ Nhân hóa: Hồn ta như ngọn gió/Thổi giữa trời quê hương,…

→ Nhấn mạnh vẻ đẹp, sức sống, sự hùng vĩ của thiên nhiên núi rừng vùng biên cương; tạo giọng điệu dạt dào, hào hứng, mê say, tha thiết

- Vần, nhịp

+ Vần chân “lá-ta, mây-bay…”kết hợp vần lưng “ơi-nơi, nở-sở”

+ Nhịp 3/2

→ làm cho âm điệu bài thơ lâng lâng lan tỏa

=> Bức tranh thiên nhiên chiều biên giới bao la, đầy sức sống, vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng

=> Thể hiện tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đất nước

**2. Cảm nhận của tác giả về vùng đất đang đổi thay từng ngày trên con đường ấm no và hạnh phúc.**

- Hình ảnh, từ ngữ

+ rừng chăng dây điện sáng

+ tiếng máy gọi

+ nông trường lộng gió

+ trời mênh mông

- Âm thanh

+ con sông chảy xiết

+ con suối thác đổ

- Biện pháp tu từ

+ So sánh: “Tiếng máy” với “Tiếng gọi cuộc đời”

+ So sánh: “nông trường lộng gió” như “trời mênh mông”

+ Điệp cấu trúc “Chiều biên giới em ơi”

- *Đôi ta cùng chiến hào/ Gần nhau thêm bền chí/ Tình yêu là vũ khí/ Giữ đất trời quê hương.*

-> Tình yêu quê hương hòa quyện cùng tình yêu đôi lứa của người lính trên chiến hào giữ vùng đất biên cương của Tổ quốc:

=> Ca ngợi sự thay da đổi thịt của vùng đất biên thùy và cuộc sống ấm no hạnh phúc của đồng bào dân tộc nơi đây.

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

Bức tranh thiên nhiên của núi rừng trong buổi chiều tuyệt đẹp với cả màu sắc và âm thanh mà khó có nơi nào sánh được. Cuộc sống của người dân nơi đây đang dần dần đổi thay từng ngày, hòa chung với sự phát triển của đất nước

**2. Nghệ thuật**

- Sử dụng bút pháp so sánh, ẩn dụ nhân hóa

- Độc đáo trong cách gieo vần chân

- Từ ngữ giản gị, giọng điệu tha thiết

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện trong bài thơ (khoảng 7 đến 10 câu)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Bài 5. MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**(Số tiết: 12 tiết)**

**Tiết : 56-57**

**A/. TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Chủ đề Màu sắc trăm miền

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tối tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 10p)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò *"Chữ S bí mật",* để học sinh tìm ra những chuyện cổ có trong bài thơ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

****

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Gv tổ chức trò chơi “Chữ S bí mật”. Trên bản đồ có 8 vùng địa lý tương ứng với 8 câu hỏi liên quan đến khu vực đó. Học sinh được chọn một vùng bất kì.*

**1. Tây Bắc Bộ**

Tỉnh gì có đỉnh Xi Păng  
Sa Pa mây trắng dung dăng bốn mùa?

**2. Đông Bắc Bộ**

Tỉnh gì xứ sở vàng đen  
Có chùa Yên Tử mây chen thông ngàn  
Có Hạ Long đẹp tuyệt trần  
Một lần đến vạn muôn lần mê say?

Đáp án: Quảng Ninh

**3. Đồng bằng sông Hồng**

Thành phố xanh hòa bình  
Soi bóng dòng sông đổ  
Lịch sử ngàn năm qua  
Bao dấu son còn đó  
Đây Ba Đình, Đống Đa  
Đây Hồ Gươm, Tháp Bút  
Mãi mãi bản hùng ca ?

Đáp án: Thành phố Hà Nội.

**4. Bắc Trung Bộ**

Tỉnh gì có cầu Hiền Lương  
Trăm năm còn mãi nhớ thương một thời  
Có sông Bến Hải xanh trời  
Có Thành Cổ vọng muôn đời tráng ca?

Đáp án: Tỉnh Quảng Trị.

**5. Duyên Hải Nam Trung Bộ**

Tỉnh gì có Vịnh Cam Ranh  
Nha Trang biển đẹp nổi danh xa gần?

Đáp án: Tỉnh Khánh Hòa.

**6. Tây Nguyên**

*Đường lên bát ngát thông reo*

*Ở đâu thung lũng tình yêu sương mờ*

Đáp án: Đà Lạt

**7. Đông Nam Bộ**

Nơi nào có cửa khẩu Mộc Bài  
Chiến khu bất khả những ngày gian nan  
Có tòa thành Thánh lớn khang trang  
Bà Đen thắng cảnh say ngàn khách xa?

Đáp án: Tỉnh Tây Ninh.

**8. Đồng Bằng Sông Cửu Long**

Tỉnh gì bát ngát dừa xanh  
Quê hương Đồng Khởi lừng danh ngày nào?

**Đáp án: Tỉnh Bến Tre.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả tham gia trò chơi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

Qua trò chơi, các em thấy rằng đất nước mình rất đẹp phải không nào? Mỗi vùng miền đều mang một vẻ đẹp riêng biệt, màu sắc riêng. Chủ đề tiếp theo của chương trình sẽ giúp các con có thêm góc nhìn mới về đất nước chúng ta.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được thông tin và chủ đề và nêu được đặc điểm tùy bút, tản văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**A. Hướng dẫn Hs tìm hiểu giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Em hãy cho biết tên chủ đề, chủ đề gợi ra điều gì? Thể loại chính và các văn bản trong chủ đề*

*+ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và hoàn thiện PHT số 1(Tùy bút)*

**I. Tìm hiểu giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**1. Tìm hiểu giới thiệu bài học**

- Tên chủ đề: Màu sắc trăm miền

+ Mỗi vùng miền mang một vẻ đẹp riêng tạo nên bức tranh muôn màu

+ Hãy đón nhận thế giới ấy bằng trái tim ấm áp và nụ cười thân thiện

- Thể loại chính: tùy bút, tản văn

- Các văn bản chính:

+ Tháng giêng mơ về…rét ngọt (trích, Vũ Bằng)

+ Chuyện cơm hến (Hoàng Phủ Ngọc Tường)

+ Hội lồng tồng (Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ)

**2. Tri thức ngữ văn**

**a. Tuỳ bút**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Biểu hiện** |
| Khái niệm | Là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí |
| Yếu tố trong tùy bút | Trữ tình, triết lí, suy tưởng… |
| Cái tôi tác giả trong tùy bút | Là điểm tựa của tùy bút, là hình tượng tác giả được thể hiện trong văn bản ở các phương diện sở thích, tâm tư, thiên hướng cá nhân, lối cảm lối nghĩ, những kỉ niệm riêng… |
| Ngôn từ | Giàu hình ảnh, giàu chất thơ |
| Lời văn | - Uyển chuyển, linh hoạt, như lời tâm tình với bạn đọc.  - Có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất thơ và chất trần thuật. |
| Bố cục, chủ đề | Bố cục khá tự do, được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định |
| Cốt truyện, nhân vật | Không nhất thiết có cốt truyện hay nhân vật hoàn chỉnh |

**b. Tản văn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Biểu hiện** |
| Khái niệm | Tản văn là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc |
| Cách thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của người viết | Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống |
| Yếu tố trong tản văn | có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu |
| Ngôn từ | gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự. |

**B/ ĐỌC VĂN BẢN**

**THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

**(Vũ Bằng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên , cảm xúc của lòng người hòa cùng nỗi nhớ quê hương

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tối tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò *"Tam sao thất bản",* để học sinh tìm ra những chuyện cổ có trong bài thơ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***NV1: Hướng dẫn học sinh đọc***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Hướng dẫn cách đọc*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi trong khi đọc*  *+ Báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  + Gia đình: cha mất sớm, Vũ Bằng ở với mẹ là chủ một tiệm bán sách ở phố Hàng Gai (Hà Nội) nên không bị thiếu thốn.  - Phong cách sáng tác: trữ tình, giàu chất thơ, hướng vào biểu hiện nội tâm, hướng về phong cảnh thiên nhiên bốn mùa xứ sở; văn phong tràn đầy cảm xúc, cảm giác tinh tế.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc với ngữ điệu đọc phù hợp.  - Chú ý các hộp chỉ dẫn  **2. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Tiểu sử  + Vũ Bằng (03/06/1913-07/04/1984), tên đầy đủ là Vũ Đăng Bằng, sinh tại Hà Nội  + Quê quán: làng Lương Ngọc, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương  - Các tác phẩm tiêu biểu: Lọ Văn (tập văn trào phúng, 1931), Miếng ngon Hà Nội (bút kí, 1960), Miếng lạ miền Nam (bút kí, 1969), Thương nhớ mười hai (bút kí, 1972)...  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Trích Thương nhớ mười hai (bút kí, 1972),  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1 (từ đầu đến “mê luyến tâm hồn"): Khẳng định cảm xúc trước thiên nhiên bốn mùa  + Phần 2 (tiếp theo đến “mở hội liên hoan”): Sắc xuân, cảnh xuân, tình xuân đan xen, hòa quyện cùng nhau, gắn bó, tha thiết.  + Phần 3 (còn lại): Nét đẹp của mùa xuân Hà Nội sau rằm tháng Giêng  - Thể loại: tùy bút  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **3. Từ khó**  **4. Thể loại**  **5.Bố cục** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên , cảm xúc của lòng người hòa cùng nỗi nhớ quê hương

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tối tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Khi viết về tình cảm của con người, với mùa xuân, tác giả đã dùng cách duễn đạt độc đáo ntn?*  *+ Qua đó nhằm khẳng định điều gì vê cảm xúc của mọi người về mx??*  *(Gv phát PHT số 1, Hs thảo luận nhóm đôi để Hs trả lời câu hỏi)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Mùa xuân Bắc Việt trong hồi tưởng của Vũ Bằng hiện lên ntn??*  *+ Nêu nhận xét của em về cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mx đến?*  *(Gv phát PHT số 1, Hs thảo luận nhóm đôi để Hs trả lời câu hỏi)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Bức tranh mx sau rằm tháng giêng hiện lên ntn?*  *+ Vì sao nhà văn lại yêu mx ở thời điểm này?*  *(Gv phát PHT số 1, Hs thảo luận nhóm đôi để Hs trả lời câu hỏi)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Tình cảm của con người với mx**  - Chủ để của văn bản được nêu từ câu mở đầu: “ai cũng chuộng mùa xuân”  - Lí lẽ và dẫn chứng:  + Lí lẽ: Ai bảo đươc non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được hai người mê luyến mùa xuân.  + Dẫn chứng là những “phỏng đoán” đầy tính chủ quan dưới dạng câu hỏi đồng thời là câu trả lời cho các nhân vật tưởng tượng: em gái, chàng trai, thiếu phụ  - Tác giả lấy chính những trải nghiệm của mình về mùa xuân – “mùa xuân của tôi” để chứng minh lời khẳng định trên. Những cảm nhận về mùa xuân được soi chiếu qua tình yêu sâu nặng với quê nhà. Ai cũng chuộng mùa xuân, nhất là mùa xuân lại gắn với những kỉ niệm, hồi ức gần gũi, chan chứa yêu thương  **2. Mùa xuân trong hồi tưởng, cảm xúc của tác giả.**  - mưa riêu riêu; gió lành lạnh; tiếng nhan kêu trong đêm xanh; tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa; câu hát huê tình, đất trời mang mang; đường sá không còn lầy lội nữa; cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa;...  - rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn; đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động; sông xanh, núi tím; máu cũng căng lên trong lộc của loài nai; mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ;…  =>Giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều biện pháp tu từ  **3. Cảnh sắc và không khí mx sau rằm thắng giêng.**  - đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong,  - cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác;  - mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ; bầu trời đã có những vệt xanh tươi; đã có hoa thiên lí, -- - vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa; nền trời trong có những làn sáng hồng;… Đặc biệt, khung cảnh đêm trăng tháng giêng trong rét ngọt đầu năm được miêu tả giàu sức gợi: đêm xanh biêng biếc, có mưa dây, nhìn rõ từng cánh sếu aby, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc…  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên , cảm xúc của lòng người hòa cùng nỗi nhớ quê hương  **2. Nghệ thuật**  - Lối viết trữ tình, giàu chất thơ, hướng vào nội tâm, hướng về phong cảnh thiên nhiên bốn mùa xứ sở…  - Ngôn từ tinh tế, đầy cảm hứng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 15p)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5p)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân.*

*Có thể tìm đọc sách của nhà giáo Chu Văn Sơn; Hoài Thanh, Hoài Chân*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

Xuân đến mang theo nhựa sống cho quê hương tôi. Bầu trời trong xanh, không một gợn mây đen cùng với không khí trong lành, mát mẻ đã tác động vào da thịt khiến tôi cảm nhận được thời tiết dịu nhẹ khi xuân sang. Những bông hoa nhỏ sau một thời gian ngủ đông đã vươn mình dậy đón những tia nắng của bình minh, những cành cây khẳng khiu, trơ trọi giờ đã trồi lên những lộc xanh mướt. Mùi hương man mác của ngọn cỏ hòa cùng cơn gió se lạnh bay khắp không gian. Những cánh bướm, chú ong đều đang tung bay, dang rộng đôi cánh bay lượn trên bầu trời. Thiên nhiên đất trời khi xuân đến thật đẹp làm sao!

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết: 58**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**DẤU CÂU, BIỆN PHÁP TU TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kiến thức về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng, củng cố một số kiến thức đã học về dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5p)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Hs nối các từ ở cột A với cột B sao cho phù hợp*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** |  | **B** |
| Dấu gạch ngang thường đặt ở đầu dòng 1 | Thiện Sĩ – con của Sùng ông, Sùng bà kết hôn cùng Thị Kính – con gái Mãng ông. 3 |
| Điệp ngữ 2 | Cày đồng đang buổi ban trưa  Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày. 5 |
| Dấu gạch ngang thường đặt ở giữa câu 3 | Cây dừa xanh toả nhiều tàu  Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng 6 |
| Dấu gạch ngang nối các từ trong một liên danh 4 | Tác giả của văn bản người thầy đầu tiên là Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp 4 |
| So sánh 5 | Muốn làm con chim, hót quanh lăng Bác 2  Muốn làm đóa hoa, tỏa hương đâu đây  Muốn làm cây tre, trung hiếu chốn này”. |
| Nhân hóa 6 | - Phen này con sẽ đoán được hết các loài hoa của bố mất thôi! 1 |

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt:

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 10p)**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Kiến thức về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv yêu cầu hs lấy thêm ví dụ về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ*  *+ Từ ví dụ, nhắc ại chức năng của dấu gạch ngang và khái niệm của so sánh, nhân hóa, điệp ngữ*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Ví dụ: | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Ví dụ**  **Hs tự lấy ví dụ**  **2. Kết luận**  - Dấu gạch ngang thường đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê; đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích; để nối các từ trong một liên danh  - So sánh: là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  - Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.  - Là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấm mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc… và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 25p)**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng, củng cố một số kiến thức đã học về dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: *GV chia lớp thành 4 nhóm*

*+ Nhóm 1: Bài 1*

*+ Nhóm 2: Bài 2*

*+ Nhóm 3: Bài 3*

*+ Nhóm 4: Bài 4*

*Bài 5 cả lớp thảo luận chung*

**Bài 1:**

(1) Công dụng của dấu gạch ngang: bổ sung, giải thích thêm ý nghĩa cho cụm từ đứng trước nó

(2) Theo em nếu không có cụm từ được tách ra từ dấu gạch ngang thì nội dung những câu trên sẽ có phần thay đổi. Thay vì là bổ sung và giải thích thêm cho cụm từ đứng trước nó thì câu sẽ mang hàm ý liệt kê, tất cả những sự vật đó đều có vai trò, chức năng như nhau

**Bài 2**

a.

- So sánh: đôi mày ai - trăng mới in ngần

=> Ý nghĩa: chỉ sự thanh tân, tươi trẻ, dịu dàng

b.

- So sánh: Trời sáng lung linh - ngọc

=> Ý nghĩa: tăng thêm sức gợi hình gợi cảm cho màu sắc lung linh của bầu trời, chỉ vẻ đẹp của ánh sáng trong, thanh khiết, có sắc màu ảo diệu

**Bài 3:**

a. BPTT:

- Nhân hóa: đôi mùa giao tiễn nhau, đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động

=> Tác dụng: Thể hiện những rung động của nhà văn lan tỏa vào cảnh vật, thiên nhiên phóng khoáng chiếu nội tâm con người

cái lá nhỏ li ti

- Tác dụng của so sánh: tăng sức gợi hình gợi cảm, cho câu đồng thời thể hiện được sức sống căng tràn của mùa xuân đã tác động và làm cho người người cũng tràn đầy cảm xúc và sự tươi mới.

- Sự khác biệt: Cách so sánh ở bài 2 là so sánh ngang còn bài 5 là so sánh tầng bậc. Kiểu so sánh tầng bậc giúp cho đối tượng được so sánh hiện lên đa dạng, phong phú, sâu sắc hơn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS thảo luận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5p)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Viết một đoạn văn chia sẻ cảm xúc của em về mùa xuân, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang và một trong ba biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

Bốn mùa trong đất trời, mỗi mùa đều có một vẻ đẹp riêng không thể trộn lẫn. Mùa hạ đem đến cái nắng vàng chói chang, rực rỡ làm cho hoa thêm thơm, trái thêm ngọt. Mùa thu gợi nỗi buồn vẩn vơ trong lòng mỗi người khi từng chiếc lá hôm nào còn xanh nay đã lần lượt lìa cành. Mùa đông đến cùng cái rét cắt da cắt thịt nhưng cũng thú vị làm sao khi được ủ mình trong chăn ấm, ngồi bên bếp lửa hồng. Nhưng, có lẽ trong vòng tuần hoàn bốn mùa ấy, chẳng ai là không yêu mùa xuân, không háo hức, mong đợi mỗi khi mùa xuân tới...   
Mùa xuân - bức màn thứ nhất, là khúc dạo đầu của thiên nhiên, là bước đánh dấu một chu kì sinh sôi nảy nở mới của vạn vật. Nàng xuân trong bộ cánh xinh đẹp mà cũng thật kiều diễm, thổi làn gió trong lành, tươi mát đánh thức đất trời sau giấc ngủ dài. Trên cành cây đã thấy những chiếc lá xanh mới nhú, thoát khỏi lớp vỏ xù xì để đưa tay hứng lấy những tia nắng ấm áp đầu tiên. Trong vườn, ngàn loài hoa đua nhau khoe sắc thắm, dẫu có xinh tươi đến mấy cũng phải e thẹn, ngại ngùng trước vẻ đẹp của nàng xuân. Những loài hoa ấy làm cho bức tranh xuân càng thêm phong phú và rực rỡ muôn màu. Những chú chim cũng hót vang lên bài ca chào mùa xuân đến, góp vui vào không khí xuân đang rộn ràng, náo nức.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo.

**Tiết 59-60**

**ĐỌC VĂN BẢN**

**CHUYỆN CƠM HẾN**

**(Hoàng Phủ Ngọc Tường)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Bài văn giới thiệu về món cơm Hến đặc sản của Huế cùng tình cảm mà tác giả dành cho món ăn quê hương mình.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tối tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 5p)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò *"Tam sao thất bản",* để học sinh tìm ra những chuyện cổ có trong bài thơ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*1. Mỗi vùng miền trên thế giới đều có những nét riêng trong phong cách ẩm thực. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vấn đề này.*

*2. Nếu được yêu cầu giới thiệu về một món ăn đặc sản ở quê em, em sẽ chọn món nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

- Mỗi quốc gia ở trên thế giới đều có tất cả những nền ẩm thực luôn sẽ mang đặc trưng riêng biệt; cùng tạo nên bản sắc văn hóa luôn độc đáo không thể lẫn với bất kỳ một đất nước nào khác. Những món ăn luôn nổi tiếng; ví như: Bún Thang (Việt Nam), Sushi (Nhật Bản); bibimbap (cơm trộn Hàn Quốc), hay somtam (gỏi đu đủ Thái-lan)…

- Nếu được yêu cầu giới thiệu về một món ăn đặc sản ở quê em:

….

…

=> Đó là những món ăn đặc trưng cho nét văn hóa ẩm thực Huế

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

- Gv tổ chức trò chơi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới:

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung ( 15p)**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***NV: Hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu chung***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Hướng dẫn cách đọc*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  *1. Theo dõi: Chú ý nét riêng trong khẩu vị của người Huế*  *2. Suy luận: Tác giả là người vùng nào? Chi tiết nào cho thấy điều đó*  *3. Theo dõi: Chú ý câu văn nêu ý kiến riêng của tác giả về món ăn đặc sản*  *4. Theo dõi: Chú ý các nguyên liệu làm cơm hến*  *5. Theo dõi: Chú ý vị thứ mười lăm của cơm hến*  *+ Gv kiểm tra kĩ năng đọc VB của học sinh bằng câu hỏi: Đọc xong văn bản, em thấy ấn tượng với vấn đề nào nhất?*  *+ Báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS chú ý đọc diễn cảm, lưu loát  - Giọng điệu nên có sự thay đổi linh hoạt, phù hợp với những sắc thái tình cảm của tác giả  - Trả lời câu hỏi trong hộp chỉ dẫn:  **2. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937, quê ở Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế.  - Những sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế. Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hoá sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội.  - Một số tác phẩm chính của Hoàng Phủ Ngọc Tường: Rất nhiều ánh lửa (1979), Ai đã đặt tên cho dòng sông? (1984), Huế - Di tích và con người (2001), Miền cỏ thơm (2007),...  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Tác phẩm Chuyện cơm hến được trích trong “Huế - Di tích và con người” của Hoàng Phủ Ngọc Tường, xuất bản năm 2001.  - Thể loại: tản văn  - Phương thức biểu đạt: tự sự  - Bố cục: 3 phần  - Phần 1 (từ đầu đến “những “đồ giả””): Món cơm hến, đặc sản xứ Huế  - Phần 2 (còn lại): Món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa của Huế  **3. Từ khó**  **4. Thể loại**  **5.Bố cục** |

**Hoạt động 3: Khám phá văn bản ( 55p)**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tối tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh cơm hến là món ăn bình dân.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Những chi tiết nào cho thấy cơm hến là món ăn bình dân?(Hs thảo luận nhóm đôi làm theo PHT số 1)*  ***PHT số 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Nguyên liệu* | *Gia vị* | *Về người bán* | |  |  |  | | *Nhận xét:* | | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cơm hến - món ăn bình dân.**  - Về nguyên liệu: ruột hến, cơm nguội, miến, măng khô, rau sống, thịt heo – những thứ đơn giản, dễ kiếm, có thể được tận dụng – trở thành những vị chủ đạo của món cơm hến  - Về gia vị: rẻ và dễ kiếm như da heo, tóp mỡ, ớt, muối, mè, đậu phộng, ruốc, bánh tráng…  - Về người bán: bán rong trên đường phố, bất cứ ai cũng có thể ăn, người nghèo cũng ăn được vì nó phù hợp với túi tiền của tất cả mọi người  => Đây là một món ăn bình dân từ nguyên liệu cho đến cách ăn  chất |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Phong cách ăn uống của người Huế thong qua món cơm hến.**  - Món cơm hến cho thấy đặc điểm trong phong cách ăn uống của người Huế: ăn cay - "cay dễ sợ", "cay chảy nước mắt". Có nhiều người vẫn chưa thấy thỏa thích với độ cay ban đầu của cơm hến mà cần gọi thêm một trái ớt tươi,…  - Mặt khác, món cơm hến là kết quả của một nghệ thuật chế biến tỉ mỉ, cầu kì rất đặc trưng của người Huế.  => Qua món cơm hến, ta thấy người Huế đã nâng một món ăn bình dân lên thành nghệ thuật ẩm thực |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Chuyện cơm hến có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quanh món cơm hến?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **- Hình ảnh bếp lửa: vừa thực vừa mang tính tượng trưng, được dùng để kết thúc tác phẩm, gợi ra những hàm nghĩa sâu sắc: một bếp lửa chắt chiu, ấp ủ đi trong mưa suốt mùa đông, bền bỉ theo bước chân người.**  **+ Bếp lửa cũng tượng trưng cho ý thức gìn giữ nét văn hóa cổ truyền ở những người bình dân như chị bán hàng**  **+ Là ngọn lửa mà tác giả gọi là vị thứ 15 của món cơm hến. Nó giữ cho nước dùng hến được nóng, không có nó không thành món cơm hến đúng vị. Là “vị” của tình cảm con người với nghề, của ý thức nỗ lực giữ gìn chất Huế, là “vị” của tâm hồn, là “vị” của niềm tin vào những điều không dễ mất trong cuộc sống**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa Huế.**  - dáng gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kĩ, chiếc nón cời và tiếng rao lanh lảnh  - Món cơm hén: có 14 vị…mà giá chỉ có 500đồng.  - Lời nói: nói như cậu….thì còn chi là Huế  -**-** Hình ảnh bếp lửa: vừa thực vừa mang tính tượng trưng, được dùng để kết thúc tác phẩm, gợi ra những hàm nghĩa sâu sắc: một bếp lửa chắt chiu, ấp ủ đi trong mưa suốt mùa đông, bền bỉ theo bước chân người.  => hình ảnh của người bán hàng trên phố, nghèo nhưng không lam lũ, khổ sở mà vẫn có cái tươm tất, tề chỉnh của một người dù là dân lao động nhưng vẫn giữ cốt cách nền nã của người cố đô.  + Mặc dù món cơm hến chị bán rất rẻ nhưng bát cơm hến vẫn đủ vị, như thể người bán không đặt lời lãi lên hàng đầu. Bán hàng là để mưu sinh nhưng cũng đi liền với niềm vui được tiếp nối truyền thống  => Hình ảnh chị và gánh hàng trở thành một nét văn hóa đặc trưng của Huế  **0**  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bài văn giới thiệu về món cơm Hến đặc sản của Huế cùng tình cảm mà tác giả dành cho món ăn quê hương mình.  **2. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ bình dị, đậm chất địa phương  - Lối viết lôi cuốn, hấp dẫn |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 10p)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

**1. Văn bản *Chuyện cơm hến* của tác giả nào?**

A. Thach Lam.

B. Vũ Bằng.

**C. Hoàng Phủ Ngọc Tường.**

D. Nguyễn Ngọc Tư.

**2. Văn bản *Chuyện cơm hến* thuộc thể loại nào?**

A. Tùy bút. B. Hồi ký.

**C. Tản văn.**  D. Du kỷ.

**3. Văn bản *Chuyện cơm hến* viết theo phương thức biểu đạt nào?**

A. Miêu tả kết hợp với nghị luận.

**B. Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.**

C. Tự sự kết hợp với nghị luận, thuyết minh.

D. Tự sự kết hợp với biểu cảm.

**4. Văn bản *Chuyện cơm hến* cho ta biết nét riêng trong khẩu vị của người Huế là gì?**

**A. Phải nếm đủ vị mặn, lạt, chua, cay, ngọt, bùi,... thích thú với hai vị cay và đắng.**

B. Phải nắm dù vị mặn, lạt, chua, cay, ngọt, bùi,... thích thú với hai vị cay và mặn.

C. Phải nếm đủ vị mặn, lạt, chua, cay, ngọt, bùi, thích thú với hai vị cay và chua.

D. Phải nếm đủ vị mặn, lạt, chua, cay, ngọt, bùi, thích thú với hai vị cay và ngọt.

**5. Trong văn bản *Chuyện cơm hến,* theo tác giả khi chế biến món cơm hến thì cơm phải như thế nào?**

A. Cơm phải dẻo. B. Cơm vừa chín tới. C. Cơm còn sống. **D. Cơm nguội.**

**6. Trong văn bản *Chuyện cơm hến*, theo tác giả món thứ ba không thể thiếu được trong nguyên liệu làm cơm hến là món nào?**

**A. Rau sống.**  B. Hến.

C. Măng khô và thịt heo thái chỉ. D. Nước luộc hến.

**7. Trong văn bản *Chuyện cơm hến*, tác giả đã quan sát được bao nhiêu gia vị ở một gánh cơm hến?**

A. Ba loại gia vị.

B. Bảy loại gia vị.

C. Nam loại gia vị.

**D. Mười loại gia vị.**

**8. Trong văn bản *Chuyện cơm hến*, theo tác giả Hương vị bát ngát suốt đời người của tô cơm hến là gì?**

A. Hương vị cay đến trào nước mắt.

B. Mùi ruốc thơm dậy tận ốc.

**C. Mùi ruốc thơm dậy tận óc, và hương vị cay đến trào nước mắt.**

D. Mùi thơm của hành phi và sự hòa quyện giữa hến cùng với thịt ba chỉ thái nhỏ.

**9. Trong văn bản *Chuyện cơm hến*, tác giả đã phát hiện thêm vị mười lăm của cơm hến là gì?**

A. Nước. **B. Lửa.** C. Khói bếp. D. Tình người trong bát cơm hến.

**10. Vì sao trong văn bản *Chuyện cơm hến*, tác giả lại sử dụng nhiều từ địa phương?**

A. Vì tác giả là người Huế.

**B. Tạo sắc thái đặc trưng, đậm đà bản sắc văn hóa địa phương xứ Huế.**

C. Vì cơm hến là món ăn bình dân của Huế.

D. Vì đây là các từ ngữ địa phương không có từ toàn dân thay thế.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5p)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nơi em đang sống*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

Gợi ý:

- Nét sinh hoạt truyền thống văn hóa đó là gì?

- Nét sinh hoạt, truyền thống văn hóa đó có gì đặc biệt?

- Em có cảm nhận gì về nét sinh hoạt, truyền thống văn hóa đó?

Giữa lòng thủ đô Hà Nội đầy tấp nập thì đâu đó vẫn có những quán hàng bày bán cốm non. Hương cốm non của đồng quê phả vào trong cơn gió bay ngào ngạt giữa không gian. Từng người bán hàng tay nhanh nhẹn và khéo léo gói những gói cốm nhỏ cho người mua. Góc phố Hà Nội mùa thu thì việc ăn cốm làm cho con người có thể cảm nhận được vị dẻo thơm của hạt gạo theo một nét rất riêng. Dường như Cốm đã trở thành một đặc trưng không thể thiếu của mảnh đất ngàn năm văn hiến, nó không chỉ là một thứ quà ăn vui miệng mà còn níu giữ tâm hồn của những người con Hà Nội.

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết 61**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Từ ngữ địa phương

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được sự phong phú và đa dạng ngôn ngữ của các vùng miền

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5P)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

 + *GV trình chiếu ảnh: hạt ngô, bát ăn cơm, túi bóng, cái muôi, xe máy, xe khách... sau đó yêu cầu HS gọi tên các đồ vật có trong từng bức ảnh.*

*+ GV tiếp tục hỏi HS: Ngoài những những tên mà bạn vừa kể thì các em có biết những vật này có tên nào khác không?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

*- Gợi ý:*

*+ Ý 1: tự trả lời*

*+ Ý 2:  ngô là bắp, bát là chén, túi bóng là cái bịch, xe máy là xe honda, xe khách là xe đò (theo cách nói của người miền Nam).*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt: *Trong tiếng Việt, bên cạnh những từ ngữ toàn dân còn có những từ ngữ chỉ dùng trong một địa phương, một vùng nhất định như những từ ta vừa giải nghĩa ở trên. Và một số từ ngữ chỉ có trong hoàn cảnh giao tiếp của một vài đối tượng. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về những từ ngữ đó.*

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 15P)**

**Hoạt động : Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được sự phong phú và đa dạng ngôn ngữ của các vùng miền

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV phát PHT số 1* ngôn ngữ của các vùng miền

|  |  |
| --- | --- |
| **Khái niệm** |  |
| **Đặc điểm** |  |
| **Lưu ý đặc biệt** |  |
| **Ví dụ** |  |

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

- Ngôn ngữ vùng miền (phương ngữ) là biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ, được thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm và từ vựng.

- Mỗi phương ngữ có những đặc điểm riêng về ngữ âm, thể hiện qua cách phát âm của người dân mỗi địa phương.

- Đặc biệt, trong mỗi phương ngữ bao giờ cũng có một số từ ngữ không có nghĩa tương đương trong ngôn ngữ toàn dân như nhút (phương ngữ Trung), chôm chôm (phương ngữ Nam) hoặc có nghĩa tương đương nhưng có hình thức ngữ âm khác biệt như cá quả, lợn, ngã (phương ngữ Bắc), cá tràu, heo, bổ (phương ngữ Trung), cá lóc, heo, té (phương ngữ Nam).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 20P)**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được sự phong phú và đa dạng ngôn ngữ của các vùng miền

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**Bài 1:**

Những từ ngữ được xem là từ địa phương là: thẫu, vịm, trẹc, o. Vì  đây là những từ ngữ đặc trưng vùng miền mà chỉ ở một số địa phương như Huế mới sử dụng.

Bài 2.

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ địa phương trong Chuyện cơm hến** | **Từ ngữ toàn dân/địa phương nơi khác** |
| lạt | Nhạt |
| Duống | Đưa xuống |
| Né | Tránh |
| Phỏng | Bỏng |
| Túi mắt túi mũi | Tối mắt tối mũi |
| tui | Tôi |
| xắt | Thái |
| Nhiêu khê | Lôi thôi, phức tạp |
| mè | Vừng |
| heo | Lợn |
| Vị tinh | Bột ngọt |
| thẫu | thẩu |
| trẹc | Mẹt |
| o | Cô |
| tô | Bát |
| chi | Gì |
| môn bạc hà | cây dọc mùng |
| trụng | nhúng |
| trẹc | Mẹt |

**Bài 3:**

Việc dùng từ ngữ địa phương của Huế trong Chuyện cơm hến có tác dụng khắc họa không khí, sắc thái riêng của Huế, miêu tả lối nói riêng của người Huế. Tính chất địa phương của bài tản văn góp phần tạo ấn tượng sâu đậm về Huế và văn hóa Huế. Nói về không gian văn hóa Huế bằng một số từ ngữ Huế thì sẽ nêu bật được sắc màu của Huế.

Bài 4.

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số từ ngữ địa phương chỉ sự vật** | **Từ ngữ toàn dân tương ứng** |
| Bòng | Bưởi |
| Mận | Roi |
| O | Cô |
| Bá | Bác |
| Mô | Đâu |
| Vô | Vào |
| Chén, tô | Bát |
| Heo | Lợn |
| Chủi | Chổi |
| Tru | Trâu |
| Mô | Đâu |
| Bắp | Ngô |
| Mần | Làm |
| Hột gà, hột vịt | Trứng gà, trứng vịt |
| Xà bông | Xà phòng |
| Tắc | Quất |
| Xỉn | Say |
| Mập | Béo |
| Thơm, khóm | Dứa |
| Bổ | Ngã |

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5P)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Tìm những câu thơ, ca dao sử dụng từ ngữ vùng miền*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

*Gợi ý*

1. Chồng chèo thì vợ cũng chèo  
Hai đứa cùng nghèo lại đụng với nhau.

2. Ngó lên hòn Kẽm đá dừng ,  
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi !

3. Thương em anh cũng muốn vô,  
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.

4. Thân em như cá trong lờ  
Hết phương vùng vẫy không biết nhờ nơi đâu.

5. Bầm ơi có rét không bầm?  
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Tiết 62-63**

**ĐỌC VĂN BẢN**

**HỘI LỒNG TỒNG**

**(Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Văn bản tái hiện lại hình ảnh của lễ hội Lồng tồng, qua đó thể hiện tình yêu của tác giả với những nét đẹp đậm đà bản sắc dân tộc.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Màu sắc trăm miền

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 5P)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chọn 1 trong 3 cách khởi động

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Em hãy kể tên các lễ hội truyền thống ở nước ta. Chia sẻ về một lễ hội liên quan đến nông nghiệp mà em biết hoặc đã tham dự*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

Hs: chia sẻ

**Lễ hội Cầu Ngư:**Một lễ hội Tết của Huế khác nổi tiếng không thể bỏ qua đó là lễ Cầu Ngư của dân chài địa phương với ý nghĩa cầu cho một năm mưa thuận gió hòa, sóng yên biển lặng mang tới cuộc sống no đủ. Lễ hội này mang đậm màu sắc tâm linh, người dân khoác lên mình trang phục ngư dân xưa, tái hiện khung cảnh sinh hoạt trên sông nước.   
Lễ hội thường diễn ra từ 10 đến 12/1 âm lịch và 3 năm tổ chức 1 lần. Địa điểm tổ chức tại Làng Thai Dương Hạ, thị trấn Thuận An, Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Lễ Thượng Tiêu:**Nếu du khách trót say lòng với nét đẹp cổ kính của Cố đô thì sẽ thích thú với Lễ Thượng Tiêu mang đậm màu sắc truyền thống của người Việt. Lễ Thượng Tiêu còn có tên gọi khác là lễ Dựng Nêu bắt nguồn từ thời Nguyễn. Để tiến hành lễ cần 1 đoàn người trong trang phục áo lính vàng, đỏ vác những cây nêu dài tới 15m trong tiếng nhạc cung đình vang lên rộn rã xóa tan khung cảnh buồn trầm mặc mọi khi.  
Thời gian diễn ra lễ hội vào ngày 23/12 âm lịch hàng năm. Địa điểm tại Điện Thái Hòa đến Thế Tổ Miếu, Đại Nội Huế

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

- Gv tổ chức để học sinh chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới:

Lễ hội ở nước ta rất phong phú và đa dạng, đặc biệt là các lễ hội liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Hội lồng tồng của người Tày- Nùng là một trong những lễ hội như thế…

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 70P)**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***NV1: Hướng dẫn học sinh đọc***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Hướng dẫn cách đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  *+ Báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc văn bản  **2. Tìm hiểu chung**  a. Xuất xứ  - Theo Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ, Mùa xuân và phong tục Việt Nam  b. Thể loại: văn bản thông tin ( thuyết minh)  c. Phương thức biểu đạt: thuyết minh  d. Bố cục  - Phần 1 (từ đầu đến "múa sư tử và lượn lồng tồng"): Giới thiệu hội lồng tồng ở vùng Việt Bắc  - Phần 2 (tiếp đến "cuộc vui tiếp tục"): Giới thiệu về trò chơi ném còn  - Phần 3 (tiếp đến "đọ tài đối phương"): Giới thiệu về trò múa sư tử  - Phần 4 (còn lại): Giới thiệu về hoạt động hát lượn |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Văn bản tái hiện lại hình ảnh của lễ hội Lồng tồng, qua đó thể hiện tình yêu của tác giả với những nét đẹp đậm đà bản sắc dân tộc.

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Màu sắc trăm miền

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **1. Giới thiệu khái quát về hội lồng tồng**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  ***Em hãy hoàn thiện các nội dung sau***  *-* Thời gian tổ chức  - Địa điểm tổ chức  -Vùng miền có lễ hội  -Nội dung Phần cúng tế – lễ  -*Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan gì với tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng - thần nông?*  Nội dung Phần vui chơi – hội  **-Nhận xét:**  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức*  ***2. Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  ***1.*** *Văn bản miêu tả những hoạt động nào của cư dân trong phần hội? 2.Những hoạt động đó biểu thị những phẩm chất và khả năng nào của con người?*  *Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức hội lồng tồng?*  ***Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.***  *3.Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?*  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến* ***Hoạt động 3: Tổng kết***  ***a. Mục tiêu:*** *Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh*  ***b. Nội dung:*** *Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân*  ***c. Sản phẩm học tập:*** *Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT*  ***d. Tổ chức thực hiện:***  *thức*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Giới thiệu khái quát về hội lồng tồng**  *-* Thời gian tổ chức:Sau tết Nguyên đán đến tết Thanh minh  - Địa điểm tổ chức:Vùng Việt Bắc  -Vùng miền có lễ hội:Tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang  -Nội dung Phần cúng tế – lễ:  + Người dân mang cỗ đến cúng thần nông  + Sau khi cúng lễ, người ta ăn cỗ: thịt gà, thịt lợn, bánh chưng, …:=>- Hội lồng tồng ở Việt Bắc gắn với tục thờ thần nông. Thần nông được tôn làm thành hoàng làng cũng có nghĩa là thần nông được cho là có vai trò giúp dân khai mở đất đai, xây dựng và bảo vệ bản mường. Những lễ vật đều là những sản phẩm nông nghiệp của cư dân, được dâng lên tế thần nông để thể hiện sự biết ơn của cư dân với vị thần cai quản đời sống bản mường, cũng là cách thức để kính báo về công việc làm ăn sinh sống hằng năm và biểu thị niềm mong ước về cuộc sống no đủ.  -Nội dung Phần vui chơi – hội:Trò chơi dân gian: đánh vật, kéo co, thi bắn, múa sư tử, lượn lồng tồng, …  **-Nhận xét:=>Lễ hội Lồng Tồng là hoạt động sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian, gắn liền với nền nông nghiệp trồng trọt của bà con đồng bào các dân tộc thiểu số**  **2. Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng**  1.- Văn bản miêu tả những hoạt động của cư dân trong phần hội là: trò chơi ném còn, múa sư tử và “lượn lồng tồng”.  - Những hoạt động đó biểu thị những phẩm chất và khả năng của con người: chăm chỉ, cần cù lao động, nhanh nhẹn, khéo léo, giỏi đánh võ đi quyền, thuộc nhiều tác phẩm dân gian, ứng đối giỏi, hát hay, giàu tình cảm... Đặc biệt nó còn thể hiện được tình yêu thiên nhiên, yêu lao động, yêu mùa xuân và sự duyên dáng trong những câu hát  2.- Khi tổ chức hội lồng tồng, người dân gửi gắm mong ước mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, bội thu, chăn nuôi thuận lợi, đời sống no đủ. Bên cạnh đó, những hoạt động văn hóa, những trò chơi dân gian cũng thể hiện mong ước của người dân về một cuộc sống vui tươi, lành mạnh, may mắn; con người có sức khỏe; có tâm hồn bay bổng, phong phú, đặc biệt là mong ước có được sức mạnh thể chất và tinh thần để đánh đuổi kẻ thù  =>.Thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên là yêu thương, sự trân trọng, sự ca ngợi hát lượn. Thể hiện một tình yêu nồng nàn của tác giả dành cho điệu hát đậm đà bản sắc dân tộc  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Văn bản tái hiện lại hình ảnh của lễ hội Lồng tồng, qua đó thể hiện tình yêu của tác giả với những nét đẹp đậm đà bản sắc dân tộc.  **2. Nghệ thuật**  - Cách triển khai lập luận, lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, sắp xếp trật tự hợp lí  - Lối viết hấp dẫn, thú vị |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 10P)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

**1. Văn bản *Hội lồng tồng* của các tác giả nào?**

**A. Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Tử.**

B. Trần Quốc Vượng - Dương Tất Tử.

C. Trần Quốc Vượng - Dương Tất Tử.

D. Lê Văn Hảo - Dương Tất Tử.

**2. *Hội lồng tồng* thường được tổ chức ở vùng nào?**

A. Vùng đồng bằng sông Cửu Long. **B. Vùng Việt Bắc.**

C. Vùng Tây Nguyên. D. Vùng Đông Nam Bộ.

**3. *Hội lồng tồng* diễn ra vào thời gian nào?**

A. Vào ngày 15 tháng Giêng hằng năm.

**B. Từ sau Tết Nguyên dẫn đến Tết Thanh minh.**

C. Từ ngày mùng 9 đến ngày 13 tháng 3 âm lịch.

D. Từ ngày mùng mùng 4 tháng 9 đến ngày 10 tháng 10 âm lịch.

**4. Lễ vật dâng cúng Thần Nông trong *Hội lồng tồng* gồm những sản phẩm nào?**

A. Gà trống với ván xôi trắng, rượu trắng.

B. Hoa quả, bánh chưng, bánh giầy, xôi, chè, kẹo.

**C. Gà thiến béo, lợn quay, các thứ bánh trái,...**

D. Thủ lợn với ván xôi trắng.

**5. *Hội lồng tồng* gồm những trò chơi dân gian nào?**

**A. Kéo co, đua thuyền, biểu diễn võ dân tộc, ném còn, múa sư tử,..**

B. Múa sư tử, cuốn hương trầm,...

C. Ném còn, cuốn hương trầm, nhảy sạp,...

D. Cuốn hương trầm, bắn nỏ, đẩy gậy, đi cả kheo,...

**6. Trong *Hội lồng tồng* hấp dẫn nhất là những trò chơi nào?**

A. Quay tơ, ném còn và lượn lồng tồng.

B. Bắn nỏ, đẩy gậy và *lượn* lồng tồng.

C. Đi cà kheo, đẩy gậy và *lượn* lồng tồng.

**D. Ném còn, múa sư tử và *lượn* lồng tồng.**

**7. *Hát đối đáp* trong những bài lượn lồng tồng nhằm mục đích gì?**

A. Ca ngợi ý nghĩa của Hội lồng tồng và ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.

B. Cầu mùa màng và chúc mừng nhau đón năm mới an khang thịnh vượng.

**C. Cầu mùa màng, cầu mong dân làng gặp nhiều may mắn, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên..**

D. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu đôi lứa.

**8. Buổi hút lượn trong *Hội lồng tồng* gồm có mấy phần?**

**A. Hai phần.**  B. Ba phần. C. Bốn phần. D. Nam phần.

**9. Những bài hát phần lượn tuởng trong Hội lồng tổng nhằm mục đích gia**

A. Kẻ cho nhau nghe về những cảnh đẹp của quê hương, làng bản.

B. Kể cho nhau nghe về phong tục tập quán của làng bản.

C. Khơi gợi về cội nguồn dân tộc.

**D. Khơi gợi và gửi gắm tình yêu.**

**10. Phần lượn sương trong *Hội lồng tồng* có gì đặc biệt?**

A. Tổ chức vào lúc sáng sớm, dân làng cùng nhau ca hát, nhảy múa.

B. Tổ chức vào buổi tối, bên ánh lửa bập bùng, dân làng cùng nhau ca hát, nhảy múa.

C. Tổ chức vào sương rơi, các đôi trai gái trực tiếp bộc lộ tỉnh cảm với nhau.

**D. Sáng tác theo cảm hứng để trai gái đặt vấn đề yêu đương và trực tiếp thổ lộ tình cảm với nhau.**

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 5P)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Tìm đọc thông tin về các lễ hội khác ở nước ta*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**64-65-66**

**VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của bài văn tường trình

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 10P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv trình chiếu hình ảnh cây xanh trước và sau khi được cắt tỉa để học sinh có hình dung về văn bản trước và sau khi tóm tắt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

|  |  |
| --- | --- |
| **Các trường hợp** | **Cần viết bản tường tình** |
| 1. Đánh nhau trong trường học | **x** |
| 2. Vô lễ với giáo viên | **x** |
| 3. Nghỉ học có giấy phép |  |
| 4. Phá hoại cơ sở vật chất nhà trường | **x** |
| 5. Đạt HSG cấp huyện |  |
| 6. Nhặt được của rơi, trả người đánh mất |  |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 85P)**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu kiểu bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy cho biết tường trình là gì? Đã bao giờ em phải viết bản tường trình chưa? Nếu từng viết, hãy cho biết em đã thực hiện nó như thế nào?*  *+ Nhận xét về thể thức của văn bản tường trình?*  *+ Vì sao phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ trong bản tường trình?(1)*  *+ Vì sao phải thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm?(2)*  *+ Vì sao cần có lời cam đoan ở cuối bảng tường trình?(3)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  (1) Để xác định đây là VB giao tiếp hành chính  (2) Để người hoặc cơ quan đảm nhiệm chức năng giải quyết vụ việc có đủ cơ sở để xem xét, giải quyết vấn đề  (3) Để nêu cao trách nhiệm của người làm bản tường trình | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Giới thiệu chung**  - Tường trình là một loại văn bản thông tin được dùng rất phổ biến trong đời sống. Nhiều khi chúng ta phải viết, đọc hay xử lí các văn bản tường trình về một vụ việc nào đó, nhằm giải quyết kịp thời, đúng đắn những vấn đề đáng tiếc nảy sinh.  - Do vậy, biết cách viết văn bản tường trình đẳng thể thức là điều mà mọi người đều phải quan tâm.  **2. Thể thức của văn bản tường trình:**  - Phía trên cùng văn bản ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).  - Tiếp đó, ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).  - Tên văn bản tường trình ghi chính giữa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: Về việc.  - Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ Kính gửi.  - Nếu thông tin về người viết tường trình (họ và tên, chức danh; chức vụ, đơn vị học tập, công tác,...), có thể bắt đầu bằng cụm từ Tôi tên là... hoặc Tôi là …  - Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm. - Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lời hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lý vụ việc.  - Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đầy đủ họ, tên.  Lưu ý: Nếu bản tường trình được viết tay, chú ý chừa lề hợp lí; không viết sát mép giấy bên trái, bên phải, không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá rộng. Nếu bản tường trình được đánh máy, cần dùng khổ giấy A4, phông chữ tiếng Việt Times New Roman; cỡ chữ thường là 13 – 14; lề trang cách mép trên và mép dưới 20 – 25 mm, cách mép trái 30 – 35 mm, cách mép phải 15 - 20 mm... |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**NV: Hướng dẫn hs tìm hiểu đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Hs đọc bản tường trình tham khảo và các ghi chú bên phải VB và cho biết một bản tường trình có những phần nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn

*- Quốc hiệu và tiêu ngữ*

*- Địa điểm và thời gian viết bản tường trình*

*- Tên văn bản tường trình*

*- Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình*

*- Tê người viết tường trình*

*- Nội dung tường trình*

*- Cam đoạn và cam kết*

*- Kí hoàn tất bản tường trình*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**- Gv tổ chức hoạt động**

- HS trình bày câu trả lời**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ Xác định mục đích viết, người đọc?*

*+ Em hãy xác định vấn đề tường trình của mình (là một vụ việc có thật hay một vụ việc mang tính chất giả định\_ và lưu ý đối với mỗi vấn đề*

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Thực hành viết theo các bước**

1. Trước khi viết

- Xác định mục đích viết và người đọc

+ Mục đích viết: cung cấp thông tin một cách trung thực về vụ việc mà mình có liên quan

+ Người đọc: người yêu cầu làm bản tường trình, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết và những người quan tâm đến vụ việc

- Vấn đề tường trình

+ Nếu định tường trình về một vụ việc có thật trong đời sống mà bản thân em có liên quan, cần hình dung lại mọi chuyện đã xảy ra theo những gì em biết và nhớ rõ.

+ Nếu vụ việc tường trình chỉ mang tính giả định, trước hết em hãy chú ý cách tường trình của bản thân, thông qua việc tự đặt câu hỏi

2. Viết bản tường trình

- Viết phần mở đầu theo đúng thể thức. Chú ý chứa khoảng cách rộng hơn giữa dòng ghi nơi, ngày tháng làm bản tường trình với những thông tin ngay phía trên và tiếp dưới đó.

- Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc. Khi viết dòng này, cũng chú ý chứa khoảng cách trên, dưới hợp lí như khi viết dòng ghi địa điểm, thời gian làm bản tường trình ở trên.

- Đề tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.

- Xưng danh với đầy đủ họ tên.

- Trình bày vụ việc ngắn gọn nhưng rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại. Đặc biệt, cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc.

- Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình. Mẫu cầu thường dùng: Tôi xin cam đoan nội dung trình bày trên là trung thực, Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về điều mình đã viết;...

- Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị.

- Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy.

**3. Chỉnh sửa bản tường trình**

**- Dựa vào thể thức của văn bản tường trình, em tự rà soát và chỉnh sửa.**

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv bổ sung, nhận xét

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 30P)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

**Viết bản tường trình về việc khôn tham gia học thể dục.**

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 25 tháng 12 năm 2022

BẢN TƯỜNG TRÌNH

(Về việc không học giờ thể dục tập bơi)

Kính gửi: Thầy Đặng Quang Thanh, giáo viên phụ trách bộ môn thể dục lớp 8A.

Em là Thái Bảo Hạo Nhiên, học sinh lớp 7/1 trường THCS Điền Hải, xin phép được tường trình với thầy một sự việc như sau:

Vừa qua, ngày thứ hai (4/10/2018) đầu tuần, thầy đã dặn trước chúng em tập hợp ở hồ Hòa Bình đế học tập bơi. Không may, chủ nhật ngày 3/10/2018, em giúp mẹ lau nhà và trượt ngã, bị bong gân. Do không có điều kiện để thông báo điều này tới thầy cho nên hôm ấy em có đến lớp học các môn khác nhưng không ra được hồ bơi ở tiết đầu. Vì chủ quan là được ba chở đến trường sớm sẽ gặp một bạn nào đó nhờ cầm giấy xin phép gửi tới thầy, nhưng do kẹt xe nên không gặp ai.

Em xin cam đoan sự việc trên là có thực và xin thầy thông cảm xóa đánh giá giờ c ở trong “Số đầu bài” của lớp.

Người làm tường trình

(Kí tên)

Thái Bảo Hạo Nhiên

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 10P)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

**Bài tập 2:** Em hãy viết một văn bản tường trình trình bày về việc em bị mất một món đồ (có thể là cặp, ví, xe đạp…)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 25 tháng 12 năm 2022

BẢN TƯỜNG TRÌNH

(Về việc mất ví tiền)

Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp 7/1 trường THCS Điền Hải

Tên em là: Lê Trần Hạnh Mai, học sinh lớp 7/1 trường THCS Điền Hải

Thứ 3 ngày 25 tháng 12 năm 2022vừa qua, em bị mất chiếc ví tiền tại lớp 7/1. Sự việc cụ thể như sau:

Hôm đó, em đến trường vào lúc 7h15. Trước khi vào lớp, mẹ em có đưa cho em 150.000 đồng và dặn em gửi cô giáo tiền học thêm. Em đã cẩn thận bỏ số tiền đó vào chiếc ví màu đỏ. Sau đó, em cất chiếc ví vào ngăn giữa của cặp, em khóa cẩn thận rồi bước vào lớp. 7h30 phút là giờ truy bài, em và các bạn truy bài tại sân trường, em mang theo sách toán và ngữ văn để học và không mang theo cặp và ví. Khi nghe tiếng trống vào lớp, em mở cặp ra và lấy tiền trong ví nộp cho cô giáo thì không thấy chiếc ví đâu và khóa cặp đã bị mở. Em có hỏi các bạn xung quanh nhưng không ai lấy, cũng không ai nhìn thấy chiếc ví bị rơi.

Trong chiếc ví có 150.000 đồng, một vài bức ảnh của em và gia đình, một chiếc chìa khóa nhà và một phong bao lì xì 50.000 đồng.

Em xin cam đoan những điều em tường trình trên là sự thật. Nếu sai em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của cô giáo và tập thể lớp.

Người viết tường trình

Học sinh

Lê Trần Hạnh Mai

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Tiết 67**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh, giấy, màu, băng keo, keo, kéo...

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 4P)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*Có ý kiến đề xuất nước ta nên gộp Tết âm lịch và dương lịch vào một dịp để vừa trùng với thế giới, vừa có nhiều thời gian để sản xuất. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung:

*Có thể nói Tết Nguyên Đán là ngày lễ mang đậm truyền thống của dân tộc. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại lại có không ít ý kiến trái chiều xoay quanh vấn đề Tết Nguyên Đán nói riêng cũng như văn hóa truyền thống dân tộc nói chung. Tiết nói nghe hôm nay sẽ giúp các em bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề này*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 15P)**

**Hoạt động 1: Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn hs tìm hiểu bước trước khi nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Em hãy xác định mục đích nói và người nghe  *+ Em hãy chọn đề tài cho bài nói của mình*  *+ Trả lời câu hỏi gợi ý để hoàn thiện đề cương*  *+ Hướng dẫn hs tập luyện*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trước khi nói**  **1. Xác định mục đích nói, người nghe**  - Mục đích: Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống nhằm thể hiện thái độ tích cực, có trách nhiệm và thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình  - Người nghe: thầy cô, bạn bè...  **2. Chuẩn bị nội dung nói**  - Văn hóa truyền thống là vấn đề được nhiều người quan tâm.  - Một số vấn đề có thể chuẩn bị để trình bày ý kiến của mình:  + Thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại  + Việc sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống tròn đời sống sinh hoạt hằng ngày  + Giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống  …  - Hình dung trước những ý kiến phản bác có thể có để xây dựng bài nói có chiều sâu, bao quát được nhiều tình huống thực tế  - Chú ý tính cụ thể, thiết thực, khả thi của những kế hoạch, hoạt động mà mình đề xuất  - Lập đề cương cho bài nói:  + Vấn đề em trình bày là gì?  + Lí do em trình bày vấn đề này là gì?  + Nêu những thông tin đáng quan tâm về vấn đề đó  + Chia sẻ những hình ảnh minh họa  + Nêu ý kiến của em về vấn đề được bàn tới  + Nêu mong muốn của em và những giải pháp em đề xuất  + Trao đổi của em về các ý kiến thể hiện cách tiếp cận khác về vấn đề  **b. Tập luyện**  - Khi tập luyện một mình, em có thể nhìn vào bản đề cương để nói. Chú ý kiểm soát thời gian trình bày  - Khi tập luyện theo nhóm, cần luân phiên vào vai người nói hoặc người nghe, góp ý cho nhau về nội dung bài nói |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- Đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+Gv hướng dẫn học sinh các yêu cầu đối với người nói và người nghe*  *+ Gv phát hoặc chiếu bảng kiểm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Trình bày bài nói**  **1. Người nói**  - Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị  - Nhấn mạnh ý kiến riêng của mình về vấn đề đời sống  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe  **2. Người nghe**  - Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn  - Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói  - Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói |

**Hoạt động 3: Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:**

- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv gọi học sinh nhận xét bài nói của bạn*  *+ Hs tiếp tục sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá và đánh giá bài nói của bạn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **III. Sau khi nói**  Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | - Huy động trải nghiệm của bản thân để hiểu thấu đáo vấn đề được người nói đề cập  - Tập trung nhận xét, trao đổi về những ý chính của bài nói  - Nêu những ưu điểm nổi bật về nội dung và cách trình bày bài nói  - Nêu những điều em thấy chưa hợp lí trong nội dung và cách trình bày bài nói (chú ý nêu bằng chứng)  - Bổ sung những nội dung cần thiết mà em cho là bài nói còn thiếu | - Lắng nghe, tiếp thu mọi trao đổi với thái độ bình tĩnh và tinh thần cầu thị  - Giải thích ngắn gọn về một số vấn đề mà người nghe có thể hiểu nhầm  - Trao đổi về những đánh giá mà em cho là chưa thỏa đáng, qua đó, củng cố thêm nội dung trình bày của mình (chú ý thể hiện thái độ nhã nhặn trong trao đổi)  - Tự rút ra những kinh nghiệm bổ ích trong việc chuẩn bị nội dung và trình bày bài nói | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 22P)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs báo cáo

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 3P)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

**Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**THỰC HÀNH ĐỌC**

**NHỮNG KHUÔN CỬA DẤU YÊU**

**(Trương Anh Ngọc)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thấy được quang cảnh đất nước và con người I-ta-li-a. Qua đó, tác giả thể hiện sự thấu hiểu và tình yêu với mảnh đất dấu yêu này cùng vẻ đẹp tâm hồn và cá tính riêng của những người I-ta-li-a thông qua việc họ trang trí khung cửa sổ nhà mình.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Hs biết vận dụng kiến thức và năng lực được tích lũy qua VB1, VB2 để tự đọc hiểu văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chọn 1 trong 3 cách khởi động

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*Em đã bao giờ ngồi ở cửa sổ và quan sát bên ngoài chưa? Hãy chia sẻ cảm xúc về giây phút ấy với bạn bè*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: *Ai đó đã từng nói “Nhà là nơi để về”. Chính xác là như vậy, nhà là nơi có người thân đợi ta, có phòng bếp ấm cúng, có chiếc giường nhỏ xinh và đặc biệt là có một khung cửa sổ - nơi gửi gắm biết bao niềm vui, nỗi buồn của ta. Và có lẽ tình yêu dành cho khung cửa sổ không có biên giới bởi lẽ ta sẽ bắt gặp điều ấy ở nước Ý xa xôi qua văn bản “Những khuôn cửa dấu yêu” của nhà văn Trương Anh Ngọc*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Đọc và tìm hiểu chung**

**1. Đọc**

- HS biết cách đọc diễn cảm

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả**

- Trương Anh Ngọc sinh ngày 19 tháng 1 năm 1976 tại Hà Nội.

- Anh là một nhà báo có tiếng trong mảng thể thao – đời sống ở Việt Nam. Anh cũng là người có sở thích ham mê xê dịch và đã được đi đến nhiều quốc gia, tiếp xúc với nhiều nền văn hoá của thế giới.

- Sách của Trương Anh Ngọc là một hành trình khám phá những giá trị, những biểu tượng và con người, vùng đất khác nhau. Tất cả hiện lên đầy thơ mộng, từ nước Ý xinh đẹp, lãng mạn cho đến Paris sâu lắng và thấm đẫm chất sống lạc quan, yêu đời…

**b. Tìm hiểu tác phẩm**

-Xuất xứ: Tác phẩm Những khuôn cửa dấu yêu  được trích trong “Nghìn ngày nước Ý, nghìn ngày yêu” xuất bản năm 2018 của Trương Anh Ngọc trong hành trình khám phá thơ mộng từ nước Ý xinh đẹp.

- Bố cục bài Những khuôn cửa dấu yêu

Những khuôn cửa dấu yêu có bố cục gồm 2 phần:

- Phần 1 (Từ đầu đến … có một vẻ đẹp riêng): Vẻ đẹp của đất nước và con người I-ta-li-a (Italia).

- Phần 2 (Còn lại): Những cảm xúc của tác giả về đất nước và con người I-ta-li-a.

**Hoạt động 3: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Thấy được quang cảnh đất nước và con người I-ta-li-a. Qua đó, tác giả thể hiện sự thấu hiểu và tình yêu với mảnh đất dấu yêu này cùng vẻ đẹp tâm hồn và cá tính riêng của những người I-ta-li-a thông qua việc họ trang trí khung cửa sổ nhà mình.

- Hs biết vận dụng kiến thức và năng lực được tích lũy qua VB1, VB2 để tự đọc hiểu văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

Vẻ đẹp của đất nước và con người I-ta-li-a (Italia).

- Đất nước I-ta-li-a là một đất nước tươi đẹp và có những con người tinh tế. Theo tác giả, chiếc cửa sổ chính là tâm hồn, cá tính người chủ: những người yêu thiên nhiên sẽ trang trí cửa sổ đầy hoa, người yêu đá bóng thì lại treo đầy lá cờ của đội bóng lên cửa sổ, người lãng mạn lại trang trí rượu vang trên cửa, …

3. Những cảm xúc của tác giả về đất nước và con người I-ta-li-a.

- Tác giả thấu hiểu vẻ đẹp tâm hồn và cá tính riêng của những người I-ta-li-a thông qua việc họ trang trí khung cửa sổ nhà mình. Đồng thời tác giả cũng yêu và trân trọng vô cùng đất nước và con người I-ta-li-a.

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

“Những khuôn cửa dấu yêu” mở ra quang cảnh đất nước và con người I-ta-li-a. Qua đó, tác giả thể hiện sự thấu hiểu và tình yêu với mảnh đất dấu yêu này cùng vẻ đẹp tâm hồn và cá tính riêng của những người I-ta-li-a thông qua việc họ trang trí khung cửa sổ nhà mình.

2. Nghệ thuật

- Cách biểu hiện tự do, có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu,...

- Ngôn từ gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

**Tiết 68-69**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

Ôn tập kiến thức đã học.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 Giáo dục hs ý thức tìm hiểu về cách dung từ, cách nhận biết phép tu từ…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 42P)**

**Hoạt động 1: Phần văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần đọc văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1. Nắm lại tên văn bản đã học, tên tác giả, thể loại?

**\* Dự kiến sản phẩm**

*- Bầy chim chìa vôi*( Nguyễn Quang Thiều)- Truyện

-.Đi lấy mật ( Đoàn Gioir)- Tiểu thuyết

-. Ngàn sao làm việc ( Võ Quảng)- thơ năm chữ

- Đồng dao mùa xuân ( Nguyễn Khoa Điềm)- thơ

-Gặp lá cơm nếp ( Thanh Thảo) - thơ

-Trở gió ( Nguyễn Ngọc Tư)- tản văn

-Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ ( Nguyễn Ngọc Thuần ) – truyện

- Người thầy đầu tiên ( Ai-ma-top)– truyện

**-** Quê hương

- Mùa xuân nho nhỏ

-Gò me

-Bài thơ ***Đường núi*** của Nguyễn Đình Thi

- Tháng giêng , mơ về trăng non rét ngọt

- Chuyện cơm hến

- Hội lồng tồng

2- Thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, và nhất là có nhịp điệu

3- Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

4.Tản văn (tập văn) là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.

+ Tác giả thường dựa vào một chi tiết, một sự việc trong cuộc sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ của mình.

+ Tản văn thường tự do trong các biểu hiện, kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận và miêu tả.

+ Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

**Đặc điểm nhận biết:thơ bón chữ**

+ Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**Cách gieo vần**

Chim bay, chim s**à**  
Lúa tròn bụng s**ữa**  
Đồng quê chan ch**ứa**Những lời chim c**a**.

( Com chim chiền chiện- Huy Cận)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền( sữa- chứa).**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách( sà- ca).**

Cháu cười híp m**í**.

Má đỏ bồ qu**ân**

- Thôi, chào đồng ch**í**. Cháu đ**i** xa d**ần**

( Lượm- Tố Hữu)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân(mí- chí- quân- dần).**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng( chí- đi)**

**=> Vần hỗn hợp**

\* **Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 2: Phần tiếng Việt**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần tiếng việt

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1.Mở rộng thành phần câu bằng trạng ngữ

2. Số từ ?

3. phó từ?

**\* Dự kiến sản phẩm**

1.1Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu.

- Chức năng của trạng ngữ trong câu.

Giúp bổ sung thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức, điều kiện … cho sự việc được nói đến trong câu. Hoặc dùng để liên kết các câu trong đoạn văn.

- Vị trí trạng ngữ trong câu? Thường nằm ở đầu câu. Đôi khi nằm ở giữa câu hoặc cuối câu. Được ngăn cách với các thành phần chính trong câu bằng dấu phẩy hoặc quan hệ từ.

1.2. Mở rộng thành phần câu bằng chủ ngữ, vị ngữ

Chủ ngữ:

+ Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.

+ Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.

+ Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.

VD:Cho câu văn sau: Cánh diều đang tự do bay lượn.

Hãy mở rộng thành phần chủ ngữ của câu bằng cụm từ.

->Muôn ngàn cánh diều đủ màu sắc đang tự do bay lượn

->Những cánh diều trên bầu trời đang tự do bay lượn.

->Những cánh diều ấy đang tự do bay lượn.

->Cánh diều sau khi nó gió đang tự do bay lượn.

Vị ngữ:

|+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.

+ Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.

+Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)

Lửa cháy.

Lửa cháy bập bùng trong màn sương sớm.

Lửa cháy tí tách trong bếp lò

Lửa cháy ấm áp trong nhà sàn giữa mùa đông lạnh lẽo

Lửa cháy hăng hắc mùi lá khuynh diệp tươi.

2. Khái niệm cụm từ.Là các tổ hợp từ có cấu tạo phức tạp hơn một từ nhưng mang lại nhiều thông tin hơn so với từ.

Các loại cụm từ

Cụm danh từ. Cụm động từ. Cụm tính từ.

Ví dụ về cụm từ

“Bẩy chim non ấy”

“Đã đi rất xa”.

“Vẫn còn mới như lúc đầu”

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 3: Phần Tập làm văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần Tập làm văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

-Tóm tắt văn bản theo độ dài khác nhau.

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bải thơ bốn chữ, năm chữ.

- Trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống ( được gợi ra từ một tác phẩm văn học đã học).

- Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

+ Kiểu bài: Nghị luận văn học.

+ Đối tượng nghị luận: đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.

+ Mục đích nghị luận: thuyết phục người đọc (người nghe) về ý kiến của người viết.

+ Nội dung nghị luận: đưa ra ý kiến bàn về đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2, Yêu cầu bài văn**

**Hình thức:**

+ Đảm bảo cấu trúc 3 phần: mở bài – thân bài – kết bài.

**Nội dung:**

+ Giới thiệu được nhân vật văn học cần phân tích.

+ Đưa ra được ý kiến về các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

+ Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật.

+ Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**\* Dự kiến sản phẩm**

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 40P)**

a**. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ từ ngữ liệu ở màn hình

**c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*******Chuyển giao nhiệm vụ***

*Tìm ý cho bài văn phân tích đặc điểm nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “ Người thầy đầu tiên”*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cách miêu tả nhân vật | Chi tiết trong tác phẩm | Suy luận của em về nhân vật |
| Ngoại hình |  |  |
| Hành động |  |  |
| Ngôn ngữ |  |  |
| Nội tâm |  |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác. |  |  |
| Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật. |  |  |

***\* Dự kiến sản phẩm***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách miêu tả nhân vật** | **Chi tiết trong tác phẩm** | **Suy luận của em về nhân vật** |
| Ngoại hình  Hành động | Không có chi tiết miêu tả | |
| + Tự dưng nhà làm lớp học cho trẻ em trong làng.  + Đưa đón học sinh đi học qua suối lạnh mùa đông.  + Đắp ụ đá trên suối để học sinh đến trường không bị lạnh, bị ướt.  + Gửi học trò lên tỉnh để tiếp tục học tập. | Người thầy giáo hết lòng vì sự nghiệp trồng người, rất yêu thương học trò, mạnh mẽ kiên trì. |
| Ngôn ngữ | Mỉm cười niềm nở với học trò lần đầu gặp mặt.  Nháy mắt động viên các em cởi mở hơn.  Ân cần hỏi han học trò.  Khen ngợi học trò. | Thầy giáo ân cần, dịu dàng, quan tâm thật lòng tới mỗi học trò. |
| Nội tâm | Luôn mong muốn học trò được đến trường, ao ước học trò được lên thành phố để được học ở môi trường tốt hơn. | Toàn bộ suy nghĩ, ước vọng của thầy đều giành cho học trò. |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác. | + Với học trò Đuy-sen là người thầy đầu tiên, là người anh, người thân đã dành cả tình yêu thương cho lũ trẻ.  + Với bọn nhà giầu trong làng, anh dũng cảm, kiên cường chống lại những thành kiến lạc hậu. | Toàn bộ suy nghĩ, ước vọng của thầy đều dành cho học trò. |
| Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật. | Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ , vì ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. | Nhận được sự yêu mến, cảm phục, biết ơn. |

Đoạn trích Người thầy đầu tiên là lời kể lại của người họa sĩ và An-tư-nai về một người thầy đầu tiên của họ và của cả ngôi làng. Đuy-sen là một người thầy tuyệt vời, không chỉ vận động các học sinh tới trường, thầy còn tự tay cõng các em nhỏ qua suối, không quản thời tiết lạnh buốt hay bị những kẻ cưỡi ngựa châm chọc. Thầy Đuy-sen quan tâm đến các học sinh và đặc biệt là An-tư-nai, mong cô bé có thể lên thành phố lớn học tập. Câu chuyện kể lại từ An-tư-nai khiến người họa sĩ đồng hương cảm thấy day dứt và muốn vẽ bức tranh thật đẹp về hai thầy trò.

Người thầy đầu tiênca ngợi người thầy Đuy-sen với những tâm huyết, sự tận tụy và tình cảm mà thầy dành cho học sinh của mình, đặc biệt là An-tư-nai. Người thầy Đuy-sen đã thay đổi cuộc đời của cô bé An-tư-nai, người đã vun trồng ước mơ, hy vọng cho những học trò nhỏ.

Thầy Đuy-sen và cô học trò người dân tộc An-tư-nai bé bỏng, tội nghiệp hiện lên trên trang văn trong sáng, nhẹ nhàng của Ai-ma-tốp đã để lại bao rung động bồi hồi trong lòng ta một thời cắp sách. Hình ảnh một người thầy tuyệt đẹp và đáng kính là cảm nhận sâu sắc nhất của mỗi chúng ta khi đọc truyện ngắn này. Thầy Đuy-sen trẻ và nhiệt huyết, thầy yêu nghề, thật sự mong muốn những điều tốt đẹp đến với những đứa trẻ nghèo lạc hậu.

Ngay từ lần gặp đầu tiên, thầy Đuy-sen đã mỉm cười, niềm nở, mời các em vào xem trường. Đuy-sen là người thầy đầu tiên, người thầy khai tâm khai sáng cho An-tư- nai. Thầy hiền hậu, thầy yêu thương tuổi thơ. Thầy đã đốt cháy lên trong lòng các em ngọn lửa nhiệt tình khát vọng và khát vọng đi học. Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến thăm trường với bao tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì, ở đấy cũng hay” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bêbết đất”. Thầy khoe trường và khơi dậy mong muốn đến trường của các em nhỏ.

Không chỉ là người trực tiếp giảng dạy, ngày ngày, thầy Đuy-sen còn bế các em qua suối, lưng thì cõng, tay thì bế để các em nhỏ có thể an toàn tới trường học. Ngay cả khi bọn nhà giàu ngu xuẩn, bộ mặt láo xược lên mặt chế giễu, cười cợt, thầy vẫn lạc quan kể chuyện vui cho học sinh quên đi mọi sự. Chi tiết này thể hiện thầy là người có học thức, có sự nhẫn nại. Không chỉ không quan tâm, đôi co với những kẻ thiếu hiểu biết, thầy Đuy-sen còn không muốn học trò của mình bị ảnh hưởng bởi những câu nói của họ, tâm trạng không bị xấu đi.

Để việc qua suối bớt nguy hiểm, thầy và An-tư-nai còn cố gắng tìm gỗ làm cầu cho học sinh qua suối, thầy đi chân không, làm không ngơi tay. Nhưng khi thấy An-tư-nai ngã, thầy Đuy-sen lập tức quan tâm, quẳng tảng đá trên tay, nhảy ngay lại, đỡ lên, rồi bế chạy lên bờ, lót chiếc áo choàng đặt An-tư-nai vào đó, xoa bóp và ân cần giúp cô bé ấm lên. Đuy-sen gửi gắm mong muốn An-tư-nai có thể lên thành phố lớn theo học, bởi thầy nhìn thấy tiềm năng và sự thông minh của cô học trò nhỏ.

Ai-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy-sen – người thầy đầu tiên đầy mẫu mực và tuyệt vời với niềm tận tụy đáng nhớ, trở nên gần gũi trong niềm thương mến của tuổi thơ chúng ta.

.\* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

- HS suy nghĩ.

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe HS trình bày.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài mới:**KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**Tiết 70-71**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**( ĐỀ PHÒNG GIÁO DỤC )**

**Tiết 72 TRẢ BÀI KT CUỐI HỌC KÌ I**

Ngày soạn: 06/01/2023

Ngày dạy: 09/01/2023

**Tiết 73-74 Bài 6: BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

**Số tiết: 13**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Đọc-hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.

- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường và những ngụ ngôn khác.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**2. Phẩm chất**

- Hình thành và phát triển ở HS: Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 5P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

+ Chia lớp ra làm các đội chơi

+ Gv tổ chức trò chơi: “*Thử tài nhìn tranh đoán tên truyện”*: Có 5 bức tranh tương ứng với 5 câu chuyện. Em hãy đoán tên câu chuyện dựa vào các hình ảnh?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ để đoán câu trả lời

1.Con cáo và chùm nho

2. Chân-Tay-Tai-Mắt-Miệng

3. Ve sầu và kiến

4. Ếch ngồi đáy giếng

5. Thầy bói xem voi

6. Thỏ và rùa

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv chỉ định đội chơi trả lời câu hỏi

- Hs trả lời câu hỏi của trò chơi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng

- Gv kết nối phần khởi động để dẫn dắt vào bài:

*Đây là những câu chuyện ngụ ngôn quen thuộc gắn liền với kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về thể loại này qua văn bản 1: Đẽo cày giữa đường*

*.***B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 35P)**

**I. Khám phá tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được nội dung của bài học, nhận biết được hình thức, nhân vật, bài học...của truyện ngụ ngôn.

- Nắm được các yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

- Nắm được đặc điểm, chức năng của thành ngữ và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK/5

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:

*? Hãy đọc phần tri thức ngữ văn liên quan đến truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thành ngữ và cho biết truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ là gì?*

*? Trong phần tri thức ngữ văn này còn cung cấp cho các em thêm một đơn vị kiến thức tiếng việt nữa đó là nói quá. Hãy cho cô biết: thế nào là biện pháp nói quá?*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, lắng nghe.

- HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

1. Thể loại chính: Truyện ngụ ngôn

+ Truyện ngụ ngôn: là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.

+ Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.

+ Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hóa.

+ Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

2. Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần, có điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.

3. Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

4. Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại đặc điểm, mức độ, quy mô của đối tượng để tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm cá nhân.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:

*+ Ngụ: Hàm chứa ý kín đáo*

*Ngôn: Lời nói*

*-> Ngụ ngôn là lời nói có ngụ ý, tức lời nói có ý kín đáo để người đọc, người nghe tự suy ra mà hiểu.*

+ *Kho tàng TNN rất phong phú và đa dạng. Có những TNN dân gian, có TNN do các nhà văn sáng tác nên. Nổi tiếng TG có truyện ngụ ngôn Ê- dốp, La-phon-ten,… VN cũng có 1 kho TNN rất phong phú, đa dạng: Rùa và thỏ, Hai chú dê qua cầu, Thày bói xem voi,… Chứa đựng trong những câu chuyện ấy là bài học cuộc sống sâu sắc cho con người chúng ta. TNN thường ngắn, ko có nhiều tình tiết, chỉ tập trung vào 1 hoặc vài chi tiết, kết thúc bất ngờ. Truyện thường dùng Bptt ẩn dụ hoặc hoán dụ, ngôn ngữ phóng đại, giàu hình ảnh để thể hiện nội dung.*

**II. Văn bản 1:**

**ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**

* ***Ngụ ngôn-***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động, tích cực chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học để mở rộng kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phản hồi, tích cực lắng nghe, trình bày suy nghĩ, ý tưởng, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung, nghệ thuật và bài học của truyện ngụ ngôn.

- Năng lực giải qu

yết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bài học.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Đọc-hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.

- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường và những ngụ ngôn khác.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Kể lại được câu chuyện ngụ ngôn: đúng cốt truyện, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian để rèn luyện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của nhân vật.

**2. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh minh hoạ cho các truyện ngụ ngôn

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 73P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản truyện ngụ ngôn.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - Hướng dẫn đọc:  + *Đọc to, rõ, diễn cảm, pha chút diễu cợt.*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  - Giải thích một số từ khó: *quan, ngàn, phá hoang, Đi đời nhà mà* -> Bằng trò chơi nối từ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  ? Truyện “Đẽo cày giữa đường” thuộc loại truyện nào?  ? Ttuyện kể dưới hình thức nào? (Văn xuôi)  ? Truyện sử dụng phương thức biểu đạt nào?  ? Truyện sử dụng ngôi kể thứ mấy?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  ? Truyện “Đẽo cày giữa đường” có những nhân vật và sự việc tiêu biểu nào? Hãy kể tóm tắt câu chuyện trước lớp.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn  - Nhận biết được các nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.  - Liên hệ, so sánh, kết nối.  **b. Nội dung:**  Hs làm phiếu học tập số, phương pháp theo nhóm 4-6 học sinh, phương pháp gợi mở đàm thoại để tìm hiểu về lời nhân vật, cốt truyện, nhân vật, thái độ của tác giả dân gian  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:**  **NV1:** *Hướng dẫn học sinh tìm hiểu mục đích của việc đẽo cày*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + *Người thợ mộc dốc hết vốn ra để làm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2:** *Tìm hiểu những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  - Phát **phiếu học tập** & giao nhiệm vụ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Người góp ý*** | ***Nội dung góp ý*** | ***Hành động của anh thợ mộc*** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   - GV đặt câu hỏi:  *? Có mấy người góp ý về việc đẽo cày?*  *? Nêu những nội dung góp ý?*  *? Trước những lời góp ý về việc đẽo cày, anh thợ mộc đã có những hành động như thế nào?*  *? Chỉ ra kết quả của việc đẽo cày của anh thợ mộc trong văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc văn bản tìm chi tiết  - Làm việc nhóm 4’  **GV**: Theo dõi, hỗ trợ HS hoạt động nhóm.  **Bước 3: Báo cáo**  **HS**: Trả lời câu hỏi  **GV***:* Nhận xét câu trả lời của HS  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.  **NV3:** *Tìm hiểu bài học rút ra từ câu chuyện*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  *? Việc đẽo những chiếc cày sau mỗi lần góp ý của người qua đường nói lên tính cách gì ở người thợ mộc?*  *? Em hiểu gì về nhan đề “Đẽo cày giữa đường”?*  *? Từ truyện này, em rút ra được bài học gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:  *+ Người thợ mộc: dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường.*  *+ Những người làm việc nhưng không có chính kiến riêng của bản thân, chuyên nghe người khác nói rồi tin và làm theo, cuối cùng không đạt được kết quả như mong đợi.*  *+ Cần có chính kiến riêng; Cần phải có ý thức tiếp thu, chọn lọc ý kiến của người khác...*  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Khái quát nghệ thuật và nội dung của truyện đẽo cày giữa đường?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1. *Đọc, từ khó***  ***2. Văn bản***  **a. Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  b. **Phương thức biểu đạt**: **tự sự** + Miêu tả.  **c. Ngôi kể:** thứ ba  **d. Bố cục:** 2 phần  + P1 (Đoạn 1): Người thợ mộc đẽo cày  + P2 (Còn lại): Những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc.  **e. Tóm tắt:**  - Một người thợ mộc bỏ ra 300 quan tiền mua gỗ về đẽo cày để bán.  - Mỗi lần có khách ghé vào coi và góp ý về việc đẽo cày anh ta đều làm theo.  - Cuối cùng, chẳng có ai đến mua cày, bao nhiêu vốn liếng đi sạch.  **II. Khám phá văn bản**  **1. Người thợ mộc đẽo cày:**  - Mục đích: Mua gỗ đẽo cày để bán  2. Những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Người góp ý*** | ***Nội dung góp ý*** | ***Hành động của anh thợ mộc*** | | 1 | - Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày | - Cho là phải, đẽo cày vừa to vừa cao | | 2 | - Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày | - Cho là phải, lại đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp | | 3 | - Đẽo cày cho thất cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được | - Liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to, gấp năm, gấp bảy thứ thường | | -> Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch | | |   **3. Bài học:**  - Cần phải tự tin, có chính kiến khi làm bất cứ việc gì.  **III. Tổng kết**   1. ***Nghệ thuật:***   - Sử dụng yếu tố của truyện ngụ ngôn.  - Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.  ***2. Nội dung:***  - Mượn câu chuyện về người thợ mộc để ám chỉ những người thiếu chủ kiến khi làm việc và không suy xét kĩ khi nghe người khác góp ý. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố lại nội dung kiến thức đã học.

**b. Nội dung**

- GV tổ chức trò chơi giữa 4 đội

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của học sinh; Thái độ khi tham gia trò chơi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: *GV tổ chức trò chơi giữa 4 đội bằng cách trả lời đúng các câu hỏi trắc nghiệm*

**Câu 1**: Truyện “Đẽo cày giữa đường” thuộc thể loại truyện dân gian nào?

1. Truyền thuyết
2. Thần thoại
3. Truyện Cổ tích
4. **Truyện ngụ ngôn**

**Câu 2**: Mục đích chủ yếu của truyện ngụ ngôn là gì?

1. Kể chuyện
2. **Gửi gắm ý tưởng, bài học**
3. Truyền đạt kinh nghiệm
4. Thể hiện cảm xúc

**Câu 3**: Truyện “Đẽo cày giữa đường” kể theo ngôi thứ mấy?

1. **Ngôi thứ ba**
2. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ nhất

D. Không có ngôi kể

**Câu 4**: Phương thức biểu đạt chính của truyện “Đẽo cày giữa đường” là gì?

A.Biểu cảm

1. Nghị luận

**C. Tự sự**

D. Thuyết minh

**Câu 5**: Có mấy người đã góp ý kiến cho người thợ mộc?

**A. 3**

1. 4
2. 5
3. 6

**Câu 6**: Anh thợ mộc trong truyện là người như thế nào?

1. Có tính quyết đoán và rất kiên định
2. **Thiếu tính quyết đoán, làm việc mà không có lập trường**
3. Biết lắng nghe ý kiến của người khác, chấp nhận sửa chữa bản thân
4. Biết tiếp thu những cái hay, cái đẹp và cái đúng

**Câu 7**: Bài học rút ra từ truyện “Đẽo cày giữa đường” là gì?

1. Không cần đẽo cày.
2. Cần nghĩ tới hậu quả khi làm một việc gì đó.

**C**. **Cần có suy nghĩ và tự chủ trong cuộc sống.**

D. Cần nghe theo lời khuyên của tất cả mọi người.

**Câu 8**: Truyện nào dưới đây ***không phải*** là truyện ngụ ngôn?

1. Thỏ và rùa
2. Thầy bói xem voi
3. Ếch ngồi đáy giếng
4. **Thạch Sanh**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng cách chốt đáp án đúng

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) có sử dụng thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát nội dung của văn bản để viết

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Văn bản "***Ếch ngồi đáy giếng***"

+ Yêu cầu HS đọc kỹ văn bản.

+ Thử trả lời các câu hỏi trang 10

**Bài 6**

**BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

**Tiết 75 VB 2: ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

*Trang Tử*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động, tích cực chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học để mở rộng kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phản hồi, tích cực lắng nghe, trình bày suy nghĩ, ý tưởng, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung, nghệ thuật và bài học của truyện ngụ ngôn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bài học.

**b. Năng lực riêng biệt:**

– Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài,

câu chuyện, nhân vật trong tác phẩm.

– Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc

– Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**2. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh minh hoạ cho các truyện ngụ ngôn

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**– Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  
**b. Nội dung:**GV yêu cầu HS quan sát tranh, kể lại câu chuyện Ếch ngồi đáy giếng. Đặt câu hỏi  
HS quan sát, kể tóm tắt truyện. Trả lời câu hỏi của GV  
YC HS đọc VB ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG  
**c. Sản phẩm dự kiến:  
d. Tổ chức thực hiện  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đọc câu đố dẫn vào bài:

Mắt lồi mồm rộng

Sấm động mưa rào

Tắm mát rủ nhau

Hát bài ộp ộp…

- Là con gì?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.

- Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

🡪 Con ếch

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Chắc hẳn chúng ta không ai xa lạ với hình ảnh con ếch, và câu nói “Ếch ngồi đáy giếng” cũng vậy. Không chỉ đơn thuần là một con vật gần gũi, mà qua nhân vật đó, tác giả đã gửi gắm những bài học vô cùng đắt giá và có giá trị đến bây giờ. Để tìm hiểu điều đó, chúng ta sẽ đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay “Ếch ngồi đáy giếng”*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 73P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản truyện ngụ ngôn.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - Hướng dẫn đọc:  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm “Ếch ngồi đáy giếng”  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn  - Nhận biết được các nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.  - Liên hệ, so sánh, kết nối.  **b. Nội dung:**  Hs làm phiếu học tập số, phương pháp theo nhóm 4-6 học sinh, phương pháp gợi mở đàm thoại để tìm hiểu về lời nhân vật, cốt truyện, nhân vật, thái độ của tác giả dân gian  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi dẫn:  + Câu chuyện có mấy nhân vật chính?  + Tìm hiểu về nhân vật ếch (không gian sống, không gian vận động, đối tượng tiếp xúc…)  + Tìm hiểu về nhân vật rùa (không gian sống, thời gian sống, trải nghiệm…?  + So sánh hai nhân vật ếch và rùa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức:  + Nhân vật đại diện cho những người có vốn hiểu biết và vốn sống hạn hẹp nhưng lại tự cho rằng mình hiểu biết và tự mãn với những gì mình có.  + Nhân vật đại diện cho những người có vốn hiểu biết và vốn sống phong phú, đã đi nhiều, có nhiều trải nghiệm.  **2. Quá trình thay đổi của ếch**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn:  - Hình thức: chia lớp làm 4 nhóm  + Nhóm 1+3: Những điều gì làm cho con ếch trong truyện “Ếch ngồi đáy giếng” cảm thấy sung sướng?  + Nhóm 2+4: Sau khi nghe rùa biển kể, tại sao ếch lại “ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối”?  - Thời gian: 5 phút, cử đại diện nhóm lên báo cáo  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  *.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:** Qua câu chuyện của con ếch, em rút ra cho mình những bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Khái quát nghệ thuật và nội dung của truyện đẽo cày giữa đường?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1. *Đọc, từ khó***  - Biển đông: biển ở phía đông  - Vô: vào  - Lăng quăng: con bọ gậy, ấu trùng của muỗi  **2. Tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Trang Tử (369- 286 TCN  - Là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc  - Thể loại sáng tác: thư kinh, sử kí…  - Sáng tác tiêu biểu: sách Trang Tử (Nam Hoa Kinh), Sử kí Tư Mã Thiên…  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** - Trích trong *Thu Thủy ( thiên thứ 17) của sách Trang Tử*  **- Ngôi kể:** Thứ ba  **- PTBĐ: tự** sự  **- Bố cục:** 2 phần  **+ Phần 1:** Từ đầu đến *“coi cho biết”* : Cuộc sống của con ếch bên trong giếng sụp.  **+ Phần 2:** Còn lại: Con rùa cho ếch biết về cuộc sống của mình ngoài biển đông.  - Tóm tắt: Bài văn kể về một con ếch cảm thấy cuộc sống của mình bên trong cái giếng nhỏ là sung sướng, tự do nhất đời, mời con rùa biển đông vào giếng chơi cho biết. Con rùa không thể chui vừa cái giếng nhỏ, bèn nói cho ếch nghe về sự rộng lớn của biển đông. Con ếch nghe về biển bèn mới thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.  **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhân vật ngụ ngôn**  (ếch và rùa 🡺 con vật được nhân hóa)  a. Nhân vật ếch  - Không gian sống: cái giếng sụp 🡪 Chật hẹp  - Không gian vận động: Chỉ từ miệng giếng vào trong giếng 🡪 Chật hẹp  - Đối tượng tiếp xúc: (lăng quăng, con cua, nòng nọc…) 🡪 những con vật nhỏ bé  🡺 Sống trong không gian chật hẹp, Tự cảm thấy “sung sướng” với cái không gian bé nhỏ của mình đang sống.  🡺 Ếch chưa hề biết đến sự rộng lớn và bao điều mới lạ của thế giới bên ngoài.  b. Nhân vật rùa  - Không gian sống: biển 🡪 rộng lớn  - Thời gian sống: sống lâu (lớn đến nỗi không vào được trong giếng).  - Trải nghiệm: đã đi đây đi đó, biết nhiều điều, chứng kiến nhiều điều  🡪 Rùa lùi lại, không quan tâm đến cái giếng bé nhỏ của ếch và kể cho ếch biết niềm “sung sướng” mà rùa được trải nghiệm “cái vui lớn của biển đông”  🡺 Môi trường sống, không gian sống, đối tượng tiếp xúc có ảnh hưởng rất nhiều đến suy nghĩ, nhận thức và hành động của cả ếch và rùa  **2. Quá trình thay đổi của ếch**  **a) Ban đầu: ếch tự tin, sung sướng**  **- Sung sướng vì có cuộc sống tự do, tự tại**  + Có thể nhảy ra khỏi giếng; nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng…  + Ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng  + Bơi trong nước thì nước đỡ nách và nách; nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá  **- Sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình**  + Ngó lại phía sau, thấy những con loăng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi.  **- Sung sướng vì tự hào với địa vị “chúa tể” của mình ở trong giếng**  + Một mình chiếm một chỗ nước tụ  + Tự do bơi lội trong một cái giếng sụp  + Còn gì vui hơn nữa? 🡪 Hỏi để khẳng định  **- Sung sướng đến nỗi khoe khoang với rùa về thế giới trong giếng của mình**  Ếch nói với rùa: “Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?”  **b) Những thay đổi của ếch sau khi nghe rùa biển kể**  **- Ngạc nhiên:** Vì sự vĩ đại của biển nằm ngoài hiểu biết của ếch  🡪 Ếch hoàn toàn bất ngờ  **- Thu mình lại:** Niềm vui và niềm tự hào của ếch bị thay thế bởi cảm giác nhỏ bé trước sự vĩ đại của biển.  **- Hoảng hốt, bối rối:** Cảm giác của ếch khi mất niềm tin (bối rối) vào những điều ếch đã tin và tự hào trước đây, choáng ngợp (hoảng hốt) trước những điều mới mẻ, lớn lao, vĩ đại  **3. Bài học rút ra**  - Câu chuyện ngầm phê phán những người có vốn hiểu biết hạn hẹp nhưng lại thường ra vẻ ta đây tài giỏi, tự cao.  - Khuyên con người nên khiêm tốn, luôn lắng nghe, học hỏi, tìm hiểu những điều thú vị xung quanh cuộc sống của mình.  - Khuyên con người nên thích nghi với mọi hoàn cảnh sống.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân vật ngụ ngôn: nhân vật con vật được nhân hóa  - Tình tiết truyện đơn giản  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, hóm hỉnh pha châm biếm.  **2. Nội dung**  Câu chuyện kể cuộc đối thoại giữa rùa và biển. Từ đó gửi gắm bài học cách sống, về cách nhìn nhận cuộc sống của mỗi con người |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố lại nội dung kiến thức đã học.

**b. Nội dung**

- GV tổ chức trò chơi giữa 4 đội

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của học sinh; Thái độ khi tham gia trò chơi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: *- GV yêu cầu HS: Viết một đoạn văn (khoảng 6- 8 dòng) nêu lên bài học cho bản thân từ câu chuyện trên, trong đoạn văn có sử dụng thành ngữ “ếch ngồi đáy giếng”*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và trả lời đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng cách chốt đáp án đúng

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

Tìm một số câu thành ngữ/ tục ngữ/ ca dao có nội dung liên quan đến câu truyện?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

*- Coi trời bằng vung*

*- Chủ quan khinh địch*

*- Thùng rỗng kêu to*

*- Con cóc nằm góc bờ ao*

*Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.*

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Văn bản "***Con mối và con kiến***"

+ Yêu cầu HS đọc kỹ văn bản.

**TIẾT76 : CON MỐI VÀ CON KIẾN**

*Nam Hương*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con mối và con kiến*

- Năng lực đọc hiểu, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con mối và con kiến.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**2. Phẩm chất:**

-  HS có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đọc câu đố dẫn vào bài:

**Câu đố 1.**

Con gì bé tí

Đi lại từng đàn

Kiếm được mồi ngon

Cùng tha về tổ

Là con gì?

***🡪 Con kiến***

**Câu đố 2**

Con gì ăn gỗ cả ngày

Chuyên môn đục phá giường này tủ kia?

Là con gì?

***🡪 Con mối***

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Câu đố của cô đã nhắc đến hai con vật nhỏ bé là con mối và con kiến. Trong thế giới ấy, có những con mối và con kiến hiện lên với hai trạng thái đối lập nhau. Muốn biết tại sao chúng lại trái ngược nhau thì chúng ta hãy cùng đi vào tìm hiểu văn bản ngày hôm nay****Con mối và con kiến.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả Nam Hương  - Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân để tìm hiểu những nét chung về tác phẩm (xuất xứ, PTBĐ, bố cục…)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**  - Phân tích được quan niệm sống của kiến và mối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **1. Quan niệm sống của mối và kiến**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV áp dụng kĩ thuật: THINK- PAIR-SHARE  **- Hình thức:** tạo nhóm cặp đôi theo bàn  **- Yêu cầu:** trình bày quan niệm sống của mối và kiến theo bảng gợi ý sau  **- Thời gian:** 5 phút  **+ GV hỏi mở rộng :** theo em, thiện cảm của tác giả dành cho mối hay kiến ? Vì sao ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức:  Như vậy, tác giả đã xây dựng hai nhân vật với những nét đối lập nhau. Chúng ta có thể nhận thấy rõ rằng con kiến được xây dựng với tính cách chăm chỉ, cần cù. Ngược lại, con mối lại có tính cách lười nhác, lười biếng. Liệu có ẩn ý sâu xa gì nữa không qua hai hình tượng nhân vật đó. Phải chăng là sự đối lập của 2 bộ phận con người trong XH.  **2. Bài học rút ra**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:** Qua văn bản “Con mối và con kiến”, em rút ra cho mình những bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Khái quát nghệ thuật và nội dung của truyện đẽo cày giữa đường?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- Từ khó**  **a. Đọc**  - Gọi 3 học sinh Đọc phân vai  - **Giọng đọc:** to, rõ ràng, biểu cảm được tính cách nhân vật  **b. Từ khó**  **- Ồ ề:** dáng mập và chậm chạp  **- Ghế chéo:**  ghế chân chéo, có lưng tựa  **- Vun thu:** vun vén, thu xếp, chăm lo  **- Xứ sở:** nơi ở, quê hương, đất nước  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - **Nam Hương (1899- 1960)**  **- Quê:** Hà Nội  - Sáng tác nhiều **thơ ngụ ngôn và thơ thiếu nhi**  **- Các tác phẩm chính:** *Ngụ ngôn mới, Gương thế sự, Tập thơ ngụ ngôn...*  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** trích trong *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập III do Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thương biên soạn và tuyển chọn. Xuất bản tại NXB Giáo dục năm 1999, tr. 805.  **- PTBĐ:** tự sự kết hợp biểu cảm  **- Bố cục:** 2 phần  - Tóm tắt: Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.  **II. Khám phá văn bản**  **1. Quan niệm sống của mối và kiến**  a. Quan niệm sống của mối  **- Không muốn lao động, sợ vất vả**  + Ngồi trong nhà nhìn ra ngoài  + Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên bàn tròn  + Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp  + Nói với kiến: Kiến ơi các chú/ Tội tình gì lao khổ lắm thay! 🡪 NT nhân hóa  **- Chỉ biết hưởng thụ trước mắt, chỉ biết nghĩ đến bản thân:**  + Ăn no béo trục, béo tròn  + Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng,tủ hòm  + Không nhận ra đó chỉ là cuộc sống đó là tạm bợ 🡪 không được dài lâu  **🡪 Hậu quả: nhà đổ xuống 🡪 “Đi đời các anh” 🡪 NT nhân hóa**  **b. Quan niệm sống của kiến**  **- Không ngại vất vả, chăm chỉ lao động**  + Sẵn sàng ra ngoài làm việc, dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò  + Ý thức: Hễ có làm thì mới có ăn  **- Biết lo xa, sống có trách nhiệm vì cộng đồng**  + *“Sinh tồn là cuộc khó khăn”* 🡪 chủ động, chuẩn bị kĩ cho tương lai  + Quan tâm đến mọi người *“địa cầu muôn loại”*  + Ý thức: *“Vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở”*  **🡪 Kết quả: Cuộc sống no đủ, hạnh phúc**  **2. Bài học rút ra**  - Sống ích kỉ, chỉ biết nghĩ cho bản thân, chỉ biết hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp trước mắt sẽ không được bền lâu  - Trách nhiệm của mọi người đối với cộng đồng, dân tộc, đất nước. Phải biết yêu thương, biết “vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở”  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân vật ngụ ngôn: nhân vật con vật được nhân hóa  - Tình tiết truyện đơn giản  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, hóm hỉnh pha châm biếm.  **2. Nội dung**  Câu chuyện kể cuộc đối thoại giữa rùa và biển. Từ đó gửi gắm bài học cách sống, về cách nhìn nhận cuộc sống của mỗi con người |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: *- GV tổ chức trò chơi* ***“BÍ MẬT TRONG HỘP QUÀ”***

***1. Văn bản Con mối và con kiến thuộc thể loại truyện gì?***

*🡪 Truyện ngụ ngôn*

***2. Tác giả đã sử dụng BPNT gì trong hai câu thơ:***

*“Mối gọi bảo: Kiến ơi các chú”*

*“Nhà kia đổ xuống đi đời các anh”*

*🡪 BPNT Nhân hóa*

*3. “Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc*

*Mà ồ ề béo trục béo tròn”*

***Là câu thơ miêu tả con mối hay con kiến?***

*🡪 Con mối*

***4. Quan niệm sống của kiến trong bài thơ là gì?***

***🡪*** *Có làm thì mới có ăn, vì cộng đồng*

***5. Đọc thuộc lòng bài thơ.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và trả lời đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng cách chốt đáp án đúng

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

*-* **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: *Viết một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu nêu suy nghĩ của em về bài học rút ra từ văn bản “Con mối và con kiến”..*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và trả lời đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới: ***Thực hành tiếng Việt***

+ Yêu cầu HS đọc kỹ văn bản.

**TIẾT 77. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và sử dụng thanh ngữ trong hoàn cảnh phù hợp.

- Học sinh nắm được đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu.

- Học sinh hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**2. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của ngôn ngữ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***ĐOÁN Ý ĐỒNG ĐỘI***

***Luật chơi:***

+ GV chia lớp thành 2 nhóm

+ Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên để bốc phiếu trong hộp, mỗi phiếu là 1 thành ngữ (Ba chìm bảy nổi, Bình an vô sự, Cha nào con nấy. Con dại cái mang, Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, Con sâu làm rầu nồi canh, Khỏe như voi, Tứ cố vô thân…)

+ Đại diện nhóm diễn tả hành động để các thành viên trong nhóm mình đoán và giải thích thành ngữ. Trả lời đúng được 1 điểm, sai được 0 điểm

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:***Thành ngữ của chúng ta vô cùng phong phú và đa dạng. Vậy làm thế nào để nhận diện thành ngữ, biết những đặc điểm và nắm được chức năng cụ thể của nó. Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được đặc điểm của thành ngữ, từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu. Hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Khái niệm thành ngữ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Dựa vào phần tri thức ngữ văn chúng ta đã học, hãy trình bày lại khái niệm thành ngữ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Đặc điểm và chức năng của thành ngữ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:**  **+** Đọc 2 ví dụ (1), (2) trong sgk và chú ý các cụm từ in đậm.  + Các từ in đậm trên thuộc từ loại nào? + Qua ví dụ trên, em hãy nêu đặc điểm của thành ngữ.  + Nhận xét từ in đậm trong 4 ví dụ (3,4,5,6). Theo em, cách diễn đạt nào hay hơn, vì sao?  (gợi ý: câu 5,6 là cách nói thẳng, nói trực tiếp vào vấn đề 🡪 không được mượt mà, không gợi nhiều liên tưởng…)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Khái niệm thành ngữ**  - Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  **2. Nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ**  **a. Đặc điểm của thành ngữ**  **Ví dụ**  **(1)** *Kẻ hầu người hạ* ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn *sơn hào hải vị*, mùi thơm nức mũi (Vua chích chòe)  **(2)** Mọi người trong làng luôn đoàn kết, sẵn sàng *chia ngọt sẻ bùi* cho nhau.  **🡪 Là những tổ hợp chặt chẽ**  **🡪 Nghĩa của mỗi cụm từ đều hàm súc, có tính hình tượng**  **b. Chức năng của thành ngữ**  **Ví dụ**  (3) Cô đem lòng yêu, có *của ngon vật lạ* đều giấu đem lên cho (Sọ Dừa)  (4) Lần này hai đội gặp lại nhau, chưa biết *mèo nào cắn mỉu nào*  (5) Cô đem lòng yêu, có *đồ ăn ngon* đều giấu đem lên cho (Sọ Dừa)  (6) Lần này hai đội gặp lại nhau, chưa biết *đội nào sẽ thắng đội nào*  **🡺 Giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức Hoạt động nhóm

Nhóm 1: bài 1

Nhóm 2: bài 2

Nhóm 3: bài 3

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận nhóm.

**Bài tập 1**

**a.** Ba chân bốn cẳng → (đi/chạy) hết sức nhanh và vội vã, cuống hết lên

**b.** Chuyển núi dời sông → chỉ việc làm lớn lao, phi thường

**Bài tập 2**

**a.** → Từ ngữ có ý nghĩa tương đương với thành ngữ (in đậm): đều mất, đi đời, không còn gì, đi tong, chẳng còn gì …

**b.** → Từ ngữ có ý nghĩa tương đương với thành ngữ (in đậm): (việc) nặng hay nhẹ có đủ cả, sang đến hèn, sang trọng đến tầm thương....

🡪 **Nhận xét**: Sử dụng thành ngữ sẽ giúp việc diễn đạt nghĩa trong câu trở nên súc tích, biểu đạt nghĩa mạnh hơn, gợi nhiều liên tưởng và gây ấn tượng hơn.

**Bài tập 3**

**a.** → Nội dung của câu trước với câu sau thiếu lôgic (không hợp lí), gây khó hiểu.

**b**. → Nội dung ở câu sau liên quan chặt chẽ với nội dung của câu đứng trước, biểu đạt được điều muốn nói một cách súc tích, gây ấn tượng.

**Nhận xét:** Muốn sử dụng thành ngữ có hiệu quả, biểu đạt được điều muốn nói một cách bóng bẩy, ngắn gọn, … thì người dùng cần hiểu đúng nghĩa của thành ngữ đó.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***

*- GV tổ chức trò chơi* ***THỬ TÀI ĐẶT CÂU***

**Hình thức:** gv gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trong lớp, học sinh đó có quyền chọn 1 ví dụ để đặt câu, nếu đúng được chỉ 1 bạn trong lớp để thực hiện tiếp trò chơi.

+ Học một biết mười

→ Lan là một cô bé thông minh, “***học một biết mười”.***

+ Học hay, cày biết

→ Nam là người “***học hay, cày biết”*** thật đáng ngưỡng mộ.

+ Mở mày, mở mặt

→ Tôi cố gắng thi đậu đại học để cha mẹ được “***mở mày mở mặt”*** với người ta.

+ Mở cờ trong bụng

***→*** *Tôi vui như* ***“mở cờ trong bụng”*** *khi nhìn thấy tên mình đứng đầu trong kì thi học sinh giỏi cấp thành phố.*

***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***

*- HS thực hiện nhiệm vụ*

***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***

*- HS trả lời câu hỏi*

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*

***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức*

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới: ***Một số câu tục ngữ Việt Nam***

**TIẾT78: MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác..

**b. Năng lực riêng:**

   + Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phần lớn có vần điệu, nhịp nhàng, cân đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.

   + Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

- HS hiểu được, mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, thấy được tương quan giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,… Từ đó, các em có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng trong một số tình huống giao tiếp.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Một số câu tục ngữ Việt Nam*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Một số câu tục ngữ Việt Nam*

**2. Phẩm chất:**

- Hiểu biết và trân trọng những nét đẹp của văn học dân gian Việt Nam.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi *ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ*

**Quan sát các hình ảnh sau và cho biết các câu tục ngữ tương ứng.**

- *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

*Ngày tháng mười chưa cười đã tối.*

- *Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa*

*- Ráng mỡ gà có nhà thì giữ*

*- Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt*

**-** *Tấc đất tấc vàng*

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Tục ngữ là một kho tàng những câu nói dân gian phong phú và đa dạng. Người ta vẫn thường sử dụng tục ngữ để thể hiện kinh nghiệm về một vấn đề nào đó của đời sống đã được đúc kết, mang tính chính xác cao. Vốn dĩ tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có kết cấu ổn định và dễ thuộc, dễ nhớ, nên không chỉ sử dụng trong văn học, mà tục ngữ còn dùng trong tình huống giao tiếp thường ngày. Trong bài học hôm nay –****Một số câu tục ngữ Việt Nam****, chúng ta sẽ cùng đi khám phá thêm thật nhiều những câu tục ngữ dân gian dể nâng cao hiểu biết và tri thức văn học của mình nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- Từ khó**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoàn thiện PHT về thể loại tục ngữ    **-** Tìm hiểu vềvăn bản Một số câu tục ngữ Việt Nam (xuất xứ, bố cục)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- Từ khó**  **a. Đọc**  - Đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu nhịp điệu rành mạch, âm lượng vừa phải, dễ nghe  - Sử dụng các chiến lược đọc, suy diễn  **b. Từ khó**  **- Cần:** siêng năng, chăm chỉ  **- Tày:** bằng  **- Nề:** ngại (nghĩa trong văn bản)  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Thể loại tục ngữ**   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian | **Tác giả**: dân gian | | **Hình thức**: Câu nói ngắn gọn | | **Nội dung**: Kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất; con người, xã hội. | | **Nghệ thuật:**  + Những câu nói hoàn chỉnh, ngắn gọn  + Giàu hình ảnh, sử dụng so sánh, ẩn dụ  + Gieo vần, cấu trúc cân đối. | | **Phạm vi sử dụng:** Đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói hàng ngày. |   **b. Văn bản “Một số câu tục ngữ Việt Nam”**  **- Xuất xứ:** trích “Kho tàng tục ngữ Việt Nam” – Nguyễn Xuân Kính chủ biên  **- Bố cục:** 2 phần  + Phần 1: câu 1🡪 5: *Kinh nghiệm về thời tiết*  + Câu 6 🡪 8: *Kinh nghiệm về lao động sản xuất*  + Câu 9 🡪 15: *Kinh nghiệm về đời sống xã hội* |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được hình thức và nội dung của 15 câu tục ngữ trong bài

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh hoàn thiện PHT  ***- Hình thức***: GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thiện phiếu học tập theo mẫu.  ***- Thời gian:*** 5 phút    **+ GV hỏi mở rộng :** Câu tục ngữ nào trong bài này có hình thức của một thể thơ quen thuộc, được dùng trong ca dao của người Việt? Nêu thêm câu tục ngữ có hình thức tương tự.  🡪 Một cây làm chẳng nên non  Ba cây chụm lại nên hòn núi cao  🡪 Lục bát  🡪 Cười người chớ vội cười lâu  Cười người hôm trước, hôm sau người cười  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức: | **II. Khám phá văn bản**  **1. Hình thức của những câu tục ngữ**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Số câu/ tiếng** | **Gieo vần** | **Ngắt nhịp** | **Nhận xét** | | 1 | 1 câu, 8 tiếng | May- bay | 3/3/2 | -Dung lượng ngắn (1 đến hai câu)  - Cấu trúc cân đối nhịp nhàng.  - Có hoặc không gieo vần (vần lưng/ vần chân; vần liền/ vần cách)  \* Dễ nhớ, dễ thuộc | | 2 | 2 câu, mỗi câu 6 tiếng | Ra-sa | 2/2/2  2/2/2 | | 3 | 2 câu, mỗi câu 8 tiếng | Chang- ngàn | 4/4  4/4 | | 4 | 2 câu, mỗi câu 7 tiếng | Năm- nằm  Mươi- cười | 3/2/2  3/2/2 | | 5 | 1 câu, 6 tiếng | Trưa- mưa | 3/3 | | 6 | 1 câu, 8 tiếng | Phân- cần | 2/2/2/2 | | 7 | 1 câu, 6 tiếng | Dưa- mưa | 3/3 | | 8 | 1 câu, 10 tiếng | Năm- tằm | 4/2/4 | | 9 | 1 câu, 5 tiếng | Sống- đống | 2/3 | | 10 | 1 câu, 6 tiếng | Sạch- rách | 3/3 | | 11 | 1 câu, 6 tiếng | Thầy- mày | 2/2/2 | | 12 | 1 câu, 6 tiếng | Thầy- tày | 2/2/2 | | 13 | 1 câu, 7 tiếng | Nghề- nề | 3/4 | | 14 | 1 câu, 6 tiếng |  | 2/2/2 | | 15 | 1 cặp lục bát | Non- hòn | 2/2/2  4/4 | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV áp dụng kĩ thuật: trình bày một phút**  - GV đọc lần lượt các câu tục ngữ  - HS trình bày ý hiểu của em về câu tục ngữ đó trong 1 phút  (Gợi ý mô hình phân tích tục ngữ)  + Nội dung câu tục ngữ  + Nghệ thuật sử dụng trong câu tục ngữ  + Bài học kinh nghiệm từ câu tục ngữ  - Sau khi tìm hiểu câu 11,12. GV tổ chức trò chơi: HÙNG BIỆN HỌC ĐƯỜNG.  **vấn đề bàn luận:** ý nghĩa của câu tục ngữ 11 và 12 mâu thuẫn, loại trừ nhau  **- Hình thức:** chia làm 2 nhóm (bênh >< chống)  **- Thời gian:** 5 phút  🡪 *Câu 11 và 12 trong bài đặt cạnh nhau cũng là một cặp có vẻ mâu thuẫn, loại trừ nhau: Nếu câu này đúng thì câu kia sai, và ngược lại. Tuy nhiên, thực tế, hai câu này vẫn được dân gian sử dụng và chúng vẫn song song tồn tại. Sở dĩ như vậy là vì các câu tục ngữ luôn gắn với những hoàn cảnh sống khác nhau. Nhờ đó, mỗi câu mới thể hiện những bài học riêng và được vận dụng có hiệu quả trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể*  - Sau khi tìm hiểu xong 15 câu tục ngữ, GV hỏi mở rộng: Vì sao nhiều câu tục ngữ về đời sống xã hội ra đời từ thuở xưa, nhưng vẫn còn giá trị đối với con người ngày nay?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Câu 11**  - Nghệ thuật: nói quá  - Nội dung: khẳng định vai trò, công lao to lớn của người thầy đối với mỗi người  - Tình huống vận dụng: Khuyên nhủ mỗi người cần phải biết kính trọng, biết ơn thầy và tìm đến thầy để họchỏi thêm nhiều điều hay, lẽ phải  **Câu 12**  - Nghệ thuật: so sánh, điệp. Câu tục ngữ với hai vế câu so sánh. Hai vế câu bổ sung ý nghĩa cho nhau – vừa nhấn mạnh việc học thầy, vừa nhấn mạnh việc học bạn  - Nội dung: Câu tục ngữ đề cao việc học hỏi bạn bè của mỗi người  - Tình huống vận dụng: Khuyên nhủ con người cần biết học tập từ bạn bè, cuộc sống  **Câu 13**  - Nghệ thuật: cấu trúc cân đối  - Nội dung: Khẳng định việc học cần phải dấn thân, chăm chỉ, chịu khó, không ngại học hỏi.  🡪 Kinh nghiệm về xã hội  - Tình huống vận dụng: Khuyên nhủ con người cần học hỏi, chăm chỉ chịu khó, không ngại khó, ngại khổ và luôn cần chủ động trong công việc.  **Câu 14**  - Nghệ thuật: ẩn dụ  - Nội dung:  + Nghĩa đen: Khi thưởng thức quả ngọt, cần nhớ đến người trồng cây, chăm sóc để tạo ra chúng.  + Nghĩa bóng: Nhắc nhở con người phải có lòng biết ơn, có nhớ đến người đã giúp đỡ ta trong lúc khó khăn hoạn nạn.  - Tình huống vận dụng: Thể hiện tình cảm biết ơn với ông bà, cha mẹ, thầy cô, những người giúp mình, hi sinh vì mình…  **Câu 15**  - Nghệ thuật: ẩn dụ  - Nội dung:  + Nghĩa đen: một cái cây nhỏ bé thì sẽ không làm nên khu rừng rộng lớn.  + Nghĩa bóng: vai trò của sự đoàn kết trong cuộc sống  - Tình huống vận dụng: Chỉ có đoàn kết mới đem lại sức mạnh to lớn để hoàn thành những việc lớn lao, trọng đại  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nội dung câu tục ngữ**  **Câu 1.**  - Nghệ thuật:  + Hai vế câu đối nhau  + Kết cấu: nhân – quả  🡪 Cách thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung:  + Kinh nghiệm dự báo thời tiết  + Khi trời nổi gió heo may và chuồn chuồn bay ra nhiều thì sắp có bão.  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng bão lụt vàsắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 2.**  - Nghệ thuật:  + Hai vế câu đối nhau  + Sử dụng thành ngữ «bão táp mưa sa»  🡪 Thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung:  + Kinh nghiệm dự báo thời tiết  + Kiến cánh bay ra nhiều, dọn tổ lên chỗ cao báo hiệu sắp có mưa hoặc bão lụt.  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng bão lụt và sắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 3**  - Nghệ thuật:  + Hai vế câu đối nhau  + Điệp ngữ: “Mây kéo”  + Kết cấu: nhân – quả  🡪 Cách thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung: mây ùn ùn kéo về phía biển thì trời nắng, mây kéo từ phía biển vào lên mạn ngược, có hơi nước thì mưa to  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng mưa nắng và sắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 4**  - Nghệ thuật: nói quá, phóng đại, sử dụng phép đối  🡪 Cách nói ẩn dụ  - Nội dung: Phản ánh hiện tượng trong tự nhiên: tháng năm ngày dài, đêm ngắn còn tháng mười ngày ngắn, đêm dài  - Tình huống vận dụng: Câu tục ngữ giúp người dân lao động chủ động sắp xếp công việc cày cấy, sản xuất phù hợp với thời gian từng mùa  **Câu 5.**  - Nghệ thuật: Phép đối, vần lưng  🡪 Cách thể hiện trực tiếp  - Nội dung: Ngày nắng thì cảm thấy buổi trưa đến sớm hơn vì thời tiết nóng bức, ngột ngạt. Ngày mưa trời âm u nên tối sớm.  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng mưa nắng và sắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 6**  - Nghệ thuật:  + Dùng từ Hán Việt: nhất, nhì, tam, tứ  + Liệt kê  🡪 Cách thể hiện trực tiếp  - Nội dung: Chỉ ra 4 yếu tố quan trọng trong lao động sản xuất cần đảm bảo để mùa màng bội thu  - Tình huống vận dụng: Vận dụng trong sản xuất nông nghiệp sắp xếp thứ tự ưu tiên các yếu tố.  **Câu 7**  - Nghệ thuật: Phép đối  🡪 Cách thể hiện trực tiếp  - Nội dung: Kinh nghiệm lao động và sản xuất: Kinh nghiệm về thời tiết liên quan đến cây trồng đặc thù. Khí hậu nào thích hợp giống cây đó như mùa nắng trồng dưa mùa mưa trồng lúa  - Tình huống vận dụng: Vận dụng trong sản xuất nông nghiệp để sắp xếp mùa vụ và cây trồng hợp lí, đạt năng suất  **Câu 8**  - Nghệ thuật:  + Phép đối : ba năm , một lứa  + So sánh hơn: không bằng  🡪 Cách thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung: Kinh nghiệm lao động và sản xuất: Chăn tằm thu hoạch có lời hơn làm ruộng rất nhiều.  - Tình huống vận dụng: Kinh nghiệm lao động sản xuất khuyên con người nên lựa chọn chăn nuôi sẽ đem lại hiệu quả kinh tế nhanh hơn và cao hơn.  **Câu 9**  - Nghệ thuật: so sánh hơn  🡪 Cách nói ẩn dụ  - Nội dung: Kinh nghiệm về con người, xã hội, khẳng định giá trị và tôn vinh giá trị của con người  - Tình huống vận dụng: Khuyên con người trong mọi tình huống điều quý giá nhất là sự sống. Ngầm so sánh giá trị con người hơn hẳn tiền bạc vật chất.  **Câu 10**  - Nghệ thuật: tiểu đối ngắn gọn, ẩn dụ  - Nội dung:  + Nghĩa đen: Dù đói, rách vẫn phải ăn uống, ăn mặc sạch sẽ, giữ gìn thơm tho  + Nghĩa bóng: Dù nghèo khổ, thiếu thốn vẫn phải sống trong sạch  - Tình huống vận dụng: - Câu tục ngữ khuyên con người dù khó khăn, vất vả, thiếu thốn vẫn phải sống cho thanh sạch, cao đẹp, vẫn luôn phải giữ gìn phẩm chất cao đẹp của mình.  ⇒ Giáo dục con người có lòng tự trọng |
| **III. Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố nội dung và nghệ thuật đã tìm hiểu.  **b. Nội dung:** Nội dung đã tìm hiểu  **c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đúc.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ.  - Tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.  **2. Nội dung**  Tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống. Tục ngữ thực sự là kho tàng trí tuệ của nhân dân, được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

*- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài*

*GV tổ chức trò chơi* ***“SÂU CHUỖI TỤC NGỮ”***

***- Hình thức:*** *hoạt động cá nhân*

***- Yêu cầu:*** *sâu chuỗi, sắp xếp lại thứ tự những gợi ý để được câu tục ngữ đúng*

***- Thời gian:*** *10 giây/ câu*

***Câu 1****. Tháng bảy kiến bò chỉ lo lại lụt*

***Câu 2.*** *Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền*

***Câu 3****. Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa*

***Câu 4****. Trăng quầng đại hạn, trăng tán thì mưa*

***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*

***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động***

*- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

***GV chia lớp thành 2 nhóm và bốc thăm lựa chọn nhiệm vụ***

***- Team xây dựng hội thoại****: Hãy ghi lại một cuộc đối thoại (giả định) giữa hai người (khoảng 5-7 câu), trong đó, một người có dùng câu tục ngữ: Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi.*

***- Team phân tích tục ngữ:*** *Chọn 1 câu tục ngữ mà em thích nhất, viết đoạn văn (10-12 câu) phân tích câu tục ngữ đó và nêu bài học em rút ra.*

***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

***- Team xây dựng hội thoại****: Hãy ghi lại một cuộc đối thoại (giả định) giữa hai người (khoảng 5-7 câu), trong đó, một người có dùng câu tục ngữ: Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi.*

*🡪* ***Anh A****: Dạo này làm ăn thế nào?*

***Anh B****: Ôi! Chán lắm anh ạ! Chả có ma nào vào mua.*

***Anh A****: Anh đã kiểm tra khâu sản phẩm chưa?*

***Anh B****: Hàng hoá thì tôi nhập hết ấy mà, có tự làm cái nào đâu. Nhập cho nhanh anh ạ!*

***Anh A****: Ối! Anh nên tìm tòi mà học hỏi họ cách làm đi chứ, “muốn lành nghề chớ nề học hỏi mà”*

***- Team phân tích tục ngữ:*** *Chọn 1 câu tục ngữ mà em thích nhất, viết đoạn văn (10-12 câu) phân tích câu tục ngữ đó và nêu bài học em rút ra.*

*🡪 Trong kho tàng ca dao tục ngữ Việt Nam, có biết bao nhiêu câu tục ngữ hay, ý nghĩa. Nhưng em tâm đắc nhất với câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Trong câu tục ngữ, tác giả dân gian đã nhắc nhở chúng ta về bài học đạo lý làm người: khi được nhận những điều tốt đẹp, sự giúp đỡ của người khác, khi được “ăn quả” thì chúng ta phải “nhớ”- biết ơn những người giúp đỡ chúng ta- “kẻ trồng cây”. Qua việc sử dụng biện pháp ẩn dụ “ăn quả” chúng ta ý thức sâu sắc hơn về những điều chúng ta đang có. Đó có thể là gia đình cho ta một mái ấm, là nhà trường nơi dạy ta những lẽ phải, điều hay, là một cốc nước mát lành trong cơn khát…Tất cả những điều tốt đẹp đó không bỗng dưng chúng ta có được mà đều cần nhờ tới những người “trồng cây”. Họ chính là cha mẹ, là thầy cô, là những người giúp đỡ chúng ta, cho ta những điều tốt đẹp. Vì vậy, chúng ta hãy luôn ghi nhớ công ơn đó. Câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” luôn là lời nhắc nhở có giá trị trong cuộc sống hôm nay.*

***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***

*- HS trả lời câu hỏi*

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*

***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động***

*- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TIẾT 79: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Học sinh hiểu, nắm được đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá, những tên gọi khác nhau của biện pháp tu từ này (phóng đại, cường điệu, thậm xưng, ngoa dụ…), các cách thức thể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.

- Học sinh nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp nói quá một cách phù hợp.

- Năng lực nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp nói quá một cách phù hợp.

**2. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của ngôn ngữ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ***

*+ Đen như cột nhà cháy*

*+ Nhanh như chớp*

*+ Chậm như rùa*

*+ Gầy như que củi*

*+ Ăn như mèo*

*+ Ném tiền qua cửa sổ*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Chắc hẳn trong cuộc sống, các em đã từng nghe đến những câu nói như vậy!* *Có thể thấy, không chỉ trong quá trình giao tiếp, mà cả trong văn thơ, ca nhạc, điện ảnh,… chúng ta có sử dụng cách nói phóng đại sự thật. Vậy cách nói này là gì và có tác dụng ra sao? Bài học thực hành tiếng việt****Biện pháp tu từ nói quá****ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về vấn đề này nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được kiến thức về định nghĩa, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Khái niệm nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa ra ví dụ và đặt câu hỏi**: Hãy chú ý vào các từ in đậm và nhận xét chúng. Có thể thay từ in đậm bằng từ khác được không? Vì sao?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  🡪 Nói quá sự thật  🡪 Có thể thay thế:  (1) Đêm tháng năm rất ngắn  Ngày tháng mười rất ngắn  (2) Mồ hôi đổ rất nhiều  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Đặc điểm của BPTT nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu học sinh thực hiện yêu cầu: nối cột A với cột B để tìm hiểu về đặc điểm của BPTT nói quá    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 3: Tìm hiểu chức năng của BPTT nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành phiếu so sánh ví dụ (1,2) ở mục 1 với 2 ví dụ sau:**  ***(3)-*** *Đêm tháng năm* ***ngắn***  *Ngày tháng mười* ***ngắn.***  *(4)- Cày đồng đang buổi ban trưa,*  ***Mồ hôi rơi nhiều và liên tục.***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  ***🡪 VD (1,2) hay, gây nhiều ấn tượng***  ***VD (3,4) Bình thường, không gây ấn tượng***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Khái niệm nói quá:**  **Xét ví dụ:**  *(1)- Đêm tháng năm* ***chưa nằm đã sáng****.*  *Ngày tháng mười* ***chưa cười đã tối.***  *(Tục ngữ)*  *(2)- Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót* ***như mưa ruộng cày****.*  *Ai ơi bưng bát cơm đầy*  *Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần*  *(Ca dao)*  🡪 Nói quá sự thật  **🡪 Khái niệm:** Là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.  **2. Đặc điểm của BPTT nói quá**  - *Phóng đại quy mô*  - *Phóng đại tính chất*  - *Phóng đại mức độ*  **3. Chức năng của BPTT nói quá**  - Nhấn mạnh ý  - Gây ấn tượng  - Tăng sức biểu cảm cho lời văn  **\* Lưu ý**  *- Nói quá còn có tên gọi khác là khoa trương, ngoa dụ, thậm xưng, phóng đại, cường điệu.*  *- Để nhận ra biện pháp nói quá cần đối chiếu nội dung lời nói với thực tế. Phải nắm được cái ý nghĩa hàm ẩn của lời nói (tức là hiểu theo nghĩa bóng chứ không hiểu theo nghĩa đen).* |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu học sinh hoàn thành bài tập 1,2

- Bài tập 3: GV tổ chức trò chơi “ĐẶT CÂU KHÔNG HỀ KHÓ”

***a. Buồn nẫu ruột***

***b. Rụng rời chân tay***

***c. Cười vỡ bụng***

***d. Mệt đứt hơi***

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, làm bài

**Bài tập 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ví dụ | Biểu hiện của nói quá | Tác dụng của nói quá |
| b. | Cái ngắn của thời gian như hiện hình, một ngày có thể lấy gang tay để đo, nghĩa là chỉ còn một mẩu. | Khi vui cảm thấy thời gian chóng qua, có cảm giác ngày giờ ngắn hơn bình thường.  🡪 Để tạo ấn tượng. |
| c. | Tát bể đông cũng cạn | Cách nói phóng đại đến mức phi lí bởi không ai có thể “tát cạn bể đông”  🡪 Làm nổi bật tầm quan trọng của sự hòa thuận vợ chồng |

**Bài tập 2**

a. Nói quá

b. Nói khoác

c. Nói quá

d. Nói khoác

**🡪 So sánh nói quá và nói khoác**

- **Giống nhau**: Đều phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả.

- **Khác nhau:**

+ Nói quá: Chỉ là phóng đại tính chất quy mô,…của đối tượng nhằm nhấn mạnh, gây cười

+ Nói khoác: Bịa đặt, dựng chuyện “từ không thành có”, cố làm cho người khác tin.

**Bài tập 3**

a. Đừng trêu tớ nữa, bài kiểm tra toán vừa rồi tớ được có 4 điểm, tớ đang buồn nẫu ruột đây.

b. Nghe tin bà mất, tôi rụng rời chân tay.

c. Ngồi nghe thầy kể chuyện, chúng tôi được một trận cười vỡ bụng.

d. Mới chạy được một đoạn đường ngắn mà tôi thấy mệt đứt hơi.**Bước 3: Báo cáo kết quả Bước 3: hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV tổ chức trò chơi* ***AI NHANH HƠN NÀO?***

***Sửa các câu dưới đây thành câu sử dụng biện pháp tu từ nói quá***

*(1), Anh ấy chạy rất nhanh.*

*(2), Trăng đêm nay thật sáng.*

*(3), Trời nóng quá, khiến người khác cảm thấy thật khó chịu.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, làm bài

**Bước 3: hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TIẾT80-81: CON HỔ CÓ NGHĨA**

*Vũ Trinh*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con hổ có nghĩa.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con hổ có nghĩa.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**2. Phẩm chất:**

-  HS có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV dẫn 2 cầu tục ngữ

1. Uống nước nhớ nguồn
2. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

**Hai câu tục ngữ trên có điểm chung gì về chủ đề?**

🡪 **Chủ đề:** sự biết ơn, sống có tình, có nghĩa…

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Như chúng ta đã biết dân tộc Việt Nam chúng tatừ xưa đến nay luôn có những phẩm chất, truyền thống quý báu: sống trọn tình, trọn nghĩa, luôn yêu thương, giúp đỡ nhau và đặc biệt là những người gặp hoạn nạn…. Chính vì vậy, bên cạnh văn học dân gian, văn học viết cũng luôn khai thác vấn đề này. Và trong đó có văn bản “Con hổ có nghĩa” là tiêu biểu nhất. Trong buổi học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản này.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- từ khó**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả Vũ Trinh  - Hoàn thiện phiếu học tập.  - Học sinh thảo luận theo bàn và hoàn thiện phiếu học tập  - Thời gian: 5 phút  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- từ khó**  **a. Đọc**  - Gọi 2 học sinh (mỗi học sinh đọc 1 câu chuyện)  - **Giọng đọc:** to, rõ ràng, dứt khoát, tách bạch từng câu  **b. từ khó**  **- Bà đỡ:** người phụ nữ làm nghề đỡ đẻ  **- Lạng:** đơn vị đo khối lượng thời xưa, xấp xỉ bằng 37,8 g  **- Tiều phu:** người làm nghề đốn củi  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Vũ Trinh (1759 - 1828)  - Quê: Bắc Ninh  - Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, từ nhỏ nổi tiếng là thần đồng sách  - Sáng tác cả thơ và văn xuôi  - Sáng tác tiêu biểu: Cung oán thi tập, Sử Yên thi tập, Lan Trì kiến văn lục…  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện truyền kì  **- Xuất xứ:** Là truyện thứ 8 trong 45 truyện ngắn viết bằng chữ Hán trong Lan trì kiến văn lục  **- Nhân vật trung tâm:** Con hổ, bà đỡ Tần, bác tiều phu  **- Bố cục:** 2 phần  **- Tóm tắt:**  + Câu chuyện thứ nhất: Hổ cái đau đẻ, hổ đực đi tìm bà đỡ Trần ở huyện Đông Triều. Bà đỡ đã cho hổ cái uống thuốc, xoa bóp bụng và giúp hổ đẻ được. Hổ đực mừng rỡ và đền ơn bà một cục bạc.  Câu chuyện thứ hai: Bác tiều phu ở huyện Lạng Giang đang bổ củi ở sườn núi thấy một con hổ bị hóc xương bèn giúp hổ lấy xương ra. Để tạ ơn, hổ đền ơn bác cả khi sống và khi chết. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được, hiểu được những câu chuyện của bác tiều phu và bà đỡ Trần khi giúp đỡ con hổ gặp nạn, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 2 nhóm  + Nhóm 1: PHT số 2 (câu chuyện Bà đỡ Trần giúp hổ sinh con)  + Nhóm 2 :PHT số 3 (câu chuyện bác tiều phu giúp hổ mắc xương)  - Yêu cầu: hoàn thiện phiếu học tập và cử đại diện 1 bạn báo cáo, thuyết trình trước lớp  - Thời gian: thảo luận nhóm 10 phút, báo cáo 3 phút  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Câu chuyện bà đỡ Trần giúp hổ sinh con**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Con hổ** | **Bà đỡ Trần** | | **Hoàn cảnh** | - Con hổ cái đang trong cơn đau đẻ 🡪 đi tìm người đỡ đẻ  🡪 Tình huống khẩn cấp và nguy hiểm | - Bà đỡ Trần là bà đỡ duy nhất ở huyện Đông Triều.  - Nghe tiếng gõ cửa 🡪 mở cửa 🡪 bị con hổ chồm tới cõng bà đi  🡪 Hoàn cảnh nguy hiểm, tình huống bất ngờ.  🡪 Bà vô cùng sợ hãi, sợ hổ ăn thịt mình. | | **Hành động** | - Chỉ dẫn bà nhìn hổ cái và chảy nướcmắt  - Đùa giỡn với con  - Đến bên, quỳ xuống, nhìn bà và đưa ra một khối bạc.  - Ra hiệu đưa bà trở về  - Quỳ xuống, cúi đầu quẫy đuôi tiễn biệt và gầm lớn một tiếng | - Thấy gì đó động đậy trong bụng 🡪 đoán sắp đẻ 🡪 lấy thuốc kích đẻ hòa vào nước suối cho hổ uống  - Xoa bóp bụng cho hổ cái  - Nhận bạc và buộc vào thắt lưng  - “Xin chúa sơn lâm hãy quay về” | | **Kết quả** | - Hổ cái sinh con thành công | - Đỡ đẻ thành công cho hổ cái  - Được trả ơn bằng một khối bạc 🡪 cứu sống bà (mất mùa) | | **Ý nghĩa** | - Là con vật có tình với người thân, có nghĩa với ân nhân | - Dũng cảm, biết vượt qua nỗi sợ để giúp đỡ người khác  - Có kinh nghiệm làm việc và tình thương với con vật. | | **Nghệ thuật** | - Nhân hóa (con vật có hành động, tính cách, suy nghĩ như con người)  🡪 Hình ảnh con vật rõ nét, sinh động | - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  🡪 Nhân vật sinh động, có hồn, thể hiện rõ tính cách, phẩm chất của nhân vật |   **2. Câu chuyện bác tiều phu giúp hổ mắc xương**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Con hổ** | **Bác tiều phu** | | **Hoàn cảnh** | **-** Bị hóc xương, đau đớn, vật vã, nhảy lên vật xuống, máu chảy lênh láng, nhớt dãi trào ra vì lấy chân móc họng.  🡪 Tính mạng đang gặp nguy hiểm | **-** Đang kiếm củi ở chân núi 🡪 thấy ngọn núi lay động không ngớt 🡪 vác búa đến xem 🡪 thấy con hổ đang cào đất…. | | **Hành động** | - Cào đất, nhảy lên nhảy xuống, lấy chân móc họng…  - Nằm phục xuống, há miệng cầu cứu  - Hổ liếm mép, nhìn rõ khuôn mặt bác tiều rồi bỏ đi | - Nhận ra sự việc 🡪 Uống rượu để lấy can đảm.  - Nói to “Đừng cắn ta…”  - Trèo xuống, lấy khúc xương ra khỏi cổ con hổ  - Hô lớn: “Có miếng ngon thì nhớ nhau nhé” | | **Kết quả** | - Con hổ được cứu  - Trả ơn bác tiều bằng một con hươu  - Lúc bác tiều mất: hổ xuất hiện trước mộ, năm nào đến ngày giỗ cũng đem hươu, lợn đến. | - Cứu được con hổ thoát khỏi cái chết  - Được hổ trả ơn từ lúc còn sống 🡪 mất | | **Ý nghĩa** | - Tình cảm vững bền, khắc cốt ghi tâm ơn nghĩa của ân nhân với mình.. | - Bác tiều phu dũng cảm, có lòng thương loài vật. Sẵn sàng cứu giúp hổ dù biết sự nguy hiểm. | | **Nghệ thuật** | - Nhân hóa, con hổ biết lắng nghe, có tình cảm như con người | - Đối thoại với con hổ  - Miêu tả tâm lí nhân vật  - Tên gọi “bác tiều phu” 🡪 người hiền lành, hay giúp đỡ người hoạn nạn | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:**  + Nêu nhận xét về cách đền ơn của hai con hổ ?  + Hoàn thành cây cảm xúc, bài học rút ra sau khi học xong văn bản.  (GV cho học sinh ghi ra giấy, rồi dán vào cây)    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  GV hỏi mở rộng bài học qua trò chơi CÙNG LÍ GIẢI.  1. Hãy nhận xét về tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện.  🡪 - Điểm chung: đều là ngôn ngữ, âm thanh của con hổ  - Điểm khác biệt:  + Con hổ thứ nhất: “gầm lớn” 🡪 lời chào ân nhân đang ở khoảng cách xa.  + Con hổ thứ hai: “gầm gừ, gào lớn” 🡪 gầm gừ như tâm sự, gào lớn khi biết ân nhân đã ra đi  2. Việc tác giả ghép hai câu chuyện vào nhau trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? Theo em, nếu bớt đi một câu chuyện, ý nghĩa của văn bản có thể bị ảnh hưởng như thế nào?  🡪Vì hai câu chuyện có nhiều điểm tương đồng: con hổ gặp nạn – con người giúp – con hổ trả ơn  - Nếu bớt đi 1 câu chuyện sẽ giảm đi sức thuyết phục, khó truyền tải đạo lí, bài học | **2. Bài học rút ra**  - Con hổ thứ nhất 🡪 đền ơn một lần  - Con hổ thứ hai 🡪 đền ơn mãi mãi  **🡺 BÀI HỌC VỀ CÁCH “NHẬN” VÀ “TRẢ” ƠN KHI ĐƯỢC GIÚP ĐỠ**  **+** Phải biết tri ân, đền đáp những người giúp đỡ mình, làm những điều tốt đẹp cho mình với sự chân thành sâu sắc  + Hãy luôn dũng cảm, vượt qua nỗi sợ hãi để sẵn sàng cứu giúp người khác trong những hoàn cảnh khó khăn, nguy cấp.  + Tình yêu thương muôn loài chính là tình cảm to lớn, bền vững, giúp thế giới trở nên tốt đẹp hơn. |
| **III. Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể loại truyện trung đại với cốt truyện đơn giản  - Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người.  - Sử dụng biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, miêu tả tâm lí nhân vật…  **2. Nội dung**  Mượn câu chuyện “con hổ có nghĩa”, tác giả muốn mang đến bài học, khuyên con người đề cao chữ “nghĩa” và biết tôn trọng ân nghĩa. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài.

*- GV chiếu một hình ảnh liên quan đến bài học và đặt câu hỏi:*

**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài.

***GV yêu cầu hs:*** *Viết một đoạn văn ngắn từ 10-12 câu nêu bài học em rút ra sau khi học xong văn bản “Con hổ có nghĩa”*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết 82,83,84: VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV tổ chức trò chơi: “XÂY DỰNG NÔNG TRẠI”***

1. Tìm câu thành ngữ nói về hành động của 2 con hổ sau khi được giúp đỡ trong văn bản “Con hổ có nghĩa”

**🡪 Đền ơn đáp nghĩa**

2. Tên gọi kiểu văn bản thể hiện ý kiến, nhận xét, đánh giá về các sự việc trong đời sống?

**🡪 Nghị luận (về một sự việc, hiện tượng trong đời sống)**

3. Khi ý kiến của người khác trùng với suy nghĩ của em, em thể hiện thái độ gì?

**🡪 Tán thành**

4. Khi muốn bảo vệ một ý kiến, quan điểm của người khác em cần làm gì?

**🡪 Đưa ra lý lẽ, dẫn chứng để chứng minh ý kiến đó là đúng, thể hiện sự đồng tình**

5. Có mấy bước để làm một bài văn? Đó là những bước nào?

**🡪 Có 3 bước**

Bước 1: Trước khi viết

Bước 2: Viết bài

Bước 3: Chỉnh sửa bài

6. Đối với những việc làm sai trái em nên thể hiện thái độ gì?

**🡪 Phản đối, không đồng tình**

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết bái văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một bài văn như thế, nhưng sẽ là trình bày ý kiến tán thành.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Theo em, để viết được một bài văn **nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**, cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**  - Nêu được vấn đề và ý nghĩa bàn luận  - Trình bày được sự tán thành đối với những ý kiến được bàn luận  - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành đó là có căn cứ |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “Nêu ý kiến về vai trò của gđ và nhà trường đối với sự trưởng thành của mỗi người”.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động CẶP ĐÔI CHIA SẺ  **+ YÊU CẦU: hoàn thiện phiếu học tập theo cặp đôi**  + **THỜI GIAN: 5 phút**   |  |  | | --- | --- | | 1. Vấn đề cô giáo đưa ra để nghị luận là gì? |  | | 2. Người viết đồng tình với ý kiến nào, của ai? |  | | 3. Người viết đã đưa ra những lý lẽ gì để bảo vệ, thể hiện sự đồng tình với ý kiến đó? |  | | 4. Người viết đã đưa ra những dẫn chứng gì để chứng minh cho ý kiến mình tán thành? |  | | 5. Người viết kết thúc vấn đề như thế nào? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**   |  |  | | --- | --- | | 1. | “Nêu ý kiến về vai trò của gđ và nhà trường đối với sự trưởng thành của mỗi người” | | 2. | Đồng ý với ý kiến của bạn Hồng Minh: “Gia đình cũng là trường học” | | 3. | Cha mẹ, ông bà không chỉ nuôi nấng, mà còn dạy bảo …tự nhiên mà thấm thía.  🡪 Vai trò của thành viên trong gia đình | | 4. | 🡪 Câu chuyện của bản thân: Tôi nhớ, lần tôi mới vào lớp 4… tôi vẫn thấy xấu hổ | | 5. | Khẳng định lại sự tán thành của mình. | |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

- Biết cách đưa ra lý lẽ, dẫn chứng.

- Sử dụng ngôi thứ nhất.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (bày tỏ ý kiến tán thành), gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức  GV chiếu mẫu dàn ý cho đề bài: Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí? để học sinh tham khảo.  **Mở bài:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?  **Thân bài:** Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề  Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:  + Ý 1: Khẳng định vai trò của người thầy trong học tập, rèn luyện (thầy cô giáo là người “lái đò”, mở cánh cửa tri thức…)  + Ý 2: Khẳng định bên cạnh việc học từ thầy cô còn cần học từ bạn bè (làm phong phú hiểu biết, dễ chia sẻ, đồng cảm hơn…).  + ý 3: Khẳng định hai câu tục ngữ nghe qua thì thấy mâu thuẫn, đối ngược nhau, nhưng thực chất lại bổ sung, làm phong phú cho nhau…  +……  **Kết bài:** Khẳng định vai trò quan trọng của người thầy trong việc học. Song việc học cần có sự chủ động, vừa học tập từ thầy cô vừa học hỏi từ bạn bè. | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  ***Gợi ý một số đề tài***  *1) Thành công và thất bại, mặt nào mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người tiến bộ?*  *2) “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy chẳng tày học bạn”, câu nào là chân lí?*  *3) Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?*  *4) Đồ dùng bằng nhựa, tiện tích và tác hại.*  **b. Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | Vấn đề được đưa ra bàn luận là gì? |  | | Vấn đề đó gợi ra những cách hiểu nào?  (Có những cách hiểu nào về vấn đề này?) |  | | Ý kiến nào là đáng quan tâm nhất?  (Em đồng tình với ý kiến nào?) |  | | Vì sao em bày tỏ thái độ tán thành? |  | | Em sẽ đưa ra những lý lẽ nào để bảo vệ cho ý kiến đó? |  | | Em sẽ đưa ra những dẫn chứng gì để chứng minh sự đúng đắn của ý kiến em tán thành |  | | Em sẽ kết thúc bài viết như thế nào? |  |   **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.  **- Thân bài:**  + Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:  + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:  - Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)  - Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)  - Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng).  **- Kết bài:** khẳng định tính chính xác của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.  **2. Viết bài**  - Nhất quán về ngôi kể/ đại từ xưng hô.  - Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý.  - Nắm vững cách viết của từng phần.  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn theo cách trực tiếp hay kể lại một câu chuyện để dẫn đến một vấn đề. Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc…  **- Thân bài:**  + Làm rõ khía cạnh cơ bản của vấn đề  + Khẳng định rõ ràng, dứt khoát thái độ tán thành ý kiến  + Tuần tự kiểm tra từng ý, sử dụng lí lẽ và huy động bằng chứng để sự tán thành ý kiến có sức thuyết phục. Mỗi ý cần viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các đoạn có liên kết chặt chẽ với nhau.  **- Kết bài:** khẳng định lại sự tán thành ý kiến đó, nêu tác dụng của ý kiến đó đối với cuộc sống. Phần kết bài nên viết trọn vẹn trong 1 đoạn văn.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) theo bảng hướng dẫn sau: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Theo em, để viết được một bài văn **nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**, cần đảm bảo những yêu cầu gì?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

Trong dân gian, thường tồn tại những câu tục ngữ nghe qua thì có vẻ đối ngược nhau, nhưng thực ra là đang bổ sung cho nhau để hoàn thiện hơn về nội dung. Hai câu tục ngữ Không thầy đố mày làm nên và Học thầy không tày học bạn là trường hợp như vậy.

Câu tục ngữ thứ nhất khẳng định tầm quan trọng của người thầy với sự thành công của mỗi con người. Từ “đố” đã góp phần khiến hình ảnh người thầy thêm cao lớn, trọng vọng. Bởi nếu thiếu đi thầy cô thì khó mà chúng ta công dành danh toại được. Ngược lại, câu tục ngữ thứ hai lại đề cao việc học từ bạn bè hơn cả thầy cô. Từ so sánh “không tày” đã đặt nặng cán cân về phía bạn học. Và vô tình có phần “xem nhẹ” việc học từ thầy cô. Tuy nhiên, cả hai câu tục ngữ này đều không sai. Mỗi câu đều đúng ở trong chính khía cạnh của mình. Khi đứng cạnh nhau, chúng bổ sung những điều còn thiếu cho nhau và từ đó giúp chúng ta hoàn thiện hơn trên con đường học tập.

Trong cuộc sống chính là vậy. Người thầy người cô dạy dỗ chúng ta tận tụy những kiến thức bổ ích ở lớp. Giải đáp cho ta những thắc mắc, nghi hoặc, gỡ rối và chỉ đường cho ta khi gặp những phân vân. Nhưng thầy cô không thể lúc nào cũng ở bên cạnh ta được, và cũng có những điều mà chúng ta thật khó để dãi bày cùng họ. Lúc này, chúng ta cần đến những người bạn. Việc có người bạn cùng lứa tuổi và thân thiết, có cùng cách hiểu, cách trình bày sẽ giúp chúng ta dễ đưa ra câu hỏi hơn. Việc nhờ bạn chỉ bài trong những lúc cấp thiết đôi khi sẽ tiện hơn là chúng ta chờ đến lớp để hỏi thầy. Đồng thời, có những điều mà chúng ta chỉ có thể học từ bạn, chứ không thể từ thầy cô. Tựa như cách chơi một môn thể thao, cách gấp hạc giấy, các đi xe đạp… Những lúc ấy, bạn bè chính là người thầy tuyệt vời nhất của ta.

Từ đó, chúng ta hiểu được rằng, trên con đường học tập kia, việc học từ thầy cô là quan trọng, nhưng việc học từ bạn bè cũng quan trọng không kém. Chúng ta cần phải biết cân bằng và phối hợp giữa hai cách học này để đem lại những hiệu quả tốt nhất

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TIẾT 85: NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về một vấn đề đời sống gợi ra từ tác phẩm văn học đã học.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**2. Phẩm chất:**

-   HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi* ***“NHÌN HÌNH ĐOÁN TRUYỆN”***

*+ Ếch ngồi đáy giếng*

*+ Ôm cây đợi thỏ*

*+ Thầy bói xem voi*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Ở những tiết học đầu tiên của chủ đề, chúng ta đã được học, được đọc rất nhiều truyện ngụ ngôn khác nhau. Hẳn là nhiều tuyện đã đưa lại cho các em nhiều ấn tượng sâu sắc vì bài học rút ra từ đó rất gần gũi, thiết thực. Trong buổi học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi* ***Kể lại một truyện ngụ ngôn***, *nêu ý nghĩa của câu chuyện và chia sẻ cảm xúc của mình nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**  HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Để thực hiện tốt bài kể về một truyện ngụ ngôn, em cần chuẩn bị những gì cho bước trước khi nói?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị**  - Chọn được truyện ngụ ngôn mà mình yêu thích.  - Nắm được cốt truyện, tóm lược nội dung truyện theo một trật tự đơn giản, dễ hiểu.  - Lưu ý những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ diễn đạt đặc sắc, giàu ý nghĩa.  - Có thể sáng tạo thêm những cách diễn đạt thú vị để tăng sức hấp dẫn nhưng không làm sai lệnh những yếu tố cơ bản của cốt truyện gốc.  ***Ví dụ: “Thầy bói xem voi”***  - Chuyện kể về năm ông thầy bói cùng nhau xem voi, nhưng mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi rồi cùng nhau tranh cãi.  - Người bảo voi như con đỉa, người bảo voi như cái đòn càn, người bảo voi như cái quạt thóc, người bảo voi như cột đình, người bảo voi như cái chổi sể…  - Không ai chịu ai, các thầy xông vào đánh nhau chảy máu.  - Từ câu chuyện này mà trong dân gian xuất hiện câu thành ngữ: “Thầy bói xem voi” để phê phán những người nhận thức phiến diện thiếu tổng thể.  **2. Luyện tập**  - Kể lại truyện trước các bạn trong nhóm, Chú ý bài học được thể hiện qua câu chuyện.  - Luyện kể bằng ngữ điệu truyền cảm. |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***“*** ***Kể lại một truyện ngụ ngôn mà em yêu thích”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Lời chào, nụ cười thiện cảm  - Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể  - Dẫn vào câu chuyện một cách đơn giản, linh hoạt  ***Ví dụ:*** Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường. ........ Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một câu chuyện ngụ ngôn mà tôi rất tâm đắc. Tôi nghĩ là qua câu chuyện, chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều hay và nhiều bài học bổ ích. Đó là câu chuyện “Thầy bói xem voi”. Các bạn và cô giáo cùng lắng nghe nhé!  **2. Triển khai**  - Kể nội dung câu chuyện bằng lời kể sinh động  - Luôn tương tác với người nghe một cách tự nhiên (bằng lời nói, ánh mắt, cử chỉ,…)  - Có thể sáng tạo trong khi kể (không phải đọc thuộc lòng) để tạo sự lôi cuốn, nhưng không được làm sai lệch nội dung cơ bản của câu chuyện.  **3. Kết luận:**  - Nêu tóm lược câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện  **-** Lời cảm ơn  **Ví dụ: Kể lại truyện ngụ ngôn “Thầy bói xem voi”**  Câu chuyện ấy vừa tạo nên tiếng cười giải trí, lại giúp chúng ta rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân. Rằng phải biết nhìn nhận mọi chuyện một cách toàn diện và đa chiều. Rằng không được bảo thủ, phải biết lắng nghe những đóng góp, ý kiến từ xung quanh mình...….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm. |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV tổ chức hoạt động *CÙNG THỂ HIỆN TÀI NĂNG*** “***Kể lại một truyện ngụ ngôn mà em yêu thích”***

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bài nói tham khảo**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường. ........ Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một câu chuyện ngụ ngôn mà tôi rất tâm đắc. Tôi nghĩ là qua câu chuyện, chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều hay và nhiều bài học bổ ích. Đó là câu chuyện “Thầy bói xem voi”. Các bạn và cô giáo cùng lắng nghe nhé! Ngày xửa ngày xưa, tại một làng nọ, có tới năm ông thầy bói cùng hành nghề. Thầy thì đông, người xem thì ít nên thầy chẳng mấy khi bận rộn.

       Một hôm nhân buổi hàng họ ế ẩm, các thầy rủ nhau về sớm. Đi đường thầy nào cũng phàn nàn, từ lúc cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa biết hình thù con voi nó thế nào. Về tới gốc đa đầu làng, đang ngồi tán gẫu, bỗng các thầy nghe người đi chợ về kháo nhau có con voi đi qua. Băn khoăn một lúc, các thầy bàn nhau góp tiền chi viên quản tượng để được một lần xem con voi nó thế nào.

       Khi voi đứng lại, năm thầy đều tiến lại gần. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy lại sờ chân, thầy lại sờ đuôi. Được một lúc, năm thầy ngồi lại bàn tán với nhau.

       Thầy sờ vòi nhanh nhảu nói trước :

- Ôi giời ! Tưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó sun sun như con đỉa.

- Thầy nói sai bét rồi, thầy sờ ngà lên tiếng.

- Nó chần chẫn như cái đòn càn

Thầy sờ tai đứng ngay cạnh vội tiếp lời.

- Các thầy nói thế nào ấy chứ, tôi thấy nó bè bè như cái quạt thóc.

- Các thầy nói đều không đúng cả! - Thầy sờ chân đứng chống gậy vuốt râu.

- Tôi thấy nó sùng sững như cái cột đình.

- Thôi các thầy đừng cãi nhau nữa! - Thầy sờ đuôi vội can.

- Thực tế nó tun tủn như cái chổi sể cùn.

       Mỗi thầy một ý chẳng thầy nào dám vác mặt ra ngoài chợ, đi đâu các thầy cũng bị ngưởi ta chế giễu : Đến đánh giá một con vật còn không đúng thì bói toán ai dám tin. Thế là từ đó dân gian mới có thành ngữ "thầy bói xem voi" để chỉ những kẻ xem xét sự vật hiện tượng nhưng chỉ nhìn từ một phía mà thôi.

Câu chuyện ấy vừa tạo nên tiếng cười giải trí, lại giúp chúng ta rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân. Rằng phải biết nhìn nhận mọi chuyện một cách toàn diện và đa chiều. Rằng không được bảo thủ, phải biết lắng nghe những đóng góp, ý kiến từ xung quanh mình...….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Hình thức: chia làm 4 nhóm, mỗi nhóm chọn 1 câu chuyện ngụ ngôn và thảo luận, hoàn thiện, cử đại diện 1 bạn trong nhóm lên trình bày trước lớp.

- Thời gian: thảo luận (5 phút), trình bày (3 phút)

- Lưu ý: không chọn trùng câu chuyện với các nhóm

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

Các em tiếp tục sưu tầm nhiều câu chuyện ngụ ngôn khác.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

Các em tiếp tục sưu tầm nhiều câu chuyện ngụ ngôn khác đồng thời tập nói thuần thục hơn.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**CHỦ ĐỀ 7:** **THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 86, 87 : CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG**

**(Trích** *Hai vạn dặm dưới đại đương* **- Giuyn Vec-nơ)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

**b. Năng lực riêng biệt**

*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản Khoa học viễn tưởng:

+ Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật. không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

+ Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong VB.

+ Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.

+ Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận.

**2. Phẩm chất**

- Hình thành và phát triển ở HS: Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học;tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết, trí tưởng tượng phong phú của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức liên môn, trí tưởng tượng và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trảlời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thựchiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu nhiệm vụ: *Hãy kể tên những nhà khoa học và những phát minh vĩ đại của họ với nhân loại mà em biết?*

*Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

– HS hoạt động cá nhân, dựa vào những hiểu biết của các em về cuộc sống trên Trái Đất hiện nay bày tỏ ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

– GV cũng có thể (không nhất thiết) chia sẻ cùng HS về mơ ước của bản thân mình, kết nối với bài học: *Qua việc đọc VB “Chạm trán giữa đại dương” ở nhà, em có biết đó là cuộc chạm trán gì không? Em có nghĩ với khả năng của con người hiện nay cuộc chạm trán đó có thể xảy ra được không? Vì sao?*

–GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn

- Nhận biết được các nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.

- Liên hệ, so sánh, kết nối.

**b. Nội dung:**  Hs làm phiếu học tập số, phương pháp theo nhóm 4-6 học sinh, phương pháp gợi mở đàm thoại để tìm hiểu về lời nhân vật, cốt truyện, nhân vật, thái độ của tác giả dân gian

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và cho biết:  *1)* *Bài học 1 gồm những văn bản đọc chính nào?*  *2) Các VB đọc chính cùng thuộc thể loại gì?*  *3) VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *4) Vì sao các VB đọc chính và VB3 (đọc kết nối chủ điểm) lại cùng xếp chung vào bài học 1?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.  **NV1: Tìm hiểu về đề tài và chi tiết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - GV yêu cầu HS đọc phần **Tri thức ngữ văn** trong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1.Thế nào là truyện khoa học viễn tưởng?*  *2. Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng với truyện kì ảo?*  *3. Tìm các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng.*  *4. Nêu đề tài và nguồn gốc của truyện khoa học viễn tưởng?*   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**  **(Chuẩn bị ở nhà)** | | | 1.Thế nào là truyện khoa học viễn tưởng? . | ………… | | 2. Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng với truyện kì ảo? | ………………………… | | 3. Tìm các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng. | ………………………… | | 4. Nêu đề tài và nguồn gốc của truyện khoa học viễn tưởng? | ………………………… |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọcphần **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **Dự kiến sản phẩm của HS:** | **A. Giới thiệu bài học**  **1. Đọc:**  **\* Đọc – hiểu các văn bản***:*  - VB1: Cuộc trạm chán trên đại dương(Guyn Véc- nơ);  - VB 2: *Đường vào trung tâm vũ trụ* ( Hà Thuỷ Nguyên);  - VB 3: Dấu ấn Hổ Khanh (Nhật Văn)  **\*Thực hành tiếng Việt:** Mạch lạc và liên kết văn bản, công dụng của dấu chấm lửng.  **2. Viết:** Viết đoạn văn kể lại một nhân vật có thật.  **3. Nói và nghe:** Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.  **B. Tri thức ngữ văn**  **1. Đề tài và chi tiết**  **a. Đề tài**  \****Khái niệm***: Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm: “... miêu tả một thực tại tưởng tượng.  \****Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng và truyện kì ảo:*** Truyện kì ảo là “một thể loại hư cấu bậc cao. Các sự kiện trong truyện kì ảo không thể thực sự xảy ra, mà dường như là do phép thuật  **\* Các yếu tố của Truyện khoa học viễn tưởng**.  + Đề Tài  + Không gian.  + Cốt truyện.  + Nhân vật chính.  **\*Nguồn gốc**: Truyện khoa học viễn tưởng bắt nguồn từ phương Tầy ở thế kỉ XIX và phát triển mạnh mẽ trong thế kỉ XX. Ở Việt Nam, phải đến thế kỉ XXI, khi khoa học công nghệ phát triển, thể loại này mới thực sự khởi sắc. |
| **B1 : Giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh đọc SHS làm việc nhóm cặp đôi( theo bàn ) và trả lời câu hỏi .   |  |  | | --- | --- | | HỌ TÊN lỚP  Ngày tháng Môn  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 | | | Tìm hiểu về tác giả Vũ Bằng  ……………………………………  …………………  …………………….. | -Hoàn cảnh sáng tác :…………...  - Xuất xứ :…..  - Thể loại : …….  - PTBĐ: ………..  - Bố cục:……………… ……………………………. |   Nêu những hiểu biết của em về tác giả Vũ Bằng ?  HS nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của VB  Văn bản thuộc thể loại gì ?  Phương thức biểu đạt của văn bản là gì ?  Đọc VB em cho biết VB chia làm mấy phần và nội dung từng phần ?  **B2 : Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin  HS quan sát SHS  **B3 : Báo cáo thảo luận**  GV yêu cầu HS trả lời  HS trả lời câu hỏi của GV  **B4: Kết luận nhận định (GV**)  Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình  **2. Văn bản**  **a. Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  – GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết đề tài, ngôi kể, nhân vật trong truyện.  – GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Dựa trên kết quả của phiếu học tập số 2, tóm tắt bằng lời câu chuyện trong văn bản *Chạm trán giữa đại dương*.  – GV yêu cầu HS: Từ việc đọc văn bản ở nhà và tóm tắt cốt truyện, em hãy chọn đọc một đoạn trong văn bản mà em thấy lý thú nhất; chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với đoạn đó; chỉ ra tác dụng của các thẻ chỉ dẫn trong đoạn VB em đọc (nếu có).  – GV yêu cầu HS trao đổi về những từ ngữ khó trong VB.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS trả lời câu hỏi.  – HS đọc diễn cảm một số đoạn được chọn trong VB, chú ý sử dụng các thẻ chỉ dẫn đọc ở bên phải VB.  – Tìm hiểu nghĩa của các từ khó, ghi lại những từ chưa hiểu; vận dụng các câu hỏi trong khi đọc để hiểu VB.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, đọc diễn cảm.  – HS giải thích nghĩa của các từ được chú thích trong SGK, nêu những từ khó mà chưa được chú thích.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét cách đọc của HS và kết luận về đề tài, nhân vật, ngôi kể, cốt truyện  **Tác giả văn bản Cuộc chạm trán trên đại dương**  - Giuyn Véc-nơ (1828 – 1905) là nhà văn người Pháp, được xem là “cha đẻ” của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.  - Ông còn được coi như “nhà tiên tri khoa học" kỳ tài vì đã đề cập đến những cuộc phiêu lưu kì thủ bằng tàu ngầm, máy bay, tàu du hành vũ trụ trước khi con người chế tạo ra những phương tiện này.  - Những truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng: Hành trình vào Tâm Trái Đất (1864), Từ Trái Đất tới Mặt Trăng (1965), Hai vạn dặm dưới biển (1870), Vòng quanh thế giới trong 30 ngày (1873), Năm 2889 (1889),...  + Góc nhìn “nhân vật tôi” là một góc nhìn khám phá. Điều này rất phù hợp với những truyện du ký, thám hiểm.  + Những tình tiết của câu chuyện được triển khai thông qua góc nhìn và suy nghĩ của “tôi” sẽ sáng tỏ dần theo những bước chân của nhân vật gây sự tò mò, hứng thú cho người đọc.  **Tóm tắt văn bản Cuộc chạm trán trên đại dương:**  Chuyến thám hiểm khởi hành từ Brooklyn trên tàu hải quân của Hải quân Hoa Kỳ Abraham Lincoln và đi về phía nam quanh Cape Horn đến Thái Bình Dương . Con tàu tìm thấy con quái vật sau một cuộc tìm kiếm dài và sau đó tấn công con quái vật, Ned phóng lao nhọn trúng con cá. Con quái vật quay lại, tấn công tàu Lincoln làm hỏng bánh lái. Aronnax bị rơi xuống biển, Conseil tự nguyện nhảy xuống với chủ của mình. Hai người lênh đênh trên biển, qua tới hôm sau thì gặp Ned đang ở trên lưng con cá. Cả 3 người phát hiện ra rằng "con cá quái vật" là một tàu ngầm rất xa thời đại của nó. Họ nhanh chóng bị bắt và mang vào bên trong tàu, nơi họ gặp người sáng tạo bí ẩn và chỉ huy, thuyền trưởng Nemo.  ***GV: Khi phân tích có thể gộp phần 1 và 2 làm một phần***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  HS thảo luận nhóm   |  |  | | --- | --- | | **Hình ảnh con cá thiết kình** | | |  | **Chi tiết** | | Hình dáng |  | | Hành động: |  | | Cách thở |  | | Tốc độ bơi |  | | Nghệ thuật |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **II Đọc, hiểu văn bản**  **1. Hình ảnh con cá thiết kình**   |  |  | | --- | --- | | **Hình ảnh con cá thiết kình** | | |  | **Chi tiết** | | Hình dáng | - Cá thiết kình này có thể phát ra ánh điện“một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét”.  - con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.” | | Hành động: | - “Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ!”  - “Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh.” | | Ách thở | “hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét…cách thở của cá thiết kình”. | | Tốc độ bơi | Bơi 18,5hải lí một giờ, nhanh như chiếc tàu chạy nhan nhất của hạm đội Mĩ | | Nhận xét | -Nghệ thuật so sánh, nhân hóa  -Miêu tả hành động đặc biệt của con cá  =>Con cá to lớn, lạ , khó xá định  Cách miêu tả hấp dẫn, cuốn hút người đọc. Gợi nên hình ảnh một con cá voi khổng lồ giữa lòng đại dương rất sinh động. |   **2. Cuộc chạm trán trên biển**.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm HS điền vào hai phiếu học tập  Phiếu 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cuộc rượt đuổi** | | | |  |  |  | | Thời gian |  | | | Không gian |  | | | Hành động |  |  | | Nhận xét |  |  |   Phiếu 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cuộc dọ sức** | | | | Thời gian |  | | | Không gian |  | | | Kết quả |  |  | | Nhận xét |  | |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cuộc dọ sức** | | | | Thời gian | Trong suốt một giờ đồng hồ | | | Không gian | Mặt biển bao la rộng lớn | | | Diễn biến | + “Chân vịt bắt đầu quay. Tàu Lin-côn lao thẳng về phía con cá.”  + “Cuộc đuổi bắt kéo dài ít nhất bốn mươi lăm phút, nhưng tốc độ chiếc tàu không cho phép nó theo kịp con cá”.  “Nét Len lên vị trí chiến đấu.  Thuyền trưởng Phác-ra-guýt ra lệnh tàu chạy từ từ để đối thủ khỏi thức giấc. Nét lên lại vị trí chiến đấy, tàu Lin-côn lặng lẽ tới cách con cá bốn trăm mét.  + Khi tàu cách con cá hơn sáu mét, cánh tay Nét bỗng giơ cao, phóng mũi lao sắt lên không trung, một tiếng kêu lanh lảnh phát ra như tiếng kim loại chạm nhau. | + Con cá nằm yên  + Con cá vẫn bơi như không có chuyện gì xảy ra | | Kết quả | Mọi người bị hất xuống biển | + Con cá vẫn bơi như không có chuyện gì xảy ra | | Nhận xét | - Miêu tả thành công hành động của nhân vật  => Sự kiên trì, mạo hiểm ưa khám phá của thủy thủ | |   **3. Sự thật về con cá**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc đoạn cuối truyện và thực hiện các nhiệm vụ sau:  Học sinh hoàn thành các phiếu học tập 4 bằng hình thức hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm  1.Khi Nét len phóng mũi lao vào con cá thì phát ra âm thanh gì? Qua âm thanh dó em có suy đoán gì về con cá này?  2 Theo qua sát của Nét len con cá có hình dáng ntn?  3 Khi nghe nét nói âm thanh phát ra từ con cá rất kì lạ, giáo sư đã có cuộc thực nghiệm như thế nào?  4 [Liệt kê những câu văn thể hiện tư duy lô-gíc đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng trong đoạn kể lại những phán đoán của nhân vật giáo sư Pi-e A-rôn-nác – người kể chuyện - về chiếc tàu ngầm.](https://vietjack.me/liet-ke-nhung-cau-van-the-hien-tu-duy-lo-gic-dac-trung-cua-truyen-khoa-80940.html)  [5 Nhan đề "Hai vạn dặm dưới biển" đã thể hiện ước mơ gì của Giuyn Vec-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa như thế nào?](https://vietjack.me/de-tai-cua-tac-pham-hai-van-dam-duoi-bien-la-gi-hien-nay-de-tai-do-co-80941.html)  6 Theo em, con người cần làm gì để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Câu2**  **- Được thiết kế với kích thước to và thon dài.**  **- Xung quanh** được bao bọc bởi thép.  - Hai bên có vây lái được điều khiển bằng hệ thống điện.  - Bên trên có tháp điều khiển chứa ống nhòm để quan sát và di chuyển.  **Câu3**  Những câu văn thể hiện tư duy lô-gíc đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng trong đoạn kể lại những phán đoán của nhân vật giáo sư Pi-e A-rôn-nác – người kể chuyện - về chiếc tàu ngầm là:  *+ "Nếu đây đúng là một chiếc tàu thì nhất định phải có máy móc làm nó chuyển động và người điều khiển chứ!"*  *+ "Chắc là như vậy! [...] Nhưng tôi đứng trên hòn đảo di động này đã ba tiếng đồng hồ mà chẳng thấy một dấu hiệu nào của sự sống cả."*  *+ "Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc, phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... chúng ta đã thoát chết!"*  *+ "Thế là tính mạng chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn của những người điều khiển con tàu này! Họ cho tàu lặn xuống là chúng tôi toi mạng ngay! Còn nếu họ không làm như vậy thì tôi chẳng nghi ngờ gì khả năng đặt quan hệ với họ. Nếu họ không chế tạo dưỡng khí bằng phương pháp hóa học thì thỉnh thoảng họ cũng phải cho tàu nổi lên mặt biển để dự trữ không khí mới. Như vậy, phải có một lỗ thủng nào đó để lấy không khí vào trong tàu."*  **Câu4**  - Thoạt tiên, khi nghe Nét Len nói là mũi lao không đâm thủng được da con quái vật, vị giáo sư đã “trèo lên lưng” con cá rồi “thử lấy chân gõ” và nhận thấy thân nó rắn như đá, không mềm như cá voi”. Sự thận trọng của một nhà khoa học khiến ông chưa dám khẳng định đó là vật gì, thậm chí ông còn băn khoăn với cái mai cứng như thế thì liệu đó có phải là “loài động vật thời cổ đại” như rùa hay cá sấu không.  - Tiếp theo, điều nghi ngại được loại bỏ ngay bằng dữ liệu ông quan sát thấy vật đó có cái lưng đen bóng, “nhẵn thín, phẳng lì” và “không có vảy”. Sự suy đoán tiếp tục được khẳng định chắc chắn hơn qua thực nghiệm khi ông gõ vào vật đó và nghe thấy âm thanh kêu "boong boong” Và rồi khi tận mắt nhìn thấy những mối ghép của những tấm thép lá thì ông hoàn toàn khẳng định đây không phải là con quái vật như mọi người đồn thổi lâu nay, mà chính là một “hiện tượng kì diệu hơn, do bàn tay con người tạo ra” - chiếc tàu ngầm  **Câu5**  Vào thời điểm Giuyn Véc-nơ cho ra đời tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biền,* thế giới đã có tàu chạy dưới mặt nước nhưng vô cùng thô sơ (di chuyển chậm nhờ mái chèo), không hiện đại và tối tân như tàu ngẩm Nau-ti-luýt (chạy bằng động cơ điện với vặn tốc rất cao).  Với tài năng và trí tưởng tượng của mình Giuyn Vec-nơ đã thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục đại dương của con người lúc bấy giờ.  Và sau gần hai thế kỉ chiếc tàu ngầm và nguồn năng lượng điện năng đã không còn xa lạ đối với nhân loại và điều đó đã chứng minh lý tưởng của ông, ước mơ của ông, khát vọng của ông không phải là những ý tưởng viển vông.  GV nhắc các em chú ý một trong những đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng: Khoa học chính là “cái lõi sự thực” của những cầu chuyện viễn tưởng.  **Câu6**  Theo em, để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển, con người cần có ý thức bảo vệ môi trường biển, không xả các chất xả thải chưa qua xử lí xuống biển, đánh bắt các động vật một cách hợp lí. | **C. VĂN BẢN: CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG (Trích** *Hai vạn dặm dưới đại đương* **- Giuyn Vec-nơ)**  **I.Đọc tìm hiểu chung**  **1. Tác giả :**  – Giuyn Vec-nơ (1828 - 1905) là nhà văn người Pháp  –Ông được xem là "cha đẻ" của thể loại truyện khoa học viễn tưởng  **2. Văn bản**  -**Xuất xứ** : trích từ Hai vạn dặm dưới biển  - Đọc, chú thích  **- Thể loại :** tiểu thuyết KHVT  **- Phương thức biểu đạt :** tự sự  **- Ngôi kể:** Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật tôi (giáo sư) ngôi thứ nhất  - **Bố cục**: 3 phần  **Bố cục bài Cuộc chạm trán trên đại dương:**  Cuộc chạm trán trên đại dương có bố cục gồm 3 phần  Phần 1: Từ đầu đến “nhưng nó vẫn phớt lờ”: cuộc rượt đuổi  Phần 2: “Có thể hi vọng rằng...” đến “...mất tinh thần khi rơi xuống nước: Cuộc đọ sức giữa con cá và tàu chiến.  Phần 3: Còn lại: Tàu ngầm xuất hiện.  **II Đọc, hiểu văn bản**  **1. Hình ảnh con cá thiết kình**  - Hình dáng  + Chiều dài: không quá tám mươi mét.  + Chiều ngang cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.  - Hành động:  + Từ lỗ mũi vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét.  + Lượn hình vòng cung để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh.  + Đủng đỉnh tránh con thuyền  → Nghệ thuật so sánh, nhân hóa. Miêu tả hành động đặc biệt của con cá  =>Con cá to lớn, lạ , khó xá định  **2. Cuộc chạm trán trên biển**.  **a. Cuộc rượt đuổi**  - Kéo dài ít nhất 45 phút  -Tốc độ của con tàu tối tân không theo kịp "con cá"  - Con cá: Điềm tĩnh không sợ hãi, không tỏ vẻ gì mệt mỏi  **b. Cuộc dọ sức**  - Tàu kêu răng rắc  - Tất cả các thành viên trên tàu đều bị văng xuống biển chìm nghỉm  - Con cá vẫn bơi như không có chuyện gì xảy ra  - Miêu tả thành công hành động của nhân vật  => Sự kiên trì, mạo hiểm ưa khám phá của thủy thủ  **3. Sự thật về con cá**  Con cá là chiếc tàu ngầm  =>Giáo sư là người hiểu biết, điềm tĩnh, thận trọng |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  – *Nêu nội dung chính của truyện “Chạm trán trên đại dương”.*  *– Điều gì đã làm nên sức hấp hẫn của truyện?*  – *Truyện đã tác động như thế nào đến suy nghĩ và tình cảm của em?*  *- Việc để cho một nhà khoa học vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất sẽ có tác dụng gì?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  Người kể chuyện ngôi thứ nhất đổng thời la vị giáo sư, trực tiếp xuất hiện và tham gia vào diễn biến cốt truyện, vì thế cầu chuyện vể chiếc tàu ngầm tối tần được kể lại mang tính khoa học cao. Những kiến thức hay lập luận của nhân vật người kể chuyện vể các vấn đề ki thuật, công nghệ và đại dương vừa đảm bảo tính chính xác vì tuân theo lô-gíc khoa học, vừa đảm bảo sức hấp dẫn nhờ trí tưởng tượng phong phú của nhà văn. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Truyện kể về cuộc thám hiểm trên đại dương của giáo sư Pi-e A-rôn-nac cùng hai trợ thủ của ông và cuộc chạm trán đầy bất ngờ của họ trên đại dương.  **2. Nghệ thuật**  + Sự khám phá đầy bất ngờ và thú vị của các nhà thám hiểm khác xa với sự hình dung và tưởng tượng của người đọc lúc đầu  + Nghệ thuật miêu tả tinh tế đầy sức hấp dẫn và lôgic |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*-* **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: *GV tổ chức trò chơi giữa 4 đội bằng cách trả lời đúng các câu hỏi trắc nghiệm*

Câu 1: Tác giả của văn bản  "Cuộc chạm trán trên đại dương" là ai?

* A. Giuyn Véc - nơ
* B. William Shakespeare
* C. Jacob Ludwig Karl
* D. Lev Nikolayevich Tolstoy

Câu 2: Tác giả Giuyn Véc - nơ là người nước nào?

* A. Pháp
* B. Nga
* C. Đức
* D. Anh

Câu 3: Tác giả Giuyn Véc - nơ được mệnh danh là gì?

* A. Cha của đẻ của tiểu thuyết kinh dị.
* B. Cha đẻ của tiểu thuyết Pháp.
* C. Cha đẻ của văn học lãng mạn Pháp.
* D. Cha đẻ của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

Câu 4: Con cá thiết kình trong "Hai Vạn dặm dưới biển" có gì khác thường?

* A. là một loài cá voi có răng thuộc họ cá heo đại dương.
* B. nhỏ hơn, dài khoảng 5 – 7m, với cân nặng từ 3 đến 4 tấn
* C. xuất hiện những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của cá thiết kình cũng phụt tắt.
* D. có thể sinh sản đến khoảng 40 tuổi.

Câu5: Mũi lao đã đâm trúng vật gì?

* A. một con cá heo
* B. một con cá kình thiết
* C. rặng san hô
* D. một vật bằng kim loại.

Câu 6: Hình dáng bên ngoài của chiếc tàu ngầm như thế nào?

* A. khoảng 8 mét, cân đối, vỏ bằng thép.
* B. khoảng 10 mét, cân đối, vỏ bằng thép
* C. khoảng 7 mét, cân đối, vỏ bằng thép.
* D. khoảng 9 mét, cân đối, vỏ bằng thép.

Câu 7: Những chi tiết miêu tả hình dáng lạ lùng của con cá thiết kình trong phần (1) của đoạn trích là:

* A. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt.
* B. Màu đen, nổi lên mặt nước độ một mét.
* C. Không dài quá tám mét. Cả ba chiều đều cân đối.
* D. Lỗ mũi to, vọt lên hai cột nước cao tới bốn mét.
* E. Tốc độ nhanh hơn tốc độ của tàu.
* F. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 8:  Cuộc chạm trán trên đại dương dẫn những nhân vật nào vào cuộc phiêu lưu ở không gian trên mặt biển, cụ thể là trên một con tàu ngầm?

* A. Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len
* B. Pi-e A-rôn-nác
* C. Công-xây
* D. Nét Len

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS:*Viết đoạn văn (khoảng 5* –*7 câu)* *kể tiếp (theo tưởng tượng của em) vé sự kiện diẽn ra sau tinh huống nhân vật “tôi”, Công-xây và Nét Len bị kéo vào bên trong con tàu ngâm.*

**Thực hiện nhiệm vụ:**

Hướng dẫn HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc, đầy đủ chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

**Báo cáo, thảo luận:**

Một sốHS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn. Các tiêu chí có thể như sau:

­–Nội dung: Có thể tưởng tượng ra những tình huống mà 3 nhân vật gặp phải khi vào bên trong con tàu ngầm, tận mắt chứng kiến những thiết bị hiện đại, giải đáp những thắc mắc của họ lúc trước về con tàu này…

­–Ngôi kể: Sử dụng ngôi kể thứ nhất

­–Chính tả và diễn đạt: Đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt

­–Dung lượng; Đoạn văn khoảng 5- 7 câu

**Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.

**Hướng dẫn về nhà**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Văn bản " **Thực hành tiếng Việt** "

+ Yêu cầu HS đọc kỹ văn bản.

**Tiết 88: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b, Năng lực riêng biệt: Biết cách**

* Nhận biết được đặc điểm của mạch lạc và liên kết.
* Hiểu được chức năng của mạch lạc và liên kết trong văn bản.
* Chỉ ra được các phương tiện ngôn ngữ dùng để tạo nên tính liên kết cho văn bản.

**2, Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức nói và viết một cách logic, rõ ràng và mạch lạc.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: hs so sánh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: Xếp từ- ghép câu**

Hãy sắp xếp các câu văn dưới đây thành một văn bản hoàn chỉnh:

**(1)**Tình cờ, người đi trước cũng được một cành cây và ẩn mình trong đám lá, người kia không biết trông cậy vào đâu, đang nằm bẹp xuống đất, mặt vùi trong cát.

(2)Bấy giờ, người trên cây trèo xuống gặp bạn, và hỏi gấu đã thì thầm điều gì với bạn vậy?

(3)Gấu đến gần di mỏng và tay người này người, người mãi.

(4)Có hai người bạn đang đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ.

(5) Gấu bảo rằng không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong lúc hoạn nạn- người kia nói.

(6)Nhưng cuối cùng, gấu hú lên một tiếng, lắc đầu rồi lững thững bỏ đi, vì gấu không ăn những con vật chết.

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs so sánh

**\* Báo cáo kết quả:** Hs báo cáo

(4)Có hai người bạn đang đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ.

**(1)**Tình cờ, người đi trước cũng được một cành cây và ẩn mình trong đám lá, người kia không biết trông cậy vào đâu, đang nằm bẹp xuống đất, mặt vùi trong cát.

(3)Gấu đến gần dí mõm vào tai người này ngửi, ngửi mãi,...

(6)Nhưng cuối cùng, gấu hú lên một tiếng, lắc đầu rồi lững thững bỏ đi, vì gấu không ăn những con vật chết.

(2)Bấy giờ, người trên cây trèo xuống gặp bạn, và hỏi gấu đã thì thầm điều gì với bạn vậy?

(5) Gấu bảo rằng không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong lúc hoạn nạn- người kia nói.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học :** Như vậy chúng ta nhìn thấy, thông qua hai phần để chúng ta so sánh các mẫu câu với nhau mình nhận ra rằng trong thực tế khi nói và viết chúng ta thường hay sử dụng các cách nói để phóng đại cái tính chất, mức độ, của đối tượng lên nhằm mục đích để làm cho sự diễn đạt sống động hơn và để lại ấn tượng nổi bật cho người nói cho người nghe hoặc người đọc. Đấy chính là biểu hiện của cách dùng biện pháp tu từ nói quá. Ngày hôm nay, để chúng ta cùng tìm hiểu cách thức làm thế nào để mình gây ấn tượng với người nghe, người đọc thì chúng ta sẽ cùng tìm hiểu biện pháp tu từ nói quá.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Mạch lạc trong văn bản là gì?  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1:**  **Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.** ? Cho biết, mạch lạc trong đoạn văn trên được thể hiện ở yếu tố nào?( Nội dung chính của đoạn văn, trật tự các câu trong đoạn,...)  ? Tác dụng của tính mạch lạc với đoạn văn ra sao?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Nội dung chính của đoạn văn:** về bức tranh của Kiều Phương.  Đoạn văn gồm **năm câu**, toàn bộ các câu văn đều có nội dung hướng về chủ đề chung thống nhất là bức tranh của Kiều Phương.  Các câu văn trong đoạn văn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí từ giới thiệu bao quát về phòng triển lãm tranh đến bức tranh của Kiều Phương, từ hình dáng bên ngoài (đóng khung, lồng kính) đến nội dung bức tranh với các đường nét tạo hình nhân vật chú bé đang ngồi nhìn ra cửa sổ.  =>Trình tự ấy là từ xa đến gần, từ bao quát đến chi tiết. Nếu thay đổi vị trí các câu trong đoạn văn, nội dung đoạn văn sẽ lộn xộn, gây khó hiểu cho người đọc.  **Tác dụng của tính mạch lạc với đoạn văn**: Khiến nội dung đoạn văn được thể hiện rõ ràng, logic đồng thời giúp người đọc dễ dàng hơn trong việc tiếp nhận và hiểu được nội dung đoạn văn.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **2. Nhận biết liên kết và chức năng của nó trong văn bản**  a) Mục tiêu: Hs nhận biết liên kết và chức năng của nó trong văn bản  b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  d) Tổ chứchoạt động:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Liên kết là gì?  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 2:**  **Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.** ? Cho biết các câu trong đoạn văn trên được liên kết với nhau bằng những phép liên kết nào?  ? Nêu ý nghĩa của việc sử dụng các phép liên kết trong đoạn văn  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  Phép lặp từ ngữ: các từ “bức tranh”, “chú bé” được lặp lại.  Phép thay thế từ ngữ: từ “tranh” thay thế cho cụm từ “bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính”. Từ “chú” được thay thế cho từ “chú bé” được nhắc đến ở các câu trước.  **Tác dụng:** Nhờ các phép liên kết các câu trong đoạn văn gắn kết với nhau chặt chẽ, từ đó tạo nên tính mạch lạc cho đoạn văn.**\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **1.Nhận biết mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản**  + Mạch lạc là sự liền mạch về nội dung của văn bản.  + Mạch lạc được tạo ra dựa trên sự thống nhất về chủ đề và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.  **2. Nhận biết liên kết và chức năng của nó trong văn bản**    Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ  **PHÂN LOẠI CÁC HÌNH THỨC LIÊN KẾT**    **Phép nối :** thể hiện qua các từ ngữu có tác dụng nối giữa các câu, các đoạn văn.  **Phép lặp:** Thể hiện qua việc lặp lại các từ ngữ đã xuất hiện ở những câu văn trước.  **Phép thế:** Thể hiện qua việc thay thế các từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước bằng những từ ngữu đồng nghĩa hoặc có nghĩa tương đương. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** *Phân tích tính* ***mạch lạc*** *của đoạn văn (sgk/34) bằng việc đọc đoạn văn và hoàn thành*

Bài tập 1,2,3,4 *(sgk/34)*

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bài 1**

**Tính mạch lạc về trật tự sắp xếp các câu văn:** các câu trong đoạn văn được sắp xếp theo trình tự thời gian các sự việc diễn ra từ 6h tới bảy giờ và trình tự nhân -quả( khi trời còn sáng thì ánh điện của con cá thiết kình biến mất và do đó, đoàn người không thể nhìn rõ được mục tiêu săn đuổi của mình. Chính điều này lại là nguyên nhân dẫn đến tâm trạng “thất vọng và giận dữ” của các thủy thủ)

**Bài 2:** Các từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết cho đoạn văn.

**Phép thay thế từ ngữ:**

+Từ **“nó”** trong câu **(2)** thay thế cho cụm từ “một vệt dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét”trong câu **(1).**

+ Từ **“chiếc tàu”** trong câu (5) thay thế cho từ “chiếc tàu chiến” trong câu (1)

+ Từ **“nó”** trong câu **(7), câu (9)** thay thế cho từ “con cá”trong câu **(6), câu(8).**

**Phép lặp từ ngữ:**

+Từ **“đuôi”, “cá”, “con voi”, “quẫy”, “tôi”** được lặp lại nhiều lần trong đoạn văn.

**Tác dụng:** các từ ngữ đó tạo ra tính liên kết cho đoạn văn, khiến các câu trong đoạn gắn kết với nhau thành một chỉnh thể thống nhất, chặt chẽ.

**Bài 3**

Không thể đảo trật trật tự các câu trong đoạn văn trên vì: các câu trong đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí của chuỗi nhân- quả theo hành động và tâm trạng của nhân vật.

Câu **(1)** nêu hiện tượng con cá cũng tăng tốc bằng với tốc độ con thuyền. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự việc được nói đến trong câu(2): con tàu không thể tiến gần con cá hơn chút nào. Các sự việc xảy ra ở câu (1), câu (2) dẫn đến những cảm xúc của đoàn người trên tàu, được nói đến trong các câu còn lại: câu (3) nói về nỗi nhục nhã chung của mọi người, niềm tự hào của hạm đội tàu sẽ nhanh nhất đã bị xâm phạm. Câu (4) là nỗi giận dữ tiếp nối sau nỗi nhục nhã. Câu (5) là biểu hiện bên ngoài của tâm trạng nhục nhã, tức giận: họ nguyền rủa của con quái vật.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** Hãy chỉ ra tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn sau: Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của bạn toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sở dĩ không bị vui lớp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần của nhân loại.( Bàn về đọc sách, Chu Quang Tiềm)

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.

- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.

**\* Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

**Dự kiến sản phẩm:**

**Tính mạch lạc về chủ đề:** Tầm quan trọng của việc đọc sách.

**Tính mạch lạc về trật tự sắp xếp các câu văn:** các câu trong đoạn văn được sắp xếp theo trình tự nhân- quả. Mở đầu đoạn văn tác giả đưa ra ý kiến khẳng định tầm quan trọng của việc đọc sách. Các câu văn tiếp theo tác giả đưa ra lý lẽ giải thích lý do đọc sách là con đường quan trọng để xây dựng học vấn. Câu văn cuối tác giả khẳng định mạnh mẽ giá trị của sách với nhân loại.

**Tính liên kết trong đoạn văn:**

* Câu (1) với câu (2) được liên kết với nhau bằng:

Phép nối qua từ nối “**bởi vì”**

Phép lặp qua từ “**học vấn”**

* Câu (2) với câu (3) được liên kết với nhau bằng:

**Phép lặp,** từ ngữ được lặp lại là từ **“học vấn”** và cụm từ **“toàn nhân loại”**

* Câu (3) với câu (4) được liên kết với nhau bằng:

**Phép lặp,** từ ngữ được lặp lại là từ “thành quả”

**Phép thế**, cụm từ “**Các thành quả đó** “ thay thế cho “**thành quả của toàn nhân loại”**

* Câu (4) với câu (5) được liên kết với nhau bằng:

**Phép lặp,** từ ngữ được lặp lại là từ **“sách”**

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn 5-7 câu kể lại một tình huống trong “ Cuộc chạm trán trên đại dương” Thuyết minh ngắn gọn về mạch lạc và liên kết của đoạn văn.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Đoạn văn kể về tình huống chức tàu chiến tiến sát và tấn công con cá thiết kình.

Tưởng như đã mất dấu con cá khi màn đêm buông xuống, bỗng nhiên những người thủy thủ phát hiện có ánh điện sáng chói cách cách truyền ba hải lí. Con cá đang nằm lặng yên trên mặt biển. Thuyền trưởng ra lệnh lặng lẽ tiếp cận đối thủ. Đến khi chỉ còn cách con cá chừng 6m, Nét len vung mũi lao sắt phóng về phía con quái vật.Nhưng con vật bất ngờ phụt hai cộtnước lớn xuống bong tàu và lao thẳng vào thân tàu, khiến mọi người bị hất văng xuống biển.

Th**uyết minh tính mạch lạc và liên kết của đoạn văn:**

**Tính mạch lạc về chủ đề:**

+ Các câu văn trong đoạn cùng hướng về chủ đề chung là kể lại sự việcb đoàn người tiếp cận và tấn công con cá thiết kình

+ Những câu văn trong đoạn được sắp xếp theo trình tự nhân- quả và trình tự thời gian- không gian (từ xa đến gần, từ lúc chuẩn bị, tiếp cận, tấn công rồi bất ngờ bị con cả tấn công lại).

**Phép nối**:

+Từ**“nhưng”**cótácdụngnốicâu(6)vàcâu (7).

**Phép lặp**: từ “con cá” được lặp lại nhiều lần trong đoạn văn.

**Phép thay thế từ ngữ :**

từ “**đối thủ”, “ con quái vật”, “ con vật”** được dùng để thay thế từ **“con cá”.**

Từ “**mọi người”** được dùng để thay thế **“những người thủy thủ”** và **“thuyền trưởng”** cùng các thành viên trên tàu, được nói đến trong những câu trước.

**\* Kết luận, đánh giá.**

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn.

**Chuẩn bị bài sau:..**

**VĂN BẢN** 2**: ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ**

(Trích *Thiên Mã)* (Hà Thuỷ Nguyên)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b, Năng lực đặc thù: Biết cách đọc hiểu một truyện khoa học viễn tưởng**

+ Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

+ Nhận biết được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện ngôi thứ nhất là một nhà khoa học.

+ Hiểu được lối viết lo-gic mang tính đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng được thể hiện thông qua cách trình bày và dẫn dắt các sự kiện của người kể chuyện.

**2, Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Phát huy khả năng tưởng tượng để có thể hòa mình vào thế giới khoa học viễn tưởng, phiêu lưu và khám phá những điều kỳ diệu.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu ( 10P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chơi trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trả lời câu hỏi để vượt qua chướng ngại vật

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Một vài các con số và một vài các thông tin gợi mở chúng ta về thế giới mênh mông và bao la trên bầu trời của chúng ta. Không hẳn chỉ là các vì sao mà là vũ trụ rộng lớn vô cùng.. Từ rất lâu loài người không thôi khao khát muốn được khám phá những bí ẩn sâu thẳm khôn cùng của bầu trời sao trên đầu chúng ta để bước chân vào nơi vũ trụ xa xôi, tìm kiếm những bí ẩn vô vàn vẫn còn ẩn dấu ở trong không gian vũ trụ bao la. Ngày hôm nay, chúng ta cũng được đi khám phá vũ trụ nhưng không phải bằng những vệ tinh nhân tạo, bằng những tàu du hành mà chúng ta sẽ cùng đi khám phá vào trung tâm vũ trụ thông qua một tác phẩm truyện khoa học viễn tượng rất là thú vị của nền văn học Việt Nam đó chính là văn bản....

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 65P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **a) Mục tiêu:** Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  **b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc lưu loát văn bản.  Phân biệt lời kể chuyện với lời nhân vật( có thể tiến hành phân vai đọc diễn cảm)  Nắm chắc các chiến lươc đọc hiểu  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** |  | | **Tác giả** |  | | **Hoàn cảnh, xuất xứ** |  | | **Thể loại** |  | | **Bố cục** |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.   **Tìm hiểu từ khó:**  **Bố cục: 3 phần**  **Phần 1:** “Từ đầu .....chôm đồ như chốn không người”: Tìm đường vào trung tâm vũ trụ.  **Phần hai**: “Chưa đầy nửa tiếng sau”.... “ một chiều không gian thứ tự”. Ở trung tâm vũ trụ  **Phần ba:** còn lại. Khám phá không gian trung tâm vũ trụ  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **a) Mục tiêu**: Hs tìm hiểu các sự việc trong truyện  **b) Nội dung hoạt động**: HS trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu về cốt truyện**  Câu 1: Tình huống truyện đặt ra trong văn bản "Đường vào trung tâm vũ trụ" là gì?  Câu 2: Hãy cho biết bối cảnh (không gian, thời gian) diễn ra câu chuyện trong văn bản  Câu 3: Hãy tóm tắt những sự việc chính diễn ra trong văn bản? Em có nhận xét gì về cốt truyện của văn bản “Đường vào trung tâm vũ trụ”  Câu 4: Nhận xét về yếu tố khoa học và yếu tố viễn tưởng trong văn bản?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Hãy nêu Các sự việc chính trong văn bản  1.Hai nhân vật khám phá thánh địa Delphi để lần tìm con đường tới trung tâm vũ trụ.  2.Một tai nạn tình cờ trước đền thờ thần Apollo giúp hai bạn phát hiện ra một cái hố bí ẩn, có rãnh tròn nhỏ như một “vòng xoay của một động cơ cổ”. Họ nhận ra vòng xoay ấy có kích thước vừa khớp với hòn đá Omphalos.  3.Thần Đồng đã cưới con Thần Thoại vào bảo tàng, lấy hòn đá Omphalos tới đặt xuống hố. Một chùm sáng rực rỡ tỏa ra từ viên đá, mặt đất rung chuyển, hai người bị di chuyển xác một không gian kỳ lạ với tốc độ chóng mặt.  4.Khi mở mắt ra, họ xuất hiện ở một thế giới kỳ lạ, hòn đá đã thực hiện một “bước nhảy không gian” để đưa họ tới “cái rốn của vũ trụ”. “Tôi” cho rằng mình đã lạc vào “trung tâm Trái Đất” giống những gì miêu tả trong tiểu thuyết viễn tưởng của Jules Verne, nhưng Thần Đồng khẳng định đây không phải là tâm Trái Đất mà là Tâm Vũ Trụ.  5.Họ bắt đầu khám phá trung tâm vũ trụ, thấy những cây nấm khổng lồ, những con khủng long thời tiền sử, voi ma mút, chim điện quý hiếm, chuồn chuồn khổng lồ... trong khu rừng cổ sinh. Họ bay đến một dòng suối hiền hòa nơi có những đoàn người ta ngồi trên mỏm đá, cuối cùng họ hạ cánh trên cánh đồng cỏ rộng mênh mông tràn ngập hương thơm của các loài dã thảo.  Hãy chỉ ra Yếu tố khoa học trong “Đường vào trung tâm vũ trụ”  + Câu chuyện bắt đầu từ thế giới hiện đại nơi con người quen thuộc với các công cụ máy tính, mạng internet, những bộ phim và tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, những di tích lịch sử của nền văn hóa Hi Lạp cổ đại từng huy hoàng cách đây mấy ngàn năm, tri thức về các loài sinh vật thời nguyên thủy cách nay hàng trăm triệu năm  + Truyện cũng dựa trên các quan niệm khoa học hiện đại về “bước nhảy không gian”, về “chiều không gian thứ tư” khiến nhân vật có thể dịch chuyển tức thời tới một không gian khác.  + Bên cạnh đó là các phát minh khoa học liên quan đến công nghệ sinh học: công nghệ gen với việc cấy ghép gen của loài này vào loài khác để tạo ra các sinh vật mới lạ.  **2. Tìm đường vào trung tầm vũ trụ**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  (?) Kể tên các nhân vật xuất hiện trong văn bản và nêu ấn tượng của em về một nhân vật thường trong số đó.  (?) Nhân vật nào đã phát hiện ra đường vào trung tầm vũ trụ? Đường đi đó là gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  1.Các nhân vật trong truyện: nhân vật “cô bé” - người kể chuyện ngôi thứ nhất, cậu bé Thần Đổng, con ngựa Thần Thoại, chuồn chuồn khổng lồ, khủng long Spi-nô-sô-rớt Ê-gip-ti-cớt, voi ma mút, người cá. 2.Tiến trình phát hiện đường đi vào trung tâm vũ trụ:  + Hai nhân vật bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại.  + Khám phá thánh địa và phát hiện “rốn vũ trụ”.  + Thần Đổng quay trở về bảo tàng “mượn chìa khoá”.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **2. Khái quát không gian trung tâm vũ trụ**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  (?) Dựa vào văn bản, em hãy khái quát đôi nét về không gian trung tâm vũ trụ?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  **-** Đó là một thung lũng lọt thỏm dưới những núi đá vôi cao vời vợi, không biết đến tận cùng.  - Không có mây, không có mặt rời cũng chẳng có sao.  - Không có gì cả ngoài một tầng cao hoăm hoắm.  - Xung quanh được thắp sáng bằng bột lân binh.  =) Cảnh sắc khá kì lạ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **3. Khám phá không gian trung tâm vũ trụ**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **Nhóm 1:** Theo lời người kể chuyện, nhà văn Giuyn Véc-nơ đã miêu tả không gian Tâm Trái Đất như thế nào? Giữa Tâm Trái Đát với Tâm Vũ Trụ có mối liên hệ gì?  Nhóm 2: “Bước nhảy không gian” kì diệu đã đưa các nhân vật chính trở lại với khoảng thời gian nào?  Nhóm 3: Em hãy hình dung không gian thảo nguyên ở cuối văn bản, tiếp tục tưởng tượng thêm những loài sinh vật kì lạ sống ở đó và miêu tả bằng lời của mình.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  1.- Theo nhà văn Giuyn Véc-nơ: Tâm Trái Đất là “một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất” như: “những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm, ...”.  - Theo nhân vật Thần Đồng, Tầm Trái Đất chỉ có khoáng chất, không có sinh vật sống; Tầm Vũ Trụ là nơi có sự sống của các loài động vật, thực vật kì lạ. => Tầm Trái Đất đó chính là Tầm Vũ Trụ.  => Truyện khoa học viễn tưởng không chỉ dẫn người đọc vào những cuộc phiêu lưu kì thú mà còn thôi thúc niềm đam mê khám phá để người đọc tự mình trải nghiệm những điều kì diệu của cuộc sống.  - “Bước nhảy không gian” đã đưa ba nhân vật chính trở lại thời cổ đại, cách thời điểm câu chuyện được kể khoảng một trăm sáu mươi triệu năm.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **III. Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố nội dung và nghệ thuật đã tìm hiểu.  **b. Nội dung:** Nội dung đã tìm hiểu  **c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Nghệ thuật: thơ văn xuôi, hình ảnh giàu ý nghĩa;  + Nội dung: ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1. Đoc văn bản**  **2, Tác giả, tác phẩm**  - Hà Thuỷ Nguyên sinh năm 1986 tại Hà Nội.  - Một số tác phẩm đã xuất bản: Điệu nhạc trần gian (2004), Bên kia cánh cửa (2005), Thiên Mã (2010), ...Các tác phẩm có liên quan đến đến lịch sử, có thêm yếu tố thần thoại, huyền thoại.  **2, Văn bản**   * **-**Xuất xứ:   + “Đường vào trung tâm vũ trụ” được trích từ chương hai tiểu thuyết “Thiên mã” kể việc hai nhân vật chính đến Hy Lạp để giải cấu đố trên phiến đá cổ, tìm đường tới trung tâm vũ trụ.  + “Thiên mã” là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, gồm 10 chương, kể về cuộc phiêu lưu khám phá những nền văn minh lớn, những công trình cổ, bay vào tâm vũ trụ,... của nhân vật “tôi”- một cô bé mới lớn sống trong thế giới hiện đại, cùng với cậu bé Thần Đồng và con ngựa Thần Thoại( con ngựa là sản phẩm công nghệ gen khi cấy ghép gen thiên nga vào phôi ngựa, khiến con ngựa có cánh và có thể bay ).  **-Thể loại:** Truyện khoa học viễn tưởng  **3.Tìm hiểu từ khó**  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Tìm hiểu về cốt truyện**  TÌNH HUỐNG TRUYỆN  + Các nhân vật giải một câu đố bằng ngôn ngữ cổ( tiếng Hebrew) để tìm lối vào trung tâm vũ trụ.  + Câu đố ấy đã dẫn dắt các bạn trẻ đến với Hilạp và khám phá những di tích của nền văn minh Hilạp cổ đại .  ->Tình huống truyện gợi trí tò mò ở ngừoi đọc, dẫn dắt người đọc vào cuộc phiêu lưu đến những vùng đất lạ, ngược dòng thời gian trở về quá khứ xa xưa và tìm hiểu những bí ẩn của vũ trụ.  **Bối cảnh diễn ra câu chuyện**  **+ Không gian:** có sự dịch chuyển, từ khu di tích đem Phi với các di tích Delphi với các di tích của nền văn minh Hy Lạp cổ đại tới thế giới ở trung tâm vũ trụ thông qua bước nhảy không gian được tạo ra bởi hòn đá Omphalos. **Không gian thực**:  + Thánh địa Hy Lạp  + Viện bảo tàng khu di tích Đen-phi.  + Đền thờ các vị thần Hy Lạp  **Không gian ảo**  **+** Trung tâm vũ trụ  + Rừng cổ sinh, thảo nguyên + Dòng suối, nơi đoàn người cá đang ngồi.  **Thời gian**: từ hiện đại trở về thời cổ đại, người đọc được ngược dòng thời gian, tìm hiểu về Hy Lạp thời cổ đại mấy nghìn năm trước, và còn được khám phá thế giới nguyên thủy cách nay hơn một trăm triệu năm.    **2. Tìm đường vào trung tầm vũ trụ**  + Hai nhân vật bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại.  + Khám phá thánh địa và phát hiện “rốn vũ trụ”.  + Thần Đổng quay trở về bảo tàng “mượn chìa khoá”.  **2. Khái quát không gian trung tâm vũ trụ**  **-** Đó là một thung lũng lọt thỏm dưới những núi đá vôi cao vời vợi, không biết đến tận cùng.  - Không có mây, không có mặt rời cũng chẳng có sao.  - Không có gì cả ngoài một tầng cao hoăm hoắm.  - Xung quanh được thắp sáng bằng bột lân binh.  =) Cảnh sắc khá kì lạ.  **3. Khám phá không gian trung tâm vũ trụ**  1.- Theo nhà văn Giuyn Véc-nơ: Tâm Trái Đất là “một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất” như: “những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm, ...”.  - Theo nhân vật Thần Đồng, Tầm Trái Đất chỉ có khoáng chất, không có sinh vật sống; Tầm Vũ Trụ là nơi có sự sống của các loài động vật, thực vật kì lạ. => Tầm Trái Đất đó chính là Tầm Vũ Trụ.  => Truyện khoa học viễn tưởng không chỉ dẫn người đọc vào những cuộc phiêu lưu kì thú mà còn thôi thúc niềm đam mê khám phá để người đọc tự mình trải nghiệm những điều kì diệu của cuộc sống.  - “Bước nhảy không gian” đã đưa ba nhân vật chính trở lại thời cổ đại, cách thời điểm câu chuyện được kể khoảng một trăm sáu mươi triệu năm.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn phong phú, có nhiều hình ảnh sáng tạo mới lạ.  - Lối miêu tả chi tiết, sinh động, mới lạ, cuốn hút người đọc.  - Sử dụng triệt để biện pháp nhân hóa để xây dựng nhân vật hấp dẫn.  **2. Nội dung**  “Thiên mã” là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng thú vị pha trộn nhiều yếu tối huyền bí đưa người đọc vào thế giới ảo trong trí tưởng tượng. Bên cạnh đó, tác phẩm còn thu hút người đọc ở sự mới lạ và các kiến thức được sử dụng trong sách ở thời điểm nó ra đời. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 10P)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy tưởng tượng em sở hữu phát minh “bước nhảy không gian”. Viết đoạn văn khoảng (5-7 câu ) kể về không gian em định tới (không gian vũ trụ, Tâm Trái Đất hoặc các hành tinh khác)

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

**Gợi ý:**

Em hãy dựa vào những miêu tả về không gian Tâm Vũ Trụ trong văn bản để thực hiện bài viết của mình.

Bài viết cần thể hiện được đặc điểm lạ lùng và bí ẩn của không gian tưởng tượng.

Ví dụ:

+Nhiệt độ trong những không gian đó nóng hơn hoặc lạnh hơn ở trái đất.

+ Các loài động vật, thực vật sống trong không gian đó bé hơn hoặc lớn hơn các loài trên trái đất.

Viết bài:

+ Viết đoạn văn

+ Kiểm tra lại đoạn văn, rà soát lỗi chính tả hoặc lỗi diễn đạt.

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**\* Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5P)**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:** Giới thiệu bộ phim “ Hành trình vào tâm trái Đất”( 2008)

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá.**

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài,

**- Chuẩn bị bài sau:..**

**Tiết 91: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: DẤU CHẤM LỬNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b, Năng lực đặc thù: Biết cách**

+ Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.

+ Biết vận dụng hiểu biết về dấu chấm lửng để thực hành viết đoạn văn có sử dụng dấu câu này.

**2, Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu ( 5P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: hs liệt kê

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy liệt kê các loại dấu câu được sử dụng trong đoạn văn dưới đây?

Vào độ tháng mười ta, lúc đó thóc lúa đã đổ đầy bồ, rơm rạ phơi khô được đánh thành đống gọn gàng, bà tôi vừa bỏm bẻm nhai miếng trầu mới têm vừa thủng thẳng nói:

“Bao giờ cho đến tháng mười

Bát cơm thì trắng bát rươi thì đầy”

Các gia đình trong làng rục rịch chuẩn bị cho lễ cúng cơm mới- tục lệ không thể thiếu của người dân đồng bằng sông Bắc Bộ sau vụ mùa. Mâm cỗ cúng cơm mới cũng giống như cỗ cúng vào các dịp lễ tết truyền thống, có gà luộc, xôi đỗ xanh, giò chả, canh măng miến,.... Và đặc biệt gạo nếp để đồ xôi hay gạo tẻ để nấu cơm trắng đều phải dùng lúa mới thu hoạch.

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs liệt kê

**\* Báo cáo kết quả:** Hs báo cáo

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học :** Bên cạnh những dấu câu chúng ta đã học thì trong đoạn văn còn xuất hiện số cầu mới nữa đó là… Và người ta gọi nó là dấu chấm lửng và dấu chấm lửng cũng chính là nội dung bài học ngày hôm nay của chúng ta.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 15P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Nhận biết dấu chấm lửng**  **a) Mục tiêu: Hs nhận biết dấu chấm lửng**  **b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi**  **c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ**  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1:  Hãy chỉ ra dấu hiệu nhận biết dấu chấm lửng trong các câu sau:  “ Con cáo ngừng lời và nhìn hoàng tử bé chăm chú. Nó nói: - Bạn làm ơn,... cảm hóa mình đi!”  ( Hoàng tử bé, Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri)  “ Những món ăn Huế như bún bò, cháo lòng,.... bây giờ phổ biến khắp nơi chỉ món cơm hến nay là không nơi nào có.”  ( Chuyện cơm hến- Hoàng Phủ Ngọc Tường)  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **2.Công dụng dấu chấm lửng**  **a) Mục tiêu:** Hs công dụng dấu chấm lửng  **b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  PHÂN TÍCH VÍ DỤ 2:  Cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong các câu dưới đây  a. Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục, .... đều do nó tự chế.  b. Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...  c. Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả”.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:  a.  Dù giáp mặt cùng biển rộng  Cửa sông chẳng dứt cội nguồn  Lá xanh mỗi lần trôi xuống  Bỗng... nhớ một vùng núi non...  (Cửa sông, Quang Huy)  ->Dấu chấm lửng thứ nhất giãn nhịp câu thơ, báo hiệu nội dung bất ngờ..  ->Dấu chấm lửng thứ hai báo hiệu sự bỏ dở, ngập ngừng diễn tả cảm xúc bâng khuâng.  b. Nhưng mà ngộ nhất  Là lúc nó vui  Chẳng hề nhếch mép  Nó cười bằng... đuôi  (Con vện, Nguyễn Hoàng Sơn)  ->Dấu chấm lửng làm giãn nhịp câu thơ báo hiệu sự xuất hiện của nội dung bất ngờ, hài hước. Đồng thời nhấn mạnh nét đáng yêu, tinh nghịch của chú chó con.  c. Sau khi cúng tế, người ta ăn cỗ với thịt gà, thịt lợn, bánh chưng xanh bánh lá ngải, xôi nhuộm lá cẩm, uống rượu nếp, rượu mác mật...  (Hội lồng tồng, Mùa xuân và phong tục Việt Nam)  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | **1. Nhận biết dấu chấm lửng**  Kí hiệu: Dấu ba chấm(...)  **2.Công dụng dấu chấm lửng**  Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.  Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.  Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu vãn, chuẩn bị cho sự xuất hiện cùa một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.    . |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 20P)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Bài tập 1,2,3 trang 41 Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong các trường hợp sau:

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bài 1**

a, Công dụng: Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngắt quãng.

b, Công dụng: Dấu chấm lửng có tác dụng làm giãn nhịp điệu câu văn và chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

c, Công dụng: + Dấu chấm lửng trong câu văn thứ nhất cho biết các sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

+ Dấu chấm lửng trong hai câu văn sau thể hiện lời nói bỏ dở.

**Bài 2:** - Chẳng qua chỉ là cái... ổ voi thôi mà! Ai bảo có người “mắt toét”! - Tôi khích.

**Bài 3**

a.- Công dụng: Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

Từ “cái rốn” được cho trong ngoặc kép để nhấn mạnh vị trí trung tâm của vũ trụ.

b, - Công dụng: Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

Từ **“hiện vật”** được đặt trong ngoặc kép để khẳng định tâm vũ trụ như một viện bảo tàng khổng lồ và vô cùng sống động, những chi tiết còn lại chính là những hiện vật quý giá đang được lưu giữ và trưng bày tại viện bảo tàng đó.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5P)**

**a) Mục tiêu:** Hs thực hiện bài tập

**b) Nội dung:** HS viết

**c) Sản phẩm học tập:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một nội dung được gợi ra từ văn bản ***Đường vào trung tâm vũ trụ,*** trong dó có sử dụng dấu chấm lửng.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Văn bản “Đường vào trung tâm vũ trụ” gợi cho em những ý tưởng thú vị về những vùng đất bị thời gian bỏ quên. Trên trái đất này, hoặc có thể là vũ trụ bao la, có những nơi, do những yếu tố đặc biệt nào đó về địa lý, khí hậu, mà cuộc sống thời nguyên thủy vẫn được bảo tồn. Nơi ấy chưa có dấu chân người, chưa bị bàn tay con người tác động làm cho đổi thay, hoặc hủy hoại. Đó là thế giới của những loài cây khổng lồ, những động vật lạ lùng chưa từng được biết đến, các loài vượn cùng tồn tại vừa đấu tranh sinh tồn khốc liệt. Và tưởng tượng mình được đến đó để tìm hiểu và khám phá, em thấy rất háo hức và hồi hộp với những chuyến phiêu lưu bất tận và cuộc sống thú vị trong từng phút giây.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn.

**- Chuẩn bị bài sau:..**

ĐỌC VĂN BẢN 3:  **Tiết 92-93**

**DẤU ẤN HỒ KHANH**

**– *Nhật Văn*  –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b, Năng lực đặc thù:** Củng cố cách đọc hiểu một văn bản thông tin

+ Nhận biết được một số yếu tố văn bản thông tin như: nhan đề, bố cục, nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung đó.

+ Nắm được thông tin quan trọng về người có công phát hiện và khám phá hang Sơn Đoòng - hang động lớn nhất thế giới.

**2, Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Nuôi dưỡng niềm đam mê phiêu lưu, thám hiểm để khám phá những vùng đất mới lạ trên khắp thế giới. Yêu thiên nhiên và biết bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên hoang sơ trên khắp đất nước.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu ( 5P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chơi trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Quan sát các hình ảnh dưới đây và cho biết những hình ảnh khiến em nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình ngữ văn sáu?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Bây giờ ở chương trình lớp bẩy chúng ta sẽ tìm hiểu thêm gì về khung cảnh thiên nhiên này. Và cô sẽ cung cấp cho em thông tin nữa rằng ai là người khám phá ra Hang Én và có công để quảng bá đưa hoang án đến với đông đảo mọi người trở thành một trong những tua du lịch để khám phá thiên nhiên vô cùng hấp dẫn hay không thì ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về nhân vật đó- con người không chỉ khám phá ra Hang Én mà còn nhiều hang động khác nữa để đưa đến thế giới sự kỳ thú, đẹp đẽ của thiên nhiên, quê hương mình đến với mọi người, đến với bạn bè quốc tế đó chính là Hồ Khanh, ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một văn bản thông tin”...”

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 70P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **a) Mục tiêu:** Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản  **b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc lưu loát văn bản.  Kết hợp việc đọc với việc tìm hiểu hình ảnh, thông tin về hang động Sơn Đoong trên các phương tiện thông tin để hiểu thêm về nội dung văn bản.  Nắm chắc các chiến lươc đọc hiểu  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** |  | | **Xuất xứ** |  | | **Thể loại** |  | | **Bố cục** |  | | **Nhan đề** |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.   **Tìm hiểu chú thích:**  **Bố cục: 3 phần**  **Phần 1:** Giới thiệu chung về những đóng góp của Hồ Khanh( đoạn văn đầu)  **Phần hai**: Thông tin cụ thể về những dấu ấn của Hồ Khanh trong việc khám phá hang động  **Phần ba:** còn lại. Đánh gía chung về ý nghĩa, giá trị những đóng góp của Hồ Khanh( đoạn văn cuối)  Nhan đề cho một văn bản thông tin phải đảm bảo yêu cầu gì? Theo em nhan đề “ Dấu ấn Hồ Khanh” đã đảm bảo được yêu cầu đó chưa?  Nhan đề của một văn bản thông tin phải đảm bảo thể hiện một cách trực tiếp, cụ thể nội dung chính của văn bản. Nhan đề “ Dấu ấn Hồ Khanh” đã nêu được đối tượng của văn bản, cung cấp các thông tin về nhân vật Hồ Khanh và trọng tâm là những dấu ấn đặc biệt trong việc đóng góp cho công cuộc khám phá thám hiểm hang động ở khu vực rừng quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng   * Nhan đề ngắn gọn, rõ ràng, nêu trực tiếp và cụ thể đối tượng được thông tin trong văn bản.   **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **a) Mục tiêu:** Hs tìm hiểu chi tiết văn bản  **b) Nội dung hoạt động**: HS trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:  1.Trong đoạn đầu văn bản, chi tiết nào đã thể hiện Dấu ấn Hồ Khanh trong công cuộc khám phá hang động ở Quảng Bình?  **2. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  *1. Những thông tin cơ bản về nhân vật Hồ Khanh*  *Quê quán:..... ..... Nghề nghiệp:...............*  *Tính cách:............... Thành tích:...............*  *2. Hành trình khám phá hang động của Hồ Khanh*  *Từ năm 1999 đến năm 2004...........Năm 1989..............*  *Năm 2009...................................*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Năm 1989,** Hồ Khanh tình cờ ghé vào một hang động để trú mưa và phát hiện bầu không khí mát mẻ lạ thường, tiếng gió rít qua vách đá. Ông đoán rằng sâu phía trong có thể là một hành động rất lớn.  Nhiều năm sau, anh cố nhớ lại vị trí, đường đi và một mình lần tìm đến lối vào hang động đó nhưng do không có đồ bảo hộ cần thiết, lại chỉ có một mình, ông không dám vào sâu.  **Năm 2009**  ông dẫn đoàn thám hiểm hang động Hoàng gia Anh đến khám phá cái hang rất lớn và kỳ lạ ấy. Càng vào sâu trong hang, họ phát hiện ra những vẻ đẹp kỳ vĩ, cuốn hút lạ thường: phía trên mặt trời chiếu sáng, phía dưới là sông ngầm sâu hun hút, không khí mát lạnh, nước chảy cuồn cuộn, thạch nhũ điệp trùng.  =>Đó chính là hàng động Sơn Đoòng, hang động đá vôi cao nhất và rộng nhất thế giới.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  **1, Tác giả, tác phẩm**  **- Tác giả**  **- Văn bản**  - Xuất xứ: báo điện tử Quảng Bình, ngày 21/7/2014  -Kiểu văn bản thông tin  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Giới thiệu chung về Hồ Khanh**  - Quê quán: thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.  - Nghề nghiệp: thợ sơn tràng chuyên nghiệp.  - Tính cách: thích tò mò, khám phá.  - Thành tích: phát hiện ra hang Sơn Đoòng và nhiều hang động khác  **2. Những đóng góp của Hồ Khanh**  Hành trình khám phá hang động của Hồ Khanh  **Từ năm 1999 đến 2004.**  Hồ Khanh đã dẫn nhiều đoàn cán bộ khoa học cũng như những đoàn thám hiểm trong và ngoài nước tới nghiên cứu, khám phá, thám hiểm tại các khu vực sâu trong rừng quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng.  Đồng hành có nhiều chuyến đi, Howard Limbert- trưởng đoàn khám phá hang động Hiệp hội hang động Hoàng gia Anh đã rất cảm mến và tin cậy với sự nhiệt tình, chu đáo và cả đam mê khám phá hang động của Hồ Khanh.  **III. TỔNG KẾT**  **1.Nghệ thuật**  - Kể sự việc theo trình tự thời gian, kết hợp miêu tả chi tiết, cụ thể.  - Giới thiệu về nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.  **2. Nội dung**  - Câu chuyện về Hồ Khanh khám phá ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động khác.  - Cho thấy được tầm quan trọng của đam mê, khát vọng; khi có ý chí, niềm đam mê và khát vọng sẽ biến ước mơ thành hiện thực |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 10P)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Nội dung hoạt động:** Trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung bài học.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5P)**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:** Theo em, để trở thành một nhà thám hiểm sẽ cần có những phẩm chất gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

Ví dụ:

Lòng can đảm và tính kiên trì

Tính độc lập và tinh thần tập thể

Tinh thần lạc quan và không từ bỏ

Ưa mạo hiểm, không ngại gian khổ

Ham hiểu biết, yêu thích khám phá thiên nhiên

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá.**

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài,

* **Chuẩn bị bài sau:..**

**Tiết 94-95-96**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b. Năng lực đặc thù:** Biết cách viết bài văn

+ Chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử để viết bài văn.

+ Bài văn có sử dụng yếu tố miêu tả; sắp xếp các sự việc theo trình tự trước sau, quan hệ nhân quả.

**2. Phẩm chất:**

- Hiểu được ý nghĩa của các sự kiện và nhân vật lịch sử đối với lịch sử nhân loại nói chung và lịch sử của mỗi dân tộc nói riêng. Có ý thức tìm hiểu các sự kiện và nhân vật lịch sử để bồi đắp hiểu biết cho bản thân.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1:** Mở đầu **( 10P)**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d) Tổ chức hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát những bức hình sau và cho biết tên của các doanh nhân suất hiện trong mỗi khung hình

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Có lẽ liên quan đến cuộc đời của các nhân vật lịch sử ấy có nhiều những câu chuyện hay, hấp dẫn để nói với ta rất nhiều những thông tin liên quan đến các nhân vật này. Vậy ngày hôm nay chúng ta sẽ được học cách viết một dạng bài văn để chúng ta có thể cung cấp và giới thiệu các thông tin về các nhân vật lịch sử một cách cực kỳ sống động đó chính là VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Xác định kiểu bài cần viết ( 15P)**  a) Mục tiêu: học sinh xác định kiểu bài cần viết.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Xác định kiểu bài và đặc điểm của kiểu bài.   |  |  | | --- | --- | | **Kiểu bài** | Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử thuộc kiểu bài....................... | | **Đặc điểm** | + Đối tượng:..........................................  + Mục đích:............................................. |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **2. Yêu cầu bài văn kể lại sự ( 20P)**  **a) Mục tiêu:** học sinh xác định yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử  **b) Nội dung hoạt động:** Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Hình thức: Cặp đôi  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Yêu cầu cụ thể** | | **Về hình thức** |  | | **Nội dung** |  |   **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **3. Phân tích bài viết tham khảo ( 20P)**  **a) Mục tiêu:** học sinh Phân tích bài viết tham khảo  **b) Nội dung hoạt động:** Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Phân tích nội dung bài viết tham khảo:  **Câu 1:** Nêu phạm vi của phần mở bài? Đoạn mở bài đã nêu được nhân vật lịch sử nào và sự việc gì liên quan đến nhân vật đó?  **Câu 2:**  Trong phần thân bài, người viết đã thuật lại sự việc có thật nào? Tìm hiểu về sự việc này theo các gợi ý sau:  +Bối cảnh của sự việc.  + Diễn biến sự việc.  + Ý nghĩa của sự việc.  **Câu 3:**  Nội dung của đoạn văn kết bài là gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Câu 1:** Vị trí của phần mở bài.  Đoạn văn đầu tiên của bài văn.  Nhân vật lịch sử được nói đến trong bài văn:  Tho-mát ê-đi-sơn( 1847-1931) người Mỹ.. .. Trong số hơn một nghìn phát minh mang tên ông, nổi tiếng nhất phải kể đến bóng đèn dây tóc.  =>Giới thiệu chung về nhân vật lịch sử( họ tên, năm sinh năm mất và phát minh khoa học nổi bật)  Sự việc được nói đến trong bài văn:  “Sự kiện trình diễn bóng đèn điện ngoài trời diễn ra vào ngày 31 tháng 12 năm 1879”  Giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử nổi tiếng Thô-mát Ê-đi-sơn  **Câu 2:** Vị trí của phần thân bài:  Hai đoạn văn tiếp theo.  ->Từ “Trước thời điểm sự kiện này diễn ra... trạm phát điện đầu tiên ở New York đi vào hoạt động”.  \*\*Bối cảnh và nguyên nhân dẫn đến sự việc  + Cuối thế kỷ XIX, người ta vẫn quen dùng đèn thắp bằng khí đốt, đèn điện hồ quang- những loại đèn còn nhiều nhược điểm trong quá trình sử dụng. Edison đã nghiên cứu và thành công chế tạo ra chiếc bóng đèn dây tóc- có ánh sáng dịu hơn, an toàn và có tuổi thọ cao hơn bóng đèn hồ quang.  + Nhưng công chúng còn hồ nghi về phát minh này, không tin vào những ưu điểm của chiếc bóng đèn dây tóc. Edison đã tổ chức một lần trình diễn ánh sáng ấn tượng để thuyết phục mọi người  \*\*Diễn biến của sự việc  + Edison cho treo hàng trăm bóng điện ngoài trời ở phòng thí nghiệm, khu nhà nơi ông ở dọc con đường ở Menlo Park nơi ông sống.  + Những chiếc bóng đèn vỏ ngoài làm bằng thủy tinh cách nhiệt, dây đốt bằng sợi carbon, tỏa ra thứ ánh sáng liên tục và dìu dịu.  + Ngày 31/12 năm 1879, hơn ba ngàn gười trên con tàu đi từ New York tới Menlo Park để chứng kiến màn trình diễn ánh sáng này và họ đã hoàn toàn kinh ngạc và bị thuyết phục bởi phát minh kỳ diệu của Edison  \*\*Yếu tố miêu tả được sử dụng kết hợp với kể về sự việc: “Những chiếc bóng đèn vỏ ngoài làm bằng thủy tinh cách nhiệt, bên trong có chứa dây đốt làm bằng sợi Cácbon, tỏa ra thứ ánh sáng liên tục và dịu dịu đã trở thành một hiện tượng đối với công chúng thời bấy giờ.  \*\*Ý nghĩa của sự việc  + Sự kiện đánh dấu mốc quan trọng trong việc phát minh ra đèn điện và phân phối điện của Edison. Sau sự kiện đó, ông thành lập công ty chiếu sáng và ba năm sau, trạm phát điện đầu tiên ở New York bắt đầu hoạt động.  **Câu 3:** Nội dung phần kết bài.  Nêu suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc: sự kiện đã mở ra kỉ nguyên ánh sáng mới cho nhân loại, làm thay đổi mạnh mẽ thế giới.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **4. Quy trình viết bài văn nghị luận ( 25P)**  **a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng bài tập  **b) Nội dung hoạt động:** Gv tổ chức cho học sinh thực hoeẹn các bước thực hành nói và nghe..  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Bước chuẩn bị cần có những bước cụ thể gì?  **Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 1: Trước khi viết**  + Lựa chọn đề tài  Những yêu cầu khi chọn nhân vật và sự việc  Lựa chọn nhân vật lịch sử: nhân vật đó có thể là người Việt Nam hoặc người nước ngoài, họ có những đóng góp to lớn cho đất nước hoặc cho nhân vật và nhân loại.  Đó có thể là nhà quân sự, nhà chính trị, nhà khoa học, nhà phát minh hoặc danh nhân văn hóa.... có những câu chuyện đáng nhớ mà em biết  Lựa chọn sự việc được kể:  + Sự việc đó phải liên quan đến nhân vật lịch sử được chọn.  + Đó phải là câu chuyện có thật, nội dung thú vị hấp dẫn, giúp người đọc hiểu hơn về con người, cuộc đời, công lao, tài năng của nhân vật lịch sử.  + Tìm ý  Phiếu tìm ý  Sự việc diễn ra trong bối cảnh nào ?(bối cảnh rộng của tình hình xã hội, đời sống và bối cảnh không gian, thời gian cụ thể xảy ra sự việc).  Có những ai tham gia vào sự việc ?  Nguyên nhân sự việc bắt nguồn từ đâu ?  Diễn biến của sự việc như thế nào ?  Sự việc ấy có ý nghĩa gì với nhân vật lịch sử và công cộng đồng ?  Em có suy nghĩ gì về sự việc ấy ?  + Lập dàn ý  Mở bài: Giới thiệu đôi nét về nhân vật và sự việc có liên quan đến nhân vật.  Thân bài: Kể lại diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật lịch sử.  Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả một cách hợp lý.  Nêu ý nghĩa, tác động của sự việc đối với cộng đồng.  Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.  thành (lí lẽ, bằng chứng)  Bước 2: Viết bài  1. Bám sát dàn ý đã lập được triển khai bài viết.  2. Chú ý tính xác thực của các chi tiết liên quan đến sự việc (thông tin về thời gian, địa điểm, nhân vật tham gia, các số liệu...)  3. Lựa chọn từ ngữ phù hợp (cách xưng hô, ngôn ngữ của nhân vật phù hợp với địa vị xã hội, thời đại mà nhân vật sống; các khái niệm, thuật ngữ khoa học được sử dụng.)  4. Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung.  Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa.  Dựa vào bảng kiểm:  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Xác định kiểu bài cần viết**  + **Kiểu bài:** Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử thuộc kiểu bài: Thuyết minh( giới thiệu)  **+ Đối tượng thuyết minh:** sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử.  **+ Mục đích:** Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử để nhiều người cùng biết và truyền cảm hứng cho người đọc.  **2. Yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**    **- Hình thức:**  + Đảm bảo cấu trúc ba phần: mở bài- thân bài- kết bài.  + Bài văn được tạo thành từ các đoạn văn, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.  + Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, đặt câu.    **-Về nội dung:**  + Giới thiệu được nhân vật lịch sử và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.  + Kể lại câu chuyện với các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lý.  + Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể chuyện.  + Nêu được ý nghĩa của sự việc.  + Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.  **3. Phân tích bài viết tham khảo**  **4. Quy trình viết bài văn nghị luận**    **Bước 1: Trước khi viết**  + Lựa chọn đề tài  Lựa chọn sự việc được kể:  + Sự việc đó phải liên quan đến nhân vật lịch sử được chọn.  + Đó phải là câu chuyện có thật, nội dung thú vị hấp dẫn, giúp người đọc hiểu hơn về con người, cuộc đời, công lao, tài năng của nhân vật lịch sử.  + Tìm ý  + Lập dàn ý  Mở bài: Giới thiệu đôi nét về nhân vật và sự việc có liên quan đến nhân vật.  Thân bài: Kể lại diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật lịch sử.  Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả một cách hợp lý.  Nêu ý nghĩa, tác động của sự việc đối với cộng đồng.  Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.  thành (lí lẽ, bằng chứng)  **Bước 2: Viết bài**  1. Bám sát dàn ý đã lập được triển khai bài viết.  2. Chú ý tính xác thực của các chi tiết liên quan đến sự việc (thông tin về thời gian, địa điểm, nhân vật tham gia, các số liệu...)  3. Lựa chọn từ ngữ phù hợp (cách xưng hô, ngôn ngữ của nhân vật phù hợp với địa vị xã hội, thời đại mà nhân vật sống; các khái niệm, thuật ngữ khoa học được sử dụng.)  4. Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung.  **Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa.**  Dựa vào bảng kiểm: |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 40P)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Nội dung hoạt động:** Trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Dựa trên các sự việc xoay quanh nhân vật lịch sử vua Quang Trung và cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược 1789 hãy chọn một sự kiện và viết lại thành đoạn văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật Quang Trung.

**Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Gợi ý một số sự việc chính:**

1. Cuối năm 1788,Lê Chiêu thống cầu viện nhà Thanh. Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh 20 vạn quân sang xâm lược nước ta, chiếm đóng Thăng Long.
2. Ngày 25/11: Nguyễn Huệ lên ngôi vua phải lấy hiệu là Quang Trung, tự mình đốc suất đại binh ra Thăng Long đánh giặc.
3. Ngày 29/12: Quang Trung tổ chức cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An. Tại đây, nhà vua có bài phủ dụ quân sĩ trước khi lên đường ra Thăng Long.
4. Ngày 30/12: Quang Trung hội quân cùng các tướng ở Tam Điệp. Cho toàn quân ăn tết sớm, hẹn mùng bẩy vào giải phóng Thăng Long.
5. Ngày 3/1/1789: đại quân công hạ đồn Hà Hồi.

Ngày 5/1: quân Tây Sơn tiêu diệt đồn Ngọc Hồi, mở toang cánh cửa giải phóng Thăng Long. Quân thanh đại bại, Tôn Sĩ Nghị hoảng sợ bỏ chạy, vua Lê Chiêu Thống thảm hại chạy theo quân xâm lược.

**Ví dụ đoạn văn sự việc 3:** Ngày 29/12/1788 , vua Quang Trung cùng đại quân tiến ra Nghệ An. Trên đường hành quân, đi đến đâu, nhà vua cũng tuyển thêm quân sĩ, nhân dân hai xứ Thanh- Nghệ nô nức xin theo đi đánh giặc ngoại xâm. Tới Nghệ An, số quân mới tuyển lên tới hàng vạn người. Nhà vua quyết định tổ chức buổi duyệt binh lớn để sắp xếp đội ngũ cho tỉnh để chỉnh, đồng thời an ủi, động viên tinh thần quân sĩ. Trên một vùng đất rộng, hàng vạn tráng sĩ đứng nghiêm trang, tinh kỳ phấp phới. Vua Quang Trung mình mặc chiến bào đỏ thẫm, cưỡi voi bước ra trước đại quân. Vua cho toàn quân ngồi mà nghe lời phủ dụ.

Nhà vua nói rõ tình hình đất nước, vạch trần âm mưu và hành động xâm lược của kẻ thù đồng thời nhắc lại truyền thống đánh giặc anh hùng của dân tộc ta để khơi dậy lòng tự hào của tướng sĩ. Tiếng của nhà vua vang vang giữa quảng trường. Giữa một ngày cuối năm, gió bấc vi vút thổi, bầu trời có những đám mây xám đục như báo trước những trận chiến ác liệt đang chờ đợi đại quân. Nhưng ánh mắt ai cũng rực sáng, lòng tràn ngập niềm căm hận kẻ thù và một quyết tâm giết giặc bảo vệ quê hương. Vạn người như một cùng hô to lời thề đánh giặc.

**Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5P)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Cách chọn bằng chứng cho bài văn nghị luận.**

- Bằng chứng được lựa chọn cần phù hợp với nội dung của đề bài, phù hợp với phạm vi của đề, mang tính thời sự và gần gũi.

- Có thể lấy bằng chứng là:

+ Lấy bằng chứng là những số liệu cụ thể, rõ ràng.

+ Lấy bằng chứng là những sự việc tiêu biểu, có ý nghĩa sâu sắc và mang tính thời sự.

+ Lấy bằng chứng là những người nổi tiếng, những câu nói nổi tiếng truyền cảm hứng....

\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập

+ Chuẩn bị bài “ Nói và Nghe”

**Tiết 97**

**NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN VỀ**

**VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết thảo luận về vai trò của công nghệ với đời sống con người

+ Trình bày được vai trò của công nghệ đối với đời sống con người trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực.

**2. Phẩm chất:**

* Trân trọng ý kiến của mọi người. Biết sử dụng các thiết bị công nghệ một cách có ích.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phần chuẩn bị của giáo viên:** Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

**2. Phần chuẩn bị của học sinh** : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: điền vào chỗ trống

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  em đã học những truyện ngụ ngôn nào?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu bài **NÓI VÀ NGHE : KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I.TRƯỚCKHI NÓI**  **a) Mục tiêu:** Học sinh nắm được yêu cầu của bài nói  **b) Nội dung hoạt động:** Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Em sẽ nói về nội dung gì? Hãy đánh dấu vào những từ ngữ, những câu quan trọng  ? Để có một bài nói tốt em cần luyện tập ở nhà như thế nào và cần lưu ý những điều gì?  GV chia nhóm đôi thực hành nói  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **a) Mục tiêu:** - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung yêu cầu của bài và biết thể hiện một số kĩ năng nói trước đám đông.  **b) Nội dung hoạt động:** Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **III, TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **a) Mục tiêu:** học sinh nắm được cách trình bày bài nói.  **b) Nội dung hoạt động:** Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trình bày bài nói gồm những phần nào? Cách triển khai nội dung từng phần?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  Những lưu ý khi trình bày bài nói.  Chú ý điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói, sắc thái biểu cảm của giọng nói, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với nội dung bài nói.  Tương tác tích cực với người nghe thông qua ánh mắt, cử chỉ, những câu hỏi gợi dẫn…  Trình bày bài nói trong thời gian quy định.  Lưu ý khi trình bày bài nói:  +Chú ý điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói, sắc thái biểu cảm của giọng nói, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với nội dung bài nói.  + Tương tác tích cực với người nghe thông qua ánh mắt, cử chỉ, những câu hỏi gợi dẫn,....  + Trình bày bài nói trong thời gian qui định.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ | | | | | Nhóm:………. | | | | | Tiêu chí | *Mức độ* | | | | *Chưa đạt* | *Đạt* | *Tốt* | | 1.Câu chuyện có đúng yêu cầu chưa | Không xac định được thể loại của câu chuyện | Câu chuyện đúng yêu cầu đề tài luyện nói | Câu chuyện ngụ ngôn ấn tượng, hấp dẫn | | 2. Nội dung | ND sơ sài, không nêu được những chi tiết quan trọng, lời thoại và cảm xúc của ngươi nói | HS nêu được những chi tiết quan trọng, lời thoại và cảm xúc của ngươi nói | HS nêu được những chi tiết quan trọng, lời thoại và cảm xúc của ngươi nói một cách khéo léo, ấn tượng | | 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. | | 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. | | 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |   **V. TRAO ĐỔI SAU KHI NÓI**  a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu của người nói và người nghe sau khi nói.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Người nói và người nghe cần thực hiện yêu cầu gì sau khi nói?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **I.TRƯỚCKHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK/49).  - Đọc lại ( nhiều lần) bài viết. Đánh dấu những nội dung quan trọng của bài viết mà khi trình bày không thể bỏ qua.  **2. Tập luyện**  - Nói một mình trước gương, nói cho người thân nghe  - Tập nói trước nhóm/tổ.  **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích, yêu cầu: vai trò của công nghệ với đời sống con người.  Nêu bật được vai trò quan trọng, sự ảnh hưởng 2 mặt của nó với đời sống con người- ý kiến cá nhân của riêng em.  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng. Giọng nói linh hoạt, phù hợp thuyết phục được người nghe.  + Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể để bài nói sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.  **III, TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  Mở đầu:  Chào mọi người, giới thiệu rõ rang, rành mạch về câu chuyện ngụ ngôn mà em trình bày  Có thể vào đề bằng những câu hỏi khơi gợi sự quan tâm của người nghe hoặc bằng những bức ảnh, những đồ vật, đoạn video, bài hát... Có liên quan đến các câu chuyện ngụ ngôn mà em định kể    Triển khai: Kể diễn biến câu chuyện  Kết thúc:  + Rút ra bài học  + Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý.  **IV. TRAO ĐỔI SAU KHI NÓI**  **Với người nói:**  + Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị.  + Giải thích thêm những chỗ người nghe còn thắc mắc.  + Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.  + Lưu ý cần đưa ra được lý lẽ, bằng chứng xác đáng khi bảo vệ ý kiến mình đưa ra.  **Với người nghe:**  Người nghe có thể trao đổi về bài nói theo một số ý sau:  + Tập trung nhận xét, trao đổi về những ý chính của bài nói. + Nêu những ưu điểm nổi bật về nội dung và cách trình bày bài nói.  + Nêu những điều em thấy chưa hợp lý trong nội dung và cách trình bày bài nói ( chú ý nêu bằng chứng).  + Bổ sung những nội dung cần thiết mà em cho là bài nói của bạn còn thiếu. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Đề bài: Kể** lại một truyện ngụ ngôn.

**Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Mở đầu:**

Chào mọi người, giới thiệu rõ ràng, rành mạch về câu chuyện ngụ ngôn mà em trình bày

Ví dụ: Cuối tuần mẹ thường đưa em đi nhà sách để chọn một quyển sách mà em yêu thích. Hôm nay, em đã chọn được cho mình một cuốn truyện ngụ ngôn rất thú vị. Đặc biệt là cây chuyện "Ếch ngồi đáy giếng" mang đến cho em rất nhiều cảm xúc.

**Triển khai: Kể diễn biến câu chuyện**

Chuyện kể rằng có một con ếch sống trong giếng đã lâu ngày. Nó cứ nghĩ mình là chúa tể, còn bầu trời chỉ là chiếc vung. Cho đến một ngày trời mưa to, nước dâng lên cao đưa ếch ra khỏi giếng. Vì cái tính ngông nghênh sẵn có, không để ý đến xung quanh, nên chú ếch đã bị một trâu đi qua dẫm bẹp.

**Kết thúc:**

**+** Rút ra bài học

+ Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý.

Câu chuyện đã phê phán thói huênh hoang, kiêu ngạo, tầm hiểu biết hạn hẹp, không coi ai ra gì đồng thời dạy em bài học về tính khiêm nhường, không được chủ quan và luôn luôn phải tìm tòi, học hỏi, mở rộng tầm hiểu biết. Em rất thích câu chuyện này và sẽ chia sẻ nó cùng các bạn của em.

**Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  
**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy viết đoạn văn khoảng 8- 10 câu nêu những điều tốt đẹp em đã tiếp nhận được sau khi đọc những truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ trong bài học này.

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy. Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật mà mình yêu thích?

**Chuẩn bị bài sau:..**

\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập

+ Chuẩn bị bài “ ........”

**Tiết 98-99**

**ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

Ôn tập kiến thức đã học.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**2. Phẩm chất:**

 Giáo dục hs ý thức tìm hiểu về cách dung từ, cách nhận biết phép tu từ…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Nhìn hình ảnh để đoán tên tác phẩm đã học

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 42P)**

**Hoạt động 1: Phần văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần đọc văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1. Nắm lại tên văn bản đã học, tên tác giả, thể loại?

2. Khái niệm về một số thể loại

**\* Dự kiến sản phẩm**

1.- Đẽo cày giữa đường

- Êchs ngồi đáy giếng

- Con mối và con kiến

- Cuộc chạm trán trên đại dương

-Đường vào trung tâm vũ trụ

-Dấu ấn Hồ Khanh

2. Thể loại chính: Truyện ngụ ngôn

+ Truyện ngụ ngôn: là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.

+ Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.

+ Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hóa.

+ Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

2. Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần, có điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.

3.Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm: “... miêu tả một thực tại tưởng tượng.

\****Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng và truyện kì ảo:*** Truyện kì ảo là “một thể loại hư cấu bậc cao. Các sự kiện trong truyện kì ảo không thể thực sự xảy ra, mà dường như là do phép thuật

**\* Các yếu tố của Truyện khoa học viễn tưởng**.

+ Đề Tài

+ Không gian.

+ Cốt truyện.

+ Nhân vật chính.

**\*Nguồn gốc**: Truyện khoa học viễn tưởng bắt nguồn từ phương Tầy ở thế kỉ XIX và phát triển mạnh mẽ trong thế kỉ XX. Ở Việt Nam, phải đến thế kỉ XXI, khi khoa học công nghệ phát triển, thể loại này mới thực sự khởi sắc.

\* **Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 2: Phần tiếng Việt**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần tiếng việt

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1.Thành ngữ

2. Nói quá ?

3. dấu chấm lửng ?

4.Nhận biết mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản

**\* Dự kiến sản phẩm**

1. Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

2. Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại đặc điểm, mức độ, quy mô của đối tượng để tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

3.Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.

Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu vãn, chuẩn bị cho sự xuất hiện cùa một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.

**4.Nhận biết mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản**

+ Mạch lạc là sự liền mạch về nội dung của văn bản.

+ Mạch lạc được tạo ra dựa trên sự thống nhất về chủ đề và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.

**5. Nhận biết liên kết và chức năng của nó trong văn bản**

Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ

**phân loại các hình thức liên kết**

**Phép nối :** thể hiện qua các từ ngữu có tác dụng nối giữa các câu, các đoạn văn.

**Phép lặp:** Thể hiện qua việc lặp lại các từ ngữ đã xuất hiện ở những câu văn trước.

**Phép thế:** Thể hiện qua việc thay thế các từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước bằng những từ ngữu đồng nghĩa hoặc có nghĩa tương đương.

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 3: Phần Tập làm văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần Tập làm văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

**1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**

1.1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

**2.Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**

**\* Dự kiến sản phẩm**

- Nêu được vấn đề và ý nghĩa bàn luận

- Trình bày được sự tán thành đối với những ý kiến được bàn luận

- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành đó là có căn cứ

**1.2. Thực hành viết theo các bước**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài**

**b. Tìm ý**

c. Lập dàn ý

- Mở bài: nếu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.

- Thân bài:

+ Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:

+ Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:

- Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

- Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

- Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng).

- Kết bài: khẳng định tính chính xác của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.

2. Viết bài

- Nhất quán về ngôi kể/ đại từ xưng hô.

- Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý.

- Nắm vững cách viết của từng phần.

- Mở bài: nếu vấn đề đời sống cần bàn theo cách trực tiếp hay kể lại một câu chuyện để dẫn đến một vấn đề. Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc…

- Thân bài:

+ Làm rõ khía cạnh cơ bản của vấn đề

+ Khẳng định rõ ràng, dứt khoát thái độ tán thành ý kiến

+ Tuần tự kiểm tra từng ý, sử dụng lí lẽ và huy động bằng chứng để sự tán thành ý kiến có sức thuyết phục. Mỗi ý cần viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các đoạn có liên kết chặt chẽ với nhau.

- Kết bài: khẳng định lại sự tán thành ý kiến đó, nêu tác dụng của ý kiến đó đối với cuộc sống. Phần kết bài nên viết trọn vẹn trong 1 đoạn văn.

3. Chỉnh sửa

Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) theo bảng hướng dẫn sau:

2.Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

+ Kiểu bài: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử thuộc kiểu bài: Thuyết minh( giới thiệu)

+ Đối tượng thuyết minh: sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử.

+ Mục đích: Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử để nhiều người cùng biết và truyền cảm hứng cho người đọc.

**2. Yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**

-Hình thức:

+ Đảm bảo cấu trúc ba phần: mở bài- thân bài- kết bài.

+ Bài văn được tạo thành từ các đoạn văn, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.

+ Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, đặt câu.

- Về nội dung:

+ Giới thiệu được nhân vật lịch sử và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.

+ Kể lại câu chuyện với các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lý.

+ Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể chuyện.

+ Nêu được ý nghĩa của sự việc.

+ Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 40P)**

a**. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ từ ngữ liệu ở màn hình

**c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*******Chuyển giao nhiệm vụ***

**Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

***\* Dự kiến sản phẩm***

**Dàn ý Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

**1. Mở bài**

* Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.
* Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.

**2. Thân bài**

a. Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện.

* Câu chuyện, huyền thoại liên quan
* Dấu tích liên quan

b. Thuật lại nội dung, diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.

* Bắt đầu - diễn biến - kết thúc.
* Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn… ), kết hợp kể chuyện, miêu tả.

c. Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện.

**3. Kết bài**

Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Cuộc đời của người là một tấm gương sáng ngời cho mỗi người dân Việt Nam noi theo. Và những câu chuyện về Người cũng luôn để lại bài học giá trị cho chúng ta.

Truyện kể rằng trong những năm tháng sống ở Việt Bắc, mỗi lần đi công tác, Bác đều có hai đồng chí đi cùng. Sợ Bác mệt, hai đồng chí đã bày tỏ ý muốn mang ba lô giúp Bác. Nhưng Bác không đồng ý. Bác nói:

- Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung đồ vật cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân đều ra cho cả ba người.

Hai đồng chí đành làm theo lời Bác, đem chia vật dụng vào ba chiếc ba lô. Bác hỏi lại:

- Các chú đã chia đều rồi chứ?

Hai đồng chí trả lời:

- Thưa Bác, rồi ạ!

Sau đó, cả ba cùng lên đường. Qua một chặng, lúc nghỉ, Bác đến chỗ các đồng chí và xách chiếc ba lô lên. Bác hỏi:

- Tại sao ba lô của các chú nặng mà của Bác lại nhẹ?

Bác liền mở ra xem thì thấy bên trong ba lô của mình chỉ có chăn màn.

Bác tỏ ra không hài lòng, rồi nói:

- Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người.

Sau đó, Bác lại yêu cầu hai đồng chí chia đều vật dụng vào ba chiếc ba lô mới chịu tiếp tục lên đường.

Câu chuyện nhỏ nhưng để lại bài học lớn. Có thể thấy, Bác là một người yêu lao động. Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ những việc lớn như cứu nước đến việc nhỏ như trồng cây trong vườn. Việc gì có thể tự làm, Bác đều tự mình hoàn thành. Cách sống của Bác giúp cho mỗi người nhận ra giá trị của lao động, cũng như có ý thức tự giác học tập và làm việc hơn.

Quả thật, những câu chuyện về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật ý nghĩa. Từ đó, chúng ta luôn nhận ra được nhiều bài học bổ ích cho bản thân.

**Bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu**

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Rất nhiều mẩu chuyện kể về cuộc đời của Người. Qua đó, chúng ta thấy được những đức tính tốt đẹp của người.

Vào giữa mùa thu năm 1954, Bác đến tham dự “Hội nghị rút kinh nghiệm cải cách ruộng đất” ở Hà Bắc. Tại hội nghị, khi biết có lệnh của Trung ương rút bớt một số cán bộ đi học lớp tiếp quản thủ đô. Ai cũng háo hức muốn đi, đặc biệt là những người quê ở Hà Nội. Sau nhiều năm xa cách quê hương, mọi người đều mong muốn được cấp trên chiếu cố. Tư tưởng cán bộ dự hội nghị có nhiều phân tán. Ban lãnh đạo ít nhiều thấy khó xử.

Trời đã vào thu nhưng vẫn còn khá nóng, mồ hôi ướt đẫm hai bên vai áo nâu của Bác. Mở đầu, Bác trò chuyện về tình hình thời sự. Khi nói đến nhiệm vụ của toàn Đảng, Bác bỗng rút trong túi áo giơ ra một chiếc đồng hồ quả quýt. Rồi Bác hỏi các đồng chí cán bộ về chức năng của từng bộ phận của đồng hồ. Thế rồi, Bác mới hỏi:

- Trong cái đồng hồ, bộ phận nào là quan trọng?

Mọi người đều im lặng, không ai trả lời:

- Trong cái đồng hồ, bỏ một bộ phận đi có được không?

- Thưa, không được ạ!- Các cán bộ lại đồng thanh đáp.

Nghe mọi người trả lời, Bác bèn giơ cao chiếc đồng hồ lên và kết luận:

- Các chú ạ, các bộ phận của một chiếc đồng hồ cũng ví như các cơ quan của một Nhà nước, như các nhiệm vụ của cách mạng. Đã là nhiệm vụ của cách mạng thì đều là quan trọng, điều cần phải làm. Các chú thử nghĩ xem: Trong một chiếc đồng hồ mà anh kim đòi làm anh chữ số, anh máy lại đòi ra ngoài làm cái mặt đồng hồ… cứ tranh nhau chỗ đứng như thế thì còn là cái đồng hồ được không?

Nghe xong, cả hội trường trở nên im lặng. Mỗi người đều có những suy nghĩ riêng về lời nói của Bác.

Vào một dịp cuối năm 1954, Bác đến thăm một đơn vị pháo binh đóng ở Bạch Mai đang luyện tập để chuẩn bị cho cuộc duyệt binh đón mừng chiến thắng Điện Biên Phủ. Thăm nơi ăn, chốn ngủ của các chiến sĩ bộ đội xong, Bác đã đã trò chuyện với họ. Bác lấy ở túi ra một chiếc đồng hồ quả quýt, chỉ vào từng chiếc kim, từng chữ số và hỏi anh em về tác dụng của từng bộ phận. Mọi người đều trả lời đúng cả. Song chưa ai hiểu tại sao Bác lại nói như vậy?

Bác vui vẻ nói tiếp:

- Đã bao nhiêu năm nay, chiếc kim đồng hồ vẫn chạy để chỉ cho ta biết giờ giấc, chữ số trên mặt vẫn đứng yên một chỗ, bộ máy vẫn hoạt động đều đặn bên trong. Tất cả đều nhịp nhàng làm việc theo sự phân công ấy. Nếu hoán đổi vị trí từng bộ phận cho nhau thì có còn là chiếc đồng hồ nữa không? Sau câu chuyện của Bác, anh chị em đều hiểu ý Bác dạy: Việc gì cách mạng phân công phải yên tâm hoàn thành.

Không chỉ vậy, chiếc đồng hồ quả quýt còn là một hiện vật vô giá thể hiện tình cảm Quốc tế đối với Bác, đó là chiếc đồng hồ do Tổ chức Quốc tế “Cứu Tế đỏ” tặng, Bác luôn giữ nó trong mình, trong những năm tháng bị cầm tù gian khổ cho đến ngày Việt Nam giành được độc lập.

Câu chuyện về chiếc đồng hồ đã cho thấy được những phẩm chất đẹp đẽ của Bác Hồ, cũng như bài học sâu sắc mà bác muốn dạy cán bộ, chiến sĩ của mình.

.\* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**Dàn ý Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử**

- HS suy nghĩ.

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe HS trình bày.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài :**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**Tiết 100-101**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA:**

Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn KTKN các đơn vị kiến thức giữa học kỳ II, môn Ngữ văn lớp 7 theo ba phân môn Văn học, tiếng Việt, Tập làm văn với mục đích đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản bồi dưỡng phẩm chất đạo đức học sinh qua hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận.

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:**

- Hình thức : Trắc nghiệm, Tự luận

- Cách tổ chức kiểm tra: HS làm bài kiểm tra hình thức trong 90 phút

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3TN | | 5TN | | 2TL | |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  | |  | |  | | 1TL\* |
| **Tổng:** | | |  | **3TN** | **5TN** | | **2 TL** | | **1 TL** | |
| ***Tỉ lệ: %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | | ***30*** | | ***10*** | |
| **Tỉ lệ chung”** | | |  | **60** | | | **40** | | | |

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**KIẾN VÀ CHÂU CHẤU**

*Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò truyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu chấu mỉa mai.Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.*

*Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mải chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.*

*(Truyện “Kiến và Châu chấu", trang 3, NXB thông tin)*

**Câu 1**. Truyện *Kiến và châu chấu* thuộc thể loại nào?

A. truyện ngụ ngôn B. truyện đồng thoại

C. truyền thuyết D. thần thoại

**Câu 2**. **Vào những ngày hè, chú châu chấu đã làm gì?**

A. nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít

B. siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát

C. cần cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.

D. giúp châu chấu mẹ dọn dẹp nhà cửa

**Câu 3*.* Châu chấu đã rủ kiến làm gì cùng mình?**

A. cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng

B. trò chuyện và đi chơi thoả thích

C. cùng nhau về nhà châu chấu chơi

D. cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông

**Câu 4*.*** Trạng ngữ trong câu sau được dùng để làm gì?

*“Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít.”*

A. chỉ nguyên nhân B. chỉ thời gian

C. chỉ mục đích D. Chỉ phương tiện

**Câu 5**. Vì sao kiến không đi chơi cùng châu chấu?

A. Kiến không thích đi chơi.

B. Kiến không thích châu chấu.

C. Kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.

D. Kiến không muốn lãng phí thời gian.

**Câu 6**. Theo em, châu chấu là những hình ảnh đại diện cho những kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Những người vô lo, lười biếng.

B. Những người chăm chỉ.

C. Những người biết lo xa .

D. Những người chỉ biết hưởng thụ.

**Câu 7**. Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?

A. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực.

B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.

C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.

D. Được mùa ngô và lúa mì.

**Câu 8.** Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?

A. không còn sức để làm B. không có sức khỏe

C.yếu đuối D. yếu ớt

**Trả lời câu hỏi/ yêu cầu sau:**

**Câu 9**. Nếu là châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

**Câu 10**. Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “Trò chơi điện tử là món tiêu khiển khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

**--------- Hết ---------------**

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được:  + Em sẽ nghe theo lời kiến.  + Em sẽ chăm chỉ cùng kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông  *Lưu ý*: Học sinh nêu được 1 ý cho 0,5 điểm. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được bài học cho bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau:  - Luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng.  - Biết nhìn xa trông rộng.  *Lưu ý*: Học sinh nêu được 1 bài học cho 0,5  2 bài học cho 0,75 điểm. Nếu từ 3 bài học trở lên cho tối đa. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trò chơi điện tử | 0,25 |
|  |  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  - Hiểu được đề bài yêu cầu những gì, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí.  - HS triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm và mỗi luận điểm viết thành một đoạn văn.  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  |  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trò chơi điện tử là gì?  - Thực trạng của việc chơi trò chơi điện tử của lứa tuổi học sinh.  - Chỉ ra những lợi ích và tác hại của trò chơi điện tử.  - Đề xuất giải pháp. | 2.5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

*Ngày soạn:24/02/2023*

*Ngày giảng:07/03/2023*

**BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**(13 tiết)**

**Tiết 102-103: TRI THỨC NGỮ VĂN+ VĂN BẢN: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành*, học sinh (HS) có thể:

***1.Về năng lực***

***\*Năng lực chung*** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

***\* Năng lực đặc thù*** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận vê' một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đế đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

***2. Về phẩm chất***

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**-** Có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời minh.

- Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

- Khắc sâu được những kiến thức cơ bản về định nghĩa, đặc điểm của văn nghị luận.

- HS thấy sự khác nhau giữa VB nghị luận và VB văn học

**b. Nội dung**:

HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện**:

**A.. Khám phá *Tri thức ngữ văn[[1]](#footnote-1)(15P)***

***\**Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1.

GV yêu cầu HS vận dụng tri thức ngữ văn đã tìm hiểu khi chuẩn bị bài và nhớ lại nội dung đã học, chẳng hạn của trong bài 8 của chương trình ngữ văn 6 các em đã được làm quen với Văn nghị luận, hãy nhớ lại để trả lời các câu hỏi:

*+ Nêu định nghĩa văn nghị luận*

*+ Nêu đặc điểm của văn nghị luận (VB nghị luận viết (nói nhằm mục đích gì?Có yếu tố cơ bản nào trong văn nghị luận? Những yếu tố ấy có vai trò gì?*

ở bài Trải nghiệm để trưởng thành có gì mới?

***\**Thực hiện nhiệm vụ:**

– HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và trao đổi câu trả lời trong nhóm.

– GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp.

**Tri thức đọc hiểu về văn nghị luận.**

**1. Khái niệm:**

- Văn bản nghị luận là loại văn bản chú yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.

- Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.

- Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của minh.

- Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực té đới sống hoặc †ử các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

**2. Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:**

- Lập luận trong bài viết phụ thuộc vào cách sắp xếp lí lẽ và bằng chứng.

- Ý kiến cần mới mẻ, sâu sắc toàn diện, có thể độc đáo nhưng không thể đi ngược lại chân lí, lẽ phải.

- Mỗi ý kiến cần một số lí lẽ đi kèm để bảo đảm sự tường minh. Lí lẽ được xây dựng dựa trên những câu hỏi.

- Bằng chứng là cơ sở để các lí lẽ đưa ra có tính thuyết phục, đáng tin cậy. Yêu cầu của bằng chứng là phải xác thực, toàn diện, tiêu biểu và độc đáo.

=> Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ.

***\**Báo cáo, thảo luận:**

GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Các nhóm khác nhận xét.

***\**Kết luận, nhận định:**

GV nhắc lại các khái niệm về văn nghị luận, một số yếu tố cơ bản trong văn nghị luận, mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng và lưu ý HS về vai trò của “tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB.

**B. ĐỌC VĂN BẢN 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**(Đa – ni en Gót – li - ép)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực:***

***\* Năng lực chung:***

**-** Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình.

- Phân tích cách diễn đạt độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi.

***\* Năng lực riêng:***

- Năng lực tự học và sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác.... .

- Năng lực cảm thụ văn học, đọc hiểu tác phẩm thông qua đặc trưng thể loại. .

- Lời chia sẻ của ông đối với cháu...

***2. Về phẩm chất:***

- Trân trọng tình yêu cha mẹ trong cuộc sống, biết kế tục và gìn giữ bản sắc truyền thống của cha ông.

- Giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình Việt Nam**.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Bài soạn, sách tham khảo, máy tính, loa đài. Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

2. Học sinh: Đọc trước bài và soạn bài, hoàn thành phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Khởi động: *(5P)***

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1.Giao nhiệm vụ:**

GV nêu nhiệm vụ:



Các em quan sát bản đồ vàvai trò của nó đối với du khách lẩn đầu tiên đến một nơi xa lạ (thành phố).

Vỉ *sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?*

*Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một “con đường' hay đã có “con đường" do ai đó vạch sẵn?*

**B2.Thực hiện nhiệm vụ:**

– HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.

– Lưu ý, có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.

**B3.Báo cáo, thảo luận:**

Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

**B4.Kết luận, nhận định:**

Khi lần đầu tiên có mặt ở một miến đất lạ, tấm bản đổ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến.

Liên hệ thêm: Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map - một ững dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh.

Con đường được nói đến ở đầy không còn mang nghĩa gốc, mà là nghĩa bóng, nghĩa chuyển.

GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới.

**2. Hoạt động 2** **Hình thành kiến thức mới:*(60P)***

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định..

- Học sinh hiểu được đặc điểm của một văn bản nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. Mối quan hệ giữa các yếu tố này.

- HS nắm được cách tổ chức một văn bản nghị luận;.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Đọc – tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Bản đồ dẫn đường***”….**  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d.Tổ chức thực hiện hoạt động:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc...  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về TG Đa – ni -en Gót – li -ép. (HS đã chuẩn bị ở nhà).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh làm việc cá nhân  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục tiếp theo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Trải nghiệm cùng văn bản  **III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **a.Mục tiêu:**  - HS nhận biết được vấn đề nghị luận và cách nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn  - Nhận thức được trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  b.**Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c.Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thành ở nhà.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **NV1 Tìm hiểu phần giới thiệu vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01,02** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì?*  *2.* [*Nêu tác dụng của cách mở đầu vă*](https://blogtailieu.com/)*n bản bằng việc kể lại câu chuyện cố tính chất ngụ ngôn.*  *3. Mục đích kể chuyện của người viết?*  *Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?*  *Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta?*  *4. Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **NV2 Tìm hiểu phần giải quyết vấn đề.**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết hệ thống lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả dùng để lập luận làm nổi bật ý nghĩa phong phú của hình ảnh “bản đồ”  - Rút ra được bài học về cách dùng dẫn chứng trong văn nghị luận  - Hiểu được tình cảm của tác giả trước vấn đề được bàn bạc, trao đổi.  **b.** **Nội dung hoạt động**: HS hoạt động nhôm.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 03** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1.Tìm và ghi lại các câu văn nêu ý kiến chính trong văn bản?*  *2.Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và* bằng *chứng?*  *“Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc ấyy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **NV3 Tìm hiểu phần kết thúc vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi các nhân.  *1.Trong lời khuyên“ông“ muốn“ cháu“ phải làm những điều gì?*  *2.Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?*  *3.Chúng ta có cần phải thực hiện những điều“ông“ muốn Sam làm không?Vì sao?*  *4.Nhận xét gì về phần kết thúc vấn đề?*  *5.Qua văn bản này, em học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, nhất là dạng bài trình bày ý kiên sphanr đối?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nội dung câu hỏi, các nhân lên trình bày  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  ***\*Cuộc sống dù không hiếm những buồn khổ, lo âu, nhưng vô cùng đáng quý. Hai mặt này không loại trừ nhau.***  **IV. TỔNG KẾT**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  *Theo em chúng ta cần những điều kiện nào để tìm ra bản đồ cho chính mình?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **I. Đọc – tìm hiểu chung**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó ( SGK)  **2. Tác giả, Tác phẩm.**  - Đa – ni en Gót – li – ép sinh năm 1946. Người Mĩ.  - Nhà tâm lí học thực hành, Bác sĩ điều trị tâm lí đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần.  - Một số TP tiêu biểu: Tiếng nói của xung đột (2001), Những bức thư gửi cháu Sam (2008), Học từ trái tim (2008)  **Tác phẩm.**  Văn bản trích *Bản đồ dẫn đường* trích từ cuốn sách “Những bức thư gửi cháu Sam”.  **- Phương thức biểu đạt:** nghị luận.  **- Bố cục:** 3 phần  **\*Phần 1: Giới thiệu vấn đề** *"Chúng ta cần phải bước vào bóng tối")*  => Nêu vấn đề nghị luận( kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn).  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề:**  (Tiếp … đến “*chính kinh nghiệm của mình”*):  **=>** Chính tấm bản đồ quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống với mọi người và chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với thành bại của chúng ta trong cuộc sống .  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề:** Đoạn còn lại **=>** Nhắc lại thông điệp mỗi người cần có riêng cho mình một “tấm bản đồ”.  **III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1.Giới thiệu vấn đề**  \*Bàn luận về trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  **-** Dẫn dắt vấn đề bằng câu chuyện ngụ ngôn  => Cách giới thiệu vấn đề như vậy khiến người đọc chú ý hơn.   * Nếu cái “bản đồ” (tức là quan niệm, cách thức hành động mà người ta vạch ra trong đầu) không phù hợp với thực tế đời sống thì sẽ thất bại.   **2.Giải quyết vấn đề**  \*Các ý kiến:  ***-Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người:***  + Lí lẽ:  - Cách nhìn nhận cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân.  - Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau.  + Bằng chứng: Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.  -***Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân.***  - Lí lẽ:  + Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “ nhìn nhận về bản thân”: Tôi có phải là loại người đáng yêu?Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khan tôi sẽ ngã gục hay chiến đấu một cách ngoan cường?  + Người viết lí giải: Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.  + Bằng chứng: Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ông có thay đổi đáng kể từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì?  - > Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.  \* Bài học:  - Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quí, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.  - Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân – đó mới là yếu tố quyết định.  **3.Kết thúc vấn đề.**   * Trong lời khuyên của “ông“ muốn “ cháu“ làm hai điều:   + Thứ nhất: phải kiếm tìm bản đồ cho chính mình.  + Thứ hai: tấm bản đồ đó“cháu“ phải tự vẽ ra bằng chính kinh nghiệm của mình.   * Việc làm của cháu sẽ giúp cháu biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình.   *=>Kết thúc vấn đề ngắn gọn, súc tích.*  **IV. TỔNG KẾT**  **1.Nghệ thuật**:  - Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu …  - Cách đan xen phương thức tự sự, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  - Chúng ta cần phải tìm kiếm cho mình tấm bản đồ. Mỗi người có hành trình riêng, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, không thể vay mượn hay bắt chước bất kì ai. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập :*(5P)***

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:

**Câu 2:** *Trên “con dường" đi tới tưong lai của bản thân, “tấm bản đó’ có vai trò như thế nào?* Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:  
- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**Câu 2: Đoạn văn cần đáp ứng những yêu cầu sau:**

**-Về nội dung:**

**+** Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một “Tấm bản đồ”.

+ “Tấm bản đồ” giúp con người chủ động, tự tin vào hướng mình lựa chọn: nó có thể giúp con người vượt qua những khó khan thử thách trên từng bước đường đời….

* **Về hình thức:**

+ Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng.

+ các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp.

+ Hạn chế lỗi về chính tả và diễn đạt.

**B 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

**B4: Kết luận, nhận định:**

**4. Hoạt động 4: Vận dụng:*(5P)***

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

[Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.

Câu 1:Từ việc đọc hiểu văn bản "Bản đồ dẫn đường ", em hãy rút ra mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong một bài văn nghị luận.

Câu 2: Tưởng tượng mình là Sam, em hãy viết bức thư ngắn(khoảng 10 câu) để hồi đáp những lời nhắn nhủ, dặn dò của ông ngoại, trong thư trả lười câu hỏi của ông “ Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?”  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận nhanh câu hỏi

**\*Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:**  
- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

=> Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS bày tỏ quan điểm .

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa (nếu cần).

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài :***Thực hành tiếng Việt***

**Tiết 104**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT**

**(BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

- Củng cố lại kiến thức về mạch lạc và liên kết

- Nắm được các biện pháp liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản

***2. Về phẩm chất***

- Có ý thức sử dụng các phương tiện liên kết trong bài viết

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Khởi động *(5P)***

**a.Mục tiêu**:

- Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

- Cùng cố hai khái niệm liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phwuong tiện kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Nhắc lại thế nào là mạch lạc? Phân tích tính mạch lạc trong đoạn văn sau:

*Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng - những màu vàng rất khác nhau. Màu lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đóm con gà, con chó cũng vàng mượt. Tất cả nhuộm một màu vàng trù phú, đầm ấm lạ lùng.*

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.

*- Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản, thể hiện qua:*

*+ Thống nhất về đề tài*

*+ Tiếp nối trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn trong văn bản*

*- Đề tài: Vẽ lên một bức tranh quang cảnh ngày mùa trù phú, đầm ấm, tươi sáng => Quang cảnh ngày mùa tươi sáng*

*- Trình tự: không gian: cao -> thấp, gần -> xa*

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

GV chốt và dẫn vào bài: Để văn bản có tính mạch lạc cần sử dụng các biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết như thế nào? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay.

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức *(15P)***

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: + Phép nối sử dụng từu ngữ nối.

+ Phép thế sử dụng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước.

+ Phép lặp được tạo nên bằng cách để câu sau lặp lại một số từ ngữ ở câu trước.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào liên kết? Mối liên hệ giữa liên kết và mạch lạc?  - Khi liên kết thường sử dụng phương tiện gì?  - Có mấy biện pháp (phép) liên kết, đó là những biện pháp nào?  - Nhận diện các phép liên kết và phương tiện liên kết qua các ngữ liệu sau:  a) *Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  b) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng, để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  c) *Cháu biết không, tấm bản đồ đó của ông lúc ấy thật sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. […] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và ông bền vững.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  - Phương tiện liên kết: Từ ngữ  - Các phép liên kết:   * Phép nối (đoạn a – “Nhưng” * Phép thế (đoạn b – “mẹ ông” -> “Bà”)   Phép lặp (đoạn c – “ông”)  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **1. Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết**  - Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn hoặc giữa các đoạn trong văn bản.  - Phương tiện liên kết: Từ ngữ  - Các phép liên kết:   * Phép nối (đoạn a – “Nhưng” * Phép thế (đoạn b – “mẹ ông” -> “Bà”)   Phép lặp (đoạn c – “ông”) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập.*(20P)***

**a. Mục tiêu:**

- HS biết vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập Tiếng Việt giải quyết các bài tập Tiếng Việt về các phép liên kết và từ liên kết

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Yêu cầu SGK, tr.59.60

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, chia sẻ.

**Bài 1 (59)**

**Câu 1:**

+ Đoạn 1: Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố

+ Đoạn 2: Ông luôn tin tưởng vào mọi người, ngược lại mẹ ông luôn hoài nghi

+ Các câu đều tập trung thể hiện chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.

**Câu 2:**

+ Đoạn 1:

Câu 2-1: Lặp từ ngữ: *bản đồ dẫn đường của cháu – tấm bản đồ của ông*

Câu 3-2: Lặp từ: “ông”

Câu 4-3: Đại từ thay thế: *mẹ ông – Bà*

Lặp từ: “ông”

Câu 5-4: Từ ngữ thay thế: *quan điểm đó*...

Lặp từ: “ông”

+ Đoạn 2: Lặp từ: “ông”

**Câu 3:**

- Phương tiện liên kết đoạn:

Câu 1 (đoạn 2)– từ liên kết: “Nhưng”

Lặp từ “quan điểm”

**Câu 4:**

Tập hợp 1: 2,4,1,5,3 -> không còn phương tiện liên kết, không có mối quan hệ về nội dung

Tập hợp 2: 7,3,4,6,1,5,2 -> phương tiện liên kết vẫn tồn tại, không có sự liên hệ về nội dung

=> Hỗn độn, không toát ra chủ đề

**Câu 5:**

- Không thay đổi nội dung, ý nghĩa ở mỗi đoạn

- Không có quan hệ logic, không phù hợp với thực tế giao tiếp (Câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn người – ông sẽ kể câu chuyện)

**Bài 2**

a) Câu 1, 2: lặp “trường học” -> Phép lặp

Đoạn 1, 2: thay thế: “trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến” -> “như thế” -> Phép thế

b) Câu 1, 2 liên kết bằng “Kết quả” -> Phép nối

Phép nối: “Vì vậy”

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV chốt và mở rộng kiến thức.

**4. Hoạt động 4. Vận dụng.*(5P)***

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Viết một đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) nêu suy nghĩ của em về tác hại của bạo lực học đường. Trong đoạn văn có sử dụng các phép liên kết

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, viết bài.

- Hình thức: Viết nối tiếp 10 – 12 câu

- Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tác hại của bạo lực học đường

- Sử dụng ít nhất một phép liên kết

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài :***Văn bản:****Hãy cầm lấy mà đọc*

**TIẾT: 105-106**

**Văn bản 2: HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC**

**(Huỳnh Như Phương)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung:***

Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

***\* Năng lực đặc thù:***

* HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc,...). Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.
* HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

***2. Về phẩm chất:***

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5’)**

**a.Mục tiêu**:

Mục đích là để kết' nối những trải nghiệm về việc đọc sách của cá nhân với những nội dung được bàn luận trong VB, đồng thời tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi tiến hành các hoạt động của giờ học.

**b.Nội dung**:

Trao đổi, chia sẻ trong nhóm và trước lớp những suy nghĩ, nhận thức của bản thân.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d.Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1. *Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.?*

*2. Em thich đọc loại sách nào? Em đã từng thu được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, suy nghĩ, viết câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (*(70P)*’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hãy cầm lấy và đọc* ”.  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*GV yêu cầu HS nêu hoàn cảnh ra đời:**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật.  1.Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp)  2.Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?  3.Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  **b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VB trong SGK.  - HS trao đổi theo cặp Phiếu học tập 01 đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Phần mở đầu kết nối với vấn đề đăt ra trong VB ntn?*  *3. Những lí lẽ, bằng chứng nói về vai trò, ý nghĩa của sách trong đời sống?*  *4.Em hiểu thế nào là tình trạng sa sút của văn hoá đọc? Theo em, do đâu có tình trạng này? Muốn giải quyết tình trạng đó, tác giả nêu ra những điều kiện nào?*  *5. Có thể xem đọc sách là 1 trải nghiệm được không? Vì sao?*  *6. NX về cách kết thúc vấn đề ở cuối VB?*  **Bước 2: : Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức  **III. TỔNG KẾT.**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Từ khó**  **3. Tác giả, tác phẩm**  - Huỳnh Như Phươngng sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi, là giảng viên đai hoc. nhà nghiên cứu phê binh văn hoc. Tác phẩm chính: *Din vào tác phẩm văn chuông* (1986); *Trường phài Hmh thúc Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn hoc* (2008);  *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);..  **2. Tác phẩm.**  Viết năm 2016**.**  **\* Vấn đề:** bàn luận về việc đọc sách.   Điều này thể hiện trước hết ở:   * ***Nhan đề:*** Hãy cầm lấy và đọc. * ***Bố cục:***   + Mở bài: Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh.  + Thân bài: Tất cả các đoạn triển khai phần Thần bài đều nói về việc đọc sách.  + Kết bài: Nhắc lại thông điệp về đọc sách.  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Giới thiệu vấn đề:**  Câu chuyện huyền bí về động lực đọc sách của thánh Au-gu-xtinh trở thành một thông điệp ***: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.***  **2. Giải quyết vấn đề:**  **\* Vai trò của sách trong đời sống:**  ***- Lí lẽ***: Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.  ***- Bằng chứng***: Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hóa trong một khuôn khổ, hình thể nào.  **-** *> Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.*  ***\*Để* khắc phục sự sa sút của văn hóa đọc**.  "cần tính đến cả hai phương diện: chủ thể đọc và đối tượng đọc, nghĩa là phải có người ham đọc và có sách hay để đọc".  *-> Phân tích tỉ mỉ, chi tiết.*  **\* Có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm vì**:  - Trải nghiệm về cách đọc sách. Người đọc sẽ tìm ra một cách đọc phù hợp với bản thân mình.  - Trải nghiệm cùng nội dung của cuốn sách. Người đọc sẽ có thêm những hiểu biết mới dựa vào nội dung của sách, đó chính là một sự trải nghiệm.  *-> Liên hệ thực tiễn.*  **3.  Kết thúc vấn đề:**  *-*Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách.  *-> Suy luận độc đáo.*  **III. TỔNG KẾT.**  **1.Nghệ thuật:**  Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ bằng cách đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục…  **2. Nội dung:**  Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về cách nhìn nhận của mình về tầm quan trọng của việc đọc sách và tính cấp thiết của việc khắc phụ sự sa sút băn hóa đọc. Bên cạnh đó, bài viết còn truyền cảm hứng, kêu gọi mọi người yêu sách hơn, đọc sách để giữ vững văn hóa, mở mang tri thức |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập :*(10P)***

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

- Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Viết kết nối:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

[Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ](https://blogtailieu.com/) đề: *Sách là để đọc, không phải để trưng bày.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5P)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Bài học rút ra từ văn bản?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Cách chọn bằng chứng cho bài văn nghị luận.**

\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập

+ Chuẩn bị bài “ Thực hành tiếng Việt”

**TIẾT: 107**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THUẬT NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức tìm hiểu, sử dụng thuật ngữ trong nói, viết một cách có hiệu quả. Chủ động tiếp nhận, hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tích cực.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh, học tập tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến. Trình bày một cách tự tin ý kiến của mình.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ và đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

- Năng lực ngôn ngữ: HS sử dụng được thuật ngữ một cách có hiệu quả trong khi nói và viết (đặt câu, viết đoạn văn).- Năng lực văn học: HS cảm nhận được cái hay về nội dung và nghệ thuật khi sử dụng thuật ngữ một cách chính xác và đúng mục đích.

***2. Phẩm chất:***

- Trách nhiệm: Học sinh có ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vận dụng kiến thức về thuật ngữ vào các văn bản được học và trong cuộc sống.

- Chăm chỉ: Học sinh chăm chỉ học tập, rèn luyện để sử dụng thuật ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Tìm hiểu, khám phá nghĩa của các từ (thuật ngữ) để mở rộng vốn hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy, máy chiếu, phiếu bài tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Khởi động *(5P)***

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, tạo cơ sở để HS tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Hiểu ý đồng đội”. HS thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên bảng, một bạn dưới lớp. Bạn trên bảng sẽ được GV đưa cho các từ khóa. Bạn trên bảng sẽ gợi ý để bạn kia đoán ra các từ khóa. Lưu ý: không được gợi ý có bất kỳ từ nào có trong từ khóa.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- HS tiếp nhận và tham gia trò chơi.

(Từ khóa: Mặt trời, Chiến tranh,...

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

***- GV dẫn dắt:***

***Chúng ta vừa tham gia trò chơi Hiểu ý đồng đội, để đồng đội của mình hiểu được nghĩa của các từ này bạn còn lại đã dùng cách giải thích theo nghĩa thông thường. Tuy nhiên chúng ta còn có thể giải thích các từ khóa này bằng cách khác dựa vào tri thức khoa học. Lúc này các từ khóa đó sẽ được gọi là Thuật ngữ. Vậy thế nào là Thuật ngữ và đặc điểm của Thuật ngữ là gì? Chúng ta tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.***

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức - *(15P)***

**a. Mục tiêu:**

- Hình thành cho HS kiến thức về khái niệm, đặc điểm và cách xác định thuật ngữ.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức các hoạt động nhóm và hướng dẫn học sinh ôn tập lại những kiến thức về thuật ngữ.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm thuật ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Câu 1:  Trong hai cách giải thích sau về nghiã của từ "nước", cách giải thích nào thông dụng ai cũng có thể hiểu đựơc? Cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học?  - Cách 1: Nước là chất lỏng không màu, không mùi, có trong sông, hồ, biển...  - Cách 2: Nước là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô-xi, có công thức là H2O  Câu 2:  Em hãy đọc các định nghĩa sau, cho biết các định nghĩa này ở những bộ môn nào? Các từ in đậm chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào?  - **Thụ phấn** là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.  - **So Sánh** là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - **Thủy triều** là hiện tượng dao động, thường xuyên có chu kỳ của các khối nước trong các biển và đại dương. ? Từ việc tìm hiểu các ví dụ trên em hiểu thuật ngữ là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  *Câu 1:*  *- Cách 1: Giải thích đặc điểm bên ngoài của sự vật (dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị thế nào? Từ đâu hay từ đâu mà có) hình thành trên cơ sở kinh nghiệm, có tính chất cảm tính, ai cũng có thể hiểu được.*  *-> Cách giải thích thông thường.*  *- Cách 2: Giải thích các đặc tính bên trong của sự vật, được cấu tạo từ yếu tố nào, mối quan hệ giữa các yếu tố đó ? -> Giải thích qua việc nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó*  *->Người nghe muốn hiểu phải có kiến thức chuyên ngành hóa học.*  *Câu 2:*  *- Các định nghĩa thuộc bộ môn: Sinh học, văn học, địa lý.*  *- Sử dụng trong các văn bản khoa học, công nghệ.*  Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ - cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong hộp *Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.*  GV đưa ra ví dụ 1:  a. Muối là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.  b. Canh còn hơi nhạt, con thêm tí muối nữa đi.  ? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “muối” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?  GV đưa ra ví dụ 2:  a. Liệu con vi-rút này có biến thể nào khác hay không vẫn còn là một ẩn số.  b. Ẩn số của phương trình này là một số thập phân.  ? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “ẩn số” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?  ? Từ hai ví dụ trên em hãy nêu chức năng của thuật ngữ?  ? Từ đó nêu cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **- Ví dụ 1:**  *+ Muối (a) là thuật ngữ, chỉ một loại hợp chất hóa học.*  *+ Muối (b) là một từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm.*  - Ví dụ 2:  *+ Ẩn số (a) là từ thông dụng, có nghĩa là “điều chưa ai biết rõ”.*  *+ Ẩn số (b) là một thuật ngữ toán học, có nghĩa là “số chưa biết”.*  - Cách xác định thuật ngữ: dựa vào ngữ cảnh  - Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ. (cuối SGK Ngữ văn 7)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **I. Thuật ngữ:**  - Khái niệm: Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định.  **- Chức năng:**  + Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường.  + Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường.  - Cách xác định thuật ngữ: dựa vào ngữ cảnh  - Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ.  + Đọc các từ điển chuyên ngành. |

**3.Hoạt động 3. Luyện tập - 20 phút**

**a. Mục tiêu:**

- HS củng cố kiến thức về thuật ngữ: nhận diện được thuật ngữ, căn cứ để xác định thuật ngữ, tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức các hoạt động nhóm, làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:**

- Kết quả bài làm nhóm, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1,2,3 (SGK- 64)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.

- GV gọi các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bài 1 (SGK-64)**

a. ngụ ngôn

b. triết học

c. văn hóa

d. in-tơ-nét

**- Căn cứ:** các từ trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể:

+ Ngụ ngôn – thể loại văn học

+ Triết học – ngành khoa học

+ Văn hóa – giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra

+ In-tơ-nét – một lĩnh vực của công nghệ thông tin.

**Bài 2 (SGK-64)**

- Ngụ ngôn: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lý, kinh nghiệm sống.

- Triết học: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.

- Văn hóa: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.

- In-tơ-nét: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.

**Bài 3 (SGK-64,65)t**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thuật ngữ** | **Từ ngữ thông thường** |
| **a. Cặp câu thứ nhất** | - Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc. | - Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. |
| **b. Cặp câu thứ hai** | - Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng | - Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. |
| **c. Cặp câu thứ ba** | - Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lý được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ. | - Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc. |
| **Căn cứ xác định:** | - Dựa vào các câu có sử dụng các từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn. | - Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ đề được dùng theo nghĩa chuyển.  + Điệp khúc: sự lặp đi lặp lại trong lời nói.  + Năng lượng: nguồn sống cho cơ thể  + Bản đồ: sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**4.Hoạt động 4: Vận dụng (*(5P)*)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

**b. Nội dung**

- GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân: Sử dụng kiến thức đã học về trạng để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm**

- Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*-* GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (6-8 câu) chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn có sử dụng thuật ngữ.

- GV gợi ý:

**\* Về hình thức:**

- Đảm bảo dung lượng đoạn văn.

- Đặt câu đúng câu trúc ngữ pháp.

- Trình bày sạch đẹp.

**\* Về nội dung:**

- Chủ đề tự chọn

- Sử dụng ít nhất một thuật ngữ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết đoạn văn.

- GV chiếu đoạn văn mẫu:

***Nước*** *là hợp chất của các nguyên tố hiđrô và ôxi, có công thức là H2O.* ***Nước*** *rất quan trọng với mọi sự sống trên trái đất. Khi cơ thể người với 70% là nước. Khi thiếu nước chỉ ba ngày là người đó có thể chết, trong khi đó, nếu thiếu thức ăn mà vẫn có nước ta có thể sống đến một tuần hoặc hai tuần. Quá trình hút chất dinh dưỡng của thực vật cũng là hút nước và muối khoáng. Nước có mặt trong toàn bộ các hoạt đông sống. Nhưng hiện nay, nguồn nước đang bị ô nhiễm nặng mà* ***tác nhân*** *chính đó chính là con người. Vậy nên mỗi người chúng ta hãy cố gắng giữ gìn môi trường sạch sẽ để bảo vệ chính chúng ta và tất cả sinh vật xung quanh.*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV gọi HS nhận xét.

- HS nhận xét, đánh giá đoạn văn của bạn bằng Rubrics.

- GV nhận xét, đánh giá bằng Rubrics.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo: **Văn bản:** *Nói với con*

**TIẾT: 108-109**

**VĂN BẢN 3 : NÓI VỚI CON**

***(Y Phương)***

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực:***

***\* Năng lực chung:***

**-** Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình.

- Phân tích cách diễn đạt độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi.

***\* Năng lực riêng:***

- Năng lực tự học và sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác.... .

- Năng lực cảm thụ văn học, đọc hiểu tác phẩm thông qua đặc trưng thể loại. .

- Cảm nhận được tình cảm gia đình ấm cúng, tình yêu quê hương thắm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bĩ của “người đồng mình” và mong mỏi của một người cha với con qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Phương. .

- Tình cảm thắm thiết của cha mẹ với con cái.

- Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hương.

- Hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ.

***2. Về phẩm chất:***

- Trân trọng tình yêu cha mẹ trong cuộc sống, biết kế tục và gìn giữ bản sắc truyền thống của cha ông.

- Giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình Việt Nam**.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Bài soạn, sách tham khảo, máy tính, loa đài. Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

2. Học sinh: Đọc trước bài và soạn bài, hoàn thành phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Khởi động (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh nghe bài hát “Tình cha” -> Đặt câu hỏi: Em cảm nhận được gì từ lời bài hát đó?

- HS trình bày ý kiến.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV tổ chức cho Hs nghe bài hát.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe âm thanh, giai điệu lời bài hát để dự đoán câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GVchỉ định Hs trả lời.

- Hs báo cáo kết quả

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án và nhấn mạnh nội dung câu hỏi.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

GV nhận xét, dẫn vào bài: *Lòng thương yêu con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, của quê hương vốn là một tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam từ xưa đến nay. Bài thơ “****Nói với con****” của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong nguồn cảm hứng rộng lớn, phổ biến ấy nhưng tác giả lại có cách nói xúc động của riêng mình. Điều tạo nên cái riêng, động đáo ấy là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức (70’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Đọc – tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Nói với con***”….**  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d.Tổ chức thực hiện hoạt động:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn cách đọc**: - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  +Thể hiện tình cảm chân thành  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về TG ***Y Phương***. (HS đã chuẩn bị ở nhà).   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Y Phương? | …… | | 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? | ……………………… | | 2. Nêu phương thức biểu đạt chính của bài thơ? | ………………… | | 3. Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính từng phần? | …………………………… | | 4. Văn bản được viết theo đề tài nào? | …………………………… |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh làm việc cá nhân  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục tiếp theo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Trải nghiệm cùng văn bản  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **a.Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]; [7]; [8]  **b.Nội dung:** GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về lời của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **c.Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thành ở nhà.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **NV1 1. Cha nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | 1. Bài thơ Nói với con thể hiện tình cảm của người cha đối với con, nhưng qua đó, nhà thơ còn hướng tới những đối tượng nào khác? | …………………… | | 2. Đọc 4 câu thơ đầu em hình dung được cảnh gì? | ………… | | 3. Để diễn tả sự lớn lên của con, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào? | ………… | |  | | 4. Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì? | ……………… | | 5. Tác dụng của các hình ảnh và cách diễn đạt đó? | ………… | | 6. Ngoài 4 câu thơ trên, còn có câu thơ nào cũng nói về cuộc sống gia đình hạnh phúc, đầm ấm? | …………… |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **NV2. *Người cha nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong muốn của cha.***  **a.Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]; [9]; [10]  **b.Nội dung**: **GV** sử dụng cặp đôi để tìm hiểu về lời của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về lời của người cha nói với con.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hs nghiên cứu ngữ liệu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  ? Con được lớn trong tình yêu thương sự nâng đỡ của cha mẹ, bên cạnh đó con còn được lớn, trưởng thành từ đâu nữa?  ? Cuộc sống lao động của người đồng mình được gợi lên qua các hình ảnh nào?  ? Nhận xét gì về các từ cài, ken trong hai câu thơ trên?  ? Cuộc sống lao động của “Người đồng mình” là cuộc sống như thế nào?  ? Từ những đức tính quý báu này của *“người đồng mình”*, người cha mong ước ở con điều gì? Em có nhận xét gì về những điều mong ước đó?  ? Cuối cùng người cha thúc giục con yêu điều gì?  ? Em có nhận xét gì về cách kết thúc của bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc bốn câu thơ đầu:  “*Chân phải... cha*  *Chân trái ... mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười.*  GV hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 ( khai thác kiến thức từ 4 câu thơ đầu)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  Tác giả đã nhập thân vào người cha để tâm sự với con của minh mà ta ngỡ như nhà thơ đang đối thoại với chính chúng ta vậy. Những lời vàng ngọc mà thấm thía như làm cho tâm hồn ta thêm trong sạch và phong phú hơn. Đó cũng chính là sức mạnh cảm hóa đặc biệt của văn chương trong đời sống tinh thần của con người.  **IV. TỔNG KẾT**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **B4: Đánh giá, kết luận (GV):**  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **I. Đọc – tìm hiểu chung**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó ( SGK)  **2. Tác giả, Tác phẩm**  **\* Tác giả:** Y Phương ( 1948) tên Hứa Vĩnh Sước- Quê Trùng Khánh – Cao Bằng- Là nhà thơ dân tộc Tày.  Thơ ông mộc mạc, chân thành, sâu lắng thiết tha.  **\*Tác phẩm:**  - Được in trong tập thơ Việt Nam (1945-1985).  **Tìm hiểu thể thơ, bố cục:**  - Thể thơ tự do.  + 2 phần:  - P1 đến “ trên đời”-> Nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng.  - P2: Còn lại-> Nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong ước về con.  => Mạch cảm xúc: Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương; từ những kỉ niệm thân thiết gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống.  **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Cha nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng:**  \* Con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ.  - Hình ảnh bước chân.  *Chân phải... cha*  *Chân trái ... mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười.*  -> Điệp ngữ, phép liệt kê -> tả, kể đứa trẻ lẫm chẫm tập đi, tập nói lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ.  -> *Tạo không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt*.  \* Con lớn lên trong sự đùm bọc của quê hương nghĩa tình.  => Các động từ “cài, ken” + các danh từ “nan hoa, câu hát” -> cuộc sống tươi vui, đoàn kết gắn bó của “người đồng mình”  => Cách nói ví von, giàu hình ảnh qua những hình ảnh cụ thể “rừng - hoa”, “con đường - tấm lòng” + điệp từ “cho”  => Miêu tả cụ thể cuộc sống lao động cần cù, tươi vui, ngoài ra còn thể hiện sự gắn bó, quấn quýt trong lao động, làm ăn của đồng bào quê hương.  *Rừng cho hoa*  *Con đường cho những tấm lòng*  -> Nghệ thuật: ẩn dụ ->Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình; đó là sự che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.  *-> Gia đình, quê hương chính là nôi êm của đời con.*  **2. *Người cha nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong muốn của cha.***  **\* Niềm tự hào về sức sống bền bỉ, về những truyền thống văn hóa của quê hương:**  => Điệp ngữ “người đồng mình” được lặp lại 3 lần; lời thơ mộc mạc tha thiết được thể hiện qua các thán từ “thương lắm, yêu lắm”, “con ơi”; cách nói vừa cụ thể vữa giàu hình ảnh “Cao đo nỗi buồn, xa nôi chí lớn”, “đục đá kê cao quê hương”, “thô sơ da thịt”  => Khẳng định, tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của “người đồng mình”: tuy vất vả mà mạnh mẽ khoáng đạt, gắn bó với quê hương; dù mộc mạc, thô sơ về hình thức (da thịt) nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, tinh thần “không ai được nhỏ bé”. “Người đồng mình” giàu lòng tự tôn, có ý thức về bản sắc dân tộc, tự , làm nền văn hóa, phong tục riêng biệt “Tự đục đá kê cao quê hương, còn quê hương thì làm phong tục”.  **\* Mong ước của người cha:**  *- Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*  *…………………………………..*  *Lên thác xuống nghềnh không lo cực nhọc*  *- Lên đường*  *Không bao giờ nhỏ bé được*  *Nghe con.*  => Điệp từ “sống”, “không chê”, phép so sánh, cách nói vừa cụ thể vừa mang ý nghĩa ẩn dụ, giọng thơ khẳng định tâm tình tha thiết  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa có sức gợi cảm khái quát, cách nói mộc mạc, so sánh cụ thể thể hiện các nói đặc trưng của đồng bào miền núi.  - Lời thơ trìu mến tha thiết, điệp từ như điểm - nhấn lời dặn dò ân cần, tha thiết của người cha.  **2. Nội dung**  - Người cha nói với con người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc lam lũ nhưng mạnh mẽ, giàu chí lớn, luôn yêu quý tự hào và gắn bó với quê hương. |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

- Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Qua bài thơ, em thấy tình cảm của người cha đối với con như thế nào? Điều lớn nhất người cha muốn truyền cho con và giáo dục con là gì?

? Phát biểu suy nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời.
* GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

**B4: Đánh giá, kết luận (GV):**

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Nói với con, người cha đã bộc lộ chính mình. Em thấy người cha trong bài thơ là người như thế nào?

? Nếu là con người, em có suy nghĩ gì trước những lời nhắn nhủ của người cha?

? Vẽ sơ đồ tư duy bài thơ “ Nói với con” của tác giả Y Phương

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- 2 HS trả lời.

- HS trình bày ý kiến.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, định hướng câu trả lời liên hệ thực tế cho các em.

- HS vẽ sơ đồ tư duy theo gời ý dưới đây trên máy chiếu.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo: ***Viết:****Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ( trình bày ý kiến phản đối)*

**TIẾT:110-111-112**

**VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

( TRÌNH BÀY Ý KIẾN PHẢN ĐỐI)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực trình bày vấn đề trước đám đông

**\* Năng lực đặc thù**

- Nắm được cấu trúc 3 phần của bài viết trình bày một vấn đề đời sống.

- Nắm được cách sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh vấn đề.

- Nắm được các bước làm bài viết về một vấn đề trong đời sống.

**2. Về phẩm chất**

- Có quan điểm riêng, lập trường vững vàng đối với mỗi vấn đề đặt ra trong đời sống

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

- Video những hiện tượng xảy ra trong đời sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1:Khởi động- 5p**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, lam rõ bản chất của vấn đề.

Thể hiện được rõ ràng ý kiến phản đối hoặc cách hiểu khác của người viết.

Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- HS quan sát video trên máy chiếu về hiện tượng ô nhiễm môi trường

? Em có đồng ý với việc làm xả rác bừa bãi của một số người không? Vì sao?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, chia sẻ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhấn mạnh kĩ năng nói và nghe.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, làm rõ bản chất của vấn đề.

-Vấn đề được bàn luận cần thiết yếu đối với mọi người, thu hút được sự quan tâm, hứng thú của cộng đồng.

-Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ( trình bày ý kiến tán thành)(15p).**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Hs trả lời các câu hỏi sau:  + Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận?  + Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn luận?  + Ý kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì?  + Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh những yêu cầu cần đạt trong một bài viết. | 1. Vấn đề đời sống được nêu ra bàn luận phải rõ ràng, xác đáng  2. Nêu được một quan niệm về vấn đề bàn luận  3. Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu.  4. Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục. |

**II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo(25p).**

**a. Mục tiêu:** - Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của việc đọc bài viết tham khảo.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Hs đọc bài viết tham khảo SGK “ Việc lớn, việc nhỏ”  + Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài văn nghị luận?  + Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý?  + Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến?  + Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến?  + Bằng chứng nào nêu lên để củng cố cho lí lẽ?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  GV dung phương pháp đàm thoại để học sinh trả lời câu hỏi-> Hs tán thành và phải bảo vệ ý kiến của mình.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh yêu cầu khi đọc trong các thẻ. | **1. Học sinh đọc và phân tích bài viết tham khảo**  1. Bài viết nêu vấn đề: *Tôi chỉ làm việc lớn, việc nhỏ là việc vô nghĩa, tôi không thích làm.*  2. *Thể hiện ý kiến không đồng tình: Theo tôi câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm khó chấp nhận.*  3. Lí lẽ:  3.1. trên từng bước trưởng thành, những việc lớn luôn chờ đợi chúng ta.  3.2. anh ấy không thể lấy cớ “ bận làm việc lớn”để né tránh những “việc nhỏ” mà anh có bổn phận phải làm, giống như mọi người.( DC: Tốt nghiệp phổ thông, lo toan cs gia đình....)  ..... |

**III. Thực hành viết theo các bước**

**a.Mục tiêu:**

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của người viết, thực hiện đầy đủ các bước theo hướng dẫn.

- Hs đưa ra ý kiến phản đối quan niệm, cách hiểu không đúng về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Gv hướng dẫn Hs lựa chọn đề tài phù hợp  - Hs tham khảo các ý trong SGK để trả lời.  - HS lựa chọn các ý trong bì viết:  + Vấn đề gì cần bàn luận ở bài viết?  + Trước ý kiến trái ngược với quan điểm của bản thân, cần thể hiện ý kiến của mình như thế nào?  + Làm cách nào để ý kiến của mình thuyết phục người đọc?   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý**  **Họ và tên:……………….Lớp……………….**  **Gợi ý: Đọc kỹ đề tài, ghi lại những ý nảy sinh**  **trong quá trình suy nghĩ ghi vào cột bên phải** | | | Vấn đề đới sống bàn luận | …… | | Ý kiến của người khác cần thể hiện sự tán thành ( Ý kiến nào được người khác nêu ra? Ý kiến đó có lí ở chỗ nào? Vì sao cần tán thành ý kiến đó? | ………………………… | | Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy tán thành ý kiến là có cơ sở ( Cần diễn giải điều gì để làm rõ ý kiến của mình? Với từng ý đã diễn giải, cần những bằng chứng nào để củng cố?) | ……………………………… |   ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh những lỗi thường gặp trong trình bày bài nói.   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu | Gợi ý chỉnh sửa | | Nêu cụ thể vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối | Chỉnh sửa nếu thấy vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối còn mơ hồ | | Trình bày rõ sự phản đối của người viết về ý kiến vừa nêu | Diễn đạt cho rõ nếu thấy sự phản đối chưa được thể hiện rõ ràng | | Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để việc phản đối ý kiến có sức thuyết phục | Củng cố lí lẽ nếu thấy chưa vững chắc, bổ sung bằng chứng nếu thấy còn thiếu | | Nêu được ý nghĩa của việc phản đối ý kiế trái ngược vấn đề. | Bổ sung nếu thấy chưa nêu được ý nghĩa hoặc nêu chưa rõ. | | Rà soát lỗi về từ ngữ, câu, đoạn văn, liên kết các câu và các đoạn, cách trình bày bài viết. | Sửa những lỗi phát hiện được. | | **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  - Phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết  - Có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá.  - Có thể xác định thái độ dứt khoát với vấn đề đó.  **b. Tìm ý**  - HS bộc quan điểm cá nhân trong việc tìm ý.  - Hs ghi các ý tìm được ra vở ghi  **c. Lập dàn ý**  **Mở bài:** Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận vấn đề.  **Thân bài:**  + Ý 1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận  + Ý 2. Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm ( lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3. Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống ( lí lẽ, bằng chứng)  **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.  **2. Viết bài**  Tham khảo mở bài- thân bài- kết bài SGK  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

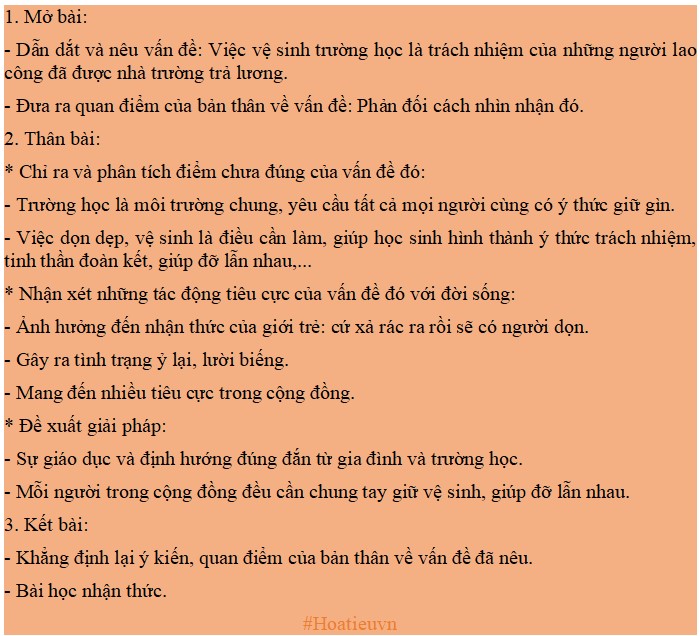
**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương ”.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**1. Dàn ý nghị luận vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công**



Ở trường học, học sinh không phải chỉ quan tâm đến chuyện học hành, sách vở. Mà các em còn phải để ý đến nhiều vấn đề khác nữa. Trong đó, không thể không nhắc đến vấn đề giữ gìn vệ sinh lớp học. Vậy mà lại có ý kiến cho rằng vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương. Bản thân em không đồng tình với ý kiến này.

Hồi trước bố mẹ phải tự dọn dẹp trường lớp, không có cô lao công nhưng bố mẹ vẫn giữ trường lớp sạch sẽ vì đó là trách nhiệm của những học sinh chúng ta”. Đó là lời mà mẹ em vẫn dạy và nhắc nhở chúng em về việc tự giác vệ sinh trường lớp. Con người khác với loài vật ở đặc điểm là biết giữ gìn vệ sinh không gian sống để bảo vệ sức khỏe, tránh được bệnh tật, tạo nên môi trường sống trong sạch, lành mạnh.

Tất cả các học sinh từ khi học lớp một đã được nghe và thực hiện các hoạt động giữ gìn vệ sinh trường lớp. Như quét dọn lớp học, lau bàn ghế, vứt rác vào thùng… Những hành động đó không chỉ giúp trường lớp luôn sạch sẽ, mà còn giúp rèn luyện tinh thần tự giác, thái độ cho các em học sinh.

Các cô nhân viên lao công đúng là người chịu trách nhiệm chính trong việc vệ sinh trường lớp, tuy nhiên mỗi học sinh phải có thái độ trân trọng nghề nghiệp, biết ơn người đã giữ vệ sinh chung cho môi trường học tập. Không những vậy, mỗi bạn học sinh cần tự giác giữ gìn vệ sinh trong và ngoài lớp học, không được tự ý bầy bừa, vấy bẩn lớp học. Bởi hơn hết, một lớp học sạch sẽ sẽ tốt cho việc học tập và sức khỏe của chúng ta. Hơn nữa, giữ vệ sinh là hành động đúng đắn và là trách nhiệm của mọi người.

Chính vì vậy, giữ gìn về sinh trường học, lớp học, xây dựng môi trường học tập sạch sẽ, thân thiện và an toàn là trách nhiệm của mỗi học sinh. Một việc làm nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn trong cộng đồng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương ”.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:Vấn đề được đặt ra: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.( nếu có thời gian)

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết 113 NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

-  Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải thích, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Trong giao tiếp, em thường bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối ý kiến của người khác. Đã bao giờ ý kiến của em đưa ra bị phủ nhận chưa? Khi đó em có cảm xúc, suy nghĩ gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung: *Trong giao tiếp, chúng ta có thể tán thành hoặc phản đối một vấn đề nào đó. Vậy làm thế nào để trình bày được những ý kiến đồng tình hoặc phản đối một cách thuyết phục? Chúng ta sẽ đi vào tiết Nói và nghe*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được kiểu bài trao đổi một vấn đề mà em quan tâm (yêu cầu kiểu bài, mục đích...)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh xác định mục đích nói và người nghe và phần chuẩn bị nội dung nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.*  *+ GV đặt câu hỏi thảo luận: Khi tham gia thuyết trình về một vấn đề xã hội, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến?*  *+ Hs chuẩn bị nội dung nói*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung  **NV2: Hướng dẫn học sinh Tập luyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Các nhóm luyện nói theo các chủ đề đã xác định, thống nhất nội dung (thời gian:7 phút)* *GV hướng dẫn HS luân phiên cả hai tư cách: người nói và người nghe để phát triển kĩ năng nói và nghe hài hoà.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **1. Trước khi nói**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích nói: trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn để đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp.  - Người nghe: Khi bài nói được trình bày trong giờ học, người nghe là HS trong lớp và GV. Với tình huống khác, người nghe có thể là các bạn trong lớp, trong trường và những ai quan tâm đến vấn đề  **b. Chuẩn nội dung nói**  - Từ đề tài đã chọn, người nói xây dựng dàn ý chi tiết, gồm đầy đủ các phần, ghi chú cách trình bày từng phần, các ý cụ thể, những lí lẽ và bằng chứng cần sử dụng,  - Nếu phần Nói thực hiện trên một bài viết đã có, GV hướng dẫn HS rút gọn bài viết thành dàn ý bài nói. Chú ý: Cách mở đầu bài nói có những điểm khác với bài viết. Phần triển khai, các ý cần rõ ràng, có ghi chú các số liệu, bằng chứng cụ thể để tiện sử dụng khi trình bày.  - Lựa chọn từ ngữ: Căn cứ vào để tài và nội dung nói, ghi lại một số từ ngữ cần sử dụng, nhất là những từ ngữ thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến, chẳng hạn: theo quan điểm của tôi, cần phải thấy được rằng, có thể khẳng định, chắc chắn là, không thể quan niệm rằng, điều khó chấp nhận ở đây là,...  **c. Tập luyện**  - Khi ở vị trí người nói, chú ý tập luyện cách trình bày, cách bảo vệ ý kiến của mình; ở vị trí người nghe, cần biết cách theo dõi, có thể phản bác hay nêu thắc mắc nếu thấy lí lẽ của người nói chưa chắc chắn, bằng chứng chưa phù hợp.  - Sau tập luyện, phải trao đổi nhóm để rút kinh nghiệm về nội dung và cách trình bày, kinh nghiệm về sự tương tác nói – nghe. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

-  Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải thích, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói.*

*+ Gv quan sát hoạt động thảo luận của HS, kịp thời đưa ra những gợi dẫn và định hướng.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs báo cáo

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nói** | **Người nghe** |
| **a. Trình bày ý kiến về vấn đề**  - Nêu vấn đề, nói rõ tầm quan trọng của vấn đề trong đời sống xã hội.  - Trình bày các khía cạnh để làm rõ thực chất vấn đege.  - Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề. | **a. Tiếp nhận và suy nghĩ ý kiến của người nói**  - Tập trung lắng nghe và ghi chép các ý cơ bản của bài nói, đối chiếu với sự chaunar bị của mình để thấy những chỗ tương đồng và khác biệt trong ý kiến.  - Ghi nhanh ý kiến trao đổi. |
| **b. Bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe**  - Tóm tắt ý kiến trao đổi, giải thích lại những chỗ người nghe chưa hiểu, dùng lí lẽ và bằng chứng làm rõ tính đúng đắn của ý kiến trình bày.  - Sẵn sàng trao đổi nếu người nghe tiếp tục thắc mắc, mục đích cuối cùng là để khẳng định sự xác đáng của ý kiến. | **b. Nêu ý kiến trao đổi**  - Ý kiến cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng bằng câu khẳng định hoặc câu hỏi.  - Theo dõi phản hồi của người nói, trao đổi lại nếu thấy chưa thỏa đáng, đồng tình nếu thấy ý kiến bảo vệ có sức thuyết phục. |

**Hoạt động 3: Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Sau khi người nói hoàn thành phần trình bày, GV tổ chức cho HS trao đổi. Việc trao đổi tập trung vào ba khía cạnh: *nội dung bài nói, cách thức trình bày, sự tương tác giữa người nói với người nghe.* GV định hướng trao đổi bằng một số câu hỏi: *Người nói đã nêu lên và bàn luận về một vấn đề đời sống chưa? Ý kiến của người nói về vấn đề đã rõ ràng chưa? Bài nói đã thể hiện rõ sự tán thành hay phản đối chưa? Có nêu được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối có cơ sở không? Ngôn ngữ nói được sử dụng như thế nào? Đã biết phối hợp giữa lời nói và ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ,...) chưa? Mức độ tương tác giữa người nói và người nghe thế nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs báo cáo

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**C. HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs báo cáo

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:Vấn đề được đặt ra: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.( nếu có thời gian)

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TIẾT 114 : TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 + HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

Bài kiểm tra đã chấm

**2. Chuẩn bị của HS:** Nhớ lại đề đã kiểm tra

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 4P)**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30P)**

**Hoạt động 1: Nhắc lại đề đã thực hiện**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Em hãy nhắc lại yêu cầu

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT PHONG ĐIỀN  **TRƯỜNG THCS Điền Hải** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3TN | | 5TN | | 2TL | |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  | |  | |  | | 1TL\* |
| **Tổng:** | | |  | **3TN** | **5TN** | | **2 TL** | | **1 TL** | |
| ***Tỉ lệ: %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | | ***30*** | | ***10*** | |
| **Tỉ lệ chung”** | | |  | **60** | | | **40** | | | |

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**KIẾN VÀ CHÂU CHẤU**

*Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò truyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu chấu mỉa mai.Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.*

*Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mải chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.*

*(Truyện “Kiến và Châu chấu", trang 3, NXB thông tin)*

**Câu 1**. Truyện *Kiến và châu chấu* thuộc thể loại nào?

A. truyện ngụ ngôn B. truyện đồng thoại

C. truyền thuyết D. thần thoại

**Câu 2**. **Vào những ngày hè, chú châu chấu đã làm gì?**

A. nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít

B. siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát

C. cần cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.

D. giúp châu chấu mẹ dọn dẹp nhà cửa

**Câu 3*.* Châu chấu đã rủ kiến làm gì cùng mình?**

A. cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng

B. trò chuyện và đi chơi thoả thích

C. cùng nhau về nhà châu chấu chơi

D. cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông

**Câu 4*.*** Trạng ngữ trong câu sau được dùng để làm gì?

*“Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít.”*

A. chỉ nguyên nhân B. chỉ thời gian

C. chỉ mục đích D. Chỉ phương tiện

**Câu 5**. Vì sao kiến không đi chơi cùng châu chấu?

A. Kiến không thích đi chơi.

B. Kiến không thích châu chấu.

C. Kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.

D. Kiến không muốn lãng phí thời gian.

**Câu 6**. Theo em, châu chấu là những hình ảnh đại diện cho những kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Những người vô lo, lười biếng.

B. Những người chăm chỉ.

C. Những người biết lo xa .

D. Những người chỉ biết hưởng thụ.

**Câu 7**. Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?

A. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực.

B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.

C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.

D. Được mùa ngô và lúa mì.

**Câu 8.** Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?

A. không còn sức để làm B. không có sức khỏe

C.yếu đuối D. yếu ớt

**Trả lời câu hỏi/ yêu cầu sau:**

**Câu 9**. Nếu là châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

**Câu 10**. Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “Trò chơi điện tử là món tiêu khiển khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

**--------- Hết ---------------**

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được:  + Em sẽ nghe theo lời kiến.  + Em sẽ chăm chỉ cùng kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông  *Lưu ý*: Học sinh nêu được 1 ý cho 0,5 điểm. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được bài học cho bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau:  - Luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng.  - Biết nhìn xa trông rộng.  *Lưu ý*: Học sinh nêu được 1 bài học cho 0,5  2 bài học cho 0,75 điểm. Nếu từ 3 bài học trở lên cho tối đa. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trò chơi điện tử | 0,25 |
|  |  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  - Hiểu được đề bài yêu cầu những gì, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí.  - HS triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm và mỗi luận điểm viết thành một đoạn văn.  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  |  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trò chơi điện tử là gì?  - Thực trạng của việc chơi trò chơi điện tử của lứa tuổi học sinh.  - Chỉ ra những lợi ích và tác hại của trò chơi điện tử.  - Đề xuất giải pháp. | 2.5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

**Hoạt động 2: Nhận xét**

**a. Mục tiêu:**Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

1.Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận

2. Nêu các bước tiến hành?

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

*Trước khi viết*

*- Tìm ý*

*- Lập dàn ý*

*Viết bài*

*Chỉnh sửa bài viết.*

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 3P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

**THỰC HÀNH ĐỌC: *CÂU CHUYỆN VỀ CON ĐƯỜNG***

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

Chuẩn bị tiét nóivà nghe: Chủ đề 9: Hòa điệu với tự nhiên

**BÀI 9: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

**Tiết 115-116**

**TRI THỨC NGỮ VĂN + THUỶ TIÊN THÁNG MỘT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một luật lệ trong hoạt động.

- Giúp HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Hiểu được những nguyên nhân của biến đổi khí hậu và những tác động của nó.

- Chính sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.

- Biến đổi khí hậu là mối đe dọa lớn đến con người.

***2. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng cách sống hài hòa với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Tranh ảnh về nhà văn Thô-mát L. Phrít-man

- bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Khởi động (5’)**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

**HS** quan sát, lắng nghe video “Tìm hiểu về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c. Sản phẩm:**

- Nội dung của video bài hát: Tìm hiểu về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

*? Cho biết nội dung của video trên? Những thông tin từ video cung cấp gợi cho em cảm xúc gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các lẫn nhau

GV: chốt vấn đề

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 35P)**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một luật lệ trong hoạt động.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

Đọc tri thức ngữ văn trang 77/ sgk

1, Trình bày cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin ?

2, Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động?

3. Cước chú?

\* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

\* Báo cáo kết quả:

- GV gọi bất kì bạn nào trình bày kết quả.

\* Kết luận, đánh giá:

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**\* thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

**\* Báo cáo kết quả**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

**GV có thể bổ sung thêm:**

**B. ĐỌC VĂN BẢN : THUỶ TIÊN THÁNG MỘT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **1. Mục tiêu:** học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục)?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  B4: Kết luận, nhận định  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **GV bổ sung:**  - **Bố cục**(3 phần)  + Phần 1 (từ đầu đến “nó còn là “sự bất thường của Trái Đất” nữa”): *Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu.*  + Phần 2 (tiếp đến “*toàn cầu*…”): *Biến đổi khí hậu và những tác động của nó.*  + Phần 3 (còn lại): *Những báo cáo và con số đầy ám ảnh.*  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:** - Nhận biết được vấn đề thông tin và cách thức tác giả giới thiệu.  - Hiểu được những nguyên nhân của biến đổi khí hậu và những tác động của nó.  - Chính sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.  - Biến đổi khí hậu là mối đe dọa lớn đến con người.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **1, *Tình trạng biến đổi khí hậu****.***.**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Hãy chọn trong đoạn 1 một cụm từ có thể khái quát được nội dung chính của vấn đề mà tác giả muốn trao đổi?*  *- Những cách gọi khác nhau của vấn đề?*  *-Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?*  **\*Dự kiến sản phẩm:**  - Vấn đề: biến đổi khí hậu,  + sự nóng lên của Trái Đất,  + sự bất thường của Trái Đất,  + sự rối loạn khí hậu toàn cẩu.  -> Cách nêu vấn đề trực tiếp, nhìn nhận từ các khía cạnh của vấn đế  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  **2. *Biến đổi khí hậu và những tác động của nó.***  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm (3 nhóm).  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  ? Vẽ sơ đổ (có sử dụng hình mũi tên) biểu thị mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  *? Sự bất thường của Trái đất” đã được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng nào? Tìm thêm những bằng chứng thực tế mà em biết được ?*  *? Nhận xét về những tác động do biến đổi khí hậu gây ra?*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS:**  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  ***3. Những báo cáo và con số đầy ám ảnh.***  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hỏi học sinh.  *? Hai đoạn cuối tác giả đã đưa vào rất nhiều số liệu, là những số liệu nào?*  *? Ý nghĩa của số liệu ấy?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **1.Mục tiêu**: Giúp HS   * HS nắm được những đặc điểm nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của một văn bản thông tin.   **2.Nội dung**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi.  - HS làm việc cá nhân  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  Gía trị nội dung và nghệ thuật có gì đặc sắc?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật trình bày vấn đề theo quan hệ nhân quả giữa các phần trong văn bản. Đưa ra những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục.  **2. Nội dung**  Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên TĐ với  **\* Báo cáo kết quả**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  **2, Tác giả:, tác phẩm**  - Thô-mát L. Phrít-man (1953), sinh ra tại St.Louis Park, một vùng ngoại ô của Minneapolis. **-** Là nhà báo người Mỹ có uy tín, phụ trách chuyên mục các vấn đề quốc tế của báo New York Times, chuyên theo dõi những vấn đề mang tính toàn cầu, trong đó có vấn đề môi trường.  **-**Ba lần được trao giải Pu-lít-dơ (Pulitzer)  - Các tác phẩm tiêu biểu: *Chiếc Lếch-xớt (Lexus) và cây ô-liu (1999); Thế giới phẳng (2005-2007); Nóng, Phẳng, Chật (2008);...*  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Văn bản thông tin.  **- Xuất xứ**  + Trích *Nóng, Phẳng, Chật (2008)* nói về những thách thức lớn nhất mà hiện nay nước Mỹ đang đối mặt: khủng hoảng môi trường toàn cầu và việc đánh mất vị thế của một quốc gia dẫn đầu.  *+ “Thủy tiên tháng Một”* nằm trong mục 5 (*Sự bất thường của Trái Đất*) thuộc phần 2 (*Tại sao chúng ta lại ở đây*) của cuốn sách  - **Bố cục**(3 phần)  **II. Khám phá văn bản**  **1, *Tình trạng biến đổi khí hậu****.***.**  - Vấn đề: biến đổi khí hậu,  + sự nóng lên của Trái Đất,  + sự bất thường của Trái Đất,  + sự rối loạn khí hậu toàn cẩu.  -> Cách nêu vấn đề trực tiếp, nhìn nhận từ các khía cạnh của vấn đế.  **2. *Biến đổi khí hậu và những tác động của nó.***  - Nguyên nhân của biến đổi khí hậu:  + Nhiệt độ trung bình toàn Trái Đất tăng.  +Sự chênh lệch nhiệt độ hình thành, Trái Đất nóng hơn, tốc độ bay hơi.  - Những tác động của nó.  + Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh: đợt nóng, hạn hán, tuyết rơi dày, bão lớn, lũ lụt, mưa to, cháy rừng, loài sinh vật biến mất, thủy tiên nở tháng 1.  + Thời tiết đồng thời tổn tại ở hai thái cực: nơi nắng hạn gay gắt; nơi mưa bão, lụt lội kinh hoàng.  *\* Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng nghiêm trọng, nặng nề, tiêu cực đến hệ sinh thái và đời sống con người.*  ***3. Những báo cáo và con số đầy ám ảnh.***  - Báo cáo “ Sự bất thường của Trái Đất năm 2007”:  +Bốn đợt giớ mùa, lũ lụt nặng nề ở Ấn Độ, Pa-ki-xtan...  + Vào tháng 5, sóng lớn cao 4,6 m tràn qua 68 đảo ở Man-đi-vơ...  - Mùa hè 2008, hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn ra:  + mưa lớn khiến trung tâm thành phố Xi-đa Ra-pit bị lụt.  + Mực nước sông cao hơn mặt nước biển 9,1 m (hơn kỉ lục cũ 1,8 m).  *\* Những số liệu ấn tượng, đáng tin cậy, thuyết phục khiến người đọc ám ảnh và nhận thức được vấn đề biến đổi khí hậu vẫn còn tiếp tục diễn ra hết sức cực đoan.*  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật trình bày vấn đề theo quan hệ nhân quả giữa các phần trong văn bản. Đưa ra những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục.  **2. Nội dung**  Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên TĐ với những hiện tượng thời tiết cực đoan.  **3. Ý nghĩa nhan đề.**  - Nhan đế ấn tượng, làm nảy sinh nhiều suy đoán, thể hiện sự quan sát thực tế của tác giả.  - Sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.  - Từ đó kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ Trái Đất, giảm thiểu và khắc phục hiện tượng biến đổi khí hậu để cuộc sống chúng ta ít bị đe dọa, tác động |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân

**c) Sản phẩm:** Kết quả ở giấy nháp của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*- Ở địa phương em, em quan sát được những hiện tượng thời tiết cực đoan nào thường xảy ra?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*? Em hãy trình bày một số giải pháp để hạn chế sự tác động của biến đổi khí hậu?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TIẾT:117**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CƯỚC CHÚ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a.Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b.Năng lực riêng biệt**

HS nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.

   - HS nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định cước chú và tài liệu tham khảo.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**2.Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 5p)**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về cách ghi cước chú và thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo.

**b. Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ trả lời.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc lại bài Thủy tiên tháng Một, trao đổi với bạn bên cạnh:

*+ Xác định kí hiệu và tên đối tượng được chú thích ở cuối chân trang*

*+ Cách trình bày đoạn trích dẫn lấy từ nguồn tài liệu nào trong văn bản?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một số HS trả lời câu hỏi, HS khác lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và chốt kiến thức:

     + Một số kí hiệu và tên đói tượng được chú thích trong bài: *(1) đồng nhất: cùng một loại, (2) Hải lưu: dòng chảy tạo nên do sự chuyển dịch…*

     + Trích dẫn lấy từ *trang CNN.com (ngày 07/08/2007) giới thiệu một báo cáo do WMO của Liên hợp quốc.*

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

*Trong một văn bản bất kì, việc sử dụng cước chú để đánh dấu cho những chú thích được đặt ở dưới chân trang là vô cùng cần thiết, bên cạnh việc giải thích và cung cấp thông tin về nghĩa của từ, cước chú còn miêu tả và giải thích sự vật, hiện tương rõ hơn. Một điều nữa, để giúp cho văn bản tăng sức thuyết phục và bằng chứng xác thực, chúng ta cũng cần tìm đến nguồn tài liệu tham khảo uy tín, chất lượng. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi vào tìm hiểu kĩ hơn về****Cước chú và tài liệu tham khảo.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 22P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 1:Cách ghi cước chú**  a.Mục tiêu: Học sinh nắm được cước chú là gì ?  - Đối tượng cần được cước chú?  - Cách ghi cước chú  b.Nội dung: GV tổ chức hoạt động theo từng bài tập cho HS hoàn thành.  c.Sản phẩm học tập: HS hoàn thành bài tập.  d.Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  1.Cước chú là gì ?  2. Đối tượng cần được cước chú?  3. Cách ghi cước chú  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV có thể bổ sung thêm:**  **Hoạt động 2:Tài liệu tham khảo**  **a. Mục tiêu: -**Tài liệu tham khảo là gì?  - Tài liệu tham khảo thường được ghi ở vị trí nào?  - Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo?  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  **1**. Tài liệu tham khảo là gì?  2: Tài liệu tham khảo thường được ghi ở vị trí nào?  3. Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV có thể bổ sung thêm:** | **I, Cách ghi cước chú**  - Cước chú là một đoạn chú thích đặt ở cuối trang trong một quyển sách hoặc văn bản. Đoạn chú thích đó có thể là nhận hoặc trích dẫn đến một tham khảo một phần đoạn văn bản.  -Đối tượng cần được cước chú: từ ngữ, thuật ngữ khó hiểu, xuất xứ của một đối tượng nào đó, các sự vật, hiện tượng chưa quen với người đọc.  - Cách ghi cước chú: SGK  **II. Tài liệu tham khảo**  Là loại tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thong tin bổ ích và cần thiết, có liên quan tới vấn đề được người đó trình bày trong văn bản  Tài liệu tham khảo thường được ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể có nhiều đơn vị, được đánh số và theo một quy ước thống nhất.   * Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo:trải qua 3 bước:SGK/83   + |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 15P)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về cước chú….

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1, 2,3,4,5,6 SGK trang 83;

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Dự kiến sản phẩm:**

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

Bài 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ ngữ được giải thích nghĩa | Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ | Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích |
| - Thái cực  - đồng nhất  - hải lưu | Ảnh của Quốc Trung  - Thoai-lai Dôn  - (Thô-mát L. Phrít-man, Nóng, Phẳng, Chật, Nguyễn Hằng dịch, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, trang 179 - 181) | Min-ne-xô-ta  - hiện tượng “nước trồi” |

Bài 2.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các thành phần của cước chú | Vị trí đặt cước chú | Nội dung cước chú | Ngôn ngữ của cước chú |
| -Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích  - Tên của đối tượng được chú thích  - Phần giải thích của tác giả hay của người biên soạn sách | Chân trang  - Cuối văn bản | - Giải thích nghĩa của từ ngữ  - Thuật ngữ  - Cung cấp thông tin về xuất xứ của đối tượng  - Giải thích sự vật, hiện tượng được nói tới | Ngắn gọn  - Rõ ràng |

Bài 3

**Lời giải:**

Một số từ có thể thêm cước chú: tốc độ bay hơi nước, nhà thủy văn học,...

[**Câu 4.** Hãy trình bày về cách ghi cước chú cho một trong những từ ngữ, nội dung được đề nghị ở bài tập 3](https://tailieumoi.vn/bai-viet/46665/hay-trinh-bay-ve-cach-ghi-cuoc-chu-cho-mot-trong-nhung-tu-ngu-noi-dung-duoc-de-nghi-o-bai-tap-3)

**Lời giải:**

- Cách ghi cước chú:

+ Đánh dấu từ những nội dung cần cước chú bằng chữ số hoặc dấu hoa thị

+ Ở chân trang hoặc cuối văn bản, lần lượt chú thích về từng từ ngữ hay nội dung đã được đánh dấu để tạo thành một cước chú hoàn chỉnh gồm các thành phần: ký hiệu đánh dấu đối tượng, tên đối tượng, dấu hai chấm, nội dung giải thích

[**Câu 5**: Việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo đã được Thô-mát L. Phrít-man thực hiện như thế nào trong Thủy tiên tháng Một?](https://tailieumoi.vn/bai-viet/46666/viec-cung-cap-thong-tin-ve-tai-lieu-tham-khao-da-duoc-tho-mat-l-phrit-man-thuc-hien-nhu-the-nao-trong-thuy-tien-thang-mot)

**Lời giải:**

Việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo đã được Thô-mát L. Phrít-man thực hiện như sau:

- Liên quan đến một thuật ngữ được sử dụng: tác giả nhắc đến tên người đã dề xuất thuật ngữ, như Hân-tơ Lo-vin với thuật ngữ sự bất thường của Trái Đất

- Liên quan đến một quan điểm đánh giá: tác giả nêu tên người có ý kiến được trích dẫn như Giôn Hô-đơ-rơn

- Tác giả nêu rõ các đoạn trích được lấy từ văn bản nào, của ai và xuất bản vào thời gian nào

=> Việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo luôn được tác giả lưu ý, xem đó như một điều mang tính bắt buộc

Tài liệu tham khảo được tác giả sử dụng lồng ghép vào trong văn bản của mình. Đó là việc tác giả đã nhắc đến tên người đã đề xuất thuật ngữ, như Hân - tơ Lo -vin với thuật ngữ Sự bất thường của Trái đất. Ngoài ra tác giả còn ghi rõ đoạn trích được lấy từ văn bản nào, của ai và thời gian ra sao.

-> Việc trích dẫn tài liệu trong văn bản luôn được tác giả chú tâm thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 4P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

\*Chuyển giao nhiệm vụ

*Viết một đoạn văn về chủ đề Môi trường, trong đó có sử dụng ít nhất một cước chú*

*(Lưu ý: Ghi cước chú đúng cách thức)*

**Bước 2: Dự kiến sản phẩm**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

*Trái Đất giờ đây đang hứng chịu những hiểm họa\* khôn lường do biến đổi khí hậu mà con người gây ra. Vì thế, việc bảo vệ môi trường là việc làm vô cùng cần thiết của toàn nhân loại. Việc làm để bảo vệ môi trường là: bỏ rác vào thùng, dọn dẹp vệ sinh nơi, phải trồng cây xanh, hạn chế khí thải từ các nhà máy, hạn chế sử dụng năng lượng không tái chế và sử dụng những nguồn năng lượng sạch... Ngoài ra, chúng ta cần phải nâng cao ý thức của chính bản thân mình trong việc bảo vệ môi trường và đồng thời tham gia các hoạt động như Mùa hè Xanh, Giờ Trái Đất,... Có như vậy, Trái Đất- ngôi nhà chung của chúng ta mới trở nên xanh sạch đẹp.*

*(\*) Hiểm họa: Tai nạn gây ra chết chóc*

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Viết đoạn văn theo yêu cầu trong phần vận dụng

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài: *Lễ rửa làng của người Lô Lô*

**Tiết 118-119**

**LỄ RỬA LÀNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ**

**Phạm Thùy Dung**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2,Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô.*

- Năng lực đọc hiểu, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**2.Phẩm chất:**

-  HS biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về tác giả Phạm Thùy Dung;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2.Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1,KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kêt nối những trải nghiệm về việc đọc sách của cá nhân đối với những nội dung được bàn luận trong VB, đồng thời, tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi tiến hành các hoạt động của giờ học.

**b.Nội dung:** GV đặt những câu hỏi cho HS suy nghĩ và chia sẻ.

**c.Sản phẩm:** Chia sẻ và câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV sử dụng các câu hỏi và gợi ý ở phần *Trước khi đọc* để dẫn dắt HS vào nội dung chính của bài học một cách tự nhiên:

*+ Hãy kể ngắn gọn một phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên của người Việt Nam (xưa hoặc nay) mà em được biết.*

*+ Hẳn em đã từng được nghe giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động nào đó. Hãy nêu một vài ấn tượng của em xung quanh việc giới thiệu này.*

- Nếu có điều kiện, còn thời gian, GV trình chiếu cho HS xem đoạn phim ngắn về trò chơi dân gian cho trẻ em nhân dịp Trung thu và yêu cầu HS nêu nhận xét về những gì được nghe, thấy xung quanh việc giời thiệu:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời của các em trước lớp, HS khác lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và đánh giá HS

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Chúng ta nên nhớ tên một số vị thần người Việt xưa thờ cúng, ddiefu đó biểu thị sự tôn trọng, thậm chí kinh sợ đối với các lực lượng tự nhiên như thần Đất, thần Rừng, thần Sông, thần Biển, thần Cây,… Ngoài ra, chúng ta nên nhớ rằng một số lễ tục vẫn còn được duy trì đến ngày hôm nay, điều đó lại một lần nữa cho thấy cách ứng xử đầy nhân văn của tổ tiên xưa đối với những ân huệ mà tự nhiên ban tặng cho con người như lễ cúng cơm mới, lễ cầu mưa, lễ cầu ngư,… Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu một lễ tục vô cùng độc đáo trong văn bản****Lễ rửa làng của người Lô Lô.***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **1. Mục tiêu:** học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - GV yêu cầu HS đọc to VB trước lớp.  - GV lưu ý về cách đọc: nhấn mạnh những câu in nghiêng ở phần mở đầu VB, bộc lộ thái độ thích thú, ngạc nhiên trước phần dẫn giải về lễ tục, sử dụng giọng rành rẽ, khúc chiết khi thể hiện các đoạn miêu tả từng bước thực hành lễ tục,…  - GV nhắc HS không bỏ qua các thẻ gợi ý về chiến lược đọc đặt bên phải của VB để có thể lĩnh hội thông tin một cách chủ động, hiệu quả.  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục)?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  B4: Kết luận, nhận định  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **GV bổ sung:**  - **Bố cục**(3 phần)  ***5. Bố cục bài Lễ rửa làng của người Lô Lô:***  *Lễ rửa làng của người Lô Lô có bố cục gồm 3 phần:*  *Phần một: Từ đầu đến “độc đáo, thú vị”: Giới thiệu lễ rửa làng của người Lô Lô.*  *Phần hai: Tiếp theo đến “làm mất thiêng”: Quá trình chuẩn bị và hành lễ rửa làng*  Phần cuối: Còn lại: Ý nghĩa của phong tục  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:** - Nhận biết được vấn đề thông tin và cách thức tác giả giới thiệu.  - Hiểu được thời điểm được chọn để tổ chức lễ hội  - Quá trình lễ hội diễn ra  - Lễ hội mang ý nghĩa gì?  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **1, Thời điểm được chọn để tổ chức lễ hội**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Hãy nêu những thời điểm diễn ra lễ hội?*  *- Những cách thức thực hiện?*  **\*Dự kiến sản phẩm:**  - Thời điểm:  + 3 năm tổ chức một lần  + Diễn ra vào tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch  - Cách thức:  + Cả làng ngồi lại với nhau thống nhất cách mời thầy cúng và phân công mọi nguowid sắm đồ lễ.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  **2. Quá trình lễ hội diễn ra*.***  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  - Quá trình chuẩn bị: đồ cúng nghi lễ…  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS:**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  ***3.* Ý nghĩa của lễ hội*.***  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hỏi học sinh.  *? Lễ hội mang đến ý nghĩa gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **1.Mục tiêu**: Giúp HS   * HS nắm được những đặc điểm nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của một văn bản thuyết minh.   **2.Nội dung**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi.  - HS làm việc cá nhân  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  Gía trị nội dung và nghệ thuật có gì đặc sắc?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  **\* Báo cáo kết quả**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  **2, Tác giả, tác phẩm**  **-a. Tác giả**  - Phạm Thùy Dung, nhà báo, biên tập viên tạp chí Di Sản  **-Thể loại:** Lễ rửa làng của người Lô Lô thuộc thể loại văn bản thuyết minh.  **- Xuất xứ**  + Trích *Tác phẩm Lễ rửa làng của người Lô Lô được trích trong tạp chí “Di sản” đăng kỳ tháng 12 năm 2019*.  *Tóm tắt: năm khi xong mùa vụ, người làng Lô Lô thường tổ chức nghi lễ rửa làng. Người Lô Lô là dân tộc thiểu số cư trú tại tỉnh Hà Giang và Cao Bằng. Người dân ở đây thường sống tập trung nên có tính cộng đồng rõ nét, họ thường cùng nhau thực hiện những nghi thức cổ truyền hướng về cội nguồn và cùng nhau ước vọng đời sống ấm no. Lễ rửa làng còn có tên gọi là lễ mừng ngô mới, bắt nguồn từ nhận thức rằng không gian của họ cần được tẩy rửa định kì. Một ngày trước khi lễ người dân cần cuẩn bị thẻ hương, chén nước, giấy trúc và con gà trống. Khi thầy cúng bọc tờ giấy trúc lên chén nước mà nước trong chén không bị thấm hoặc đổ ra ngoài thì lễ xin rửa làng đã linh nghiệm, báo hiệu việc cúng lễ sẽ thành công. Đoàn người thực hiện lễ cúng bao gồm thầy cúng chính, thầy cúng phụ và nam giới theo sau hỗ trợ. Họ vừa đi vừa gõ chiêng trống nhằm đánh thức những điều đẹp đẽ và xua tan rủi ro. Cây tre dài trước đó đã được đục miệng ở đoạn giữa và đổ đầy đất, sau đó cắm hình nhân bằng giấy màu rồi cắm hương theo từng hàng dọc ở giữa cây tre giả làm con ngựa. Xong phần lễ mọi người nhẹ nhõm hơn và tin vào tương lai tươi sáng phía trước.*  ***5. Bố cục***  **II. Khám phá văn bản**  **1. Thời điểm được chọn để tổ chức lễ hội**  - Lễ rửa làng hay còn gọi là lễ mừng ngô mới.  - Thời điểm:  + 3 năm tổ chức một lần  + Diễn ra vào tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch  - Cách thức:  + Cả làng ngồi lại với nhau thống nhất cách mời thầy cúng và phân công mọi nguowid sắm đồ lễ.  **2. Quá trình lễ hội diễn ra**  Quá trình chuẩn bị:  - Đồ cúng: thẻ hương, chén nước, giấy trúc và con gà trống.  - Nghi lễ: thầy cúng thắp hương đặt giấy trúc và chén nước xuống góc nhà để khấn xin tổ tiên đồng ý cho tổ chức lễ rửa làng. Tờ giấy không thấm hoặc bị đổ ra ngoài à linh nghiệm.  Bắt đầu lễ hội  - Đoàn người thực hiện lễ cúng: thầy cúng chính, thầy cúng phụ và một số nam giới trong làng.  - Đoàn người vừa đi vừa gõ để xua đuổi rủi ro, đánh thức những điều đẹp đẽ.  - Đồ lễ: hai con dê, một con gà trống trắng, rượu ngô, hạt ngô, cỏ, kiếm gỗ, kiếm sắt, ba cành lau, ba cành đào, ba cành mận, miếng vải đỏ, đôi sừng trâu và cây tre to,  **3. Ý nghĩa của lễ hội**  - Xuất phát từ nhận thức rằng không gian sinh sống của họ phải được “làm sạch”, “tẩy rửa” theođịnh kì để gọt rửa những điều xui xẻo, đem lại điều may mắn.  - Xong lễ mọi người thấy nhẹ nhõm hơn và tin vào tương lai phía trước  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn nhẹ nhàng, giàu hình ảnh.  - Câu văn ngắn gọn, đơn giản nhưng giàu sức gợi, cuốn hút người đọc.  **2. nội dung:**  Văn bản đã cung cấp cho người đọc thông tin đầy đủ, rõ ràng về phong tục rửa làng của người Lô Lô để thấy được nét đẹp về văn hóa và tinh thần của người dân nơi đây. |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân

**c) Sản phẩm:** Kết quả ở giấy nháp của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*- Ở địa phương, em quan sát được những lễ hội nào thường diễn ra?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Hãy kể ngắn gọn một phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên của người quê mình (xưa hoặc nay) mà em được biết.*?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết 120- 121 *Văn bản:* BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO**

Nguyễn Vĩnh Nguyên

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***\* Năng lực đặc thù*** - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Giúp học sinh hiểu, biết cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói cách sống hài hòa với tự nhiên, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ tự nhiên.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một luật lệ trong hoạt động.

***2. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng cách sống hài hòa với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

**HS** quan sát, lắng nghe video về bài hát “ ***Ai lên xứ hoa đào”*** , suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c. Sản phẩm:**

- Nội dung của video bài hát: Tìm hiểu về vấn đề vẻ đẹp của mùa hoa nơi Đà Lạt.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

*? Cho biết nội dung của video trên? Những thông tin từ video cung cấp gợi cho em cảm xúc gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các lẫn nhau

GV: chốt vấn đề

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **1. Mục tiêu:** học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - GV yêu cầu HS đọc to VB trước lớp.  - GV lưu ý về cách đọc:  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục)?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  B4: Kết luận, nhận định  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **GV bổ sung:**  - **Bố cục**(3 phần)  **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:** - Nhận biết được vấn đề thông tin và cách thức tác giả giới thiệu.  - Nhận biết được tình yêu lớn lao của tác giả đối với hoa anh đào Đà Lạt; cảm nhận được vẻ đẹp, hồn cốt của hoa anh đào mà nâng niu, trân trọng sắc đẹp của tự nhiên hơn  - HS thấy được cách đặt vấn đề độc đáo của tác giả bài tàn văn về việc xây dựng nếp sống hài hòa và thiên nhiên cho con người thời hiện đại.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **1, 1. Bản tin hoa anh đào.**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Hãy nêu* thời gian xuất hiện  [*(1) Vì sao tác giả lại cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào, người bạn của mình đã phải vượt qua nhiều “khó khăn”, “chướng ngại”? Những “khó khăn”, “chướng ngại” được nêu lên đó cho biết gì về cách sống và thái độ ứng xử với thiên nhiên của con người trong cuộc sống hiện đại?*](https://tailieumoi.vn/bai-viet/46692/vi-sao-tac-gia-lai-cho-rang-de-viet-mot-ban-tin-ve-hoa-anh-dao-nguoi-ban-cua-minh-da-phai-vuot-qua-nhieu-kho-khan-chuong-ngai)  [*(2) Hãy làm rõ sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn.*](https://tailieumoi.vn/bai-viet/46693/hay-lam-ro-su-dong-dieu-ve-tam-hon-giua-tac-gia-va-nhan-vat-duoc-noi-toi-trong-bai-tan-van)  [*(3) Nêu khái quát thông điệp chính mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua tản văn Bản tin về hoa anh đào*](https://tailieumoi.vn/bai-viet/46694/neu-khai-quat-thong-diep-chinh-ma-tac-gia-muon-gui-toi-nguoi-doc-qua-tan-van-ban-tin-ve-hoa-anh-dao)*?*  *4.* Những khó khăn đầu tiên của người bạn tác giả khi mới viết một bản tin lạ  **\*Dự kiến sản phẩm:**  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  **2. Mong ước của tác giả*.***  **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Tác giả đã bộc lộ mong muốn gì?*  *- Em có đồng tình, chia sẻ với những điều được tác giả phát biểu không?*  *- Theo em, trong cuộc sống hiện nay, tâm hồn của con người đang “đói” những gì?)*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS:**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **1.Mục tiêu**: Giúp HS   * HS nắm được những đặc điểm nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của một văn bản thuyết minh.   **2.Nội dung**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi.  - HS làm việc cá nhân  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  Gía trị nội dung và nghệ thuật có gì đặc sắc?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  **\* Báo cáo kết quả**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  **2, Tác giả, tác phẩm**  - Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh nãm 1979, quê ở Ninh Thuận  - Ông là nhà thõ, nhà vãn, nhà báo, tác giả nhiều cuốn sách về Ðà Lạt.  - Một số tác phẩm nổi tiếng: Tản vãn *Với Ðà Lạt, ai cũng là lữ khách*, du khảo Ðà Lạt, một thời hýõng xa. Mới nhất là *Ðà Lạt, bên dýới sýõng mù* (biên khảo).  Tác phẩm  - Thể loại: thuộc thể loại tản văn  - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:  + Trích ra từ cuốn sách *với Đà Lạt ai cũng là lữ khách*. Đưa ra những cảm nhận, hoài niệm của tác giả về xứ sở sương mù Đà Lạt, những kiếp người lặng lẽ sống , nhưng vẫn có khát vọng mãnh liệt  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu …*cuộc vận động rộn ràng nhất thời:* Giới thiệu về người bạn kí giả của tác giả, nói về bản tin hoa anh đào  + Phần 2: Còn lại : tác giả mong ước trong tương lai có nhiều bản tin về loài hoa hơn  **II. Khám phá văn bản**  **1. Bản tin hoa anh đào.**  - Thời gian xuất hiện  + mỗi năm một lần, vào tháng Chạp  - Nội dung của bản tin thay đổi theo từng năm  *+ Viết như một bài thơ với niềm hưng khởi, hân hoan, loan báo rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới*  *+ Bản tin dự báo hoa nở muộn, chóng tàn vì thời tiết bất lợi*  *+ Có năm kể lể về gốc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường nào đó trong thành phố vừa bị đốn hạ*  - Những khó khăn đầu tiên của người bạn tác giả khi mới viết một bản tin lạ  + Người viết tin không biết nên bắt đầu từ đâu  + Anh vẫn đưa ra quyết định: *phải làm cho hoa anh đào bình đẳng với các bản tin khác trên đời.*  ***2.*** Mong ước của tác giả  - Suy nghĩ của tác giả về bản tin  + Việc bản tin mỗi năm xuất hiện một lần theo tác giả vô cùng ý nghĩa  + Ý nghĩa tư duy trong nghề làm báo  + Bản tin mang đến  sức lan tỏa lớn đến mọi người  + Tác giả muốn trong tương lai có nhiều bản tin về hoa tiếp theo  + Mong muốn những bản tin rối rắm của xã hội bằng các bản tin về các loài hoa  - Tâm hồn của con người sẽ được thanh lọc, thoải mái hơn  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn nhẹ nhàng, tinh tế, tình cảm, giàu hình ảnh.  - Dẫn chứng, liên hệ phong phú cuốn hút người đọc  - Câu văn giàu cảm xúc, lột tả được hết diễn biến tâm lí của tác giả.  ***2. Nội dung***  Tác phẩm đã cho người đọc thấy được tình yêu lớn lao của tác giả đối với hoa đào Đà Lạt. Qua bài viết, người đọc cảm nhận được vẻ đẹp, hồn cốt của hoa đào mà nâng niu, trân trọng sắc đẹp của tự nhiên hơn |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “*Vòng quay văn học”* để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c) Sản phẩm:** Kết quả ở giấy nháp của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*

*Câu 1: Văn bản "Bản tin về hoa anh đào" trích từ đâu?*

*A. Ở lưng chừng nhìn xuống đám đông*

***B. Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách***

*C. Khu vườn lưu lạc*

*D. Động vật trong thành phố*

*Câu 2: Thể loại của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" là gì?*

*A. báo*

*B. truyện ngăn*

***C. tản văn***

*D. thơ*

*Câu 3: Phương thức biểu đạt chính của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" là gì?*

***A. thuyết minh***

*B. biểu cảm*

*C. nghị luận*

*D. tự sự*

*Câu 4: Trong văn bản "Bản tin về hoa anh đào", những từ ngữ nào thể hiện trực tiếp ý kiến đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào?*

*A. kể lể, thông điệp giá trị, ý nghĩa.*

***B. bài thơ, hứng khởi, hân hoan, kể lể, thông điệp giá trị, ý nghĩa***

*C. hứng khởi, hân hoan, kể lể, thông điệp giá trị.*

*D. bài thơ, hứng khởi.*

*Câu 5: Vì sao tác giả của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" lại cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào, người bạn của mình đã phải vượt qua nhiều “khó khăn”, “chướng ngại”?*

*A. vì hoa anh đào rất hiếm.*

*B. vì rất khó để theo dõi quá trình sinh trưởng của hoa anh đào*

***C. vì với nhiều người, đó là thứ xa xỉ viễn mơ. Nó cũng có thể bị lạc lõng ngay trên trang báo bảo vì nó không phải là thông tin giật gân, thông tin được nhiều người ưa chuộng***

*D. vì những người viết không thật sự yêu thích hoa anh đào.*

*Câu 6: Giải nghĩa từ "kí giả" trong bài "Bản tin về hoa anh đào".*

*A. người viết văn*

***B. người viết báo, nhà báo***

*C. người sáng tác thơ*

*D. người sáng tác âm nhạc*

*Câu 7: Giải nghĩa từ "viễn mơ" trong bài "Bản tin về hoa anh đào".*

***A. mơ mộng, xa thực tế***

*B. anh bạn thân thiết*

*C. có quan hệ thân thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến.*

*D. Ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn.*

*Câu 8: Giải nghĩa từ "Thiết thân" trong bài "Bản tin về hoa anh đào".*

*A. mơ mộng, xa thực tế*

*B. anh bạn thân thiết*

***C. có quan hệ thân thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến***

*D. Ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn.*

*Câu 9: Giá trị nghệ thuật của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" là gì?*

*A. Lời văn nhẹ nhàng, tinh tế, tình cảm, giàu hình ảnh.*

*B. Câu văn giàu cảm xúc, lột tả được hết diễn biến tâm lí của tác giả.*

*C. Dẫn chứng, liên hệ phong phú cuốn hút người đọc.*

***D. Tất cả các ý trên đều đúng***

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*Viết một đoạn văn khoảng 150 chữ chia sẻ về loài hoa/ cây mà em yêu thích*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết : 122**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng

- HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV phát PHT

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*GV gọi một số em có tên chứ yếu tố Hán Việt và yêu cầu các em thử giải thích về tên gọi của mình*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới*

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Dựa vào sgk, Em hãy cho biết cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt và đưa ra một ví dụ ngoài sgk để chứng minh*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**  Cách xác định nhanh nghĩa của những từ ngữ có yếu tố Hán Việt  - Khi gặp một từ có các yếu tố Hán Việt thông dụng, trước hết, có thể tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét  Ví dụ: **Thuyết minh** => **Thuyết** và **minh**  - Tiếp đó, tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. Ví dụ: nhóm có yếu tố **thuyết**: thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết,...; nhóm có yếu tố **minh**: minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh,...  - Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu. Ví dụ: **thuyết**=> có liên quan đến hành động nói; **minh** có liên quan đến sự rõ ràng, sáng sủa; **thuyết minh**=> nói rõ ràng ra (về một vấn đề nào đó). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng

- HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*Hs thảo luận nhóm đôi bài tập 1 và nhóm 4-6 bài tập 2*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**Bài tập 1:**

- Với yếu tố tín, ta có thể nghĩ đến các từ mà yếu tố đó hiện diện như: uy tín, tín nhiệm, tín tâm, thư tín,.....

- Với yếu tố ngưỡng, ta có thể nghĩ đến các từ mà yếu tố đó hiện diện như: chiêm ngưỡng, ngưỡng mộ,....

=> Dù có nhiều nghĩa khác nhau nhưng khi kết hợp lại hai yếu tố tín và ngưỡng thì ta có thể xác định rằng Tín trong tín ngưỡng là tin tưởng, ngưỡng trong tín ngưỡng là kính mến. Như vậy nghĩa chung của từ tín ngưỡng là tin theo một tôn giáo hoặc một giá trị thiêng liêng nào đó

- Theo em, khi chưa có sẵn từ điển trong tay, ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách tách chúng ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét, rồi tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. Sau đó, em dựa vào nghĩa chung của từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố.

**Bài tập 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Từ cần xác định nghĩa** | | **Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự** | **Nghĩa của từng yếu tố** | **Nghĩa chung của từ** |
| bản sắc | bản | bản chất, bản lĩnh, bản quán, nguyên bản, ... | bản: 1. Sườn núi, 2. To lớn, 3. Tấm, miếng, 4. Vốn có | bản sắc: màu sắc tự nhiên vốn có |
| sắc | sắc thái, sắc độ, sắc tố, … | sắc: 1. Màu sắc, 2. Sắc lệnh... |
| Ưu tư | ưu | ưu phiền, ưu ái, ưu tú,… | ưu: 1. lo lắng, 2. Hơn, xuất sắc | ưu tư: lo nghĩ |
| tư | tư tưởng, tư cách, tư thục | Tư: 1. Nhớ, mong, 2. nghĩ ngợi |
| Truyền thông | truyền | truyền đạt, truyền thống, tuyên truyền | Truyền: 1. truyền đạt, lưu truyền, 2. Từ chỗ này sang chỗ kia... | truyền thông: là quá trình trao đổi và tương tác các thông tin giữa hai người hoặc nhiều người với nhau để tăng sự hiểu biết, nhận thức. Hoặc có thể hiểu truyền thông chính là những sản phẩm do chính con người tạo ra là động thực thúc đẩy sự phát triển của xác hội. |
| thông | thông tin, thông minh, thông thái | thông: thông tin |

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Dựa theo mô hình ở bài tập 2, em hãy giải thích thêm 5 từ Hán Việt khác*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết 123-124-125**

**VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- HS viết được kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và phương tiện truyền thông.

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv nêu câu hỏi, học sinh trả lời

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Cách 1: Gv tổ chức trò chơi “Kí ức vui vẻ”. Cho học sinh tham gia một số trò chơi như: Ô ăn quan/ chuyền thẻ…*

*Cách 2: Em có thích bộ môn thể thao nào không? Khi tham gia trò chơi đó, có những nguyên tắc nào? Em hãy chia sẻ các quy tắc cùng các bạn.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, hỗ trợ

- HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vào bài mới: *Cuộc sống của chúng ta luôn có nhiều hoạt động học tập, vui chơi. Có hoạt động cá nhân, có hoạt động tập thể, nhưng dù hoạt động nào, muốn đạt được hiệu quả mong muốn, chúng ta đều phải lúểu biết và tuân thủ các quy tắc, quy trình hay luật lệ của nó. Với trò chơi cũng vậy. Ở phần viết trong bài học này, em sẽ được luyện tập kĩ năng viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được yêu cầu kiểu bài thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy trình bày một vài thông tin về văn bản thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (khái niệm, đặc điểm, mục đích, yêu cầu...)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu về kiểu bài**  - Khái niệm: Đây là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động, giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi.  - Đặc điểm: Văn bản thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo,..) bằng những câu ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh hoạ.  - Mục đích: Bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động có mục đích thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó  - Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:  + Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).  + Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó.  + Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người.  + Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Hs đọc bài viết tham khảo và cho biết văn bản cung cấp những thông tin nào? Trong đó thông nào bắt buộc phải có?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  *Văn bản: Chơi thuyền*  - Giới thiệu trò chơi: Chơi truyền  - Miêu tả quy tắc chơi:  + Số người tham gia trò chơi: 2 – 6 người chơi theo cặp, hoặc chơi luân phiên theo nhóm, hoặc chia đội.  + Đồ vật dùng cho trò chơi: 10 que chuyền nhỏ, 1 quả tròn nặng  + Cách chơi:  Người chơi tay cầm quả tung lên không trung, đồng thời nhặt que truyền đã được rải sẵn dưới đất, kịp để bắt quả khi rơi xuống.  Chơi từ bàn 1 đến 10, người chơi vừa tung quả, nhặt que chuyền, vừa đọc đồng dao  - Luật chơi:  + Khi đến lượt chuyền, ai không bắt được quả hay bắt que chuyền đúng sẽ mất lượt, đối phương sẽ được chơi.  - Tác dụng của trò chơi:  + Luyện sự khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt, khả năng tính toán  + Gắn kết, hòa đồng, củng cố tinh thần đồng đội  + Mang đến sự vui vẻ  - Ý nghĩa của trò chơi:  + Chơi chuyền thể hiện nét đẹp dân gian văn hóa người Việt.  => Miêu tả cách chơi và luật chơi là hai thông tin bắt buộc phải có |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:**

- HS viết được kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và phương tiện truyền thông.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước Chuẩn bị viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  Hs làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi:  *+ Văn bản này viết nhằm mục đích gì?*  *+ Người đọc bài viết là ai?*  *+ Em sẽ viết về đề tài gì? Yêu cầu của đề bài là gì?*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV 2: Hướng dẫn học sinh tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *GV phát PHT số 1 để học sinh tìm ý cho bài viết,*   |  | | --- | | **Phiếu ghi chép: Một trò chơi dân gian mà em yêu thích**  *Tên trò chơi dân gian:…………………………*  *…………………………………………………...*  *Trò chơi hay hoạt động đó dành cho lứa tuổi nào?..............................................................*  *Hiện nay người ta có còn chơi trò chơi đó hay duy trì hoạt động đó nữa không?...........*  *Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó là gì?.........................................................*  *......................................................................*  *......................................................................*  *......................................................................*  *Trò chơi hay hoạt động đó có tác dụng như thế nào đối với con người?...........................*  *......................................................................*  *Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó là gì?*  *......................................................................* |   *PHT số 2 để Hs lập dàn ý (phụ lục)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV 3: Hướng dẫn học sinh viết bài và xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát / trình chiếu bảng kiểm*  *+ Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài làm của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  *Đề bài: Em hãy thuyết minh về một trò chơi hay hoạt động*  **1. Chuẩn bị trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  - Đề tài: Hs có thể thuyết minh về một trò chơi dân gian (Bịt mắt bắt dê, nhảy bao bố, ô ăn quan, pháo đất...)  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  **a. Tìm ý**  **b. Lập dàn ý**  **3. Viết bài**  - Hs viết thành bài hoàn chỉnh theo dàn ý  **4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

thuyết minh về một trò chơi dân gian: Bịt mắt bắt dê

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

1. Mở bài

* Giới thiệu về trò chơi dân gian bịt mắt bắt dê.

2. Thân bài

* Nguồn gốc của trò chơi bịt mắt bắt dê.
* Giải thích cái tên của trò chơi: Tại sao gọi là "bịt mắt bắt dê"?
* Đối tượng tham gia chơi.
* Các dịp tổ chức trò chơi (lễ hội, thi đấu...).
* Cách thức tổ chức trò chơi.
* Cách thức chơi.

3. Kết bài

* Cảm nghĩ về trò chơi dân gian bịt mắt bắt dê.
* Vị trí của trò chơi dân gian này trong truyền thống văn hóa, tâm hồn của con người Việt Nam.

Nét văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua rất nhiều hình thức, một trong những hình thức đó là các trò chơi dân gian. Từ xưa đến nay, chúng ta được biết đến với rất nhiều những trò chơi dân gian mang đậm nét truyền thống của dân tộc. Bịt mắt bắt dê được xem là một trong các trò chơi có từ lâu đời và vô cùng độc đáo.

Bịt mắt bắt dê là trò chơi đã xuất hiện từ rất lâu. Ngay từ trong những bức tranh cổ, chúng ta còn lưu lại những hình ảnh về một miền kí ức xưa kia với những cô bé, cậu bé chơi trò chơi hay những người lớn cùng nhau đứng trong một vòng tròn, bịt mắt để bắt dê. Như chính cái tên của trò chơi này, đây là trò chơi nhiều người cùng tham gia, bịt mắt để bắt được dê. Chúng ta đặt ra câu hỏi tại sao là "bắt dê" chứ không phải bắt một con vật nào khác. Điều này được lí giải bởi loài dê là loài có tính hiền lành, nhút nhát, linh hoạt và rất thích vận động. Chính vì thế, người bắt được nó đòi hỏi phải có sự tinh ý, nhanh nhẹn, thậm chí là cả chiến thuật nhất định. Mở mắt để bắt dê đã khó, bịt mắt để bắt được dê lại càng khó khăn hơn. Chính vì thế, đây được coi là trò chơi khá khó khăn nhưng lại vô cùng thú vị, hấp dẫn

Thông thường, theo cách chơi trước kia, đúng nguyên bản của trò chơi, đây là trò chơi thường được tổ chức trong các lễ hội. Với sự tham gia của những người lớn là chủ yếu, đặc biệt là những bạn nam thanh nữ tú tham gia lễ hội. Có hai người chơi chính, họ được bịt mắt để tìm bắt dê. Con dê sẽ được đeo một vật để phát ra được tiếng động giúp cho người tìm dễ nhận biết được. Những người xung quanh không tham gia chơi sẽ đóng vai trò làm khán giả, hò reo cổ vũ người chơi. Tất cả tạo nên một không khí sôi nổi, sinh động và thú vị của lễ hội. Sau một quãng thời gian nhất định, người chơi phải tìm ra được con dê. Nếu cả hai không tìm được, trò chơi kết thúc và nhường lượt chơi cho những người tiếp theo.

Sau này, trò chơi bịt mắt bắt dê có rất nhiều những biến thể khác nhau. Có khi là hai hay nhiều người cùng chơi, họ vẫn bịt mắt nhưng điều khác biệt là không có con dê nào được bắt cả. Một người chơi chính sẽ bắt những người còn lại, những người còn lại hóa thân thành những chú dê, có thể phát ra những tiếng động để người chơi chính dễ tìm thấy. Vì thế, với biến thể này, nhiều đối tượng có thể tham gia chơi, ngay cả trẻ em cũng có thể chơi trò chơi này để rèn luyện tính phán đoán, sự nhanh nhạy và linh hoạt, rèn luyện các giác quan khác nhau. Cũng chính vì tính phổ biến của trò chơi, bịt mắt bắt dê được tổ chức ở rất nhiều địa điểm, những dịp khác nhau. Trong nhà trường, các hội thi, các lễ hội đều có thể tổ chức trò chơi này.  
 Ngày nay, khi xã hội hiện đại phát triển, khi nhu cầu giải trí, đời sống tinh thần của con người ngày một cao, có rất nhiều những trò chơi hiện đại, tiên tiến ra đời. Vậy nhưng, những trò chơi dân gian, trong đó có trò chơi bịt mắt bắt dê luôn là một phần kí ức của tuổi thơ, luôn là một mảnh kí ức đẹp trong tâm hồn người Việt. Cũng chính vì nét đẹp văn hóa này, chúng ta bắt gặp rất nhiều hình ảnh của trò chơi này trong các tác phẩm nghệ thuật như tranh ảnh hay thơ ca.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*Thuyết minh về một trò chơi dân gian mà mình yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.( nếu có thời gian)

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**Tiết: 126 NÓI VÀ NGHE**

**GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

-  HS ý thức được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay họat động.

- HS biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động ấy.

**2. Phẩm chất:**

- Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu video trò chơi cướp cờ. Hs xem video xong GV hỏi: Theo em, việc đầu tiên cần làm trước khi người chơi tham gia trò chơi là gì? Tại sao lại như vậy?

<https://www.youtube.com/watch?v=wlIVAuDvyoU>

(lấy từ đầu đến 2.50)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

- GV quan sát, lắng nghe

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày trải nghiệm cá nhân

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:

Khi tổ chức bất cứ trò chơi hay hoạt động nào, việc cần làm đầu tiên là giải thích về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động ấy. Tiết học hôm nay sẽ hỗ trợ các em kĩ năng này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)**

**a. Mục tiêu:**

-  HS ý thức được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay họat động.

- HS biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động ấy.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước Trước khi nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy xác định đề tài, mục đích, người nghe*  *+ Dựa trên bài viết, em hãy chọn nội dung cho hoạt động nói theo những gợi ý sau:*  *. Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết*  *. Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó*  *. Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ (nếu có) liên quan đến trò chơi hay hoạt động*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét quá trình tương tác của học sinh  **NV2: Hướng dẫn Hs trình bày bài nói và sau khi nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Phát và chiếu bảng kiểm, Hs căn cứ vào tiêu chí của bảng kiểm để có cách trình bày phù hợp*  *+ Gv đưa ra một số gợi ý để hs trao đổi về bài nói*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh | **1. Trước khi nói**  **a. Chuẩn bị nội dung nói**  - Đề tài: giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (đã thực hiện ở bài viết)  - Mục đích: làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động  - Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người thân...  **b. Tập luyện**  - Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ  - Nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị  **2. Trình bày bài nói**  **a. Mở đầu**  - Thu hút người nghe bằng thái độ hào hứng đối với trò chơi hay hoạt động.  **b. Triển khai**  - Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị (hoặc nói kết hợp với việc sử dụng bản trình chiếu)  - Trong khi nói, có thể dùng cử chỉ, điệu bộ để mô phỏng động tác của trò chơi hay hoạt động  **c. Kết luận**  Khẳng định sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; hẹn các bạn cùng tham gia trò chơi hay hoạt động vào một dịp phù hợp  **3. Sau khi nói**  - Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý:   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | - Chú ý theo dõi quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài nói để cảm nhận được sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; bày tỏ cảm nhận của mình  - Nếu em có ý định chơi trò chơi đó với các bạn thì ghi nhớ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động; nêu thắc mắc của mình để hiểu thấu đáo quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động  - Nhận xét về cách trình bày bài nói của bạn | - Lắng nghe chia sẻ của người nghe về bài nói  - Giải đáp thắc mắc của người nghe  - Cảm ơn nhận xét của người nghe | |

**HĐ 3: Luyện tập (10’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Bài nói của HS sau khi đã được rút kinh nghiệm từ nhận xét sau khi nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội để giới thiệu về trò chơi đó cho những ai tham gia

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Video của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Hs giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động khác và quay lại video*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Hs thực hiện ở nhà

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

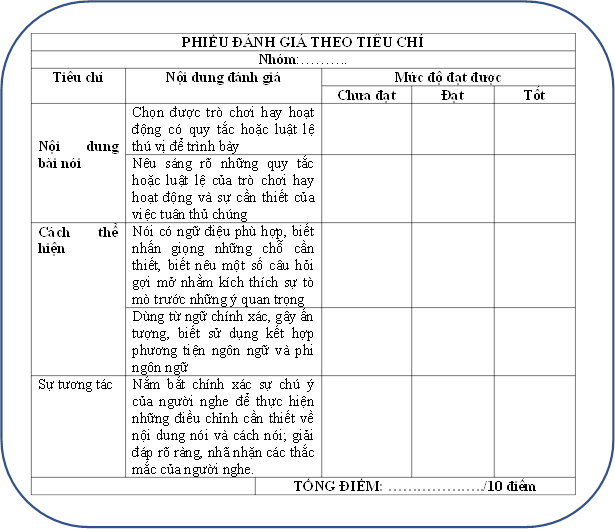
**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo: Chủ đề 10: *Trang sách và cuộc sống*



**BÀI 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG**

**Tiết 127-128-129**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nội dung, thông tin về một số cuốn sách.

- Văn bản nghị luận văn học và đặc điểm của nó (lý lẽ và dẫn chứng) được thể hiện trong văn bản đọc.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

- Tìm hiểu, thu thập thông tin về sách, về các văn bản văn học.

- Đọc - xây dựng các sản phẩm thể hiện việc nắm bắt được thông tin, hiểu biết về các cuốn sách đã đọc.

- Hợp tác, chia sẻ thông tin - kết quả của hoạt động đọc và báo cáo dự án của nhóm.

- Phát biểu, trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân về nhân vật, tác giả hoặc những điều thú vị trong sách.

- Phát huy năng lực thẩm mỹ và sáng tạo của HS qua các hoạt động.

***3. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ và yêu thích việc đọc sách, biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

-  Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Pô-xtơ, các mẫu nhật kí đọc sách.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhan đề** | **Mở đầu** | **Thế giới từ trang sách** | **Bài học từ trang sách** |
| *Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?* | *Phần mở đầu có gì đáng chú ý? Vì sao?* | *Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đó?* | *Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?* |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

**HS** quan sát, lắng nghe *video đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên trích Dế Mèn phiêu lưu kí,* nêu suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được:

- Nội dung của video: nêu bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn

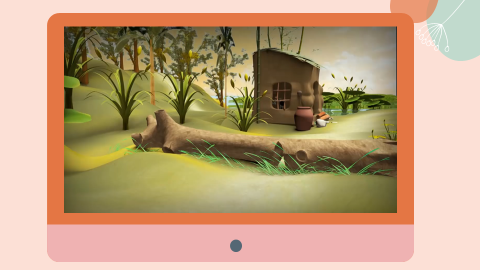
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

Giáo viên trình chiếu: Học sinh xem đoạn phim hoạt hình “Bài học đường đời đầu tiên” theo link: https://www.youtube.com/watch?v=ploQG2bbNF0



*Hình 1. Video phim hoạt hình “Bài học đường đời đầu tiên”.*

? Cho biết nội dung của đoạn trích?

? Từ nội dung video em rút ra bài học gì trong cuộc sống?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS  
-** Quan sát video và suy nghĩ cá nhân.

**GV:**

- Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe video.

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu cá nhân lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động tri thức ngữ văn.

***- GV chốt nội dung và hướng dẫn vào bài:*** *Hình ảnh ngoại hình và tính cách của chàng Dế Mèn, Dế Choắt như bước ra từ trang sách để đến với cuộc sống của chúng ta, đem đến cho ta một bức tranh chân thực về cuộc sống. Và đặc biệt “Bài học đường đời của Dế Mèn” qua cái chết thương tâm của Dế Choắt cũng chính là bài học sâu sắc cho tất cả chúng ta. Dựa trên sự chuẩn bị bài và theo dõi video của các em về các thông tin liên quan đến tri thức ngữ văn trong bài học số 10 là điều đáng khen ngợi. Đề làm rõ hơn những thuật ngữ trong phần tri thức ngữ văn chúng ta cùng nhau traođổi trong tiết học ngày hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, các mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời và nhân vật văn học, vấn đề phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản đa phương thức một cách đơn giản , dễ hiểu chủ yếu thông qua thực hành.

**b) Nội dung**:

GV sử dụng KT khăn trải bàn, tổ chức trò chơi Ai là ai? cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**1. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia lớp ra làm 5 nhóm:

- Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:

? Nêu tên một số văn bản nghị luận mà em đã học? Em hiểu như thế nào về phương diện nội dung và hình thức của văn bản đã tìm được?

? Thế nào là văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**-Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là một loại văn bản nghị luận, trong đó người viết bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,…và khái quát giá trị chung của tác phẩm.

- Lí lẽ trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học chính là những ý kiến của người viết về đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm. Bằng chứng trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là những phần (câu, đoạn), những chi tiết được dẫn từ văn bản theo hình thức trích dẫn nguyên văn hoặc lược thuật tóm tắt lại.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức.

**2.2. Từ con người có thực ngoài đời đến tác phẩm văn học:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Ai là ai?

-Mục đích của trò chơi: HS tìm hiểu, dự đoán mối quan hệ giữa tác phẩm văn học và cuộc sống, giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời.

- Cách chơi: Lớp được chia thành các đội chơi, đội nào tìm được nhiều nhân vật, đồng thời dự đoán, suy luận, trình bày một cách sinh động, phong phú nhất về mối quan hệ giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời qua việc trả lời câu hỏi Ai là ai? Là đội thắng cuộc.

|  |  |
| --- | --- |
| **AI** | **LÀ AI?** |
|  | Những người yếu đuối, cô độc, không có khả năng tự bảo vệ mình, thường bị bắt nạt,… |
|  | Kiểu người thời trẻ thường kiêu căng, tự mãn và ích kỉ, không biết cảm thông, chia sẻ hay giúp đỡ người khác. Khi đã trải nghiệm và tự mình vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, đã biết sửa chữa tính xấu, tự hoàn thiện mình. |
|  | ………….. |

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **AI** | **LÀ AI?** |
| Dế Choắt  Chị Nhà Trò | Những người yếu đuối, cô độc, không có khả năng tự bảo vệ mình, thường bị bắt nạt,… |
| Dế Mèn | Kiểu người thời trẻ thường kiêu căng, tự mãn và ích kỉ, không biết cảm thông, chia sẻ hay giúp đỡ người khác. Khi đã trải nghiệm và tự mình vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, đã biết sửa chữa tính xấu, tự hoàn thiện mình. |

*?: Mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời và nhân vật văn học?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Những con người có thực ngoài đời luôn gợi niềm cảm hứng bất tận cho hoạt động sáng tác của nhà văn. Những ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của nhà văn về cuộc đời được đánh thức từ chính thế giới nhân sinh phong phú đó. Con người trong cuộc đời thực chính là những chất liệu sống động để nhà văn sáng tạo hình tượng nghệ thuật.

- Tác phẩm văn học thường đưa đến cho người đọc cảm giác được gặp những con người có thực. Tuy nhiên, nhân vật văn học vẫn là sản phẩm của sự sáng tạo, hư cấu, chứa đựng trong đó nhiều gợi ý của nhà văn về một cách nhìn nhận , đánh giá đầy tính thẩm mĩ đối với cuộc sống.

- Nhân vật văn học, vì thế, không đồng nhất với con người có thực ngoài đời. Cùng với việc nắm được đặc điểm của nhân vật (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, nội tâm,…)người đọc cần phải hiểu định hướng giá trị mà nhà văn muốn thể hiện – tức là điều thực sự có ý nghĩa, chi phối cách nhà văn hư cấu, xây dựng hình tượng trong tác phẩm

**B3: Báo cáo thảo luận**

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc.

**2.3. Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản hình ảnh.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV kết hợp kĩ thuật trình bày 1 phút và động não, yêu cầu cá nhân trả lời câu hỏi:

*? Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản hình ảnh.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Con người sử dụng rất nhiều loại văn bản để trao đổi thông tin: các văn bản thông dụng thường chỉ sử dụng phương tiện ngôn ngữ; một số văn bản sử dụng kết hợp cả phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ, nhằm tăng lượng thông tin và hiệu quả tiếp nhận thông tin.

- Đặc biệt, cần kể đến loại văn bản hình ảnh được sắp xếp, kết hợp để truyền đạt thông tin quan trọng (hình vẽ, sơ đồ, các mảng màu sắc, hình khối,…). Ngôn ngữ chỉ là phương tiện hỗ trợ them trong việc truyền đạt thông tin: ghi chú, dẫn giải,…

**B3: Báo cáo thảo luận**

* HS trả lời cá nhân – HS khác nhận xét.
* GV góp ý, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét,chốt kiến thức.

**II. THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

- Tìm hiểu, thu thập thông tin về sách, về các văn bản văn học.

- Đọc - xây dựng các sản phẩm thể hiện việc nắm bắt được thông tin, hiểu biết về các cuốn sách đã đọc.

- Hợp tác, chia sẻ thông tin - kết quả của hoạt động đọc và báo cáo dự án của nhóm.

- Phát biểu, trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân về nhân vật, tác giả hoặc những điều thú vị trong sách.

**b) Nội dung**:

GV sử dụng KT khăn trải bàn, tổ chức trò chơi Ai là ai? cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**I. Cuốn sách mới – chân trời mới**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Hướng dẫn HS chia nhóm đọc và lựa chọn cuốn sách của nhóm mình và đưa ra những nội dung cần chia sẻ

***1- Đề tài***: Cuốn sách đề cập đến phạm vi nào của đời sống?

***2- Bố cục và nội dung chính***: Cuốn sách có mấy chương, phần? Nội dung chính của từng chương phần là gì?

***3- Nhân vật, sự kiện, bối cảnh nổi bật*** nào được thể hiện trong cuốn sách?

***4- Có nững chi tiết quan trọng*** nào? Những đoạn văn, câu văn nào có thể gợi lên ý nghĩa, vấn đề chính trong cuốn sách?

***5- Chủ đề, ý nghĩa, bài học*** mà em có thể rút ra sau khi đọc cuốn sách là gì?

- Tổ chức cho HS đọc theo hình thức luân phiên nhau đọc cho nhóm nghe (nên khuyến khích HS lựa chọn những cuốn có dung lượng ngắn vì thời gian có hạn).

- GV hướng dẫn học sinh lựa chọn hình thức chia sẻ, giới thiệu cuốn sách mà mình đã đọc như: sáng tác pô-xtơ minh họa kết hợp giới thiệu hoặc sơ đồ tư duy kết hợp giới thiệu hoặc xây dựng các đoạn phim ngắn thuyết trình (đã chuẩn bị trước) và tiến hành giới thiệu.

- GV cũng có thể tổ chức cho các em đọc ngoài giờ lên lớp. Thời gian trên lớp HS cùng chia sẻ thông tin về cuốn sách mà nhóm đã đọc.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**

- Cùng nhau đọc, sáng tạo pô- xtơ của nhóm theo các nội dung GV đã giao cho.

- Tiến hành giới thiệu, chia sẻ thông tin đã thu thập được qua hoạt động đọc.

**GV**quan sát, hướng dẫn các em thực hiện.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**yêu cầu HS lên giới thiệu pô-xtơ.

**HS** đại diện nhóm lên treo Pô-xtơ của nhóm (hoặc các video…) và giới thiệu  về cuốn sách của nhóm mình.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

Nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại hoạt động. Chuyển dẫn vào mục sau

**II. Đọc cùng nhà phê bình**

**Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê Nội (Võ Quảng)**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chia lớp thành 4 nhóm nhỏ, yêu cầu HS đọc văn bản “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội (Võ Quảng)” theo nhóm, trong quá trình đọc, HS tìm kiếm các thông tin để trả lời các câu hỏi:

1- Người viết tập trung bàn luận về vấn đề gì trong tác phẩm Quê nội của Võ Quảng?

2- Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến gì về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?

3- Hãy tìm những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm Quê nội. Cách trình bày bằng chứng của người viết có điều gì đáng chú ý?

4- Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện như thế nào trong bài viết này?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin, đưa ra câu trả lời.

**HS** đọc theo nhóm, tìm hiểu câu hỏi và trả lời,

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

**-**Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.

1- Vấn đề được nêu ra để bàn luận: Truyện có nhiều khóm nhân vật hoạt động. Truyện âm thầm như 1 mùi hương gây mê, có sức hấp dẫn và quyến rũ lạ lùng.

2- Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm:

- Ý kiến về hoàn cảnh trong tác phẩm: Nội dung câu chuyện xảy ra trong một khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền trung, tại thôn Hoà Phước bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ - như một buổi tảng sáng- sau CMT8 thành công.

-Ý kiến về nhân vật trong tác phẩm:

+ Các nhân vât là những người nông dân bình thường...đáng yêu, mỗi người 1 cá tính riêng tích cực làm việc cho xã hội

+ Tuyến nhân vật có mặt ít hơn nhưng xuất sắc và lí thú không kém.

+ Tuyến thứ 3: quan trọng và bề thế.

- Ý kiến về nghệ thuật: Lối tự sự qua vai “tôi” (thế mạnh, điểm yếu)

- Nhận xét chung: Tâm hồn chúng ta có là cục đá thì mới không xúc động, xao xuyến...

3- Những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm Quê nội:

* Nội dung câu chuyện xảy ra trong một khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền trung, tại thôn Hoà Phước bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ
* Các nhân vât là những người nông dân bình thường, ..đáng yêu, mỗi người 1 cá tính riêng tích cực làm việc cho xã hội
* Sự thay đổi toàn diện của chế độ xã hội mới ngấm dần vào từng gia đình, từng con người, từ già đến trẻ.
* Thay đổi nếp sống hàng ngày từ trước đến nay.
* Họ làm việc hơi quá sức mình, suốt ngày lo đến công việc xã hội hơn là công việc nhà mình.
* Nông thôn sôi động như một gia đình vừa thức giấc.
* Tiếng cười nói gọi nhau í ới, nhiều con người thật đáng yêu, mỗi người mang một cá tính riêng nhưng đều giống nhau ở sự tích cực làm việc xã hội như: Bà Kiến, chị Ba, anh Bốn Linh, chú Năm Múi, anh Bảy Hoành, ông Tư Đảm...

\*Cách trình bày bằng chứng của người viết: Có chọn lọc, lược thuật, tóm tắt, không trích đoạn trực tiếp. Lí lẽ ngắn gọn, logic.

4- Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản:

-Mục đích: Bàn luận về đặc điểm nghệ thuật, nội dung đồng thời đánh giá chung giá trị của tác phẩm.

-Trong bài viết: đặc điểm về nghệ thuật, nội dung được thể hiện qua việc nêu ý kến về hoàn cảnh, nhân vật, cách kể chuyện (có sử dụng lí lẽ, dẫn chứng); Nêu được giá trị (phần cuối)

- Như vậy mục tiêu của VB nghị luận được thể hiện nhất quán trong bài viết.

***Viết kết nối với đọc***

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***

*- GV nêu yêu cầu trước khi cho học s*

*inh viết đoạn văn.*

*- Chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ: Em hãy đọc một văn bản đã học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương đất nước. Tưởng tượng em là một nhà phê bình văn học, hãy viết một đoạn văn (Khoảng 6-8 câu) nêu ý kiến của em về một tác phẩm văn học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất nước.*

*HS viết đoạn văn theo nhóm, trình bày trên giấy toky.*

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

***HS****:*

*- Đọc văn bản.*

*- Làm việc nhóm 10’*

*+ 5 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.*

*+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào giấy Toky*

***GV****:*

*- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.*

***B3: Báo cáo, thảo luận***

***HS****: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).*

***GV****:*

*- Hướng dẫn HS trình bày bằng cách đưa ra các câu hỏi gợi mở (nếu cần).*

***B4: Kết luận, nhận định (GV)***

*- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.*

*- Chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần sau.*

**III. Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ:

Tìm trong cuốn sách đã đọc một nhân vật mà em yêu thích. Xây dựng một cuộc gặp gỡ với nhân vật mà em yêu thích.

HS có thể đóng vai tưởng tượng mình đang đối thoại với nhân vật yêu thích, như một cuộc phỏng vấn nhân vật.

Có thể sử dụng một số câu hỏi sau:

1. Bạn đến từ đâu?
2. Vì sao và bằng cách nào mà bạn trở thành nhân vật trong tác phẩm này?
3. Bạn có sở thích, tích cách hay đặc điểm gì nổi bật?
4. Để kể về cuộc đời của mình, bạn muốn nói lên điều gì?
5. Ai hay điều gì khiến bạn quan tâm nhất?
6. Nếu sống tiếp cuộc đời không chỉ trong trang sách điều bạn muốn làm nhất sẽ là gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:

- Chọn một nhân vật yêu thích.

- Làm việc nhóm 10’

+ 5 phút đầu, HS xây dựng hệ thống câu hỏi để phỏng vấn nhân vật.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận chọn người đóng vai nhân vật và người phỏng vấn nhân vật

**GV**:

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS**: Các nhóm lần lượt thể hiện cuộc phỏng vấn không quá thời gian 5 phút. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**GV***:*

- Hướng dẫn HS cách thực hiện phỏng vấn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ học tập & cách thực hiện cuộc phỏng vấn nhân vật của HS

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần sau.

NV1

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS đọc văn bản: Mon và Mên đang ở đâu?

- Hoạt động cặp đôi, trả lời câu hỏi SGK (109)

1. Mon và Mên là ai trong mối quan hệ với nhà văn?

2. Vì sao anh lại khẳng định rằng “Tất cả lũ trẻ làng anh đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi song và lo cho bầy chim chìa vôi non”?

3.Bây giờ anh đã để cho Mon và Mên ở đâu? Và khi nào thì bầy chim chìa vôi bay về?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:

- Tiếp nhận nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân 5p, cặp đôi 5p

**GV**:

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện HS trả lời, chia sẻ

Cặp khác bổ sung, nhận xét

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ học tập & cách thực hiện của HS

NV2

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (10p)

Lựa chọn 1 cuốn sách, gây sự tò mò chú ý với các bạn.

Tưởng tượng gặp gỡ tác giả của cuốn sách ấy. Hãy xây dựng nội dung cuộc trò chuyện với tác giả ấy

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:

+ 5 phút đầu, HS xây dựng hệ thống câu hỏi để trao đổi với tác giả.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận chọn người đóng vai tác giả và người trò truyện cùng tác giả.

**GV**:

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS**: Các nhóm lần lượt thể hiện cuộc trò truyện trao đổi không quá thời gian 5 phút. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**GV***:*

- Hướng dẫn HS cách thực hiện trao đổi trò truyện (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ học tập & cách thực hiện của HS

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần luyện tập

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Nắm chắc kiến thức đã học vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**GV tổ chức choHS hợp tác nhóm và thực hiện đóng phân vai cho một tác phẩm trích đoạn trong một tác phẩm thuộc chủ đề đã chọn.

**c) Sản phẩm:**Tiểu phẩm do HS trình diễn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

- Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm, cho HS thảo luận 5 phút chuẩn bị đóng vai.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS cách thực hiện.

**HS**tiến hành chọn tác phẩm, thảo luận phân chia vai, tiến hành đóng vai.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- Đại diện các nhóm lên biểu diễn.

- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống, phát triển năng khiếu hội họa của HS.

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Sản phẩm của HS là 1 tác phẩm hội họa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Vẽ lại bìa của một cuốn sách mà em yêu thích hoặc vẽ lại một hình ảnh mà em ấn tượng nhất trong cuốn sách đã đọc.

- Nộp sản phẩm về cho GV dạy môn Họa của lớp hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**đọc, xác định yêu cầu của bài tập và thực hành vẽ và trang trí ở nhà.

GV phối hợp với GV dạy Mỹ thuật để đánh giá HS.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV dạy Họa qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho phần **Viết**.

1. [↑](#footnote-ref-1)